



HỘI ĐỒNG KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2024
DANH SÁCH
Số QĐ-HĐTKTKYT/2024 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng thi kiểm toán viên, kế toán viên năm 2024)

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD			Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
							Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
			Tiếng Anh	Tiếng Trung														
1	H	10001	Đỗ Thị Ai		1987	Thanh Hoa	Công ty CP xây dựng VNT Tân Phát			5.5								
2	H	10002	Hà Thị Duyệt Ai		1986	Bà Nằng	CT TNHH Michele	5	5.5	6	3							
3	H	10003	Lai Thị An		1988	Hà Dương	CT TNHH Tuấn Ân Hà Nội	5	2.5	7								
4	K	10004	Nguyễn Văn An	1998		Phù Thọ	Công ty TNHH KPMG							4				
5	H	10005	Ninh Thị An		1990	Lạng Sơn	Công ty TNHH Khai thác mỏ Huyền Sơn											
6	C	10006	Trần Thị Bình An		1992	Nghệ An	Công ty TNHH Thông tin NICE Việt Nam							6.5				
7	K	10007	Trần Phương An		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Hamwha Aero Engines		7					5.5				
8	H	10008	Vũ Thụy An		1996	Thái Bình	CTCP Thành định gia Fungo											
9	K	10009	Bùi Lan Anh		1998	Nghệ An	Công ty TNHH Hàng kiện toàn và định giá ASCO	7	7	6.5	6	7	6.5	7.5				
10	H	10010	Bùi Thị Kim Anh		1995	Hà Nội	CTCP Khuang san GCC		6	5	5.5							
11	K	10011	Bùi Thị Vân Anh		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Nexia S/TT - Chi nhánh An Phát		5	6.5				6.5				
12	H	10012	Cao Thị Hằng Anh		1986	Hà Nam	CT TNHH Sumitomo Naxco Forklift Việt Nam	7	7	6.5	7							
13	K	10013	Cao Thị Ngọc Anh		1990	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và TMĐV TDK		7.5	5.5					5			
14	K	10014	Cao Tuấn Anh	1998		Phù Thọ	Công ty cổ phần Vinhomes	7			3			4				
15	H	10015	Dương Thị Lan Anh		1989	Thái Bình	Công ty TNHH HOEL VN											
16	H	10016	Dương Thị Vân Anh		1998	Thanh Hóa	CT TNHH Công nghệ cao CTB Quốc tế			7.5	3.5							
17	K	10017	Đào Lan Anh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán TKT	6	1	3.5	1.5							
18	K	10018	Đào Nhật Anh	1991		Hà Nam	Công ty CP Đầu tư và Quản lý khách sạn TNHH	5.5	3	2.5								
19	H	10019	Đặng Thị Kim Anh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Shanharup Việt Nam	5	3.5	6.5	5.5							
20	K	10020	Đặng Thị Vân Anh		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	5	5	5	0.5			2				
21	K	10021	Đặng Trang Anh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	5	2.5	2.5	2.5	6		3	7.5			
22	H	10022	Đinh Hoàng Anh	1989		Ninh Bình	NH TMC/PSAIGON - HÀ NỘI	7	5.5		5							
23	K	10023	Đinh Thị Ngọc Anh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế	7.5										
24	K	10024	Đinh Thị Nhật Anh		1994	Ninh Bình	Công ty Konoke Construction Co., Ltd tại Hà Nội											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
25	K	10025	Đoàn Ngọc Hoàng Anh		1998	Hà Nội	Công ty CP hợp tác đầu tư và phát triển			3.5		6			8		
26	H	10026	Đỗ Kiều Anh		1994	Hà Nội	CTY TNHH MSA VIL NAM	5	1	5	6.5						
27	H	10027	Đỗ Lệ Anh		1987	Thanh Hóa	Công ty CP one capital Hospitality			4	5.5						
28	H	10028	Đỗ Thị Kim Anh		1991	Thanh Hóa			1	5.5	2						
29	K	10029	Hà Thị Ngọc Anh		1996	Hải Dương	CN Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ tín học Moore ABC			3.5	5	6.5			5	2	
30	H	10030	Hoàng Quỳnh Anh		1997	Nghe An	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội		4.5	6.5	3.5						
31	H	10031	Hoàng Thị Anh		1988	Bắc Ninh	CTY TNHH CÔNG NGHỆ CHINH NGC ENTERPRISE (Hà Nội)	8.5	3.5	5	4						
32	H	10032	Hoàng Thị Lan Anh		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Dailis Thúc Tiến Đức	6.5		7	3						
33	H	10033	Hoàng Thị Mai Anh		1986	Hải Phòng	CT TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Nam Thăng 6.8	7		2	2						
34	H	10034	Hoàng Thị Ngọc Anh		1990	Nghe An	CTY TNHH DAI HIEU C VAI KHU VI C MUI N BAYC VIL NAM			5.5							
35	H	10035	Khuông Hoàng Anh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Mardox Việt Nam	7		5							
36	H	10036	Lam Mai Anh		1999	Thanh Hóa	CTCP Power membership card	6	3.5	5.5							
37	H	10037	Lê Đức Anh	1993		Nam Định	CT TNHH Dava House Việt Nam			5	5						
38	H	10038	Lê Hoàng Anh		1989	Hưng Yên	CTY TNHH HIEU BI ĐIEU N VACHIEU SANG DO CHANH NGUYEN				3.5						
39	K	10039	Lê Phương Anh		1995	Thanh Hóa	Ngân hàng TMCP Quân Đội										
40	K	10040	Lê Phương Anh		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn SKS	7.5	5	5	3.5						
41	H	10041	Lê Thị Huyền Anh		1996	Hải Dương	CT TNHH Kiến tạo SCS		5.5	5.5	4.5						
42	H	10042	Lê Thị Lan Anh		1998	Thanh Hóa	CTCP Năng lượng Sio		7.5	6.5							
43	K	10043	Lê Thị Mai Anh		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam	7	8.5	5.5	3	5	6		5.5		
44	K	10044	Lê Thị Phương Anh		1986	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Quốc tế	6.5	4	6.5	6						
45	K	10045	Lê Tu Anh		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển xây dựng Việt Dũng	8	4.5	6.5	3		4.5				
46	H	10046	Lê Tuấn Anh	1989		Thanh Hóa	CT TNHH Kiến tạo và Tư vấn Bình An			5	3						
47	P	10047	Mặc Hoàng Anh		1984		Công ty Cổ phần IDS Equity Holdings			1.5							
48	H	10048	Mai Hồng Anh		1995	Ninh Bình	Công ty CP đầu tư và VC Việt Mỹ										
49	K	10049	Mai Quang Anh		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Nova SITI	8			1.5	6.5	5				
50	K	10050	Ngô Ngọc Anh	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Hưng Kiên tạo và dịch vụ quốc gia	5.5				6			7.5		
51	H	10051	Ngô Thị Hồng Anh		1998	Bắc Giang	CTY TNHH R&R LEGAL CONSULT FANCY SERVICES		6.5	5.5	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
52	H	10052	Nguyễn Đỗ Nhật Anh	1998		Thị Nguyễn Nôn	CT TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	3	3	3							
53	H	10053	Nguyễn Đức Anh	1988		Phu Thọ	Công ty CP VNK kinh doanh Phông An											
54	H	10054	Nguyễn Hồng Anh		1998	Thị Bình	Công ty cổ phần Emila Việt Nam											
55	H	10055	Nguyễn Huệ Anh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH TOLO Việt Nam			5								
56	H	10056	Nguyễn Mía Anh		1997	Bắc Ninh	CT TNHH Incoor Services Việt Nam											
57	P	10057	Nguyễn Mía Anh		1998		Công ty TNHH Thuê và tư vấn KPMG			5.5								
58	K	10058	Nguyễn Ngọc Anh		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH Công nghệ Trend Việt Nam			6	3.5	6.5	2	5				
59	K	10059	Nguyễn Phương Anh		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng không VASC	5.5	4	5				5.5				
60	H	10060	Nguyễn Phương Anh		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ xanh Đức Hiền	6	2	7								
61	H	10061	Nguyễn Quỳnh Anh		1990	Hà Nội	CT TNHH MTA Vinmedex Bình Dương	4.5	2.5	3.5	2							
62	K	10062	Nguyễn Thái Nhật Anh		1998	Thị Bình	Công ty TNHH Grant Thornton	5		6	2.5	6						
63	H	10063	Nguyễn Thị Anh		1991	Vĩnh Phúc	Công ty CP Tư vấn xây dựng Vĩnh Phúc	2.5	0	3	0.5							
64	H	10064	Nguyễn Thị Bích Anh		1994	Vĩnh Phúc	CTCP Thương mại đầu tư và xây dựng Đồng Tâm											
65	K	10065	Nguyễn Thị Hải Anh		1996	Luyên Quang	Công ty TNHH P&C (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	5	7.5	5	5	6	5	7				
66	K	10066	Nguyễn Thị Kim Anh		1995	Hải Phòng								2.5				
67	K	10067	Nguyễn Thị Kim Anh		1998	Bắc Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Trithuc Việt tại Hà Nội											
68	H	10068	Nguyễn Thị Lan Anh		1987	Hưng Yên	Công ty CP tập đoàn công nghệ VMC			6	4							
69	H	10069	Nguyễn Thị Lan Anh		1993	Thị Bình	CT TNHH Kế toán và thuế VTA		6	7	6.5							
70	H	10070	Nguyễn Thị Lan Anh		1996	Phu Thọ	CTY CP THE ONI V&I NAM	6	7	7	4							
71	K	10071	Nguyễn Thị Lan Anh		1998	Thị Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và kế toán tư vấn Hà Nội - Chi nhánh Hàng Long		4.5	6	5		4.5					
72	K	10072	Nguyễn Thị Lan Anh		1999	Thị Bình	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Việt Nam	6	4.5	7	2.5	7	3.5	5.5				
73	H	10073	Nguyễn Thị Lan Anh		1999	Hà Nội	CTY TNHH H&NG K&M TOAN ASSC			5.5								
74	K	10074	Nguyễn Thị Minh Anh		1996	Thị Bình		5	5		3							
75	H	10075	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1992	Hà Nội	Công ty CP Hoa được Quốc tế Hà Nội											
76	H	10076	Nguyễn Thị Phương Anh		1987	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ thuế - Kế toán Damm Việt Nam											
77	H	10077	Nguyễn Thị Phương Anh		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Shoba Việt Nam											
78	H	10078	Nguyễn Thị Văn Anh		1996	Nam Định	Cty TNHH Hưng tâm Regus Việt Nam		5	7								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngươi ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
79	K	10079	Nguyễn Thị Văn Anh		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	6.5	6	5	2.5	7.5	3.5			
80	K	10080	Nguyễn Thị Văn Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		4.5		3	7		8		
81	K	10081	Nguyễn Hiền Anh	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán CPV HENAM		3		1.5	5.5		5.5		
82	K	10082	Nguyễn Trần Trung Anh	1998		Hà Nội	Công ty CP tư vấn Ivy Việt Nam			3						
83	K	10083	Nguyễn Tú Anh		1978	Hà Nội	Công ty TNHH DK Engineering						5.5			
84	H	10084	Nguyễn Tuấn Anh	1992		Hải Dương	Công ty Xây dựng Phương Nam		0		2					
85	K	10085	Nguyễn Tuấn Anh	1994		Phụ Thọ		5.5		6			5			
86	H	10086	Nguyễn Văn Anh		1984	Phụ Thọ	Công ty TNHH Coswell châu Á									
87	H	10087	Nguyễn Văn Anh		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hưng Phát		1.5	4	1					
88	K	10088	Nguyễn Văn Anh		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		4.5	5	6					
89	H	10089	Nguyễn Việt Anh	1993		Hải Dương	Công ty TNHH tư vấn - Kiểm toán S&S									
90	K	10090	Nguyễn Việt Anh	1994		Quảng Ngãi	Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	5	3	4	1.5	5.5	2	2.5		
91	H	10091	Phạm Đan Anh		1982	Hải Dương	Công ty CP EM và Đầu tư Khách sạn 221 and									
92	K	10092	Phạm Đan Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Bắc		2	5	4			6.5		
93	H	10093	Phạm Mai Anh		1998	Hà Nội	Công ty CP T - Global tại Hà Nội	6	7.5	5	2.5					
94	H	10094	Phạm Minh Anh		1990	Thái Bình	Công ty TNHH CK Solutions									
95	H	10095	Phạm Ngọc Anh		1981	Hải Dương	CÔNG TY TNHHOTO NGÔI SẠO VIỆT NAM									
96	H	10096	Phạm Quỳnh Anh		1997	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Pecos Mazars Việt Nam tại Hà Nội			5.5	5.5					
97	K	10097	Phạm Thị Kiều Anh		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		6.5				4			
98	K	10098	Phạm Thị Mai Anh		1994	Hải Dương	Công ty TNHH Antelope Technology (Việt Nam)	6	5	3.5						
99	H	10099	Phạm Thị Ngọc Anh		1988	Hà Nội	Công ty CP chế tạo thiết bị điện Đại Dương									
100	K	10100	Phạm Thị Ngọc Anh		1995	Nam Định	Công ty Cổ phần Thương Khảm Y indirect		4.5	6	3.5					
101	K	10101	Phạm Thị Phương Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Đại Hà			3.5		4.5		3.5		
102	K	10102	Phạm Thị Quỳnh Anh		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			5.5	6	7				
103	K	10103	Phạm Thị Tú Anh		1996	Thanh Hóa	Công ty CP Văn Lạc Việt Nam		3	5.5	3.5		3	3.5		
104	K	10104	Phạm Thị Tuyết Anh		1997	Nam Định	Công ty Cổ phần Kingphar Việt Nam	5.5	7	7	6.5	8	6	5.5		
105	K	10105	Phạm Thị Văn Anh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Darsan Dot Việt Nam	8	5.5	3.5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKCT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
106	N	10106	Phạm Vũ Anh	1999		Hà Dương	CN Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội					5	2.5	6.5				
107	N	10107	Phạm Hoàng Anh		1999	Hà Bình	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		1.5	5		7	2.5	4				
108	II	10108	Phạm Hoàng Anh	1984		Hưng Yên	CICP Đại lý thuế AIP											
109	II	10109	Phạm Thị Ngọc Anh		1991	Phủ Thọ	CT TNHH Kế toán Kiểm toán và Đại lý thuế Đào Lan			4	7							
110	II	10110	Phạm Thị Phương Anh		1994	Vĩnh Phúc	CT TNHH BẢO HIỂM (INDO OGY (Việt Nam)	6	5									
111	C	10111	Phạm Thị Tuyết Anh		1990	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Dân tư Bất động sản và Khu vực sản Việt Nam											
112	N	10112	Là Ngọc Anh		1996	Thái Bình	CN Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội	7.5	5.5	5	3	6	5	7.5				
113	II	10113	Là Thị Ngọc Anh		1999	Ninh Bình	CICP vach kinh Husky			4								
114	N	10114	Là Phương Anh		1998	Hà Nội	Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT		4.5	5.5			7	6.5				
115	N	10115	Lưu Duy Anh	1998		Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	4	1	0	0.5	2.5	1	7				
116	N	10116	Lưu Hoàn Anh		1982	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - CN Hà Nội											
117	N	10117	Lưu Lê Anh		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán II SHIN Việt Nam		6.5	7	4		6					
118	II	10118	Lưu Mai Anh		1988	Hà Nam	CT TNHH Khoa sát đo đạc Hòa Lạc			5.5	3.5							
119	N	10119	Lưu Ngọc Anh		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	6	2	4	3	5.5	3.5					
120	N	10120	Lưu Thị Lan Anh		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ sản tại Khu vực Nam											
121	N	10121	Lưu Thị Mai Anh		1992	Nam Định	Khác											
122	II	10122	Lưu Thị Phương Anh		1990	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ te Hưng Dũng	7	4	6	5							
123	N	10123	Lưu Tien Anh	1998		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn độc lập - CN Hà Nội	6.5	4	6	5.5	6	5.5	5				
124	N	10124	Lưu Tuấn Anh	1998		Hà Nội	Chỉ nhánh Đại lý Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn NGV	6										
125	N	10125	Lưu Vĩnh Anh		1989	Nghe An				4			5.5					
126	II	10126	Lưu Thị Minh Anh		1997	Thanh Hóa	CN C C TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORI AISIC	6	5	8	5.5							
127	N	10127	Vũ Đức Anh	1997		Hà Phòng			6	4								
128	II	10128	Vũ Hoàng Anh		1995	Hà Phòng	Công ty CP đầu tư MINH Supply	7										
129	N	10129	Vũ Nam Anh	1991		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Nông sản Nông Lâm	6.5					6					
130	N	10130	Vũ Ngọc Anh		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Everest Group	7	7.5	6.5	4	6.5	6.5	6.5				
131	II	10131	Vũ Quốc Anh		1998	Thái Bình	CICP Giao hàng nội khu	5	4	4	6							
132	II	10132	Vương Thị Văn Anh		1989	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn giám sát kế toán thuế 889	8		4								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
133	K	10133	Cao Ngọc Anh		1999	Lào Phông	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt chi nhánh Lào Phông										
134	II	10134	Dương Lê Ngọc Anh		1999	Nghe An	ICP Amber Capital Holdings			1.5							
135	K	10135	Đinh Nhật Anh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán II Sơn Việt Nam	7.5	6.5	6.5	6.5				6.5		
136	K	10136	Trương Minh Anh		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Grant Thornton	6	6		3		4				
137	K	10137	Hà Ngọc Anh		1995	Lào Phông	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Dịch vụ ASCO tại Lào Phông	5.5	2.5	5	4	6	4	5.5			
138	K	10138	Hoàng Thị Anh		1995	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thuế Shanghai	5	0	4	0.5	2	0.5	3			
139	K	10139	Lê Thị Anh		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng thủ công mỹ nghệ Ngọc					7.5	7				
140	II	10140	Lê Văn Anh	1994		Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV dược hiệu LW2	7		5	6						
141	II	10141	Nguyễn Hoàng Anh		1990	Hà Nội	Công ty CP PAVICO Việt Nam				2						
142	II	10142	Nguyễn Ngọc Anh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn kế toán Thuế QC	4		5							
143	K	10143	Nguyễn Ngọc Anh		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	6	4	6	5.5	7.5	0.5	8			
144	II	10144	Nguyễn Thị Anh		1992	Thanh Hóa	CTY TNHH XUẤT NHẬP NHẬP CHẤT LƯỢNG	5.5			1						
145	K	10145	Nguyễn Thị Anh		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hivosung Financial System Vina			5				6.5			
146	K	10146	Phạm Thị Anh		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán Kế tư vấn Long II			6.5			5	5.5			
147	K	10147	Phạm Thị Ngọc Anh		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn P&F-TIG	6			7		6				
148	II	10148	Phạm Thị Ngọc Anh		1989	Đà Nẵng			1	3.5	1.5						
149	II	10149	Trần Thị Ngọc Anh		1998	Nam Định	CTCP Xây dựng và cơ điện A Đông	3.5		5.5							
150	K	10150	Trương Ngọc Anh		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần K&S thuế Dịch vụ Thanh Công	7		7.5		5		4			
151	K	10151	Vu Ngọc Anh		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - CN Miền Bắc	6	5	7	7	7.5	5	6.5			
152	C	10152	Vu Thị Ngọc Anh		1997	Yên Phúc	Công ty TNHH Tư pháp Công nghệ Grobiz					7.5	6.5	5			
153	K	10153	Hoàng Đức An	1994		Hoàng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC										
154	II	10154	Nguyễn Thị An		1984	Hoàng Yên	Công ty TNHH Nippon Kowada Electric Việt Nam										
155	K	10155	Vu Xuân Bách	1993		Nam Định	Tổng Công ty Công nghệ - Viện Thương Toán Cầu	5	5.5	6	6	5.5	4	6			
156	C	10156	Nguyễn Quốc Bảo	1991		Hà Tĩnh	Công ty CP Thương mại và tư vấn Tân Tư					8	5.5	6			
157	K	10157	Trần Quốc Bảo	1997		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Vạn Dân							3.5			
158	II	10158	Vu Thị Hòa Bảo		1983	Hải Dương	CTY CP ĐẦU TƯ TOÀN CẦU MINH ANH				7						
159	II	10159	Dương Thị Bắc		1984	Thanh Hóa	CTY TNHH KAYOTO SHOKO VIỆT NAM		5.5	7.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
160	II	10160	Phạm Thị Bắc		1985	Phu Thọ	Công ty TNHH K.L và T.V Thực Phẩm Bắc												
161	II	10161	Phạm Văn Bắc	1995		Hải Dương	Tư do	5		7.5									
162	II	10162	Nguyễn Đức Bằng	1979		Hà Nội	C.TY CP KỸ THUẬT XD VÀ DV THUƠNG MẠI PH. V. F. I NAM	4	2.5										
163	K	10163	Nguyễn Thị Bằng		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiên toàn APS	7	5	6.5	5.5	6	8.5	5.5					
164	II	10164	Trần Thị Ngọc Bè		1987	Ninh Bình	Công ty TNHH dịch thuật và thương mại Hoàng Minh	7	5										
165	II	10165	Đặng Thị Bích		1998	Hải Dương	C.T. TNHH Tư vấn Đại Hà			7.5	6								
166	K	10166	Đinh Ngọc Bích		1998	Ninh Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên toàn và tư vấn ACC tại Hà Nội				5.5								
167	II	10167	Đỗ Thị Ngọc Bích		1988	Quảng Bình	C.T. TNHH TIỀN VÀ DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP P.T. SỎ MINH DICT		5			3.5							
168	II	10168	Nguyễn Thị Bích		1991	Bắc Ninh	C.TY TNHH KẾ TOÁN AGS TẠI HÀ NỘI	5	4										
169	K	10169	Phạm Ngọc Bích		1996	Đà Nẵng	Công ty TNHH Jinsung Hitec Vina		5.5		6		6.5						
170	II	10170	Trần Thị Bích		1990	Bắc Giang	C.T. TNHH Công nghệ và hiệu C-BOND	7											
171	II	10171	Vũ Thị Bích		1992	Nam Định	Công ty TNHH IM Sơn Hà												
172	K	10172	Đỗ Thị Bền		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Kiên toàn S&S	6.5											
173	II	10173	Phạm Thị Bền		1998	Nam Định	Công ty CP được phân V Shinc												
174	II	10174	Là Xuân Bền	1993		Bắc Ninh	C.T.C.P Phát triển công nghệ nông thôn		3.5		4.5								
175	K	10175	Đào Thị Thanh Bình		1999	Đà Nẵng	C.N.C công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn S&S		3.5	6	1.5			6.5					
176	€	10176	Hà Thị Bình		1987	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Núc cườn mại Việt Nam								4				
177	II	10177	Hoàng Đức Bình	1996		Hưng Yên		7	5										
178	K	10178	Hoàng Thanh Bình		1997	Hải Dương	Công ty TNHH KPMG			5.5									
179	P	10179	Hoàng Thanh Bình	1997			Công ty TNHH KPMG												
180	K	10180	Trương Thanh Bình	1998		Bắc Giang	Công ty TNHH Quan Thornton (Việt Nam)			5	6.5	8	1.5						
181	II	10181	Nguyễn Thị Thanh Bình		1979	Bắc Ninh	Công ty CP năng lượng IP	6	1.5	5.5	3								
182	II	10182	Ngô Thị Thanh Bình		1991	Phu Thọ	Công ty CP Dầu tư và dầu VMI Hà Nội												
183	K	10183	Nguyễn Đức Bình	1997		Hải Dương	Chi nhánh công ty TNHH Kiên toàn P-jung tại Hà Nội		7.5		7								
184	II	10184	Nguyễn Hữu Bình	1986		Hải Dương	C.T.C.P Thương mại và phát triển năng lượng Đông Dương	6	7	8									
185	K	10185	Nguyễn Hoàng Bình	1998		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiên toàn BIDO				1.5	8							
186	II	10186	Nguyễn Thị Thanh Bình		1985	Hà Nội	Cty TNHH Dịch vụ kế toán Thuận Long	6.5			5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QJNC	Kiểm toán VDV BQNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
187	II	10187	Phạm Thị Thanh Bình		1991	Hà Bình	CTCP Kiến trúc và chứng nhận Bách Khoa												
188	II	10188	Lưu Thị Thuý Bình		1982		Công ty CP ứng dụng và PT công nghệ Bluecom Việt Nam	7	0	6	15								
189	€	10189	Vũ Thị Bình		1982	Nam Định	Công ty Cổ phần HB Group												
190	II	10190	Nguyễn Thị Bào		1995	Nam Định	CTY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ TIẾP XÚC												
191	II	10191	Nguyễn Thị Cầu		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Nadecon Vina	8		9									
192	II	10192	Nguyễn Thị Cẩm		1986	Bắc Ninh	Công ty CP kinh doanh NKN đồ chơi kinh bán	65	25	65	35								
193	K	10193	Lê Văn Cao	1998		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến trúc và Tư vấn TAC	5	25			55	35						
194	K	10194	Phạm Công An	1991		Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Kế toán & Kiểm toán AVINAVAC												
195	K	10195	Hà Thị Thuý Hằng		1998	Phu Thọ	Công ty TNHH Kiến trúc Tư vấn Xây dựng - Chi nhánh Hà Nội					55							
196	II	10196	Vũ Thị Huyền Hằng		1990	Thái Bình	CTCP Công nghệ giao dịch KIDIDITH	55		5									
197	K	10197	Hoàng Thị Cẩm		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Beyondnet VN					4							
198	K	10198	Nguyễn Thị Cẩm		1997	Hà Nội	CN Công ty TNHH Services Mazars Việt Nam tại Hà Nội	6	35	7	3								
199	II	10199	Nguyễn Thị Quỳnh Châu		1989	Hà Nội	CTY TNHH CÔNG NGHỆ EASYHELD (V&T NAM)	45		55									
200	II	10200	Bùi Thị Minh Châu		1991	Quảng Ngãi	CTY TNHH BRL VIN THONG MECHES	55	55	65	55								
201	II	10201	Đặng Quỳnh Châu		1997	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn thuế kế toán Hà Nội	4	35	5	4								
202	II	10202	Lê Minh Châu		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương		35		7								
203	K	10203	Lê Thị Mỹ Châu		1984	Hà Nội	Công ty TNHH TM & DX Đức Hồng			5	45		3	8					
204	K	10204	Nguyễn Thị Minh Châu		1997	Hà Nội	Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	6	7	5	5	6							
205	II	10205	Phạm Thị Châu		1982	Thái Bình	CT TNHH Kiến trúc và tư vấn STS Việt Nam	55		55									
206	K	10206	Bùi Kim Chi		1991	Hà Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH kế toán kiểm toán Việt Nam tại Hà Phòng	55		6								85	
207	II	10207	Chị Minh Chi		1997	Hà Nội		75	65										
208	II	10208	Đường Thị Quỳnh Chi		1997	Hà Phòng	Công ty TNHH Điện tử & Máy Móc Steel Flower Hà Phòng			65	2								
209	II	10209	Đinh Thị Phương Chi		1999	Ngũyễn An	Công ty TNHH Thương mại VHT			75	35								
210	K	10210	Đỗ Thị Cẩm Chi		1987	Hà Phòng	Công ty TNHH Foods & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội					55							
211	K	10211	Lê Thị Minh Chi		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến trúc Nhà Lan Việt	65	35	6	15	65	5	5					
212	II	10212	Lương Thị Kim Chi		1996	Cao Bằng	Công ty CP OPT Logistics	35	0	4	1								
213	K	10213	Nguyễn Hoàng Minh Chi		1997	Thái Bình		3	25	55	55								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
214	H	10214	Nguyễn Minh Chi		1999	Hà Nội	C TY TNHH KẾ TOÁN VÀ C/O	5.5	5	5.5	4							
215	H	10215	Nguyễn Thị Chu		1994	Hà Nội	C/CP SY Partners	3.5	1		1.5							
216	H	10216	Nguyễn Thị Chu		1999	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và quản trị đầu tư AG1											
217	H	10217	Nguyễn Thị Kim Chi		1995	Hà Nam	C TY TNHH KẾ TỐN VÀ C/O	6.5	7	6.5	6							
218	K	10218	Nguyễn Thị Minh Chi		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH Hàng Kế toán và Định giá AIC			5.5	4	6.5	4		3			
219	C	10219	Nguyễn Thị Thuý Chi		1986	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn Đại Hà											
220	H	10220	Phạm Thị Chiên		1999	Quảng Trị	C TY TNHH PRIMA WOOD CORPORATION (VN) (VN)	5.5		6	5							
221	C	10221	Đường Thị Chiên		1982	Bắc Quảng	Công ty TNHH tư vấn Thuế - Luật kinh Doanh Bắc					6	2					
222	H	10222	Đào Duy Chiên	1996		Nghe An	Công ty Cổ phần F antas			4								
223	H	10223	Lê Minh Chiên	1987		Thanh Hóa	Công ty CP Medesim	5.5		5	5							
224	K	10224	Nguyễn Văn Chiên	1992		Phu Thọ	Công ty TNHH SI Jmolek Vina		7		8.5				6			
225	H	10225	Lô Thị Chiên		1986	Hải Tĩnh	C TY TNHH MTV Dương Báo		5	5.5	4.5							
226	H	10226	Đỗ Thị Chinh		1985	Thanh Hóa	Công ty CP điện tử chuyên dụng Hanel											
227	K	10227	Ngô Lưu Chinh		1995	Bắc Sơn				3	5		7.5					
228	K	10228	Nguyễn Công Chinh	1996		Phu Thọ		4	3.5	6.5	7		4	2.5				
229	H	10229	Nguyễn Thị Chinh		1993	Thanh Hóa	C ICP GROW NANOI											
230	C	10230	Nguyễn Thị Mai Chinh		1983	Nam Định	Công ty Cổ phần Đại tư và Xuất nhập khẩu Bằng Quảng					6	7	6.5				
231	K	10231	Nguyễn Ngọc Chinh	1999		Thanh Bình	Công ty TNHH Hàng Kế toán và Định giá ANCO	7.5	6.5	4	5	6.5	6.5	5.5				
232	K	10232	Đào Thị Chue		1995	Thái Nguyên	Ngân hàng TMB P Sài Gòn - Hà Nội											
233	H	10233	Lê Mai Chue		1990	Hà Nội	C/CP Đại tư và phát triển t heo C huan	5	3									
234	H	10234	Lê Thanh Chue		1993	Hà Nam	Công ty TNHH Thuế toán của			4								
235	H	10235	Nguyễn Thị Thanh Chue		1989	Hà Nội	C TY CP TV PHU VI ERB N KINH DOANH THANH NAM											
236	H	10236	Cao Thị Kim Chung		1989	Phu Thọ	Công ty TNHH Kế toán Statlight Phú Thọ	6.5		6.5								
237	K	10237	Mar Lien Chung	1991		Phu Thọ	Công ty CP Công nghệ Kế toán số - EHTD		5	6.5	6	8	5.5	6.5				
238	H	10238	Nguyễn Thị Chung		1984	Nghe An	C TY CP XI HIE ONG MANG	5	2.5	7	5							
239	H	10239	Nguyễn Thị Chung		1990	Bắc Ninh	C TY BAN MMT (NNH)	6.5	5	7								
240	H	10240	Lê Thị Kim Chung		1984	Nam Định	Công ty CP Chứng khoán An Bình		5		5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
241	H	10241	Trần Thị Kim Nhung		1983	Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Hà Tĩnh Việt Thương VTY cổ	5.5	8	8	7					
242	K	10242	Trần Thị Minh Chung		1980	Hưng Yên	Công ty cổ phần tập đoàn Golden Gate	7.5	2.5	4	4	5.5		3	3.5	
243	K	10243	Trần Đình Nguyễn Chương	1998		Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo BDO									
244	H	10244	Lê Quang Công	1994		Bắc Giang	Công ty TNHH Kiến tạo ABC Việt nam									
245	K	10245	Nguyễn Bá Công	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		5	5	5					
246	P	10246	Nguyễn Thanh Công	1997			Công ty TNHH MTV NVC Việt Resource									
247	K	10247	Nguyễn Thanh Công	1998		Hà Dương	Công ty TNHH Hưng kiến tạo VASCO		7.5	6.5	3.5				4.5	
248	H	10248	Nguyễn Thanh Công	1999		Hưng Yên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ H.T.N.V.M	5.5	6.5	5	3.5					
249	K	10249	Nguyễn Xuân Công	1998		Hà Nội	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	6	7		2					
250	H	10250	Trần Thị Công		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Quan trị DSA B&M Việt Nam			7.5						
251	H	10251	Lê Thị Công		1948	Nghe An	Công ty TNHH phân phối prime sữa				6					
252	H	10252	Lê Thị Công		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Hiền			6						
253	H	10253	Lê Thị Công		1998	Hà Nội	Công ty CP Sản xuất Trùng thư									
254	H	10254	Lê Thị Lan Công		1994	Hà Dương	CÔNG TY TNHH Lành Gạo An									
255	H	10255	Lưu Thị Công		1985	Bắc Ninh	Tư do									
256	K	10256	Nguyễn Thị Công		1994	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn Autodesk		5.5	7	6					
257	H	10257	Hoàng Thị Công		1995	Hà Nội	CÔNG TY TNHH ODS VIN A	5	5	7.5						
258	H	10258	Nguyễn Bình Công	1987		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Đơn lẻ Kế toán Việt	5	0.5	6.5	2.5					
259	K	10259	Nguyễn Đức Công	1997		Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	5.5	8	6	5.5					
260	H	10260	Nguyễn Thị Công	1998		Hà Phòng	CÔNG TY TNHH Hưng kiến tạo và tư vấn JPA	5.5	3.5	5.5	1.5					
261	K	10261	Hà Mạnh Công	1996		Thái Bình	Công ty TNHH Trust& Young Việt Nam			5.5	5.5					
262	K	10262	Hoàng Văn Công	1997		Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Hopome Holdings	6	7.5	6			7			
263	K	10263	Hoàng Việt Công	2000		Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn T.HY	6	4	6	4	7.5	3.5	8.5		
264	K	10264	Lê Mạnh Công	1995		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ KVA									
265	P	10265	Lê Minh Công	1996			Công ty Cổ phần Tư vấn T.Y và Việt Nam			6.5						
266	K	10266	Nguyễn Quốc Công	1996		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán T&C	5		5.5	4	5				
267	K	10267	Nguyễn Luận Công	1990		Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	5		6		6.5		5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
268	H	10268	Nguyễn Xuân Cường	1992		Vĩnh Phúc	Công ty CP SX KD phân miền VTA	7	7.5								
269	K	10269	Phùng Tiến Hải Cường	1990		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo AVDI		6	7	2						
270	H	10270	Lương Quang Cường	1998		Nghe An	ICP Thương mại quốc tế 1 nhà Việt Nam				5						
271	H	10271	Vũ Quang Cường	1997		Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo Thuận Dương		2.5	5.5	3.5						
272	K	10272	Trần Duy Đan	1995		Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)										
273	H	10273	Phạm Thu Diễm		1996	Hải Phòng	CT TNHH ICPRI N Việt Nam Hải Phòng	5	4	7.5	4						
274	H	10274	Phạm Thu Diễm		1997	Hải Bình	ICP Tập đoàn MỸ SI (CONO) HONH										
275	H	10275	Châu Thu Diễm		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH Misa nhà dùng MISA Việt Nam	4.5									
276	H	10276	Đào Thu Diễm		1992	Bắc Ninh	Công ty TNHH nước giải khát và thực phẩm Santory Việt nam	5.5		7.5							
277	H	10277	Phạm Thị Mỹ Diễm		1995	Hà Nam	ICP (Công nghiệp) MI										
278	H	10278	Hoàng Thị Ngọc Diệp		1989	Hà Nội	Công ty TNHH tuấn cường HH1										
279	H	10279	Kim Thu Bích Diệp		1983	Nam Định	Công ty TNHH Công nghiệp Medisrop		2	4	2						
280	H	10280	Nguyễn Kim Diệp		1981	Hà Nội	CTY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP TUNICOTD		4	3							
281	K	10281	Nguyễn Ngọc Diệp		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Nexa SFT - Chi nhánh An Phú	3.5	3	5							
282	K	10282	Nguyễn Thị Minh Diệp		1995	Nam Định	Công ty CP 216	5.5		5			8.5	7	7		
283	H	10283	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Việt An Services Group	5.5	4	6							
284	P	10284	Nguyễn Thị Thanh Diệp		1984		Dịch học Kinh tế quốc dân										
285	H	10285	Phạm Bích Diệp		1987	Hải Bình	Công ty CP Yotel		1.5								
286	H	10286	Vũ Thị Diệp		1988	Hải Phòng	CT TNHH Gai 1 Việt Nam	4.5	5.5								
287	C	10287	Nguyễn Thị Đình		1992	Hải Bình	Công ty Cổ phần Thuận thực phẩm HH										
288	H	10288	Trần Thị Huệ Đình		1992	Hải Bình	Công ty TNHH phát triển công nghệ cơ bản Kiến Cường	8.5	6	7	5						
289	K	10289	Bùi Thị Diệu		1997	Nam Định	Công ty TNHH MTV Sản xuất MIV-A - Trung tâm kinh doanh Hà Nội	5	4	7.5	2	5	5	6	8		
290	H	10290	Đường Thị Diệu		1994	Hải Bình	Công ty CP đầu tư và công nghệ F&C			2	2.5						
291	H	10291	Đào Thuý Diệu		1999	Hải Bình	Công ty TNHH Tricolor Services Việt Nam			5	5						
292	H	10292	Lương Thu Diệu		1992	Hải Bình		5.5		6							
293	H	10293	Nguyễn Thu Diệu		1988	Hải Phòng	CT TNHH CTM Hoàng Yuen HPPVN		2	5.5							
294	H	10294	Phạm Thu Thuý Diệu		1982	Hà Nam	CTY TNHH HHH 1 BIPHH HHH		5		7						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
295	II	10295	Hà Thị Doanh		1981		Công ty Samsung		5	5							
296	K	10296	Phạm Văn Đoàn	1981		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiem toan va Tư vấn MNL Viet Nam		1.5	6	3						
297	K	10297	Bùi Thị Dung		1996	Hà Dương			6.5	5	6				6		
298	II	10298	Cao Thị Dung		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH I tras Y ma			5	5						
299	II	10299	Chú Thị Dung		1996	Bắc Giang	CT TNHH Xa dung Hoa Viet	5.5		4							
300	II	10300	Đường Thị Hoa Dung		1996	Hà Tĩnh	CTCP Thiet bi va dich vu K5 thuat Lotus Viet Nam		5		3						
301	II	10301	Đào Thị Dung		1993	Đà Nẵng	Công ty cơ phân đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Núi - Bắc Giang	7	6.5	9	8.5						
302	II	10302	Đào Thị Dung		1992	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn và dịch vụ kế toán Minat				3						
303	II	10303	Đinh Thị Dung		1988	Hà Phòng	Lập Đoàn Báo Việt	6	5	6.5	6						
304	K	10304	Đinh Thị Dung		1991	Nam Định	Công ty CT Quản lý vận hành & khai thác Bất động sản Greenlink										
305	K	10305	Đông Phương Dung		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Nexa STI	6			5.5	6.5		5			
306	K	10306	Hoàng Thị Dung		1991	Thanh Hóa	Công ty cơ phân giải và xử lý rác thải	5.5	5	6	3	8.5		1.5	4		
307	II	10307	Hoàng Thị Phương Dung		1990	Hà Dương	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Thương Thành		7	6.5							
308	K	10308	Khuất Phương Dung		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiem toan VASC		5.5								
309	II	10309	Khuê Thị Dung		1990	Hà Nội	CTCP Ecement Holding	6	6								
310	K	10310	Lê Thị Dung		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Jan A Dai Thanh - Daewoo	6.5	4	5.5					8.5		
311	K	10311	Lê Thị Dung		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Diamond Rise		6		5.5			3			
312	II	10312	Lê Thị Hồng Dung		1993	Nam Định	CTY CP DAI TI BAY DONG S AN NAY VI VND										
313	K	10313	Ngo Thị Thu Dung		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển HTI Global	6	5		1.5			5.5			
314	C	10314	Nguyễn Phương Dung		1983	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan va Thuan dinh gia VLV										
315	II	10315	Nguyễn Phương Dung		1989	Nghe An	CTCP Ympact										
316	II	10316	Nguyễn Thị Dung		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Idea Print			7	5.5						
317	C	10317	Nguyễn Thị Dung		1992	Nghe An	Công ty TNHH Huanket Viet Nam										
318	II	10318	Nguyễn Thị Dung		1993	Đà Nẵng	Cty TNHH Daewoo E&C Việt Nam				6						
319	K	10319	Nguyễn Thị Dung		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan Delonice Viet Nam	5		6	4	7					
320	II	10320	Nguyễn Thị Minh Dung		1982	Bắc Ninh	CT TNHH Ganh Sang Y ma			5							
321	II	10321	Nguyễn Thị Phương Dung		1988	Hà Dương	CT TNHH Dai Loi Holding										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QJNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
322	K	10322	Nguyễn Thị Phương Dung		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA	6	3.5	6	0.5	7.5	2	4		
323	K	10323	Nguyễn Thị Thuý Dung		1994	Nam Định	Công ty CP dịch vụ đại sứ (Gail) WGLN	6	3.5		5		6	6		
324	II	10324	Nguyễn Thị Thuý Dung		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Amun Finance Group									
325	K	10325	Nguyễn Thị Thuý Dung		1998	Vĩnh Phúc	Công Công ty Khu vực sản phẩm KAV CFCP	5.5			3	6		8		
326	II	10326	Nguyễn Thuý Dung		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN SLOI			3.5						
327	K	10327	Nguyễn Thuý Dung		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ems&Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội				4	7		7.5		
328	II	10328	Phạm Thị Dung		1990	Hà Nam	CTCP Thương mại đầu tư và xây dựng Đông Lâm									
329	II	10329	Phạm Thị Thuý Dung		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Marlex Việt nam			5.5						
330	C	10330	Phạm Thị Dung		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Mối liên hệ D1 XD&ENI liên Phong-Vina									
331	C	10331	Lưu Thị Dung		1955	Nam Định	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thực Trung Thành					3.5	0.5	3		
332	II	10332	Vũ Kim Dung		1992	Hải Dương	CTI TNHH MIV Shizen Food	5		7	2					
333	K	10333	Vũ Thị Dung		1989	Nghe An	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	5.5					7.5			
334	K	10334	Đoàn Việt Dung		1995	Yên Bái	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	3.5								
335	K	10335	Đoàn Xuân Dung		2000	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Án Việt - Chi nhánh Hải Phòng	5.5	6.5	3.5	5	7	5.5	7		
336	II	10336	Nguyễn Hoàng Dung		1992	Nghe An	CTY CP NH A&S HHI AI POI YINNOHCHI									
337	K	10337	Nguyễn Ngọc Dung		1996	Quảng Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và định giá ASCO	6	7	6	5.5	8	7	4		
338	K	10338	Nguyễn Trung Dung		1996	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán CP V&H T&N&I	3.5	5	5.5	2.5			6		
339	II	10339	Phạm Việt Dung		1992	Hải Dương	Công ty TNHH MIV thiết bị điện nước Thuận Thành			1						
340	K	10340	Phạm Ngọc Dung		1986	Phủ Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	6.5			7					
341	K	10341	Lưu Loan Dung		1984	Nam Định	Công ty Cổ phần Casablanca Việt Nam		3				5			
342	K	10342	Vũ Đức Dung		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	6		5	4		5.5			
343	K	10343	Đo Đình Dục		1997	Phủ Thọ	Học viện Lạc danh	5.5		5.5						
344	II	10344	Lê Thị Phương Dục		1992	Thanh Hóa	CTI TNHH VC N Việt Nam									
345	K	10345	Nguyễn Phan Dục		1999	Hải Dương	Công ty CP Cổ phần Xuân Sơn					6	2	7.5		
346	K	10346	Lưu Nhật Dục		1994	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Ems&Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	6.5		5	5	6	3.5			
347	II	10347	Chu Lam Duyen		1995	Nam Định	Công ty CP T&SCO			6.5						
348	II	10348	Dương Thuý Duyên		1994	Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư đô thị Khai Phú	6	7.5	7	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
349	H	10349	Hà Thị Duyên		1994	Nam Định	Công ty CP LVDT và chuyển giao công nghệ cao TC 1	7	4	7.5	3					
350	K	10350	Hà Thị Bích Duyên		1999	Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội	5.5	5	3.5	5	7.5	6.5	6		
351	H	10351	Ngô Thị Mỹ Duyên		1992	Hà Nội	Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại H2 Việt Nam			8.5	3.5					
352	H	10352	Nguyễn Thị Duyên		1994	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hama Motion Việt Nam		2.5	2.5						
353	H	10353	Nguyễn Thị Duyên		1977	Thanh Hóa	CT TNHH Thương mại và dịch vụ LT Việt Nam	5.5	1	4	2					
354	H	10354	Nguyễn Thị Duyên		1985	Phước Thọ	Công ty TNHH NKN Quảng Hóa									
355	K	10355	Nguyễn Thị Duyên		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn T-đipco	5.5	5	5	8.5	7	6.5	8		
356	H	10356	Nguyễn Thị Hồng Duyên		1984	Nam Định	CTCP DNTM Hà Nội		1.5	5	1.5					
357	K	10357	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Trans & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7	3.5	5	7	9	5	7.5		
358	C	10358	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		1993	Hải Dương	Công ty CP Beta Media					7	8	6.5		
359	C	10359	Nguyễn Thị Thanh Duyên		1988	Hưng Yên	Công ty Luật TNHH Tadeco & Gibbons					8	7	6.5		
360	H	10360	Phạm Thị Duyên		1993	Nam Định	CT TNHH Account Việt Nam	4.5			2					
361	K	10361	Phạm Thị Duyên		1994	Nam Định	Công ty CP Thương mại và dịch vụ oto Minh Việt	6	5.5	6						
362	H	10362	Phạm Thị Kỳ Duyên		1995	Bà Rịa	Công ty TNHH Cat Seng Phuong		2		2.5					
363	K	10363	Lê Mỹ Duyên		1999	Nam Định	Công ty TNHH KPMG			3	2.5			8.5		
364	K	10364	Lưu Thị Duyên		1996	Hà Nội	Ngân hàng JSC CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam									
365	K	10365	Lưu Thị Duyên		1999	Nghe An	Công ty TNHH Thương kiểm toán VASC	5	6.5	6.5	7	7.5	6.5	4.5		
366	H	10366	Lưu Thị Mỹ Duyên		1999	Ninh Bình	CTY CP MAYSCOM VIỆT NAM	5								
367	H	10367	Nguyễn Thị Duyên		1992	Nghe An	CT TNHH Sản xuất thương mại quốc tế Seoul									
368	H	10368	Bùi Thị Trung Duyên		1990	Hải Dương	CT TNHH Dịch vụ thực Công Nghệ	5.5	7.5		2.5					
369	K	10369	Đào Thị Lương Duyên	1994		Bà Rịa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Định giá quốc gia			3.5				2.5		
370	H	10370	Công Duy Duyên		1999	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ phát triển quốc tế CITC Japan			4.5						
371	K	10371	Đào Thị Kim Duyên		1998	Bà Rịa	Công ty CP Giải pháp Kế toán Topa		1.5	5	2		2.5			
372	H	10372	Hoàng Thị Thụy Duyên		1985	Bà Rịa	Công ty TNHH Taxaid Hải Phòng	5.5		6.5	2.5					
373	H	10373	Hoàng Thùy Duyên		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Liên Sơn F & C Vina	6	8.5	7	5					
374	K	10374	Khương Anh Duyên		1997	Hải Dương	Công ty TNHH VTA Viet Nam			1.5	0.5					
375	K	10375	Lưu Du Dương	1986		Hà Nam	Công ty TNHH VLSAR			5	5		1	3		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
376	H	10176	Lê Thị Thuý Dương		1988	Hà Nội	ICCT Xay dựng Tầng 10			7	3,5							
377	K	10177	Lương Thị Thuý Dương		1997	Phủ Thọ	Chi nhánh Công ty TNHH Tư thực Việt tại Hà Nội			2,5	3,5							
378	K	10178	Nguyễn Đức Dương	1997		Bắc Ninh		6,5										
379	H	10179	Nguyễn Quốc Dương		1983	Hà Nội	CT TNHH VinDesign Việt Nam	6		5								
380	K	10180	Nguyễn Thị Dương		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Bảo hiểm Lascô	6,5	3,5	3,5	2							
381	H	10181	Nguyễn Thị Thuý Dương		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Kowit Universe											
382	H	10182	Nguyễn Thuý Dương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH phân mềm Hanoisoft	6	2,5	5	4							
383	P	10183	Nguyễn Thuý Dương		1994		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			5								
384	H	10184	Nguyễn Huy Dương		1997	Quảng Ninh	Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp A Châu			5								
385	H	10185	Phạm Thị Thuý Dương		1999	Hà Nam	CTY TNHH K&M TOY&V&DINH GIẢ VÀ V&D	7	3,5	5	2,5							
386	H	10186	Phùng Anh Dương		1992	Hà Nội	CTCP Việt's Power											
387	H	10187	Vũ Thị Dương		1988	Hải Phòng	CT TNHH Toyota Nankai Hải Phòng				6							
388	K	10188	Nguyễn Văn Dân	1989		Hà Nội	Công ty TNHH công nghệ cao Skynap			3								
389	H	10189	Phạm Thị Lan Dân		1994	Nam Định	CTY TNHH ASC VINA	5,5		7								
390	H	10190	Đỗ Thị Đào		1991	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ và tư vấn	6		5	2,5							
391	H	10191	Nguyễn Thị Đào		1989	Bắc Giang	CT TNHH Jinsung Electronics Vina	4,5	3	5,5	5							
392	H	10192	Nguyễn Thị Đào		1989	Bắc Ninh	CT TNHH MMT Vina		5	7,5								
393	H	10193	Vũ Thị Đào		1989	Nam Định	CTY TNHH TIẾP XÚC VÀ DÂY TIẾP CÔNG NGHỆ QUỐC H QUỐC											
394	K	10194	Bùi Thanh Đạt		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán HSK Việt Nam			5,5	2,5	7			8,5			
395	K	10195	Đường Phú Đạt		1999	Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Công nghiệp A Mly	7,5	4	5,5	6	9	3,5	6				
396	K	10196	Đào Tiến Đạt		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NKT Việt Nam	5	4,5		4	7,5						
397	K	10197	Đào Hoàng Đạt		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NGV											
398	K	10198	Hoàng Ngọc Đạt		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập - Chi nhánh Hà Nội	7	6	6	5,5	7,5	5,5	5				
399	K	10199	Hoàng Tiến Đạt		1999	Hà Nội	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Quốc tế Việt Nam	3				4	3,5	6				
400	K	10200	Lê Đình Đạt		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5,5	6	5,5	3,5	9	6	8,5				
401	K	10201	Nguyễn Việt Hoàng Đạt		1995	Nghe An	Công ty TNHH KPMG											
402	K	10202	Phạm Đoàn Đăng		1999	Phủ Thọ	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn VKT tại Hà Nội	6,5	3	2,5	2,5	5	2	6				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TK KT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngữ ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
403	N	10403	Nguyễn Thị Đẹp		1983	Hà Nội			5		5		6.5			
404	H	10404	Lê Thị Đình		1984	Hà Nội	Công ty CP tập đoàn dược phẩm Thái Hoàng	4		5						
405	N	10405	Ngô Bá Đình	1988		Phước Thọ	Công ty TNHH Kiem toan Di H Viet Nam		2.5		2			4.5	1.5	
406	H	10406	Trần Văn Đoàn	1987		Hà Nội	Công ty CP dược phẩm MHD	5.5		3	2.5					
407	H	10407	Vu Thị Đoàn	1989		Hà Nội	CY TNHH KEM TOAN Quốc Tế AK1	3.5	4.5	5	2.5					
408	H	10408	Vu Thị Đoàn		1991	Hà Nam	Công ty CP Plus Partners Asia		1	5						
409	N	10409	Bùi Công Đô	1993		Thái Bình	Công ty Cổ phần Việt thông FPI	7					3.5			
410	H	10410	Bùi Thị Thu Hồng		1993	Hà Nam	CT TNHH Yamato Electric Việt Nam			7.5	3.5					
411	H	10411	Lưu Thị Dung		1990	Thái Hòa	CY CP VDCÔNG NGHỆ PILIT HUNG	3.5	6.5	8.5	3					
412	N	10412	Nguyễn Thanh Đông	1999		Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiem toan và dinh gia quốc gia	4.5		5	3.5	6	3.5	4.5		
413	H	10413	Hoàng Anh Đức	1993		Thái Hòa	Công ty TNHH MTV dược liệu JW2		6	6	1.5					
414	H	10414	Lê Minh Đức	1996		Phước Thọ	CY CP HIMEI BIVACÔNG NGHỆ DYC0		6		4					
415	N	10415	Ngô Anh Đức	1998		Tuyên Quang	Công ty TNHH Kiem toan Delonte Việt Nam	5	3.5	3.5	3		6			
416	H	10416	Nguyễn Xuân Đức	1993		Thái Bình	CN Ch CP phân phối áp dụng dầu khí VN		7.5	7	3.5					
417	N	10417	Phạm Hoàng Đức	1993		Hà Phòng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4				6	4	9	
418	N	10418	Phạm Minh Đức	1997		Hà Nội	Ngân hàng TNC P Ks Thương Việt Nam		4.5	6	3.5					
419	N	10419	Phạm Minh Đức	1998		Hà Phòng	Công ty TNHH Hàng Kiem toan ASSC	6	1.5	5.5	3	6.5				
420	H	10420	Trần Thị Đức		1995	Bà Nang	CT TNHH Tư vấn Dịch vụ Kế toán Nội thất Vàng M (	6.5	5	5.5						
421	H	10421	Vu Đình Đức	1996		Thái Hòa	CY CP DVC TCVAVIPAL BHN KINHDOANH HANH HON		7.5		2.5					
422	N	10422	Đặng桂 Dương	1988		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn NGV	6	1.5	7	6.5	6	0.5	5		
423	N	10423	Ngô Thị Hồng Cẩm		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan V M C	6		~						
424	N	10424	Bùi Quỳnh Giang		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan Nhân Lâm Việt - CN tại Hà Nội		7.5	7	5	8	5	5.5		
425	C	10425	Bùi Thị Giang	1986		Hà Phòng	Công ty TNHH Federal Algodol (Việt Nam)						6.5	5	6.5	
426	H	10426	Cao Thị Thu Giang	1989		Thái Bình	CY TNHH KEM TOAN V M C		4		5.5					
427	H	10427	Cầu Thị Giang	1991		Nghe An	CT TNHH SX-IM Ngọc Sơn Hà Nội									
428	H	10428	Đào Thị Giang		1993	Hà Nội	CT TNHH Quốc tế Hoàng Loan			~	5					
429	H	10429	Đào Thị Hoàng Giang		1982	Thái Bình	CÔNG CÔNG TY HANG KHOANG VOT NAM				5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
430	II	10430	Hà Hương Giang		1990	Phu Thọ	CT TNHH Gao Vacation Việt Nam	8.5	5	6.5	2.5					
431	II	10431	Le Hong Giang	1988		Hà Nội	Công ty TNHH K1 và TV Thuê Phướn Bắc									
432	II	10432	Le Huong Giang		1996	Vinh Phúc	Công ty TNHH Kien thuan K1C		3.5							
433	II	10433	Le Thu Giang		1993	Thanh Hóa	Công ty CP công nghệ và truyền thông VTC NH THH1			4						
434	II	10434	Le Thu Giang		1993	Nghe An	Công ty TNHH L one Shipping Plaza Việt Nam		3		2					
435	K	10435	Le Thu Giang		1998	Nghe An	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV)		3.5	6			4		8	
436	II	10436	Luong Thu Giang		1995	Thái Bình	Công ty CP Tư vấn và đầu tư công nghệ cao Thái Do	5	4	6.5	6.5					
437	II	10437	Mai Thu Giang		1992	Thanh Hóa	Công ty CP Nam Hương			2.5	1					
438	II	10438	Mai Thu Thu Giang		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH dòng cu An Mi									
439	K	10439	Ngô Thu Giang		1997	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn tài chính - kien thuan F AGO Việt Nam	5	3.5		4	7	2			
440	C	10440	Nguyễn Hương Giang		1993	Hà Nội						5.5	6.5	6.5		
441	K	10441	Nguyễn Ngan Giang		1996	Vinh Phúc	Công ty CP Đầu tư Hương mai Việt Nhật					6	5.5	5.5	6	
442	II	10442	Nguyễn Thu Hoàn Giang		1998	Quảng Trị	CT TNHH DV tư vấn kế toán Thuế Thuận Việt	4.5		7.5						
443	II	10443	Nguyễn Thu Ngan Giang		1993	Phu Thọ	CT TNHH Lập văn quốc tế Apex (Việt Nam)	6.5		5	1.5					
444	P	10444	Phan Thu Thanh Giang		1975		Lập đoàn Vettel			5						
445	K	10445	Phan Truong Giang	1985		Hà Nội	Công ty TNHH Kien thuan BDX			3.5			4			
446	II	10446	Phan Thu Hương Giang		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Overseas Việt Nam			5.5						
447	II	10447	Tran Hoàng Giang	1996		Nam Định	Công ty JC TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn-TN									
448	II	10448	Tran Vũ Giang	1991		Bình Định	CT TNHH Olinca,spinnie	4	6	5						
449	II	10449	Bao Thanh Ha		1993	Nam Định	Công ty TNHH BR-24 Việt Nam	5.5	1.5	6.5	2.5					
450	II	10450	Bao Thu Ha		1987	Bắc Ninh	CT TNHH doanh nghiệp và hơn tư vấn và phát triển công dụng VETS	5.5		5.5						
451	II	10451	Cao Thu Ha		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Mercotex Việt	8.5		6						
452	II	10452	Deep Bao Ha		1992	Yên Bái	CTCP Ngân lương điện V châu	3.5		6.5						
453	C	10453	Duong Thu Thu Ha		1985	Hà Dương	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Nam An					7	5	7.5		
454	II	10454	Duong Thu Thu Ha		1992	Hà Nội	CTY CP CO KINH DOANH NH HOCOGI		6.5	3						
455	II	10455	Duong Thu Ha		1991	Nghe An	CT TNHH MARKET A Việt Nam	9			6					
456	K	10456	Đinh Thanh Ha		1996	Hà Tĩnh	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	6			5	6.5		5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
457	K	10457	Đinh Thu Thuần Hoa		1990	Nhật Bản	Công ty TNHH Kiến tạo VFA	7	3	4.5	3.5	7.5	5.5	-		
458	H	10458	Đinh Thu Thu Hà		1991	Nam Định	CÔNG TY CỔ PHẦN MÀNG HAY LONG	5.5		4						
459	K	10459	Đoàn Đình Hoàng Hà	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam	6	6	5	5.5	5	7	6		
460	K	10460	Đoàn Thu Hà		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam				5					
461	H	10461	Đỗ Thu Hà		1991	Hà Nội	CTCP SAVIAN MP	6								
462	H	10462	Đỗ Thu Hà		1988	Hà Nội	CTCP Lập đoàn Bất động sản MTC		4	5	5.5					
463	H	10463	Đỗ Thu Hà		1995	Nam Định	CTCP Dịch vụ chuyên đoàn hình ảnh Mediam									
464	K	10464	Hoàng Du Bạch Hà		1999	Nhật Bản	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn AKC	6.5	5.5	7	3.5	6		2.5		
465	K	10465	Hoàng Du Thu Hà		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo APS	6.5		6.5			5		9	
466	K	10466	Lê Ngọc Hà		1994	Nam Định	Công ty cổ phần HTP Việt Nam		3.5	6						
467	H	10467	Lê Thu Hà		1986	Thanh Hóa	Vien Khoa học thực An Việt Nam	6.5	5	5	5					
468	H	10468	Lê Thu Thu Hà		1979	Hưng Yên	Phòng Cúc Thúc	5	1.5	5.5	2.5					
469	H	10469	Lê Thu Minh Hà		1988	Nghe An	Công ty TNHH Axedine Corporate Services			3						
470	H	10470	Lê Thu Ngọc Hà		1992	Nghe An	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CÔNG AN CÁI LỊCH									
471	H	10471	Lương Thu Hà		1992	Hà Nam	Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Xanh	6.5	7.5	6.5						
472	K	10472	Lương Thu Hà		1995	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	6.5	2.5	4	4		1			
473	H	10473	Ngô Thu Thu Hà		1994	Nam Định	Công ty TNHH MTC Hưu									
474	H	10474	Nguyễn Hoa Hà		1987	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn thực Lavo	3.5		6	1					
475	H	10475	Nguyễn Ngọc Hà		1992	Hà Nội	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHÁP LÝ ĐOÀN HẠ XÃ LỊCH			6	2					
476	K	10476	Nguyễn Nhật Hà		1988	Hà Nội	Công ty TNHH GHI Consultants				0.5	1.5	5	5		
477	K	10477	Nguyễn Thu Hà		1976	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNL	7.5	8	8	7.5	5	5	5		
478	H	10478	Nguyễn Thu Hà		1980	Nam Định	Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ (MTC)	7	2.5	5.5						
479	H	10479	Nguyễn Thu Hà		1989	Hải Dương	Công ty TNHH nông lương xanh DeepC (Việt Nam)									
480	K	10480	Nguyễn Thu Hà		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn VSA	6	6	6	1	7	6			
481	H	10481	Nguyễn Thu Hà		1994	Bắc Ninh	Công ty CP kinh doanh công nghiệp Shavacut	5.5	5		2.5					
482	K	10482	Nguyễn Thu Minh Hà		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNL - Chi nhánh Hà Nội	7	7	6.5	2.5	7	3.5	7.5		
484	H	10484	Nguyễn Thu Ngọc Hà		1996	Hà Nội	CTCP Tiếp thị số Do qua	8.5		7	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
184	H	10484	Nguyễn Thị Thu Hà		1984	Thanh Hóa	CN CT TNHH Kiến toàn DJ K Việt Nam	4.5	0.5	2	2.5						
185	H	10485	Nguyễn Thị Thu Hà		1980	Thái Nguyên	Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên			6							
186	H	10486	Nguyễn Thị Thu Hà		1988	Hà Nội	Công ty Liên doanh - Thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên			6	5						
187	K	10487	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiến toàn VASC	7	8	6.5	7.5	7	6.5	7.5			
188	K	10488	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng Kiến toàn VASC	5	5.5	6.5	4	6			4.5		
189	K	10489	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Có trách nhiệm Công ty TNHH Kiến toàn và tư vấn KKT tại Hà Nội	7	8.5	7.5	5	7	6	5.5			
190	K	10490	Nguyễn Thị Thu Hà		1993	Hồng Yên	Lập đoàn Yngroup - Công ty CT										
191	K	10491	Phạm Thị Hà		1994	Hải Dương		5.5		6					5.5		
192	H	10492	Phạm Thị Hà		1993	Nam Định	CTY TNHH ST KHN MEDIA										
193	K	10493	Phạm Thị Thu Hà		1990	Hồng Yên	Công ty TNHH Kế toán Kiến toàn Việt Nam	8.5	5.5	8.5	3	6.5	7.5	7.5	7.5		
194	H	10494	Phùng Thị Hà		1985	Hà Nội	CT TNHH Sơn Hà (Hà Nội)	4.5		4	3						
195	H	10495	Lê Thị Hương Hà		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH MT Electronics Việt Nam			6							
196	C	10496	Lưu Thị Hà		1990	Đà Nẵng	Công ty CT Thương mại GCTV					6.5	7		7		
197	H	10497	Lưu Thị Hà		1997	Nam Định	CT TNHH giải pháp doanh nghiệp Hà Nội	7	8.5	5.5	2.5						
198	C	10498	Lưu Thị Minh Hà		1988	Quảng Nam	Hàng công ty Điện lực miền Trung					7	9	8.5			
199	H	10499	Lưu Thị Thu Hà		1976	Hà Nội	IC T Báo huân Ngân hàng TMCT Công thương Việt Nam		6								
200	C	10500	Lưu Thị Việt Hà		1992	Hải Dương	Công ty TNHH ASSMPT Việt Nam					7.5					
201	K	10501	Trần Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến toàn VPS	4.5	6	8	8	6.5	7.5	5.5			
202	K	10502	Trần Thị Thu Hà		1997	Hải Hòa	Công ty Cổ phần Dầu từ Bất động sản Jascoo	7		7.5			7.5				
203	H	10503	Trần Thị Thu Hà		1995	Thanh Hóa	CTCT D1 Xay dựng SAB	4.5			4						
204	H	10504	Trần Thị Thu Hà		1993	Hải Dương	CT TNHH Liat Già An										
205	H	10505	Vũ Thị Hà		1988	Thái Bình	Công ty TNHH Synergic (ad Việt Nam	2.5		3	2						
206	H	10506	Vũ Thị Khanh Hà		1988	Vĩnh Phúc	Công ty CT đầu tư Bất động sản Jascoo			6.5	3.5						
207	K	10507	Vũ Trọng Hà	1996		Nam Định	Công ty CT Dịch vụ Hàng Không Jascoo										
208	C	10508	Vũ Việt Hà		1995	Thái Bình	Công ty CT Phát triển và đầu tư đầu tư Novaref					7.5	5.5	8			
209	H	10509	Nguyễn Thị Hà		1996	Nam Định	Công ty CT Đầu tư TM và du lịch đầu tư VN			6.5	4						
210	H	10510	Vũ Thị Hà		1990	Hải Dương	CT TNHH Active Plasma Technology Việt Nam		7	7							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
511	II	10511	Bùi Thị Hào		1999	Thái Bình	CT TNHH Marathon Viet			7.5							
512	K	10512	Bùi Thị Việt Hào		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán Viet Nam	6	8	7	3.5	7.5	5.5	8			
513	II	10513	Đặng Thị Thanh Hào		1991	Ninh Bình	Công ty TNHH tư vấn và truyền thông SS	4.5		4							
514	K	10514	Hà Chu Hào	1974		Bắc Giang	Công ty CP đầu tư và TM Khuê Minh			4	5		2.5				
515	II	10515	Hà Thanh Hào		1991	Phu Thọ		5		6.5	3						
516	II	10516	Hoàng Thị Hào		1993	Nghe An	Công ty CP Tập đoàn Onimexi	5.5		5.5							
517	II	10517	Hoàng Thị Hào		1997	Nghe An	CT TNHH tư vấn - Kế toán S&S		2.5	5.5	1.5						
518	K	10518	Le Công Hào	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kế toán VNSC	6	3	6	3.5		3.5				
519	II	10519	Nguyễn Thị Hào	1992		Hà Tĩnh	CT VIC Công nghệ và môi trường số	6.5	7.5	7.5	8						
520	K	10520	Nguyễn Nam Hào	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Tập đoàn Bיעסו	5	1	6	3	7	2.5	8			
521	II	10521	Nguyễn Thị Hào		1993	Bắc Ninh	CTY TNHH DUCHI VINA	4.5	2	6.5	2						
522	II	10522	Nguyễn Thị Thanh Hào		1998	Hà Dương	CN CT TNHH Kế toán và định giá quốc tế tại Hà Phòng	6	5								
523	K	10523	Là Vũ Hào	1998		Yên Bái	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán và tư vấn S&C tại Hà Nội	5.5	5	7	3.5	7	5.5	8			
524	II	10524	Vũ Thị Hồng Hào		1987	Hưng Yên	CT TNHH tư vấn - Kế toán S&S										
525	K	10525	Vũ Thị Minh Hào		1996	Hà Phòng	Công ty TNHH KPMG		5.5	4.5		7.5					
526	C	10526	Đinh Nguyễn Thanh		1998	Hà Nội	Công ty CP Rikksort					8	3	7.5			
527	K	10527	Đông Thị Hồng Thanh		1996	Ninh Bình											
528	C	10528	Hoàng Thị Bích Thanh		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hà Phương					7	7	6.5			
529	II	10529	Nguyễn Hồng Thanh		1982	Hà Nội	Công ty CP S&S dòng và thương mại Long Dương		4	6							
530	II	10530	Nguyễn Hồng Thanh		1994	Hà Nội	Công ty TNHH KPMG Global										
531	II	10531	Nguyễn Thị Thanh		1989	Nam Định	CT TNHH TM Viet Hào	5.5	5	8.5	4						
532	C	10532	Nguyễn Thị Thanh		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH tư vấn và Dịch vụ Nhật Anh					7.5	6	7.5			
533	II	10533	Nguyễn Thị Thanh		1990	Thanh Hóa	CTY CP GIỚI THIỆU SẢN PHẨM TPC VICO		5.5	7.5							
534	II	10534	Nguyễn Thị Thanh		1991	Hà Nam	CTCP PSA	5	5.5	6.5	3.5						
535	K	10535	Nguyễn Thị Thanh		1997	Thái Bình	Chi nhánh Công & Thương tại Hà Nội			3.5	3			5			
536	K	10536	Nguyễn Thị Bích Thanh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán HSK Viet Nam	7.5									
537	II	10537	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1993	Hà Nội	CTCP C&A Viet Nam		3	4	2						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
538	K	10538	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo (Thái Á	6,5		8							
539	K	10539	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1999	Phu Thọ	Công ty TNHH Hưng Kiên tạo và Dịch vụ VIC		0,5	5	3	8	3	5			
540	K	10540	Nguyễn Thị Mỹ Thanh		1991	Nghe An	Công ty TNHH Hides Việt Nam		6	8		7	4,5				
541	K	10541	Nguyễn Thị Mỹ Thanh		1996	Thái Bình		8			1,5						
542	K	10542	Nguyễn Thị Thuý Thanh		1986	Bắc Ninh	Công ty CP Trux Việt Nam										
543	K	10543	Phạm Thị Thuý Thanh		1984	Ninh Bình	Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Hòa Quang							5			
544	II	10544	Phạm Thị Thanh		1985	Vĩnh Phúc	CTY TNHH TC VANDAT TC XD DAI NAM		4,5	6,5							
545	II	10545	Phạm Thị Thanh		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾT VỊ TOÁN V Y TC VANDAT TH L H N G LONG	6	6,5								
546	K	10546	Là Mỹ Thanh		1988	Ninh Bình	Công ty Cổ phần hóa dầu VIP										
547	II	10547	Là Thị Minh Thanh		1998	Ninh Bình	CTCP VOL NGON L&C	6	5,5	7,5	4						
548	P	10548	Lưu Minh Thanh		1999		Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			3							
549	II	10549	Lưu Nguyễn Thanh		1999	Hà Nam	CTI TNHH BPG										
550	II	10550	Vũ Thị Thanh		1988	Nam Định	Vân phong Công chứng Gia Khánh		4		5						
551	K	10551	Vũ Thuý Thanh		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến Tạo BDO	6			6	6		6		6	
552	II	10552	Trần Thị Khanh Thảo		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH đầu tư PYS	5,5	3	5,5							
553	II	10553	Lê Mỹ Thảo		1986	Nam Định	CTCP Vietnamc			8	5,5						
554	II	10554	Nguyễn Bích Thảo		1984	Hà Nội	hệ thống Đa khoa học tập Học Đức	6		7	5						
555	K	10555	Nguyễn Thị Thảo		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tư vấn T Y Việt Nam		6,5	6,5	4			5,5	1,5	8	
556	K	10556	Nguyễn Thị Thảo		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Trist&Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5									
557	II	10557	Nguyễn Thị Như Thảo		1998	Hà Tĩnh	CTCP TM Thanh niên Việt Nam tại Hà Nội			6	2						
558	II	10558	Nguyễn Thị Thu Thảo		1983	Nam Định	CTCP Đầu tư phát triển công nghiệp Hải Phòng				7						
559	K	10559	Nguyễn Thị Thu Thảo		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo - Tư vấn Đại Việt - Chi nhánh Thanh Nam	6		5	4			7,5			
560	K	10560	Phạm Thị Thảo		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hoàng Sơn			6				4	5		
561	C	10561	Vũ Thị Mỹ Thảo		1996	Nam Định	Công ty TNHH Daewoo Engineering & Construction Việt Nam					7,5	6,5	8,5			
562	II	10562	Là Thị Hải		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH L&M&DY Hoàng Thiện	6,5	5,5	5,5	1						
563	II	10563	Hoàng Thị Hải		1990	Bắc Giang	CTI TNHH Hoàng mai Shinhan Việt Nam	6	1	5	5						
564	II	10564	Phạm Thị Bích Hằng		1998	Phu Thọ	Công ty TNHH NKS và dịch vụ Anh Minh		2		2,5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
505	K	10505	Bui Thị Hằng		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Fresh Express (Việt Nam)	6.5			6.5		6			
506	II	10506	Bui Thị Thu Hằng		1990	Thái Bình	Sở Landmark Thái Bình		7.5		5.5					
507	II	10507	Châu Thị Hằng		1993	Hải Phòng	C.TY TNHH FLD RMI - MOCET (VIE-L-NAM)	5.5		6	6					
508	II	10508	Đào Thị Hằng		1993	Thái Bình	Công ty CP công nghệ Sapro			5						
509	II	10509	Đào Thị Hằng		1991	Nghe An	C.TI TNHH Codec complete Solutions	5		5	0.5					
510	K	10510	Đoan Thị Hằng		1999	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SKS		8	5	7	7.5	3.5	5.5		
511	II	10511	Đoan Thị Hằng		1999	Nam Định	C.TI TNHH Gia Group Việt Nam		4	8.5	6					
512	II	10512	Đỗ Thị Hằng		1985	Hà Nội	C.TCP Sản xuất nhân tạo và phụ liệu dệt may Thuận Bình	5.5	1	3	0					Đánh giá từ môn Kế toán
513	II	10513	Đỗ Thị Hằng		1985	Thái Bình	Công ty CP hoa chơi Thăng Long									
514	II	10514	Đỗ Thị Hằng		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Nippon/Oda Việt Nam		7	7.5						
515	K	10515	Đỗ Thị Thu Hằng		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Giáo dục và đào tạo Vnacademy		5	6			2.5			
516	K	10516	Đông Thị Hằng		1993	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ Y unDa									
517	K	10517	Hoàng Thị Minh Hằng		1992	Quảng Ninh										
518	II	10518	Le Bích Hằng		1980	Hà Nội	Công ty CP dịch vụ đại lý thực và tư vấn đào tạo Lan Viet				2.5					
519	II	10519	Le Thị Hằng		1983	Thái Bình	Công ty CP may mặc QINP	7.5	6.5	6.5	6					
520	K	10520	Le Thị Hằng		1996	Thái Bình	Công ty Cổ phần Long công ty Công nghiệp và Công nghệ Lan Y Đại Thanh		8	7	5.5		7.5			
521	II	10521	Le Thị Hằng		1997	Thanh Hóa	C.TY TNHH V&F NVN K&NDI-NKO	3.5		3.5	6					
522	K	10522	Le Thị Hằng		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo Delamare Việt Nam			7.5						
523	K	10523	Le Thị Thu Hằng		1997	Hà Nội	Long công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	7	5	5	1.5	5.5				
524	K	10524	Le Thị Thu Hằng		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn LVC	2.5	3							
525	II	10525	Le Thị Hằng		1986	Yên Bái	Công ty CP kiến trúc và nội thất JD		3.5	5						
526	II	10526	Leung Thị Hằng		1998	Hà Nam	C.TCP Bất động sản hiện thông NGIS	2.5	1	2	4					
527	II	10527	Nguyễn Thanh Hằng		1990	Hà Nội	C.TY CP PROPERTY C&I RL V&I NVNMI			5.5	3					
528	K	10528	Nguyễn Thị Hằng		1981	Bắc Ninh	Công ty CP chứng khoán Bảo Việt	4	0.5			3.5	1.5			
529	II	10529	Nguyễn Thị Hằng		1992	Hải Dương	C.TI TNHH BR&A Việt Nam			4	2.5					
530	C	10530	Nguyễn Thị Hằng		1993	Hà Nội	Công ty CP B&C Việt Nam					7	5	5		
531	II	10531	Nguyễn Thị Hằng		1995	Bắc Ninh	CNCTV TNHH IRAN III NVNMI AMB&C NVNMI		5	5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
902	H	10892	Nguyễn Thu Hằng		1997	Nghe An	CN CTY TNHH MTV IMEXANK VIT THL	7.5	7	5.5	3.5							
903	K	10893	Nguyễn Thu Hằng		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo VACO		6.5	5.5	5	7.5	6	1.5				
904	H	10894	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1995	Hải Dương	CTY CP DYL TL VY HIE CÔNG MẠI HIE ĐO			5	3.5							
905	H	10895	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH tư vấn và truyền thông SS											
906	H	10896	Nguyễn Thu Thu Hằng		1992	Thái Bình	Công ty CP Senapses Viet Nam											
907	K	10897	Nguyễn Thu Thu Hằng		1996	Thái Bình	Công ty chứng khoán VPS		3	5.5	4		5					
908	H	10898	Nguyễn Thu Thu Hằng		1998	Ninh Bình	CT TNHH VINA Viet Nam		5.5	7								
909	H	10899	Nguyễn Thu Thu Hằng		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng kiến tạo Radoh	3.5		6								
900	H	10900	Phạm Thu Hằng		1987	Hải Dương	CT TNHH Thương mại Phú Hải			6.5								
901	H	10901	Phạm Thu Hằng		1989	Thái Bình	CTCP Tư vấn và xây lắp Nam Phú	6		5								
902	K	10902	Phạm Thu Thanh Hằng		1985	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Sơn Vang Hải Tư	7	4.5	7.5	4							
903	H	10903	Là Thu Hằng		1997	Nam Định	Công ty TNHH CO-MS VINA		8									
904	H	10904	Đào Thu Hằng		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH công nghệ thông minh leomtech	4.5	1.5	5	2							
905	K	10905	Trần Minh Hằng		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo tư vấn V Group	8		5.5	5							
906	K	10906	Trần Thu Hằng		1997	Hà Nam		7	5.5	5.5	1				8			
907	H	10907	Trần Thu Hằng		1987	Nghe An	Công ty CP thương mại và DV vận tải Logistics Nhật Long	8.5		5								
908	H	10908	Trần Thu Hằng		1987	Thái Bình	CT TNHH Dịch vụ kế toán và giám pháp doanh nghiệp Delonic VN		5		3							
909	H	10909	Trần Thu Thu Hằng		1997	Hà Nam	CN CTY TNHH Kiến tạo tư vấn T-jung tư TTN		2	6.5								
910	H	10910	Trần Thu Hằng		1991	Hà Nam	CTY CP XÂY DỰNG VÀ HỒI CÔNG MẠI HOANG HUY	6	5	5	2.5							
911	K	10911	Trương Thu Hằng		1986	Nghe An		7		8	1							
912	H	10912	Vu Thu Thanh Hằng		1996	Lạng Sơn	Tư do			6.5								
913	H	10913	Vu Thu Hằng		1983	Hải Dương	CTY CP SMARTIST ORT-VIE L NAMI	7	6									
914	H	10914	Vu Thu Hằng		1989	Hải Dương	CTY CP URL Y L N TRONG THIN N PHU OC	7.5	5.5	7.5	5							
915	K	10915	Vu Thu Hằng		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo tư vấn Chau A	5		5	2.5							
916	K	10916	Vu Thu Minh Hằng		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng kiến tạo và Dịch vụ AIC			6.5	5	7.5		7				
917	H	10917	Nguyễn Thu Hằng		1989	Hải Dương	Ngân hàng IMCP An Bình - CN Hà Nội		4.5	7	3.5							
918	H	10918	Le Thu Hằng		1993	Thái Hòa	CN CTY TNHH ACCO NING SERVICES LIMITED TAI TP HCM		6.5									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
619	K	10619	Ngô Thu Hậu		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo HSK Việt Nam	8		5	3	7	4.5	4				
620	K	10620	Nguyễn Thị Thu Hậu		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn THT	4.5		6.5	3.5							
621	H	10621	Đào Thị Ngọc Hậu		1998	Thanh Hóa	CT TNHH SDS Consulting		2	5	2							
622	K	10622	Lê Thị Hiền		1994	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo TTP		5	6	2			2.5				
623	H	10623	Lương Thị Thu Hiền		1990	Thái Nguyên	CTY TNHH MAXINHA NOI			5.5	4							
624	H	10624	Bùi Quang Hiền	1985		Nam Định	Công ty cổ phần Kiến tạo VPHV		2.5		1.5							
625	H	10625	Bùi Thị Hiền		1992	Nam Định	CT TNHH Shinwoo P&C Vina			6.5	4							
626	H	10626	Bùi Thị Hiền		1995	Hải Dương	CT CP Epi Việt Nam	7.5		5								
627	H	10627	Bùi Thị Hiền		1997	Thanh Hóa	Công ty CP thực phẩm xuất nhập khẩu Natur Fresh			5.5	1.5							
628	H	10628	Bùi Thị Hiền		1994	Hà Nam	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Duy Linh	6		5	2							
629	H	10629	Cao Thị Hiền		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Maridux Việt Nam	8	3.5	5.5	2.5							
630	H	10630	Cao Thị Thu Hiền		1986	Hà Nội	CT TNHH K&I Thái Hà Vinh											
631	H	10631	Đường Thị Hiền		1989	Bắc Ninh	CTY TNHH V&L THIANH HN		2	5								
632	K	10632	Đường Thị Hiền		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Phát triển Lịch Việt	4	2.5	6.5	3		2.5	2.5				
633	H	10633	Lê Thị Hiền		1986	Nam Định	CT CP Bảo vệ và Đường màu Thủ đô		4									
634	H	10634	Lê Thị Hiền		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dexam Better											
635	K	10635	Lê Thị Thu Hiền		1993	Nghe An	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	7.5	6	6.5			4.5	7.5				
636	H	10636	Lê Thị Thu Hiền		1988	Quảng Trị	CTY TNHH DAI ILE IMITH AN HIEHN PHAI	6	5									
637	H	10637	Lê Thị Hiền		1987	Nam Bình	CT CP Bảo vệ Jet Vina	6.5	4.5	5.5	1.5							
638	H	10638	Nguyễn Thanh Hiền		1995	Thanh Hóa		4	1.5	6	2							
639	H	10639	Nguyễn Thị Hiền		1979	Hà Nội	Công ty TNHH giải pháp an ninh NIS		7.5		2.5							
640	K	10640	Nguyễn Thị Hiền		1997	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn ASIC Việt Nam		5		7	7	5					
641	H	10641	Nguyễn Thị Hiền		1998	Hà Nội	CT TNHH Công nghệ và Thương mại Tesup	4		5.5								
642	K	10642	Nguyễn Thị Hiền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo CPA VITENAM	5.5	8	5	2	8	6.5	3.5				
643	K	10643	Nguyễn Thị Hiền		1999	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Hà Thanh Ô tô			4.5	3.5		3.5	6				
644	H	10644	Nguyễn Thị Mai Hiền		1983	Đà Nẵng	CTY TNHH HUI ONG MAI VÀ DỊCH VỤ THU ANH	5.5	7	3								
645	K	10645	Nguyễn Thị Minh Hiền		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến tạo quốc tế CPV				1.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
646	H	10646	Nguyễn Thị Thu Hiền		1976	Thái Bình	C.TCP Hà Lang và dịch vụ Việt Nam		5		5						
647	H	10647	Nguyễn Thị Thu Hiền		1991	Hải Dương	C.TY TNHH CHẾ AN GIỚI HAI DUY	6			1						
648	K	10648	Nguyễn Thị Thu Hiền		1992	Quảng Ninh			5								
649	H	10649	Nguyễn Thị Thu Hiền		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn quản trị T.M.T		8		5.5						
650	K	10650	Nguyễn Thu Hiền		1984	Hưng Yên	Công ty TNHH Tokso Consulting		5	5.5	2						
651	K	10651	Nguyễn Thu Hiền		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Đầu tư và khu vực miền Bắc Việt Nam	7.5			7	7.5					
652	K	10652	Phạm Minh Hiền		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Thyssekrupp Polysius (Việt Nam)			5	1.5				6.5		
653	H	10653	Phạm Thị Hiền		1984	Hà Nam	Công ty cơ phận thương mại xuất nhập khẩu V.N.I	5			6.5						
654	H	10654	Phạm Thị Hiền		1995	Nam Định	C.TY CP AD VISO SGI IWARI	5.5									
655	H	10655	Phạm Thị Thu Hiền		1990	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại quốc tế I BC										
656	H	10656	Phạm Thị Thu Hiền		1992	Thái Bình	C.TCP Dịch vụ và bán lẻ SNB			7	2.5						
657	K	10657	Phạm Thị Thu Hiền		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA			8.5	7.5						
658	C	10658	Thái Thị Thu Hiền		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Xuân Long							7	7.5		
659	H	10659	Trần Thị Hiền		1973	Ngũyễn An	Vien Vail học và dựng										
660	K	10660	Trần Thị Hiền		1988	Thái Bình	Công ty C/P thương mại và kỹ thuật (SC) Tân Phát		1	3.5	2.5			6	6		
661	K	10661	Trần Thị Hiền		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán TS - Chi nhánh Bắc Ninh	6.5	5	6	2.5	6.5		6.5	7.5		
662	K	10662	Trần Thị Thu Hiền		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Đầu tư thực HDT AX										
663	H	10663	Trương Thị Thu Hiền		1991	Hà Nam	Hợp hợ Craft Viet Nam										
664	H	10664	Trương Thị Thu Hiền		1991	Hà Nội	C.TI TNHH MTV In Ba Đình		5								
665	H	10665	Vu Minh Hiền		1994	Thái Bình	C.TY TNHH MTV VIB HÀ TĨNH		2.5	5	3						
666	K	10666	Vu Thào Hiền		1994	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.5	6.5	6	6.5	5.5		3	8		
667	K	10667	Vu Thị Thu Hiền		1986	Hà Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội		1.5					4			
668	K	10668	Trần Ngọc Hiền		1994	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán kiểm toán Việt Nam tại Hải Phòng				2.5						
669	K	10669	Nguyễn Văn Hiền		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hải Long	8						5	6		
670	K	10670	Nguyễn Khắc Hiệp		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		7.5					7.5			
671	K	10671	Trần Lưu Hiệp		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	5	3	3	2	5.5		2	6.5		
672	P	10672	Bùi Hoàng Hiền		1997		Deloitte Vietnam Tax Advisors Company Limited										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Môn thi		Phân tích HDT CNC		Ngòi ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ						Kế toán TK/CT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC			Tiếng Anh	Tiếng Trung	
673	K	10673	Bai Trung Hiếu	1999		Thái Bình	Công ty TNHH Kiến toàn V VCO				4	6			8.5		
674	K	10674	Bai Xuân Hiếu	1997		Nam Định	Công ty Cổ phần Eurowindow Hưởng										
675	K	10675	Lê Đức Minh Hiếu	1996		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến toàn và Đình gia Việt Nam			3					4		
676	H	10676	Lê Văn Hiếu	1997		Huế Yên	CTCP Iap deanWGLN				4						
677	H	10677	Nguyễn Lê Hiếu	1993		Huế Yên	CTCP Đầu tư và xây dựng kiến trúc xanh Việt Nam		7.5								
678	K	10678	Nguyễn Minh Hiếu	1989		Vĩnh Phúc	Lĩnh công ty Bao hoàn Bảo Việt				1.5	5			8		
679	K	10679	Nguyễn Ngọc Hiếu	1990		Thái Nguyên	Công ty Cổ phần tư vấn và chuyên gia công nghệ Sơn Phát						5	2.5	8		
680	H	10680	Nguyễn Ngọc Hiếu	1994		Yên Bái	BCTĐ DLS TNHH V N BVI	5.5		7.5							
681	H	10681	Phạm Trung Hiếu	1982		Ninh Bình	Công ty TNHH nhân Việt ViệtNexo	5	1.5	3	2.5						
682	H	10682	Phạm Văn Hiếu	1987		Hà Nội		3	2.5	5	1.5						
683	H	10683	Phu Minh Hiếu	1999		Hải Phòng	Công ty TNHH Thiết bị hóa chất Liên Phát	3.5		2.5	2						
684	K	10684	Quách Trung Hiếu	1998		Hòa Bình		3.5		6					5.5		
685	K	10685	Trần Trung Hiếu	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến toàn và Đình gia quốc tế	3	0	1.5	0.5	2.5	1	6			
686	K	10686	Trần Trung Hiếu	1999		Hải Dương	Công ty TNHH Công & Xây dựng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	6.5	5.5	5	6	6.5	8			
687	K	10687	Trần Văn Hiếu	1995		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến toàn V VCS CN Bắc Ninh		6.5								
688	H	10688	Vũ Thị Hiếu	1988		Nam Định	CTY TNHH CỔ PHẦN V N H I NAM	6	2.5	7.5	1						
689	K	10689	Bai Thị Thanh Hoa	1997		Hải Dương	Công ty cổ phần Jarch	6.5			5						
690	K	10690	Chư Thị Quách Hoa	1999		Huế Yên	Công ty TNHH Hàng Kiến toàn VASC	6.5	4.5	6	3.5	6.5	6	6			
691	K	10691	Đào Phương Hoa	1999		Bắc Giang	Công ty TNHH Kiến toàn Nhân Tâm Việt	6	4	5	5	7.5	8	6.5			
692	H	10692	Đào Thị Hoa	1993		Hải Phòng	CTI TNHH Dịch vụ Lan Ké toàn		3	7.5	1						
693	H	10693	Đặng Thị Thanh Hoa	1989		Nghe An	CTI TNHH NDI C MOBIL Y TY	7.5	5.5								
694	K	10694	Đoàn Thị Phương Hoa	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến toàn và Ké toàn Hà Nội	5.5	8	6.5	5	7.5	6.5	7.5			
695	H	10695	Đoàn Thị Hoa	1984		Nam Định	CTCP Thương mại và vận chuyển Đại Dương	6		2.5	1						
696	H	10696	Đoàn Thị Hoa	1989		Hải Dương	Công ty cổ phần thời trang & hàng Việt Nam	6	5.5	7	5						
697	H	10697	Đoàn Thị Hoa	1992		Hà Nội	CTI TNHH Thương mại Điện tử Thanh An			5	3						
698	H	10698	Hoàng Diên Hoa	1986		Ninh Bình	CTCP Thương mại và vận chuyển thôn dã	7.5	5	6	6						
699	H	10699	Hoàng Thanh Hoa	1983		Hà Nội	CTCP ATL Việt										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
700	H	10700	Khong Thu Thanh Hoa		1998	Vinh Phuc	Công ty TNHH ACS Logistics Viet Nam	4.5	7.5	5.5	3.5							
701	H	10701	Le Phuong Hoa		1995	Hai Duong	C TY TNHH NTA SFT	6.5	5.5	5	7							
702	H	10702	Le Thu Hoa		1993	Hung Yen	Công ty CP New Tea group											
703	H	10703	Le Thu Dieu Hoa		1984	Thanh Hoa	Công ty TNHH đầu tư thương mại Android											
704	K	10704	Lau Thu Phuong Hoa		1993	Nam Dinh	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp Lan Viet Lien	5	3	5.5	1.5	6	3.5	6.5				
705	H	10705	Nguyen Thu Thanh Hoa		1988	Ha Noi	Danh thuc Lan Viet Ha Noi											
706	C	10706	Nguyen Phan Thanh Hoa		1981	Ha Tinh	Công ty TNHH MTV Van tai Bien Dong					7.5	5	6.5				
707	H	10707	Nguyen Phuong Hoa		1997	Nam Dinh	C ICP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Viet Nam	7.5			6.5							
708	H	10708	Nguyen Thu Hoa		1984	Vinh Phuc	C TY TNHH DIT ONG MVI & DIT V C TH N QI AN	4	0.5									
709	H	10709	Nguyen Thu Hoa		1987	Ha Noi	C TY TNHH Đầu tư và phát triển thương mại Quynh Anh	8.5										
710	H	10710	Nguyen Thu Hoa		1988	Ha Noi	C ICP Phát triển ô tô Ha Noi			3	1							
711	H	10711	Nguyen Thu Hoa		1988	Ha Noi	C TY TNHH SAMSUNG NG DIEN AY VI T NAM	6.5	3	6	5							
712	H	10712	Nguyen Thu Hoa		1991	Ha Noi	C TY TNHH Phát triển và dịch vụ Việt Thương											
713	K	10713	Nguyen Thu Hoa		1992	Ha Nguyen	Công ty TNHH Samsung Electronics Viet Nam (Ha Nguyen)	5	3.5	5	3				7.5			
714	H	10714	Nguyen Thu Hoa		1993	Ha Noi	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế HD			2	3.5							
715	H	10715	Nguyen Thu Hoa		1996	Ha Noi	C ICP quốc tế AS VIII - Hoàng Mai	1			2							
716	H	10716	Nguyen Thu Hoa		1996	Ha Noi	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Sông Hồng											
717	H	10717	Nguyen Thu Ha Hoa		1994	Bắc Ninh	Công ty CP Ks thiết công nghệ Opns Viet Nam											
718	P	10718	Nguyen Thu Nhat Hoa		1981		V PDD Social Impact Inc - tại thành phố Ha Noi			3.5								
719	H	10719	Nguyen Thu Thanh Hoa		1981	Ha Phong	C TY TNHH Thương mại và dịch vụ Loan Long											
720	K	10720	Nguyen Thu Thanh Hoa		1985	Ha Nguyen	Công ty TNHH tư vấn kế toán Phương Linh		1	3.5	5		3	6.5				
721	C	10721	Nguyen Thu Thanh Hoa		1990	Bắc Giang	Công ty TNHH Daxell Technology					7.5	6.5	5.5				
722	K	10722	Nguyen Thu Thanh Hoa		1993	Ha Nam	Công ty CP Đầu tư tài chính và công nghệ Datasch			5	1.5							
723	K	10723	Nguyen Thu Thanh Hoa		1998	Ha Duong	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Lực Việt		1.5			6	2.5					
724	H	10724	Nguyen Thu Thu Hoa		1985	Hung Yen	C ICP Phu Dai Son La	5	0.5	3.5	2.5							
725	H	10725	Phan Thu Hoa		1989	Ha Noi	Công ty TNHH Danh thuc Dong Anh			6.5								
726	H	10726	Phan Thu Hoa		1998	Nam Dinh	C TY CP LAP DOAN HO XNG MINH			5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ kế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
727	K	10727	Phạm Thị Quỳnh Hoa		1999	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo An Việt - Chi nhánh Hà Phòng	7.5	5.5	6.5	1	7.5	8	7.5				
728	K	10728	Phùng Thị Hoa		1982	Hà Nội	Công ty CP DV và phân phối gạo Đại Dương			8.5			2					
729	H	10729	Lưu Mai Hoa		1987	Hà Tĩnh	CTY CP CHOI HUI (PHAM HI	6.5			4							
730	K	10730	Vũ Thị Hoa		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo BDO		4		6	7.5	6	8				
731	K	10731	Vũ Thị Mai Hoa		1994	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam		6	5		4						
732	K	10732	Vũ Thị Mỹ Hoa		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hưng Kiến tạo và Phân gạo ASCO	8	4	7	3	8	7	7.5				
733	H	10733	Nguyễn Hữu Hoa	1995		Nam Định	CTI TNHH Nước giải khát Lai Đồ	5			5.5							
734	K	10734	Bùi Thị Minh Hoa		1993	Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hải Linh											
735	H	10735	Đinh Thị Diệu Hoa		1998	Nam Định	CN East Consulting Co Ltd Nhân Bản tại Việt Nam	7	7	7	4							
736	H	10736	Lương Thị Diệu Hoa		1977	Yên Bái	33 NGỎ 562 BÍ CÔNG ANG PHU CÔNG ANG HUY ĐÔNG BÀ HUY NỘI		3		4							
737	H	10737	Nguyễn Thị Diệu Hoa		1988	Nam Định	CTCP Đầu tư Thương mại và dịch vụ Hưng Thịnh Phát											
738	H	10738	Nguyễn Thị Diệu Hoa		1999	Hà Phòng	CTI TNHH Logistics Viet Nam Hà Phòng			3.5								
739	H	10739	Nguyễn Thị Khánh Hoa		1989	Luyên Quang	Công ty TNHH Lập đoàn tư vấn	5.5	1									
740	K	10740	Nguyễn Thị Nhân Hoa		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn Bình An	6	8	6	6	7	4	7.5				
741	K	10741	Phạm Ngọc Hoa	1977		Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo và dịch vụ tư vấn Hà Nội	3.5	1.5	5		5		6				
742	K	10742	Trần Thu Hoa		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Mai Ngọc		5.5	4				3.5	6.5			
743	H	10743	Lương Việt Hoa	1985		Thanh Hóa	Công ty TNHH đầu tư Quảng Long - Thanh Hóa											
744	K	10744	Vũ Thị Thanh Hoa		1995	Hà Phòng	Công ty TNHH Tư vấn & Công Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	5.5	5.5	7	7.5	5	7.5				
745	H	10745	Bùi Thị Hoa		1990	Hà Phòng	CTY CP CH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DINH VINACONROCI	4.5	5.5	5.5	4.5							
746	H	10746	Đào Thị Hoa		1994	Thanh Hóa	CTCP Thương mại và Logistics công nghiệp Nghệ Sơn				7							
747	C	10747	Lê Thị Hoa		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Xanh Đức Thuận					7	6.5	7				
748	H	10748	Ngô Thị Hoa		1992	Nghe An	CTY TNHH SẢN PHẨM VÀ TƯ VẤN TƯ VẤN TƯ VẤN	7.5		5.5								
749	H	10749	Nguyễn Thanh Hoa		1987	Hà Phòng	CTI TNHH GIẢI Vết Nam		5									
750	K	10750	Nguyễn Thị Hoa		1988	Hà Nội	Ngân hàng MDP Việt Nam Thịnh Vượng											
751	K	10751	Nguyễn Thị Hoa		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công Việt Nam											
752	K	10752	Nguyễn Thị Hoa		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn Lạc		6		3.5			6.5				
753	K	10753	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn CITY	4	6.5	7	7	7.5	4	8.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
754	11	10754	Nguyễn Thu Việt Hoàn		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến tạo Thuận Dương										
755	11	10755	Phạm Thu Hoàn		1994	Ninh Bình	Công ty CP NKN Đà Nẵng				6.5						
756	11	10756	Phạm Thu Hoàn		1986	Nam Định	Công ty CP Công nghệ và thương mại ha2tek			5.5							
757	11	10757	Lê Thu Hoàn		1988	Hà Nội	CÔNG TY TNHH DAI ILI (M)ASVN XUẤT CHẾ PHẨM	5.5	1	6	3.5						
758	11	10758	Vũ Thu Hoàn		1997	Thái Bình	ICP Binh Minh Group	3.5		3.5	3						
759	11	10759	Lê Văn Hoàn		1992	Hưng Yên	CÔNG TY TNHH Thương kiến tạo và Tư vấn VSV	6			7.5						
760	11	10760	Bùi Đức Hoàn		1994	Ninh Bình	Công ty CP LICO	3.5	6.5		5		4	6			
761	11	10761	Đào Minh Hoàn		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn VSV	4		5.5	1.5	8	4.5	6.5			
762	11	10762	Bùi Thu Hoàn		1997	Bà Rịa	Công ty TNHH Kiến tạo AGS										
763	11	10763	Hoàng Thu Hoàn		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Xing Yue International Việt Nam			7	4						
764	11	10764	Lê Việt Hoàn		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ VVC	3.5	5	5	4	5.5	2	6			
765	11	10765	Ngô Thu Hoàn		1993	Thái Bình	Công ty TNHH sản lập hệ thống Mĩ Thuật Phương			5							
766	11	10766	Nguyễn Thu Hoàn		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo TS - Chi nhánh Bắc Ninh		5	6.5	4		7	8.5			
767	11	10767	Nguyễn Thu Kim Hoàn		1995	Hà Nội	CÔNG TY CP BILU HCH VSV		2	4							
768	11	10768	Phùng Ngọc Hoàn		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MIV Group dịch vụ Luật Việt	8		6.5							
769	11	10769	Lưu Thu Kim Hoàn		1992	Bắc Giang	Công ty TNHH Công Properties Hà Nội										
770	11	10770	Bùi Đăng Hoàng		1999	Luxen Quảng	Công ty TNHH Trans & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.5	8	4	3	6.5	3.5	6.5			
771	11	10771	Bùi Quang Huy Hoàng		1995	Thừa Thiên Huế	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Luxen Quảng					2.5	1	8.5			
772	11	10772	Lê Hà Minh Hoàng		1991	Hải Phòng	CÔNG TY TNHH KIM TROYN & LE VASRSV VÀ T N M - CN HÀ NỘI	5	3	6	6						
773	11	10773	Lê Hải Hoàng		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam								6		
774	11	10774	Nguyễn Hải Hoàng		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo tư vấn Hải Hồ	5	5.5	6.5	3.5	7.5	6	9			
775	11	10775	Nguyễn Hải Hoàng		1999	Nam Định	Công ty TNHH Thương kiến tạo VASC	5		6	4	7.5	10	5.5			
776	11	10776	Nguyễn Minh Hoàng		1997	Phủ Thọ	Công ty TNHH Thương kiến tạo VASC	4			3.5			8.5			
777	11	10777	Nguyễn Quốc Hoàng		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Công nghệ Proos Việt Nam						7	6			
778	11	10778	Phạm Minh Hoàng		1996	Phủ Thọ	Công ty Kinh doanh Bất động sản Yagdetra										
779	11	10779	Đan Ngọc Hoàng		1986	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo VACO	5.5	3.5	5.5	4.5		2.5				
780	11	10780	Nguyễn Quang Học		1994	Hưng Yên	Công ty CP Dầu từ IDJ Việt Nam	4	6					8.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
781	K	10781	Trần Thu Hào	1993		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn và Đào tạo ACCT Hà Nội - Chi nhánh Miền Bắc	3		6	3,5					
782	H	10782	Bùi Thị Hào		1991	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn thuế Thanh Bình		4,5		5,5					
783	K	10783	Bùi Thị Hồng		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán TTP			6,5	5		4			
784	K	10784	Đường Thị Hồng		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)		5	5	3,5					
785	H	10785	Hà Thị Hồng		1989	Thanh Hóa	CTCP Thương mại và cơ giới công nghiệp Nghi Sơn			6						
786	H	10786	Hoàng Thị Hồng		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến trúc Bắc Á									
787	C	10787	Hoàng Thị Xuân Hồng		1987	Hà Tĩnh						6,5	6	5,5		
788	K	10788	Le Thị Hồng		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - IDK	2,5	0	4	3					
789	K	10789	Lưu Thị Hồng		1999	Nghệ An	Lĩnh công ty cổ phần học hành Hưng Vương		3,5	6	4	6,5			6,5	
790	K	10790	Ngô Văn Hồng	1992		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn tài chính Việt Nam		3	4,5			1,5			
791	H	10791	Nguyễn Mai Hồng		1986	Hà Nội	CTCP Capital SF			8,5						
792	H	10792	Nguyễn Thị Hồng		1986	Hà Nam	Công ty CP xây dựng công nghiệp (CQN Việt Nam									
793	H	10793	Nguyễn Thị Hồng		1987	Hà Nội	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học thu v		8,5							
794	H	10794	Nguyễn Thị Hồng		1988	Hà Nội	CTY CP H. VASCP VI OGDIST'S VIL.1 NAM	5	1,5	7,5	5					
795	K	10795	Nguyễn Thị Hồng		1990	Hà Nội	Công ty Cổ phần Dabodings	7,5				7	6	6,5		
796	K	10796	Nguyễn Thị Hồng		1994	Nghệ An	Công ty CP Công nghệ Kỹ thuật	6,5	2,5		5,5		2,5			
797	K	10797	Nguyễn Thị Hồng		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	4		5	6	7		7,5		
798	K	10798	Nguyễn Thị Hồng		1999	Nghệ An	Công ty CP Đầu tư và xây lắp kỹ thuật hạ tầng - PDDI	6	6,5	6	2,5	6,5	6	5,5		
799	H	10799	Nguyễn Thị Diệu Hồng		1994	Nghệ An	Công ty TNHH Sơn Asstec Việt Nam		5	7	5					
800	H	10800	Trần Thị Hồng		1995	Nam Định	CT TNHH giao phối kinh doanh thương mại									
801	K	10801	Trần Thị Hồng		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Dong-A			9	3,5		4,5	6,5		
802	H	10802	Trần Thị Hồng		1989	Nam Định	Công ty CP đầu tư và xây dựng Đại Phát			5,5	3,5					
803	H	10803	Trần Thị Hồng		1993	Nam Định	Công ty CP Chuva Việt Nam	5	5		3,5					
804	H	10804	Vũ Thị Bích Hồng		1993	Phu Thọ	CTCP đầu tư phát triển xây dựng dân dụng Hà Nội	6,5	8	7	5					
805	H	10805	Đo Thị Bích Hồng		1990	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn SL									
806	H	10806	Nguyễn Thị Hồng Hồng		1995	Vĩnh Phúc	Công ty Asian Power Devices vietnam			6,5	4					
807	H	10807	Phạm Thị Hồng		1983	Quảng Bình	CT TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Minh Thuận	4	1,5	5	3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
808	H	10808	Nguyễn Văn Hoàn	1994		Bắc Giang	C.T TNHH Tư vấn tài chính kế toán F.ACO Việt Nam			6						
809	H	10809	Đỗ Sĩ Hoàn	1987		Thanh Hóa	C.TCP L.VINA				3					
810	H	10810	Hoàng Thu Hoàn		1986	Nam Định	Công ty CP giao dịch điện			5.5						
811	K	10811	Nguyễn Thu Huệ		1986	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Phúc Minh	6.5	4.5		5	6.5	5			
812	K	10812	Vu Thu Huệ		1989	Nam Định	Công ty Cổ phần Traphaco	8				6.5	7	7		
813	H	10813	Bùi Thanh Huệ		1988	Đà Nẵng	C.T TNHH Datas House Việt Nam	8.5								
814	H	10814	Bùi Thu Huệ		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH thương mại Tà Khang	7	6	6	5.5					
815	H	10815	Lê Thu Huệ		1982	Thanh Hóa	Cty TNHH Dịch vụ thương mại Tà Linh	7.5	1.5	6.5	3					
816	H	10816	Nguyễn Thu Huệ		1983	Bắc Ninh	C.TCP TM Dịch vụ và xây lắp Hà Phòng		6		3					
817	H	10817	Nguyễn Thu Huệ		1994	Đà Nẵng	C.T TNHH Gò ép Anh Bình		3	6.5						
818	H	10818	Nguyễn Thu Huệ		1989	Phu Xuyên	Công ty TNHH Kế toán Huệ Lucky	7		6.5	6.5					
819	H	10819	Phạm Thu Huệ		1996	Hải Dương	C.TCP Giao hàng tiết kiệm	5.5		5	1.5					
820	H	10820	Vu Thu Huệ		1996	Nam Định	C.TY TNHH UNHID IRANS VIE L NAM	4.5	2.5	6	6.5					
821	K	10821	Vu Thu Huệ		1997	Nam Định		7								
822	H	10822	Bùi Thu Hoa Huệ		1995	Phù Thọ	Công ty TNHH Far Consulting Co. Ltd Nhật Bản tại Việt Nam		4	6.5						
823	H	10823	Đinh Thu Huệ		1997	Ninh Bình	tư do		5.5		5					
824	C	10824	Hoàng Thu Huệ		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH Công nghệ may mặc Specrite Việt Nam									
825	H	10825	Hoàng Thu Huệ		1997	Hưng Yên	Công ty Cổ phần thương mại AIC V.HIP1			7.5	7					
826	K	10826	Hoàng Thu Kim Huệ		1987	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiem toan WCON	5.5	1.5	6.5	5	5	0.5	2.5		
827	H	10827	Lê Thu Huệ		1987	Thanh Hóa	C.T TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam	5.5	5	5.5	5					
828	H	10828	Lê Thu Huệ		1992	Hà Tĩnh	C.T Dịch vụ Mobileone Khu vực 1 - CNTT Việt Nam thông Mobileone	6.5								
829	H	10829	Lê Thu Thu Huệ		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Huệ và tư vấn KPMG	5.5	4	6	3.5					
830	K	10830	Lương Thu Minh Huệ		1990	Yên Bái	Công ty TNHH Sức khỏe và môi trường Việt Nam			6	6.5					
831	H	10831	Nguyễn Hương Huệ		1988	Hưng Yên	C.T TNHH SX TM & XK Hoàng Lam									
832	H	10832	Nguyễn Thu Huệ		1988	Hải Phòng	C.TY H.VAN TH H.MINH			6	3					
833	H	10833	Nguyễn Thu Huệ		1991	Hải Phòng	Công ty TNHH Michang Việt Nam	6		6						
834	H	10834	Nguyễn Thu Huệ		1996	Hà Nam	C.N.C.TCP L - Global tại Hà Nội		3.5		1.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
835	II	10835	Nguyễn Thị Kim Huệ		1991	Nghe An	CT TNHH tư vấn và xây dựng Hoàng Phan	5.5	7.5	5	0.5					
836	K	10836	Nguyễn Thị Thu Huệ		1996	Hà Nội	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					5.5				
837	C	10837	Phu Thị Huệ		1987	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế AV									
838	II	10838	Lưu Thị Huệ		1994	Thanh Hóa	CT TNHH Vegetem	5.5	1	6	3					
839	II	10839	Lưu Thị Huệ		1998	Nghe An	Công ty CP công nghệ phần mềm Sky Solution		6	6.5	4					
840	K	10840	Vũ Thị Thanh Huệ		1982	Hưng Yên	Lập đoàn công nghệ vận tải thông quan dục		1.5	5	3				5	
841	K	10841	Đào Phi Hùng		1996	Hà Tĩnh	Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán Hùng Tài Hà Nội	6.5			5					
842	II	10842	Đoàn Xuân Hùng		1986	Bắc Ninh	Công ty TNHH tư vấn và kế toán Vaxam									
843	K	10843	Quang Đức Hùng		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Hùng Long - LDK	4.5	4.5	5.5	6.5	7	5.5			
844	II	10844	Lê Thị Hùng		1960	Hà Tĩnh										
845	K	10845	Lương Hữu Hùng		1995	Nam Định	Công ty TNHH BR24 Việt Nam				4					
846	II	10846	Ngô Minh Hùng		1977	Ninh Bình	Emech VN	6	7	9	5.5					
847	II	10847	Ngô Xuân Hùng		1997	Nghe An	CTY CP SIBA HỒI DINH	6	3.5	4						
848	K	10848	Nguyễn Minh Hùng		1982	Lào Dương	Công ty TNHH kiểm toán An Việt		3.5		3.5	5				
849	K	10849	Nguyễn Lan Hùng		1997	Hà Nội					6.5					
850	K	10850	Nguyễn Văn Hùng		1993	Hà Phòng	Trường Đại học Newton Gold Mark	5.5	6	7	3	6.5	3.5		6	
851	K	10851	Nguyễn Văn Hùng		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH KPVIG		8		6					
852	K	10852	Nguyễn Việt Hùng		1992	Hà Nội									1.5	
853	K	10853	Nguyễn Vũ Hùng		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn VSA	5	5	4	1	5	3.5		6.5	
854	II	10854	Linh Văn Hùng		1991	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	6.5	5	6.5	5.5					
855	K	10855	Đào Nhật Huy		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Lạc Hòa Dân Nghi Sơn					6.5			7	
856	K	10856	Đặng Quang Huy		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Hùng kiểm toán và Định giá ASC O		6	5						
857	K	10857	Đỗ Đức Huy		1999	Hà Nam	Công ty TNHH kiểm toán BDO	6	8	6	5	7	3.5		7	
858	K	10858	Lê Huy		1997	Đức Thọ			5	5		7.5	6.5			
859	K	10859	Nguyễn Đình Huy		1995	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Lập đoàn Tân Long	6	5.5		6			4	2.5	
860	K	10860	Nguyễn Đức Huy		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam				5				9	
861	K	10861	Nguyễn Đức Huy		1998	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7		7	8					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuyết VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
862	K	10862	Trần Văn Huy	1999		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn định giá ACC Việt Nam - chi nhánh Duyên Hải	4.5	1.5				2	5		
863	II	10863	Nguyễn Thị Hoa Huyền		1999	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn quản lý G88			6	5					
864	K	10864	Bùi Thị Huyền		1992	Thái Bình	Công ty TNHH (huấn luyện công ứng Microsoft Việt Nam)	6.5		5.5	6.5			4		
865	II	10865	Bùi Thị Thanh Huyền		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán SKS									
866	II	10866	Bùi Thị Huyền		1994	Hà Nội	CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁCH ĐỨC AN QUỐC TH	6.5		5.5						
867	K	10867	Cù Thị Huyền		1997	Hà Nam	Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	5.5		5.5				5.5	5.5	
868	II	10868	Đoàn Thu Huyền		1996	Bắc Ninh	SHIMCPHANGHAI V&L NVN	4.5	5.5	4.5	0.5					
869	II	10869	Đoàn Thị Huyền		1988	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀO V&O			7	7					
870	C	10870	Đào Thị Huyền		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Quý Pháp Tư Đông Hoa Tech					6	7			
871	K	10871	Đào Thị Huyền		1996	Nghe An			4.5		2.5			5.5		
872	II	10872	Đinh Thị Thanh Huyền		1997	Hà Nội	Công ty CP Dược phẩm Việt Bắc	5.5		5.5						
873	K	10873	Đoàn Thị Minh Huyền		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		7		4	8	4	5		
874	K	10874	Đỗ Thanh Huyền		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam				4					
875	C	10875	Guang Minh Huyền		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Dabiru CSB					5.5	7.5	7.5		
876	K	10876	Hà Khánh Huyền		1996	Đào Bình	Công ty Tư chính TNHH Ngân hàng JSCP Sài Gòn - Hà Nội	7		5						
877	II	10877	Hoàng Minh Huyền		1986	Hà Nội			8							
878	K	10878	Hoàng Thanh Huyền		1993	Yên Bái	Công ty CP Media Hà Nội									
879	II	10879	Hoàng Thị Huyền		1996	Nam Định	Công ty TNHH Mapower Việt Nam		0.5							
880	K	10880	Hoàng Thị Huyền		1998	Sơn La	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội	7	5	7	5					
881	K	10881	Hoàng Thị Huyền		1999	Hoài Nguyên	Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán SKS	4.5		6	2.5	7	5.5	7.5		
882	II	10882	Le Thị Huyền		1987	Thanh Hóa	CTI TNHH Dịch vụ và tư vấn doanh nghiệp XMB	6.5		5						
883	II	10883	Le Thị Huyền		1989	Thanh Hóa			6	7.5	6.5					
884	C	10884	Le Thị Huyền		1991	Hà Nam	Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Anh Lâm					6	6	6		
885	K	10885	Le Thị Huyền		1998	Thanh Hóa		6	3.5	6.5	3					
886	K	10886	Le Thị Ngọc Huyền		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Nhan Tâm Việt							4.5		
887	K	10887	Le Thị Hương Huyền		1991	Nghe An	Văn phòng công chứng Phan Ngọc									
888	II	10888	Le Thị Huyền		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Q1 và đầu tư KIP CORP									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Chức vụ		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
889	K	10889	Lương Thị Thanh Huyền		1997	Phước Thọ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Huen A				6						
890	II	10890	Lưu Thị Huyền		1993	Vĩnh Phước	Công ty CP ROX Key Holdings	5.5	4	7							
891	II	10891	Lưu Thị Thanh Huyền		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Quan tri DN BCS Việt Nam			8	6						
892	II	10892	Ngô Ngọc Huyền		1996	Hà Nội	CTCP Tập đoàn Golden Gate			6	2.5						
893	II	10893	Ngô Thị Khánh Huyền		1998	Nghe An	CT TNHH Hoàng Việt Nam										
894	II	10894	Ngô Thị Thu Huyền		1994	Nam Định	Công ty CP ICT Loan Cầu			4.5	5.5						
895	K	10895	Nguyễn Đức Minh Huyền		1994	Hà Nội									5		
896	II	10896	Nguyễn Khánh Huyền		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Công nghệ Asilia Việt Nam										
897	K	10897	Nguyễn Khánh Huyền		1999	Quảng Ninh	CN Công ty TNHH Hoàng Kiên toàn ASSC tại Quảng Ninh	5.5	5	5.5	4	5.5	4	2			
898	K	10898	Nguyễn Thanh Huyền		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn và tư vấn tài chính APCO Việt Nam				7						
899	K	10899	Nguyễn Thanh Huyền		1988	Hà Nội	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		6.5	5							
900	II	10900	Nguyễn Thanh Huyền		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán quốc tế		4.5	8.5	6						
901	II	10901	Nguyễn Thị Huyền		1983	Hà Nội	CTY TNHH KẾ TOÁN VÀ DỊCH VỤ TẾ AIC VIỆT NAM			2.5	5						
902	II	10902	Nguyễn Thị Huyền		1986	Bắc Ninh	Công ty TNHH HIN Semiconductor Vietnam										
903	II	10903	Nguyễn Thị Huyền		1988	Hà Tĩnh	CTCP Quân và sản phẩm BDS Mandala			8							
904	II	10904	Nguyễn Thị Huyền		1990	Thanh Hóa	CT TNHH Externe Viet Nam		7								
905	II	10905	Nguyễn Thị Huyền		1992	Thái Bình	CTCP Kinh doanh F88	6	1.5	3.5	2.5						
906	II	10906	Nguyễn Thị Huyền		1992	Thái Dương	Công ty CP Cơ Điện Galaxy	5									
907	II	10907	Nguyễn Thị Huyền		1994	Thái Bình	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Long Giang		6		2.5						
908	II	10908	Nguyễn Thị Huyền		1996	Thái Dương	CTCP Kế toán IOK ADO			6.5							
909	II	10909	Nguyễn Thị Huyền		1996	Hà Nội	CTCP Đầu tư thương mại dịch vụ Long Giang										
910	K	10910	Nguyễn Thị Huyền		1998	Nghe An	Công ty TNHH Aupatech Technology	4.5	1	5	1.5	5	3.5	5			
911	K	10911	Nguyễn Thị Huyền		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)	5.5	4	4	3.5						
912	II	10912	Nguyễn Thị Huyền		1998	Hà Tĩnh	CTY CP TH CÔNG MỸ VÀ DỊCH VỤ CHUYỂN PHAI THANH AN SONS NHAT			3.5	2						
913	II	10913	Nguyễn Thị Huyền		1998	Thái Dương	CTY CPS N DỊCH VỤ VÀ TÀI PHAI TNHH	5		4	1						
914	K	10914	Nguyễn Thị Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn & Tư vấn Long II										
915	II	10915	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1997	Ninh Bình	Công ty CP OMS Việt Nam			6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi						Ngôn ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
916	K	10916	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Nam Định	Công ty Công nghệ Hòa chất rắn - Vietnam				6.5					
917	K	10917	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kế toán Deloitte Việt Nam			4	5				8.5	
918	H	10918	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Hà Nội										
919	K	10919	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kế toán-Kiểm toán-Tư vấn Việt Nam	4.5	3.5	3.5	4	6.5	2.5			
920	C	10920	Nguyễn Thị Thu Huyền		1977	Hà Nam	AMICA JSC					7.5	4	5.5		
921	C	10921	Nguyễn Thị Thu Huyền		1984	Hà Dương	Công ty TNHH Đại lý Thuốc L1A					5	2.5	5.5		
922	P	10922	Nguyễn Thị Thu Huyền		1997		Công ty TNHH KPVIG			5						
923	K	10923	Nguyễn Thị Thu Huyền		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán Deloitte Việt Nam		7	5			6		9	
924	H	10924	Nguyễn Thị Thu Huyền		1983	Hà Nội	CTY TNHH SX& XK MISDA			8	4					
925	C	10925	Nguyễn Thị Thu Huyền		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH AAC technologies Vinh Phuc					6	6.5	8		
926	K	10926	Nguyễn Thị Thu Huyền		1994	Hà Nội	Công ty Cổ phần Vnes									
927	K	10927	Nguyễn Thị Thu Huyền		1995	Hà Nội	Công ty TNHH RBA WTS Việt Nam	7.5			4					
928	K	10928	Nguyễn Thuong Huyền		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán & Tư vấn KSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.5	3.5		3.5	8	5			
929	H	10929	Nguyễn Vũ Ngọc Huyền		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH VSHIP Thái Bình		8	7.5						
930	H	10930	Phạm Ngọc Huyền		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Phương NB				5.5					
931	K	10931	Phạm Thanh Huyền		1996	Quảng Ninh	Bưu Lai chính - Công ty Bảo hiểm Hàng Không	6	4.5	3.5	0.5				7	
932	H	10932	Phạm Thị Huyền		1997	Ninh Bình	Chi nhánh Lan consulting Co - Ltd Nhật Bản tại Việt Nam	7		6						
933	K	10933	Phạm Thị Huyền		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Kiểm toán Tư vấn Hà Nội - Chi nhánh Hàng Long	4.5	6.5	4	5	6	6			
934	H	10934	Phạm Thị Thanh Huyền		1990	Hưng Yên	CT TNHH Xây dựng và thương mại Minh Long Hưng Yên		7		4	4				
935	K	10935	Phạm Thị Thanh Huyền		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Đại Việt			6	5		3.5			
936	K	10936	Phạm Thanh Huyền		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tescomet Holding	4	5				4	3		
937	H	10937	Phạm Thị Minh Huyền		1985	Quảng Bình	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư quốc tế Hòa Hoàng									
938	K	10938	Phùng Thị Thu Huyền		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Insti & Young Việt Nam			5	3.5		6.5			
939	K	10939	Trần Minh Huyền		1999	Phúc Thọ	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Đại Việt	5.5	3.5	6	4	7.5	5.5	5		
940	H	10940	Trần Thanh Huyền		1995	Thái Bình	Công ty Cổ phần SYCORP	8	9	6	5					
941	H	10941	Trần Thanh Huyền		1998	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn Đại Hà	6.5	6	7	5.5					
942	K	10942	Trần Thị Huyền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán thuế QC		4	4	2			7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
943	K	10943	Trần Thị Huyền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán ABC Việt Nam - CN Hà Thành			5.5	5						
944	H	10944	Trần Thị Khánh Huyền		1997	Hà Tĩnh	CN CY TNHH NGÂN HÀNG	7	1.5	8	3.5						
945	H	10945	Trần Thị Thanh Huyền		1981	Phu Thọ	CT TNHH Dịch vụ tư vấn và phát triển MobileOne			4	1						
946	K	10946	Trần Thị Thu Huyền		1995	Thái Bình	Trung tâm nghiên cứu và phát triển MobileOne			4.5		6.5	5	6.5	5	6	
947	K	10947	Trần Thanh Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	6.5	6	7	5.5	7.5	6	7.5	6	7.5	
948	C	10948	Trần Thị Thanh Huyền		1990	Hải Dương	Công ty CP ID BDS Miền bắc						7.5	5.5	5.5	6.5	
949	H	10949	Vũ Khánh Huyền		2015	Hà Nội	Công ty CP Bio-med										
950	H	10950	Vũ Thị Huyền		1994	Thái Bình	CTY CP DAI TI TOI HUE	8.5	8	4.5	8.5						
951	K	10951	Vũ Thị Thu Huyền		1995	Nam Định	Ngân hàng EXCIP Bắc Á										
952	K	10952	Vũ Thị Thu Huyền		1998	Thái Bình	Khác			5							
953	H	10953	Vũ Thị Vân Huyền		1992	Thái Bình	CTY TNHH AIGONMATE VIỆT NAM		6.5								
954	H	10954	Bùi Quốc Hưng		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Hoàng Long IDK			4	5						
955	K	10955	Đặng Quang Hưng		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	5.5	5	5.5	3.5	7	3.5		7		
956	H	10956	Đinh Việt Hưng		1990	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tư vấn Hưng Thịnh		8	6							
957	K	10957	Lê Duy Hưng		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Hoàng Long IDK	1.5		4	3	6			6.5		
958	H	10958	Lê Nam Hưng		1971	Thanh Hóa	Công ty TNHH JV JC K và đầu tư thực Hưng Thịnh			5	2.5						
959	H	10959	Lê Thị Hưng		1983	Nam Định	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bón Mùa Việt Nam										
960	K	10960	Nguyễn Công Hưng		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán THY - CN Hà Nội		5.5	6.5				5			
961	K	10961	Nguyễn Kim Hưng		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT	7.5		7.5							
962	K	10962	Nguyễn Quốc Hưng		1992	Phu Thọ				5.5							
963	H	10963	Nguyễn Trần Hưng		1993	Bắc Ninh	CT TNHH Dịch vụ TAC		2	9	4						
964	H	10964	Nguyễn Trần Hưng		1997	Hà Nội	CTY TNHH BAI MEDIA	6			2.5						
965	K	10965	Nguyễn Việt Hưng		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán INKICO			5	1.5			2.5			
966	K	10966	Trần Thị Hưng		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán VACO		6	8	4	6	7	5.5			
967	H	10967	Trần Xuân Hưng		1990	Nam Định	CTY TNHH KẾ M I OAN VACO	6.5	6		3.5						
968	K	10968	Vũ Ngọc Hưng		1998	Thái Nguyên	Công ty Cổ phần INKIDV Ngọc Hà										
969	K	10969	Bùi Thị Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH KPMG		3.5	6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
970	K	10970	Bùi Thị Mai Hương		1979	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hương Loan	8.5	6	5.5	5.5							
971	K	10971	Bùi Thị Thu Hương		1991	Hải Phòng	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CÔNG NGHỆ PHAI PHONG			7								
972	II	10972	Đường Thị Hương		1994	Quảng Ninh	CT TNHH Dịch vụ kế toán và đại lý thuế Hương Dương											
973	K	10973	Đặng Quỳnh Hương		1995	Hà Nội	Ngân hàng TMCP A Châu	7					5.5	5				
974	II	10974	Đặng Thị Thu Hương		1994	Nam Định	Công ty TNHH Quản trị DN BCG Việt Nam											
975	C	10975	Đinh Thị Lan Hương		1995	Định Bình	Công ty CP Công nghiệp Nguồn nhân Lực Fortress Việt Nam					5						
976	II	10976	Đinh Thị Thu Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ kế toán và tư vấn thuế Tân Phát					5						
977	II	10977	Đỗ Lan Hương		1991	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn tài chính và kế toán TAC											
978	II	10978	Đỗ Thu Hương		1995	Định Bình	CTY CP QUẢN LÝ CHỈ DẪN NGUYỄN THỊ PHU THỊ PHONG VN - CN DINH VI	8.5	5.5	4	4							
979	II	10979	Đỗ Thị Thu Hương		1997	Hưng Yên	CTCP Công nghệ và tư vấn Green Leaf Việt Nam	6	8.5		5							
980	K	10980	Hoàng Thị Hương		1999	Hải Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán và tư vấn ACC tại Hà Nội			8	2	6.5		2				
981	K	10981	Hoàng Thị Lan Hương		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Vải lụa Yamasanta		5	4								
982	II	10982	Hoàng Thị Mai Hương		1990	Hà Nội	Công ty CP CK alpha		6.5									
983	II	10983	Hiếu Mai Hương		1979	Hải Phòng	CT TNHH Lan Dền		1		2.5							
984	K	10984	Khúc Thanh Hương		1996	Định Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội					5.5	4.5	7				
985	C	10985	Lê Thu Hương		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Sumitomo Corporation Việt Nam					5.5						
986	K	10986	Lê Thị Lan Hương		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VSA	6.5	5	7.5	5	7	6	6				
987	II	10987	Lê Thị Thu Hương		1998	Phủ Thọ	Công ty TNHH Tư vấn-Kiểm toán SKS											
988	C	10988	Lê Thu Hương		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Miao Management Accountant Vietnam					5.5	5	6.5				
989	K	10989	Lê Khánh Hương		1999	Thái Nguyên	Đơn vị chức năng	5.5	6	5.5	4	6.5	6	7.5				
990	K	10990	Lưu Thị Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng kế toán và Định giá AIC	7	5.5		4		5	3				
991	II	10991	Lưu Thị Lan Hương		1997	Định Bình	CT TNHH H.ABY			6	1.5							
992	K	10992	Ngô Thị Thu Hương		1993	Hưng Yên	Ngân hàng TMCP Ks thương Việt Nam											
993	II	10993	Nguyễn Mai Hương		1997	Ninh Bình	CT TNHH Kế toán và tư vấn NGV		7.5		6							
994	II	10994	Nguyễn Thu Hương		1980	Hải Dương	CT TNHH Kế toán và định giá AACF											
995	K	10995	Nguyễn Thu Hương		1983	Bắc Ninh	Công ty TNHH An toàn lao động An Bình											
996	C	10996	Nguyễn Thu Hương		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Doosung Tech Vietnam							5				

STT	Loại dạng kỳ dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
007	H	10007	Nguyễn Thu Hương		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Bạch Khoa	4	2	3	2					
008	H	10008	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Dương	Công ty CP tư vấn Thuế kế và xây dựng 319			5	3.5					
009	H	10009	Nguyễn Thu Hương		1990	Hà Nội	CT TNHH Thương mại và xây dựng Redhouse Viet Nam		5.5	6.5						
000	K	10000	Nguyễn Thu Hương		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH AnQua Việt	8		5					7	
001	H	10001	Nguyễn Thu Hương		1997	Hưng Yên	CTY TNHH SHINHANH VFT NAM	4	2.5	5.5	1					
002	H	10002	Nguyễn Thu Hương		1997	Nghe An	Chi nhánh Công Nghiệp tại Hà Nội	7.5		5.5						
003	H	10003	Nguyễn Thu Hương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Huach System Viet Nam		6.5							
004	H	10004	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	CT TNHH Zoonhon Viet Nam									
005	H	10005	Nguyễn Thu Hương		1998	Hải Phòng	CT TNHH SGS Viet Nam	4	9	5						
006	H	10006	Nguyễn Thu Hương		1994	Quảng Bình	CT TNHH Ievania Vietnam Management									
007	H	10007	Nguyễn Thu Hương		1984	Hà Nam	Công ty CP Nam Hưng	7.5	5.5		4					
008	H	10008	Nguyễn Thu Hương		1986	Hà Nội	Công ty TNHH xây dựng và cơ khí HD			3.5	1					
009	H	10009	Nguyễn Thu Hương		1993	Nam Định	Công ty CP AHD Newlight		7	5						
010	K	10010	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	Chi nhánh công ty TNHH Kien Loan Long tại Hà Nội	6.5	6		5.5					
011	K	10011	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Wilchex Vina		9.5	7.5	5		4			
012	H	10012	Nguyễn Thu Hương		1976	Bắc Giang	CT CP Service Home	5.5		3						
013	H	10013	Nguyễn Thu Hương		1988	Hải Phòng	CT Đầu tư và kinh doanh con nh nước - CT TNHH	5.5	6.5	5.5	5					
014	K	10014	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội				5.5					
015	K	10015	Nguyễn Thu Hương		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Hang Kien Loan AASC			5				3	5	
016	H	10016	Nguyễn Thu Hương		1988	Hải Nguyễn	Công ty TNHH tư vấn và thương mại nam thành long									
017	H	10017	Nguyễn Thu Hương		1991	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ Kế toán và tư vấn thuế Tân Phát	5	0.5	7.5						
018	H	10018	Nguyễn Thu Hương		1994	Hà Nội	CTCP TD GOI DIN GAH		6.5	4						
019	K	10019	Nguyễn Thu Hương		1998	Yên Bái	Khac	6	8	7	8	7.5	8	5.5		
020	H	10020	Phạm Bách Hương		1992	Hà Nội	CT TNHH Đầu tư Thương mại Trang Vũ	4	1.5	3.5	2.5					
021	H	10021	Phạm Thanh Hương		1986	Hải Phòng	CTCP Quản lý quy định tư chính khoan An Bình				5.5					
022	H	10022	Phạm Thu Hương		1990	Hải Dương	CTY CP DI OC PHAM CONG NGHI CAO	5.5	5.5							
023	C	10023	Phạm Thu Hương		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Samsung F&A Viet Nam					7	9	8		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1024	H	11024	Phùng Thị Mai Hương		1994	Hà Nội	CÔNG TY CỔ PHẦN MPO VIỆT NAM				8							
1025	H	11025	Thân Thị Mai Hương		1996	Bắc Giang	CÔNG TY TNHH Đào tạo và huấn luyện Kế toán Gừa Hoàn			6.5								
1026	H	11026	Lưu Thị Hương		1994	Ninh Bình	Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương				4	6						
1027	H	11027	Lưu Thị Hương		1995	Nam Định	Huỳnh Học học Đức Hương	5	5.5		4							
1028	K	11028	Lưu Thị Thu Hương		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần lập đoàn III					5		6.5				
1029	C	11029	Lương Thị Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Công nghệ Pross Việt Nam								4	5		
1030	H	11030	Vào Thị Hương		1987	Nghe An	C.T.C.P Quốc tế ITIS Toàn cầu		0.5	3.5								
1031	H	11031	Vũ Lan Hương		1978	Hà Nam	Huỳnh Trung cấp Đắc Lộc	6	2	5.5	4							
1032	K	11032	Vũ Mai Hương		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ tư vấn Hà Nội	7		6.5								
1033	K	11033	Vũ Thị Hương		1990	Nam Định	Công ty TNHH JC&Partners Việt Nam			5					5.5			
1034	H	11034	Vũ Thị Lan Hương		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH bao hiểm nhân thọ Tườn	4	2.5	5								
1035	K	11035	Vũ Thị Mai Hương		1993	Thanh Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn NGV	6			1.5			3				
1036	H	11036	Nguyễn Thị Hương		1987	Bắc Ninh	Công ty TNHH VDS Việt Nam			3.5	4							
1037	H	11037	Bùi Thị Hương		1996	Thanh Bình	C.TY TNHH MANGROX VIỆT NAM	5	2.5	7	3							
1038	K	11038	Bùi Thị Thu Hương		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo An Việt - Chi nhánh Hải Phòng	8	5	6.5	5.5	5	4.5	6				
1039	H	11039	Bùi Thị Thu Hương		1999	Phủ Thọ	Công ty TNHH quản lý tư vấn G8	5	7	6								
1040	H	11040	Dương Thị Thu Hương		1991	Hà Nội	C.TY CP CÔNG NGHỆ THOMI	5			4							
1041	H	11041	Đào Thị Hương		1989	Hà Nội	CN.C.TY TNHH ACCOINING SERVICES LIMITED LIABILITY CO		5	5								
1042	H	11042	Đào Thị Hương		1990	Thanh Hóa	CÔNG TY TNHH Dịch vụ và tư vấn thuế HUD Việt Nam		3.5	5.5	3.5							
1043	H	11043	Đỗ Thị Thu Hương		1998	Thanh Bình	C.TY TNHH MANGROX VIỆT NAM											
1044	H	11044	Đỗ Thu Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Y mạch Việt nam	5.5		5.5								
1045	H	11045	Lai Thanh Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Nstep technology	5		6.5								
1046	H	11046	Nguyễn Thanh Hương		1996	Nam Định	CÔNG TY TNHH Văn tại Bách Việt			3.5								
1047	H	11047	Nguyễn Thị Hương		1987	Bắc Ninh	Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ viễn thông Hòa Phát	5.5	1.5	5	2.5							
1048	H	11048	Nguyễn Thị Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn I&PK		3.5	7	5							
1049	H	11049	Nguyễn Thị Hương		1989	Hà Nam	C.T.C.P Phát triển công nghệ thực phẩm Nam An		6.5	6								
1050	H	11050	Nguyễn Thị Hương		1991	Hà Nội	C.T.C.P Nhân lực và dịch vụ A châu	6.5	3	7	5.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1051	H	11051	Nguyễn Thu Hương		1993	Phu Tho	Công ty TNHH SX và TM Hiệp Phát	6	5								
1052	C	11052	Nguyễn Thu Hương		1995	Nam Định	Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ SVD					7	7.5				
1053	H	11053	Nguyễn Thu Hương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Thăng long			6							
1054	H	11054	Nguyễn Thu Hương		1995	Hưng Yên	Công ty CP Tập đoàn Vingroup				6						
1055	H	11055	Nguyễn Thu Hương		1997	Hải Dương	Công ty CP Beclium										
1056	H	11056	Nguyễn Thu Hương Hương		1995	Hà Nội	CN CY INF ACC OY NING SERVICE ESTIMATED TM PHCM		6.5	5.5							
1057	K	11057	Nguyễn Thu Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Greenham Thăng Long										
1058	K	11058	Nguyễn Thu Hương		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán SKS			6	3	6	3.5	4			
1059	H	11059	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH Đầu tư Sun 101			6	5						
1060	K	11060	Nguyễn Thu Hương		1999	Hà Nam						7.5	8.5	6.5			
1061	K	11061	Phạm Thu Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phương An	5						4			
1062	H	11062	Phạm Thu Bích Hương		1994	Ninh Bình	CTY TNHH TC VN VADICH VI KE TOAN BID			7	6						
1063	H	11063	Phạm Thu Thu Hương		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Phát triển Laser Hà Nội										
1064	C	11064	Lô Thu Hương		1980	Thái Bình	Công ty cổ phần Đầu tư VNK - Thăng Long						6.5	7			
1065	H	11065	Nguyễn Đức Thị		1990	Bình Thuận	CTCP giao dịch quốc tế Việt C	5.5	6	5							
1066	K	11066	Lê Quang Khai		1989	Nam Định	Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Nesol			6.5	5		7				
1067	K	11067	Phạm Thị Khai		1982	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Dịch vụ ASC O		8.5				3.5				
1068	K	11068	Nguyễn Ngọc Khang		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm toán S.V.V - Chi nhánh phía Bắc	6.5	6.5	6	5	5	4	5.5			
1069	H	11069	Cao Văn Khánh		1989	Phu Thọ		6.5	5.5	7.5	4						
1070	K	11070	Thúc Đình Khánh		1992	Thanh Hóa	Công ty CP Vua Ngon	4		3							
1071	K	11071	Đường Quý Khánh		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán ASSC	5	1	3.5	2.5	5	1.5	4			
1072	K	11072	Đo Quốc Khánh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		5	4			4.5				
1073	H	11073	Lê Thu Văn Khánh		1982	Hải Dương	CN Công ty TNHH Dược phẩm do Thanh	6	0.5	2	1.5						
1074	K	11074	Lưu Quốc Khánh		1993	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Lai chính (Hải Y			5	5.5		2.5	3.5			
1075	K	11075	Nguyễn Đình Khánh		1998	Hải Dương	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ausdoor	5.5		5	1	5					
1076	K	11076	Nguyễn Thị Ngọc Khánh		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam	6.5	2	5	5	8	5	7.5			
1077	K	11077	Nguyễn Tùng Khánh		1996	Thái Bình											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1078	K	11078	Phạm Gia Khanh	1996		Pha Tho	Công ty Cổ phần Tiến 14		0 5								
1079	P	11079	Đào Ngọc Khanh		1989		Vào phòng đạo đức To chức Netherlands Development Organization tại Việt Nam										
1080	H	11080	Lê Thị Khanh		1977	Nam Định	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kế toán Lâm Phát										
1081	K	11081	Phạm Văn Khien	1990		Hải Dương	Công ty TNHH PII Việt Nam										
1082	H	11082	Cao Mai Khoa		1992	Pha Tho	Công ty cổ phần văn hóa & NLT - Tư Lập			3 5	5						
1083	C	11083	Lưu Minh Khoa	1995		Nghe An	Công ty Kiến tạo M A								3		
1084	K	11084	Lưu Thanh Khoa		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kế toán VASC		1 5	2	5	6			8		
1085	H	11085	Lê Thị Khuyen		1986	Hà Nam	Công ty Công nghệ truyền thông Nadi Việt Nam	5 5			4						
1086	K	11086	Nguyễn Thị Khuyen		1991	Thanh Hóa	Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ kế toán Interhome Decon										
1087	H	11087	Lê Quang Kiên	1979		Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn IT AS Việt Nam										
1088	K	11088	Hoàng Trung Kiên	1999		Yên Bái	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kế toán KVT Thương	6	7 5	3	5	7 5	1 5	7 5			
1089	C	11089	Lê Trung Kiên	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán (Chon)					6	4	7			
1090	K	11090	Lương Trung Kiên	1998		Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kế toán VASC	6	6	4	5		5	5			
1091	P	11091	Nguyễn Trung Kiên	2001						7							
1092	K	11092	Nguyễn Trung Kiên	1998		Nghe An	Công ty TNHH Kế toán quốc tế (Instat)	4	1 5	5	2 5	5	5	4 5			
1093	K	11093	Phạm Trung Kiên	1992		Thái Bình	Công ty CP Bảo vệ Hoàng Hải Việt Nam										
1094	H	11094	Nguyễn Thị Hằng Kiều		1999	Hà Nội	C.T.I.NHKKiểm toán I - Jung tại Hà Nội										
1095	K	11095	Lương Thị Kim		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Việt Nam	5 5	6	6 5	7	7 5	3 5	8			
1096	H	11096	Đỗ Ngọc Bình Kiên		1990	Đắk Lắk	C.T.I.NHKKiểm toán và Dịch vụ kế toán										
1097	H	11097	Nguyễn Thị Lê		1989	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn thuế và kế toán Việt Nam		3		5 5						
1098	K	11098	Bùi Thanh Lâm		1993	Hải Phòng	Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Minh Anh	4 5		5	2 5						
1099	H	11099	Lương Thị Lâm		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH (Cid) Dexos Việt Nam			5							
1100	K	11100	Nguyễn Thanh Lâm		1999	Hà Nội	Công ty TNHH (Cioce) Việt Nam	5 5	5	5	6	6	4 5	7			
1101	H	11101	Phạm Thanh Lâm		1986	Nam Định	C.T.P.Dịch vụ kế toán và thuế Hoàng Hải Nội		1	5							
1102	K	11102	Bùi Thị Mai Lâm		1988	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Tư vấn Hà Nội	8 5				7 5	7 5				
1103	K	11103	Bùi Thị Phương Lâm		1978	Nam Định	Công ty cổ phần Bảo thủ Nam Sơn Invest			7 5	3	5		6 5			
1104	K	11104	Đường Thị Lan		1998	Hải Nguyên	Công ty TNHH Kế toán tại SK Việt Nam			8		6 5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Môn thi								Ngoại ngữ		
								Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1105	H	11105	Đặng Thị Lan		1995	Hưng Yên	Công ty CP OWS Viet Nam	5		6								
1106	H	11106	Lê Thị Thanh Lan		1990	Vĩnh Phúc	C TY TNHH INK&DY CO KHÍ QI ANO MINH	5.5	3.5		3							
1107	K	11107	Ngô Thị Lan		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Thương mại Nhật Dương	6	3.5	5	2.5	4	3	6.5				
1108	H	11108	Nguyễn Phương Lan		1982	Bắc Ninh	C TCP tư vấn và đầu tư thuộc EVERESTLAW		3.5		3							
1109	K	11109	Nguyễn Phương Lan		1987	Hải Phòng	Lập đoàn Báo Việt	7.5	6									
1110	C	11110	Nguyễn Thị Lan		1991	Nghe An	Công ty TNHH Superswell Technology Viet Nam							6	-			
1111	K	11111	Nguyễn Thị Lan		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Đầu tư địa ốc HIA											
1112	H	11112	Nguyễn Thị Lan		1998	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Social		2.5	5	1.5							
1113	K	11113	Nguyễn Thị Mai Lan		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn T HY C N Hà Nội	6	2	3	2.5	7	1	5				
1114	H	11114	Nguyễn Thị Mai Lan		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH công trình Wagon	6	6	6.5	5							
1115	H	11115	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1982	Phu Thọ	Công ty TNHH tư vấn thiết kế Phúc An			8	4							
1116	K	11116	Phạm Ngọc Lan		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO	5.5	2.5	6	1	6	5.5	6				
1117	C	11117	Phạm Thị Lan		1993	Hải Phòng	Công ty TNHH Dịch vụ lập đoàn Mặt trời					7.5	5					
1118	H	11118	Phạm Thị Lan		1993	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Hoàng Đại											
1119	K	11119	Trần Thị Lan		1988	Thanh Hóa	Công ty CP Thương Mại Quốc Tế	6.5	5.5	7	6.5	7	5.5	8.5				
1120	K	11120	Trần Thị Lan		1998	Bắc Giang	Công ty CP Lập đoàn Xây dựng SGT	7.5	6		2.5		5	5	5			
1121	C	11121	Trần Thị Ngọc Lan		1995	Nam Định	Khác											
1122	K	11122	Trần Thị Phương Lan		1990	Thái Bình	Công ty CP Casablanca Viet Nam		6.5	7	3	7	5	5.5	5.5			
1123	H	11123	Vũ Thị Hương Lan		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH IT VIP Viet Nam			5								
1124	H	11124	Vương Thị Lan		1990	Hà Nội	C TCP Thương mại dịch vụ An Bình Hà Nội											
1125	K	11125	Hoàng Thị Lan		1996	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần truyền thông AB	6										
1126	H	11126	Đào Tùng Lan		1994	Bắc Giang	IRI NG LAM KINH DOANH VNP BAC NINH		3.5	4	3							
1127	C	11127	Đông Đoàn Lan		1995	Hải Nguyên	Công ty TNHH Miền Hà Nội					7	6	8.5				
1128	K	11128	Nguyễn Bảo Lan		1995	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Tradeholdings	6	7.5	4	5.5	7	5	6				
1129	K	11129	Nguyễn Mạnh Lan		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ems&Y công Viet Nam Chi nhánh Hà Nội		5	4.5	1.5		5					
1130	H	11130	Lê Thanh Lan		1990	Phu Thọ	Công ty TNHH Đăng Quảng	4			6.5							
1131	K	11131	Kiều Quốc Lap		1990	Hải Phòng	Công ty cổ phần tư vấn T Viet Nam	5	5.5	5.5			6	6				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1132	H	11132	Đoàn Thị Liên		1998	Ninh Bình	CT TNHH Kiên toàn DHH Việt Nam	5		5	1					
1133	H	11133	Bùi Thị Lệ		1998	Nghe An	Công ty TNHH NKK MINH SI Việt Nam	5	5.5	5.5	3.5					
1134	H	11134	Bùi Thị Phương Lệ		1993	Nam Định	CTY CP HOA CHAI SON HUY NOI		6.5		3					
1135	K	11135	Cao Hồng Lệ		1992	Nghe An	Công ty CP đầu tư và sản xuất VINA2									
1136	H	11136	Nguyễn Hồng Lệ		1984	Phước Thọ	CTCP Industrial Material Supply VN	5								
1137	H	11137	Nguyễn Thị Lệ		1994	Hải Dương	Công ty cổ phần Denasto			5.5	5					
1138	H	11138	Trần Thị Lệ		1999	Bắc Ninh	CTY TNHH KEM TO XN VACO		7.5	5.5						
1139	C	11139	Bồ Thị Lệ		1993	Hưng Yên	Công ty TNHH Ecosoft Việt					7.5		6	7	
1140	H	11140	Phạm Thị Nhật Lệ		1996	Thái Bình	CTCP GMPK Việt Nam		3	6						
1141	K	11141	Bùi Thị Kim Liên		1999	Nông Bình	Công ty cổ phần Bann Group	5		6						
1142	H	11142	Bùi Thị Mai Liên		1997	Nam Định	Công ty cổ phần bệnh viện thu y Peteketh	6.5	6.5	6	3.5					
1143	H	11143	Cao Thị Quỳnh Liên		1995	Hà Nội	Chi nhánh East Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam	4.5		6.5	4					
1144	K	11144	Bào Thị Liên		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH điện tử Sumida Việt Nam	5.5	6.5	5.5	5	5	6		7	
1145	K	11145	Đông Thị Thu Liên		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiên toàn Quốc tế	5	4.5		5.5		4.5		2.5	
1146	H	11146	Lê Thị Liên		1991	Phước Hòa	CT TNHH Kiên toàn tư vấn đầu tư - CN Hà Nội	4.5		7	3.5					
1147	H	11147	Lê Thị Liên		1992	Hải Dương	Công ty CP Roco Holding									
1148	H	11148	Nguyễn Mai Liên		1984	Hưng Yên	CNCTV CP Tập đoàn MK			7	3					
1149	C	11149	Nguyễn Thị Liên		1986	Nam Định	Công ty CP Khoa sản chuyên nghiệp LLC								6	
1150	K	11150	Nguyễn Thị Liên		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Map Công trình Thuận Hưng	4		5			1.5		5.5	
1151	H	11151	Nguyễn Thị Liên		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Đạt's Home ABM Hà Nam	5.5		7.5	3					
1152	H	11152	Nguyễn Thị Liên		1991	Bắc Giang	Hương HIC S Đông Phú			2.5						
1153	H	11153	Nguyễn Thị Liên		1999	Hải Dương	Công ty TNHH tư vấn quản lý G8									
1154	K	11154	Nguyễn Thị Hồng Liên		1997	Bắc Ninh				6.5	5					
1155	H	11155	Nguyễn Thị Huệ Liên		1976	Nghe An	CT TNHH PTCN và HIKS toàn Công Sơn									
1156	H	11156	Phạm Thị Liên		1984	Phước Hòa	CT TNHH An Hòa Minh	4	0	3	0.5					
1157	H	11157	Phạm Thị Liên		1986	Thái Bình	Vietcombank Chi nhánh Tân Châu	5	6	8						
1158	C	11158	Trần Thị Liên		1980	Thái Bình	Công ty CP dịch vụ và thương mại TH Việt Nam						2.5		3	

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
1159	N	11159	Hương Hồng Liên		1994	Bắc Kạn	Công ty Cổ phần BK1	6.5					5	5		
1160	H	11160	Vu Thu Liên		1990	Hải Phòng		5.5	5	6.5	6					
1161	H	11161	Nguyễn Thu Liên		1991	Thanh Hóa	C/CTP Huê Thôn nhãng II N/IN Viet Nam	7	7.5	8.5	5.5					
1162	H	11162	Nguyễn Thu Liên		1991	Hải Phòng	C/CTINHVNưu trú xã dựng tư Phương	4.5	1	3.5	1					
1163	H	11163	Chu Thị Đào Liên		1987	Hưng Yên	C/CTY INHH SHINH NGIEN V/IT/INAM			5	1.5					
1164	N	11164	Bùi Khánh Linh		1996	Thái Bình	Công ty INHHET Viet Nam				7					
1165	N	11165	Bùi Thị Thủy Linh		1997	Thái Bình	Công ty INHH Samsung Electronics Viet Nam Thuận Nguyên		9		4		5.5			
1166	H	11166	Bùi Thị Thủy Linh		1997	Hải Phòng	C/CTY INHH ERIC OR SERVICES V/IT/INAM				5.5					
1167	H	11167	Chu Thị Thủy Linh		1994	Lạng Sơn	Công ty INHH Shuangmap Viet Nam	5.5	5.5	5.5	3					
1168	N	11168	Đường Thị Thủy Linh		1993	Phủ Thọ	Công ty Cổ phần Duane Lincham	7.5		7.5	7.5					
1169	N	11169	Đường Thủy Linh		1997	Thanh Hóa	Khác		1.5	2			2.5	2.5		
1170	N	11170	Đào Thị Hải Linh		1996	Hưng Yên	Công ty INHH Kien toan ES - CN Bắc Ninh		3.5		1.5		5			
1171	H	11171	Đặng Ngọc Linh		1987	Hà Nội	Công ty INHH D/ và TM và DV Nguyễn Kim			0.5						
1172	H	11172	Đặng Thị Cẩm Linh		1995	Thái Bình	Công ty Cổ phần H/ Viet Nam	7.5	5.5	7.5	7.5					
1173	N	11173	Đinh Khánh Linh		1997	Hà Nội	C/hi nhánh Công ty INHH Kien toan và tư vấn AKC tại Hà Nội			5.5		6				
1174	N	11174	Đinh Thị Linh		1992	Hải Dương	Công ty cơ phân phát triển và kinh doanh hải đông san W/IT/AN/D									
1175	N	11175	Đoàn Thị Thủy Linh		1991	Bắc Ninh	Công ty INHH Kie toan và đào tạo Viet Nam						1.5			
1176	C	11176	Đỗ Ngọc Phương Linh		1996	Hà Nội	Công ty INHH Thương Khuan Nhât Bân									
1177	H	11177	Đỗ Thị Linh		1990	Bắc Giang	C/CTP Dược phẩm Tân Phương				3					
1178	N	11178	Đỗ Thị Linh		1997	Hải Dương	Nghân hàng TMCP Quốc Dân		4	5						
1179	N	11179	Đỗ Thị Thủy Linh		1989	Bắc Ninh	Công ty INHH VS CMK		1.5	6			4.5	2		
1180	H	11180	Đỗ Thị Thủy Linh		1993	Hà Nội	Công ty CP Truong Binh Minh				6					
1181	N	11181	Đỗ Việt Linh	1994		Thanh Hóa	Công ty CP Thanh toan G		6		3.5		5			
1182	N	11182	Hà Thị Thủy Linh		1998	Hà Nội	Công ty INHH Tư vấn Kien toan SKS			8	7			6.5		
1183	H	11183	Hà Thị Linh		1992	Nam Định	Công ty INHH Bham mý và nhà khoa Mào o	6.5	6	8	5.5					
1184	N	11184	Hương Diễm Linh		1995	Thái Nguyên	Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Medilace Group									
1185	P	11185	Hương Diễm Linh		1996		C/ty INHH BNM Viet Nam									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QFNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1186	C	11186	Hoàng Đức Linh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Dệt may Xuân Khâu Thanh Công					6.5	5	6.5		
1187	K	11187	Hoàng Khánh Linh		1986	Hà Nội	Vụ Quản lý & bảo ban chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước		5.5	5	7.5	7.5	6.5	6.5		
1188	H	11188	Hoàng Thu Thủy Linh		1988	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi		1.5	5	2					
1189	K	11189	Hồ Thị Khánh Linh		1998	Hà Tĩnh	Công ty Sản xuất hàng Việt Nam - chủ ngành Bắc Ninh									
1190	K	11190	Hồ Thị Thuỷ Linh		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiem toàn AASC	8	7.5	8.5	8	6.5	4.5	5		
1191	K	11191	Khuyến Thị Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toàn CPA VIE INAM	7		7.5	2.5	5	1	3.5		
1192	K	11192	Lê Đức Linh		1998	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiem toàn AASC	5.5	5.5		5		4			
1193	H	11193	Lê Ngọc Linh		1986	Yên Bái	Công ty CP KỸ THUẬT SIGMA		8		5					
1194	K	11194	Lê Phương Linh		1998	Hà Nội	Công ty CP Quản lý đầu tư quốc tế	7	6.5							
1195	K	11195	Lê Thị Linh		1996	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toàn Nhau Lam Việt - Chủ ngành tại Hà Nội		7		5.5		6	3.5		
1196	K	11196	Lê Thị Linh		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiem toàn FVC - CN FVC Hà Nội		4		6	7	5	6.5		
1197	K	11197	Lê Thị Khánh Linh		1996	Hưng Yên	Khác				5.5					
1198	H	11198	Lê Thị Thuý Linh		1997	Nghe An	Công ty TNHH TOTO Việt Nam									
1199	H	11199	Lương Đức Linh		1994	Thái Bình	Công ty TNHH AARON Việt Nam									
1200	K	11200	Lương Khánh Linh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiem toàn và Phân định giá Việt Nam	5.5	3.5	5.5	3.5	5.5	4	3		
1201	K	11201	Lưu Khánh Linh		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	6.5	7	6.5						
1202	H	11202	Lý Đức Linh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	5.5	5	5.5	1.5					
1203	H	11203	Mar Thị Thuý Linh		1992	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn và tư vấn hàng SS				6					
1204	H	11204	Ngô Thị Hoàng Linh		1992	Thái Bình	Công ty Hợp tác xã và hóa dược Hà Nội		8		5.5					
1205	H	11205	Nguyễn Đức Linh		1998	Thái Nguyên	Nghân hàng MTC P Sài Gòn Hà Nội	6	1.5	3						
1206	K	11206	Nguyễn Đức Linh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiem toàn AASC									
1207	K	11207	Nguyễn Hà Linh		1992	Nam Bình	Công ty có phân kinh doanh F88		6							
1208	K	11208	Nguyễn Hoa Linh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toàn và tư vấn đầu tư Hàng Long		5		3.5					
1209	K	11209	Nguyễn Ngọc Linh		1997	Nam Bình	Công ty TNHH Happy Law		4.5							
1210	H	11210	Nguyễn Thảo Linh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH KI TOÁN VÀ IT VAS SHOL	5.5	4	5	2.5					
1211	H	11211	Nguyễn Thị Linh		1988	Nghe An	Công ty TNHH LMDY tư vấn Sài Gòn L & Y		4.5	4	3.5					
1212	C	11212	Nguyễn Thị Linh		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Hyundai Dong Vina					8.5	5	5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTKC	Kiểm toán VDV BDNK	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
1213	H	11213	Nguyễn Thị Linh		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Morning Star											
1214	H	11214	Nguyễn Thị Linh		1997	Thái Bình	CT TNHH KSH GIỚI VIỆT			4								
1215	K	11215	Nguyễn Thị Linh		1998	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Vnpedal		4.5		3.5							
1216	H	11216	Nguyễn Thị Linh		1999	Nghe An	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ VIỆT NAM				3							
1217	H	11217	Nguyễn Thị Diệu Linh		1997	Nam Định	CT TNHH NKK IT50 Việt Nam		6.5									
1218	K	11218	Nguyễn Thị Diệu Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng không và Dịch vụ VIC			5.5								
1219	H	11219	Nguyễn Thị Mai Linh		1983	Hà Nội	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ VIỆT NAM	7		7	2.5							
1220	H	11220	Nguyễn Thị Mai Linh		1999	Thanh Hóa	SHIMCO HANG HAI VIỆT NAM	8	4.5	5	3							
1221	K	11221	Nguyễn Thị Ngọc Linh		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH Trust&Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội											
1222	H	11222	Nguyễn Thị Thảo Linh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Đại Việt CN Miền Bắc											
1223	H	11223	Nguyễn Thùy Linh		1997	Lào Cai	Công ty TNHH Rhinoh Precision	7.5			5.5							
1224	H	11224	Nguyễn Thùy Linh		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH VAC TECHNOLOGIES VIỆT NAM	6	6.5	6.5								
1225	H	11225	Nguyễn Văn Linh		1989	Thanh Hóa	Công ty cổ phần Iweccha											
1226	H	11226	Phạm Khánh Linh		1996	Nghe An	Chi nhánh Công ty TNHH Forces Muzens Việt Nam tại Hà Nội	5.5	5	6								
1227	K	11227	Phạm Ngọc Linh		1999	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Hà Thành oto	6.5		6	6.5	6	6	6	9			
1228	K	11228	Phạm Ngọc Hoàng Linh	1998		Yên Bái	Công ty Cổ phần Dao từ Lap doan Lan A Dao Thuận			2.5					2	7.5		
1229	H	11229	Phạm Nhật Linh		1997	Hải Dương	CN Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam tại Hàng Yên											
1230	H	11230	Phạm Thị Linh		1996	Thái Bình	CTY TNHH BCT-VIETNAM				1							
1231	H	11231	Phạm Thị Hòa Linh		1997	Hà Nội	CTCP Nguyễn Sơn và Phát triển Fabro	7										
1232	H	11232	Phạm Thị Khánh Linh		1998	Hà Tĩnh	CT TNHH Lạc Giang											
1233	K	11233	Phạm Thị Thu Linh		1998	Thái Bình		5.5	1	3.5	2	5	0.5	3.5				
1234	K	11234	Phạm Khánh Linh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng không VASC						8	4.5	5.5			
1235	H	11235	Phạm Thụy Linh		1987	Ninh Bình	CT TNHH DỊCH VỤ COHENT VIỆT NAM			6	3							
1236	K	11236	Trang Thị Khánh Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	3.5					6	5.5				
1237	K	11237	Trần Diệu Linh		1999	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội											
1238	K	11238	Trần Thuỳ Linh		1996	Hải Phòng	Nhà sách Liên Đới	5		4				4.5				
1239	K	11239	Trần Khánh Linh		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)		2	3	4	5.5	2.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chánh VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1240	H	11240	Trần Khắc Linh	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM và XD tổng hợp Hoàng Dương	5.5	4	6.5	3.5					
1241	H	11241	Trần Nhật Linh		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH Kien toàn và tư vấn VSA									
1242	H	11242	Trần Thị Linh		1992	Nghe An	CTY CP THH-TM-Y-TE-PC-G			5	5					
1243	H	11243	Trần Thị Mỹ Linh		1998	Thái Bình	CTY CP LẬP ĐOÀN HOANG MINH	6.5	5.5	6						
1244	K	11244	Trần Thị Phương Linh		1996	Nam Định	Công ty TNHH Quản lý tư và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	4.5	7	7.5			5			
1245	H	11245	Trần Thị Thuý Linh		1999	Thái Bình	CTY TNHH SÀI MIA SFT			5						
1246	K	11246	Trần Mỹ Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kien toàn TTP	7		5.5	2					
1247	H	11247	Trần Thị Linh		1995	Hải Dương	Công ty cổ phần tôn thép Việt Nam		7	6.5	4					
1248	K	11248	Trương Thị Linh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Kien toàn An Việt - CN Hải Phòng				2					
1249	K	11249	Trương Thị Thuý Linh		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			5.5	5	7		7		
1250	K	11250	Tư Huyền Linh		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MVI	7	5.5		2					
1251	H	11251	Vũ Hải Linh		1994	Đà Nẵng	Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Vạn Phúc		5	7	6					
1252	H	11252	Vũ Khánh Linh		1999	Vĩnh Phúc	CN Vĩnh Phúc Công ty CP P P I									
1253	H	11253	Vũ Thị Linh		1988	Nam Định	CT TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật An			5.5	4					
1254	K	11254	Vũ Thị Khánh Linh		1995	Hà Nam	Công ty Cổ phần Traphaco				5.5	5.5		6		
1255	K	11255	Vũ Thị Ngọc Linh		1990	Hưng Yên	Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng Viccons	7.5			1.5			6		
1256	K	11256	Vương Mỹ Linh		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Một thành viên Tok Experts	5	3.5	7	7.5	7.5	6.5	9		
1257	H	11257	Hoàng Thị Loan		1994	Hà Nội	CTY CP KIM LOẠI HAN MIB		3.5	3						
1258	H	11258	Lê Thị Loan		1988	Thanh Hóa	Công ty CP TM và SX Phát Lộc	5.5			3					
1259	H	11259	Lý Thị Loan		1992	Hải Dương	Công ty CP hàng không Hải Âu			6.5						
1260	H	11260	Mar Thanh Loan		1996	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn LS Việt Nam			7.5	5					
1261	K	11261	Nguyễn Thị Loan		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kien toàn và định giá Hà Thanh							6		
1262	H	11262	Nguyễn Thị Loan		1987	Hà Nam	CT TNHH Tư vấn và Kế toán Viet MC - Chi nhánh Hưng Yên	6	4	6.5	5					
1263	H	11263	Nguyễn Thị Loan		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Believe zone	8	5.5							
1264	K	11264	Trần Thị Loan		1985	Nam Định	Công ty TNHH Kien toàn và Tư vấn KSM Việt Nam - CN Hà Nội		6					5		
1265	K	11265	Trần Thị Phương Loan		1999	Nam Định	Công ty TNHH Invest & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5	7	5	2.5	5	3	8.5		
1266	H	11266	Đào Thị Long		1987	Nghe An	Công ty CP Kien thi và gia đình Loan A Đa thành	6.5	2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
											TCKT QTNC	VDV BDNC				Tiếng Anh	Tiếng Trung
1267	K	11267	Dang Hoang Long	1999		Nghệ An	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	4.5	8	7.5	6	7.5	5	8			
1268	H	11268	Khuong Hoang Long	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT	4		3	2						
1269	K	11269	Le Huu Long	1997		Phu Thọ	Công ty TNHH Logistics và Thương mại Việt Nam		8.5								
1270	K	11270	Minh Lam Long	1993		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán WCA Việt Nam		0	3.5	2.5			3.5			
1271	K	11271	Nguyen Thanh Long	1994		Hà Nội	Công ty CP tập đoàn VHDQ Đoạt										
1272	K	11272	Quach Minh Hoang Long	1992		Hà Nội	Công ty bảo hiểm Liên Hiệp		4.5		2.5		4				
1273	H	11273	Nguyen Huu Loc		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH Haidor Electronics		3	5							
1274	H	11274	Đoàn Huu Loc		1990	Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển dự án số 3 Quảng Ninh		0	2.5							
1275	K	11275	Nguyen Duc Loc	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Huu Do	6.5	5	7	7	5	5.5	7.5			
1276	H	11276	Nguyen Phuong Loc	1992		Phu Thọ	Công ty CP sản xuất và kinh Doanh Vinifast										
1277	C	11277	Nguyen Hu Loc		1981	Hà Nội	Công ty TNHH INC - Connect					8	5.5	5.5			
1278	C	11278	Đỗ Huu Loc		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH JSC Joel Việt Nam					5	5	6			
1279	K	11279	Đặng Văn Loan	1998		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MICRO AISB	6	4	6	1.5	5	6				
1280	K	11280	Le The Loan	1994		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh Hà Nội		3	5	5.5	6.5	3				
1281	K	11281	Le Lien Loan	1996		Bắc Giang	Công ty Cổ phần FPT							5.5			
1282	K	11282	Đào Hu Loc		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán APS							8			
1283	H	11283	Hoàng Thị Thanh Loan		1989	Hà Bình	C/CTCP D1 XD TM Thuận Sơn HDN	7.5	7								
1284	H	11284	Le Thi Loan		1992	Hà Nội	Công ty TNHH hợp tác phát triển Sunny International		5								
1285	K	11285	Vu Thi Loan		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán DTK VN		6		3	5.5	6	6.5			
1286	H	11286	Nguyen Thi Loan		1984	Hà Nội	Công ty CP Tập đoàn Việt Mountain										
1287	H	11287	Le Phuong Luc	1982		Nghệ An	C/CTCP VII VDI	6.5		5	3						
1288	K	11288	Ngô Lien Luc	1998		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	3.5	4			7	4				
1289	H	11289	Nguyen Thi Ngọc Lương		1985	Hải Dương	Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp bình minh										
1290	H	11290	Le Bao Luu	1981		Hà Nam	C/CT TNHH tư vấn quản trị Lati										
1291	C	11291	Leong Hu Loc		1983	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn TKI										
1292	H	11292	Nguyen Hu Luu		1981	Hải Dương	C/CTCP Phương cách Âu Châu	5	7	6	5.5						
1293	K	11293	Phạm Thi Luu		1986	Hải Dương	Công ty Cổ phần Fumus						6	5.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1294	P	11294	Trần Thị Khanh Ly		1998		Công ty TNHH Frost & Young - Chi nhánh Hà Nội			6							
1295	H	11295	Trần Thuỳ Ly		1991		Công ty Cổ phần Quan lý và Phát triển Bất Động Sản M Homes Holdings			5.5	4						
1296	H	11296	Dương Hương Ly		1993		CTY TNHH IM&DY KỸ THUẬT VINADICH	5.5	2	6	1.5						
1297	H	11297	Đào Hải Ly		1996		CTY CP CH NG KHOAN EVEREST		6.5	6.5							
1298	H	11298	Đỗ Thị Hương Ly		1998		Công ty CP Kaopiz Holdings			5	6						
1299	H	11299	Đỗ Thị Mai Ly		1990		Công ty TNHH LMS Vina			7.5	6.5						
1300	K	11300	Kiều Phương Ly		1995		Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	5.5		4.5	3						
1301	K	11301	Lê Thị Ly		1999		Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			6	2.5	5			5		
1302	H	11302	Ngô Hồng Ly		1991		CTY TNHH ĐẤT LÚC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HIA LONG	4	3	6	3.5						
1303	H	11303	Nguyễn Cẩm Ly		1986		Tổ chức Tài chính vi mô TNHH MTV Tinh thượng (TYM)				4						
1304	H	11304	Nguyễn Khanh Ly		1998		Công ty TNHH DV Kế toán và tư vấn thuế Tín Phát	7.5									
1305	K	11305	Nguyễn Thị Ly		1991		Công ty CP Dầu tư Xây dựng Citicons	5.5	6		2.5			4	1.5		
1306	K	11306	Nguyễn Thị Ly		1997		Công ty CP Hạ tầng viễn thông CNC										
1307	K	11307	Nguyễn Thị Hương Ly		1999		Hà Nam	4	2.5	4	1.5	7.5	1	7.5			
1308	H	11308	Nguyễn Thị Lưu Ly		1996		CT TNHH tư vấn quản trị TAP1		3	5	4						
1309	K	11309	Nguyễn Thuỳ Ly		1995		Hà Nội			7.5	4						
1310	K	11310	Trần Khanh Ly		1997		Hưng Yên	6	3.5	6	5.5		5				
1311	K	11311	Trần Thị Hương Ly		1999		Nam Định	5.5	8.5	6.5	5.5	7	7	7			
1312	H	11312	Hoàng Thị Ly		1993		Hà Nội				7						
1313	K	11313	Kiều Thị Ly		1986		Bắc Ninh		6.5				6	5.5			
1314	K	11314	Lê Thị Ly		1995		Ngũế An	7.5	1	4	3	6	2.5	2			
1315	H	11315	Nguyễn Thị Ly		1989		Hà Dương		5								
1316	K	11316	Nguyễn Thị Thu Ly		1997		Hà Nội	6	5	6.5	5	6	5	6.5			
1317	H	11317	Phạm Thị Minh Ly		1993		Thanh Hóa		7.5	8	2.5						
1318	C	11318	Phạm Thị Ly		1996		Ngũế An					7.5	8.5				
1319	H	11319	Trần Thị Ly		1989		Thanh Bình										
1320	H	11320	Trần Thị Ly		1998		Thanh Hóa										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNV	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1321	H	11321	Bui Hong Mai		1988	Hà Dương	CT TNHH Dairy thực phẩm tương lĩnh	5		5.5	0.5							
1322	K	11322	Bui Phương Mai		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiem toan VASC	6.5				7.5	4					
1323	H	11323	Dang Phương Mai		1976	Hà Nội	Công ty TNHH Bao Bì HAROBI			7								
1324	H	11324	Dang Thu Mai		1991	Ninh Bình	CT TNHH Hoa Dưng An Viet Song Hong	8			5.5							
1325	K	11325	Dang Thu Tuyet Mai		1993	Nam Định	Công ty Cổ phần ông dưng loan Phat	7.5				8	5	6				
1326	K	11326	Doan Thu Mai		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiem toan BDO	8.5		6.5								
1327	H	11327	Doan Thu Thanh Mai		1987	Thái Bình	CTCP Tư vấn Doanh nghiệp và kinh doanh tổng hợp Hương Phanh		6.5	5					-			
1328	K	11328	Đỗ Quỳnh Mai		1994	Hà Dương	Công ty TNHH Auction Diamonds Việt Nam	7	7	6	5							
1329	K	11329	Hoang Thu Mai		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toan tư vấn H A		0.5	3	2				3.5			
1330	H	11330	Lê Thu Tuyet Mai		1993	Vĩnh Phúc	Công ty CP Chung thuan ky thuong	7.5	4									
1331	H	11331	Nguyen Ngoc Mai		1993	Hưng Yên	CT TNHH Audience Serv	8.5	4	6.5	3.5							
1332	K	11332	Nguyen Thu Mai		1990	Thanh Hóa	Công ty CP phát triển chăn nuôi Hà Phat		3	4					4			
1333	H	11333	Nguyen Thu Mai		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Dm me Ké toan Viet	7	1	3	1.5							
1334	C	11334	Nguyen Thu Mai		1995	Thái Bình	Công ty CP Đầu tư thương mại Bạch Lương Phat					4.5	6.5	5				
1335	H	11335	Nguyen Thu Mai		1995	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH CDB Vinh Phuc	8.5										
1336	K	11336	Nguyen Thu Hoa Mai		1993	Hà Nội									3.5			
1337	H	11337	Nguyen Thi Hương Mai		1985	Nghe An	Công ty TNHH đầu tư và dựng và thương mại I qsons											
1338	H	11338	Nguyen Thi Ngoc Mai		1992	Hà Phòng	Công ty TNHH tư vấn thực phẩm Phuong	7			4							
1339	H	11339	Pham Quynh Mai		1997	Hà Dương	CN CTY INF-ACCOT NING SERVICES LIMITED LP HCM		5.5		0.5							
1340	K	11340	Pham Thu Mai		1999	Nam Định	Công ty TNHH Croose Viet Nam		4.5	6	5	7.5	5	7				
1341	K	11341	Pham Thu Sao Mai		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiem toan và Dinh gĩa Hà Nội			5		3		5				
1342	H	11342	Phuong Thi Ngoc Mai		1982	Hà Nội	Công ty TNHH IM Ideal Pack VN			6	5							
1343	H	11343	Phuong Thi Tuyet Mai		1995	Nam Định	145 Ba Loeu HBIETN											
1344	H	11344	Phuu Quynh Mai		1990	Phu Thọ	CT TNHH ISI MAGNETIC NEW MATERIALS VIE NAM	7.5	4	6	5.5							
1345	K	11345	Loan Thu Ngoc Mai		1997	Quảng Bình		7						5				
1346	H	11346	Loan Xuan Mai		1995	Nam Định	Công ty Cổ phần lập đoàn Hoa Phat		4		5							
1347	K	11347	Loan Thu Ngoc Mai		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH SCS Media	7.5	4	5.5	3.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1438	K	111438	Trương Thị Ngọc Mai		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến toán và Định giá Việt Nam		5.5	6.5	5.5		5			
1439	H	111439	Vu Thị Miao		1990	Hải Dương	Công ty TNHH đầu tư SMC Việt Nam	6	6.5	6	6.5					
1490	H	111490	Vu Thị Ngọc Miao		1995	Quảng Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ thực Công I nh		4	5						
1451	H	111451	Ngô Đăng Mạnh		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Đầu tư thương mại Venus	7	2.5	5	1					
1452	K	111452	Vũ Đức Mạnh	1998		Hưng Yên	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến toán và tư vấn ACC tại Hà Nội	3	5.5	3.5	5	7	3	4.5		
1453	H	111453	Nguyễn Thị Miao		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Sản xuất thương mại LC			6						
1454	H	111454	Lưu Thị Miao		1990	Nam Định	CT TNHH Tư vấn giải pháp doanh nghiệp Backoffice									
1455	K	111455	Nguyễn Thị Miao		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến toán SKS			5	3.5	7.5	6	5.5		
1456	H	111456	Vu Thị Miao		1992	Nam Định	CTCP Xuất nhập khẩu Minh Lam	9	7							
1457	H	111457	Bùi Thị Miao		1997	Hải Dương	Công ty CP đầu tư giáo dục Việt Mỹ				2.5					
1458	H	111458	Lưu Thị Miao		1986	Đà Nẵng	CT TNHH Công nghệ giáo dục		3	5	2.5					
1459	H	111459	Nguyễn Thị Miao		1986	Hải Dương	Công ty CP Thương mại và công nghệ thực phẩm Hoàng Liên		5							
1460	H	111460	Vũ Thị Miao		1985	Hải Phòng	CTY TNHH CO NHRK		5.5	3.5						
1461	H	111461	Vũ Thị Miao		1987	Đà Nẵng	CTY TNHH GREEN YELLOW VIỆT NAM		6.5		5.5					
1462	H	111462	Nguyễn Thị Miao		1985	Hải Dương	CTCP Khai thác khoáng sản Hải Đăng	6.5	5.5	5						
1463	H	111463	Bùi Hồng Minh	1989		Hải Phòng	Công ty TNHH AIC Việt Nam	6.5		2						
1464	K	111464	Đặng Anh Minh	1989		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiến toán Dịch vụ Đại Dương									
1465	H	111465	Đặng Thị Ngọc Minh		1982	Nam Định	Công ty CP đầu tư công nghệ và thương mại Softdreams		6	6	5					
1466	H	111466	Hoàng Lê Minh	1988		Thừa Thiên Huế	CT TNHH EAC	6			8					
1467	H	111467	Hoàng Xuân Minh	1995		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		6	6.5	2					
1468	K	111468	Nguyễn Đức Nhật Minh	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến toán CITY	9		4			6.5			
1469	H	111469	Nguyễn Hồng Minh		1987	Đà Nẵng	IRL NG LAM KINH DOANH VÀPT L AOC AI	5.5	5	5.5	5					
1470	H	111470	Nguyễn Thanh Minh		1988	Hải Dương	CN CTY TNHH OTO NGONIS KO VIỆT NAM									
1471	H	111471	Nguyễn Đại Long Minh		1985	Bắc Giang	CT TNHH Movic Korea		6		5					
1472	H	111472	Nguyễn Đại Long Minh		1987	Hà Nội	CT TNHH Xây dựng và thương mại Thanh công	5		5						
1473	K	111473	Nguyễn Đại Thanh Minh		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Polatum									
1474	K	111474	Nguyễn Văn Minh	1983		Thừa Thiên Huế	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị NHDI	5				2.5	3	1.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNV	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1375	K	11375	Phạm Thanh Minh		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo EVI	6.5		5	3.5			6		
1376	H	11376	Phạm Thu Minh		1987	Hưng Yên	CTY TNHH ĐÀT HƯNG YÊN DI NG NIDP		1	4						
1377	H	11377	Phạm Thu Ngọc Minh		1983	Thái Bình	Công ty Cổ phần phát triển Technology									
1378	H	11378	Phạm Văn Minh		1988	Ninh Bình	CTCP Hàng không hàng MAS VN	6.5		2						
1379	K	11379	Lương Lưu Minh		1998	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo AI (Việt Nam) - CN Hải Dương	6.5	0.5	4	1.5		1.5	1.5	2.5	
1380	H	11380	Lưu Hoàng Minh		1989	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và định giá VSCC	3			1					
1381	K	11381	Lưu Tuấn Minh		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	5	3.5	5	3.5	5	2	5		
1382	K	11382	Lê Thị Công Minh		1998	Hải Dương	Khac		5.5	5	6	7.5	6.5	4		
1383	H	11383	Lê Thị Ngọc Minh		1999	Thanh Hóa	CT TNHH Kiến tạo L - Hưng tại Hà Nội	5.5		6	2.5					
1384	H	11384	Lương Hoàng Diệu Minh		1993	Hà Nội	Công ty Cổ Phần (COP) tea		3.5	6.5						
1385	H	11385	Đoàn Thị Hồng Mơ		1987	Hưng Yên	CTCP Thương mại đầu tư và xây dựng Đông Lâm	4		5	3.5					
1386	H	11386	Nguyễn Thị Nữ		1996	Hà Nội	Chi nhánh công ty (CPT) - Global tại Hà Nội		3.5							
1387	H	11387	Vương Thị Ngọc		1982	Thanh Hóa	CT TNHH Xây dựng và thương mại Phan Châu			4.5	5					
1388	H	11388	Đào Thị Mừng		1990	Thái Bình	Công ty TNHH DV - Thương Hành			5.5						
1389	H	11389	Dương Thị Huyền Mỹ		1999	Hưng Yên	CTY CP ĐÀT HƯNG YÊN PHAI ĐỀ N BOKO			4	3.5					
1390	K	11390	Ngô Bảo Mỹ		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng không AnASC	5	1	4.5				5		
1391	P	11391	Nguyễn Đặng Hà Mỹ		2000		Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam			3.5						
1392	H	11392	Nguyễn Hà Mỹ		1998	Hà Nội	Công ty cổ phần cung ứng nhân lực toàn cầu			7	5					
1393	P	11393	Nguyễn Ngọc Hà Mỹ		1996		Ko Chai Fashion and Cosmetic Co Ltd (ACFC)			5						
1394	H	11394	Nguyễn Thị Mỹ		1990	Bắc Ninh	CT TNHH AMPHI NOI JET (VN)NH ICONNCT TECHNOLOGY	5.5	3							
1395	H	11395	Nguyễn Trà Mỹ		1997	Hà Nội	Lưu do	8	7.5		7.5					
1396	H	11396	Phạm Thị Trà Mỹ		1999	Thái Bình	CT TNHH Lưu văn Đa Hà									
1397	K	11397	Phạm Thị Trà Mỹ		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn Sando Việt Nam		2.5			6.5		7		
1398	H	11398	Phùng Trà Mỹ		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Ngọc Thiên		8	5.5						
1399	H	11399	Lê Thị Mỹ		1995	Phu Thọ	Công ty TNHH Quan li và dịch vụ KDI Nam Cường									
1400	H	11400	Bùi Thị Mỹ		1999	Nam Định	Công ty TNHH E-global									
1401	H	11401	Nguyễn Thị Mỹ		1988	Hà Tĩnh	CTCP Thương mại tại ven	5.5	5.5	6	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1402	II	11402	Le Hoàng Na		1986	Nghệ An	Công ty TNHH Kiểm toán SC'S Global			4							
1403	K	11403	Nguyễn Thị Na		1997	Nghệ An			3.5	5	5	5					
1404	II	11404	Đặng Thị Nại		1983	Hải Dương	CTY TNHH H Y H CH VINA		3.5	5.5							
1405	K	11405	Đương Văn Nam		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	4.5	5	1.5		5			5.5		
1406	K	11406	Đào Văn Nam		1997	Bắc Bình	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	6		5.5	5						
1407	K	11407	Le Hoài Nam		1995	Hà Tĩnh	Công Công ty Bưu điện Việt Nam	4.5		3.5	3.5	3.5			5		
1408	II	11408	Nguyễn Hải Nam		1993	Hưng Yên	CT TNHH Kiểm toán và tư vấn TVC			8.5		7					
1409	K	11409	Liên Đức Nam		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	4	3.5	5	5	5	6	4	1.5		
1410	II	11410	Liên Hoàn Nam		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Viet air Services Group										
1411	K	11411	Liên Ngọc Nam		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đông-A	4.5	5.5	7.5	5	5	6.5	5	8.5		
1412	II	11412	Liên Thế Nam		1991	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH IMDY và du lịch Hà Ngọc		6	7.5							
1413	II	11413	Lương Thị Nam		1998	Hà Nội	CTY TNHH AT GORAM H	6.5	4								
1414	K	11414	Vũ Khánh Nam		1997	Hà Nội	BRG	7.5		5	5.5						
1415	K	11415	Nguyễn Thị Đỗ Nam		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng không toàn và Dịch vụ AIC	7.5	4		5	5					
1416	II	11416	Chào Xuân Nào		1993	Lào Cai	Công ty CP tư vấn và giám sát công trình xây dựng Việt		4	7	5	5					
1417	K	11417	Bùi Phương Nga		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán H Sơn Việt Nam	6	0	4	3		2	7.5			
1418	K	11418	Bùi Thu Quỳnh Nga		1997	Yên Bái		8.5			5						
1419	K	11419	Thư Thị Nga		1991	Bắc Giang	Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ A (Hào		7.5	7.5		7.5	8.5				
1420	K	11420	Đương Thị Nga		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Phát triển Thương Việt										
1421	K	11421	Đương Thị Thảo Nga		1992	Nam Định	Công ty TNHH MTV L&K experts	7			4		5	8.5			
1422	K	11422	Đặng Thị Ngọc Nga		1994	Nam Định	Công ty TNHH Quản trị doanh nghiệp C'N			5	3						
1423	II	11423	Đinh Thị Huệ Nga		1983	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần S&C DIGROL P										
1424	II	11424	Đoàn Thị Nga		1987	Ninh Bình	Công ty cổ phần chính xác Kinh lương										
1425	II	11425	Đỗ Thị Thanh Nga		1998	Hải Nguyễn	CT TNHH Blockchasey Việt Nam	6	0.5	5.5	4						
1426	K	11426	Hoàng Lê Nga		1992	Yên Bái	Công ty CP Onoff		4		3.5						
1427	K	11427	Hoàng Thị Nga		1998	Nghệ An	Khac										
1428	II	11428	Hồ Thị Nga		1981	Thanh Hóa	CTY CP V&E NAM SI NERGY										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1429	H	11429	Kieu Thu Nga		1992	Hà Nội	CITY TNHH VUI NAM POLY SCHOOL	5.5	6								
1430	H	11430	Le Phuong Nga		1997	Hà Dương	Công ty Cổ phần SmartDSC	6.5			5						
1431	H	11431	Le Thu Nga		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Vophia	9		6.5							
1432	H	11432	Le Thu Hong Nga		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH công nghệ thương mại ASSA ABLOY Việt Nam			4	1.5						
1433	H	11433	Le Thu Hong Nga		1993	Thanh Hóa	ICP Novamed Viet Nam		6		5						
1434	H	11434	Nguyen Thanh Nga		1983	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn H&S Viet Nam										
1435	H	11435	Nguyen Thanh Nga		1986	Hà Dương	Công ty TNHH QI Dược Bảo Chu										
1436	K	11436	Nguyen Thu Nga		1984	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SKS										
1437	H	11437	Nguyen Thu Nga		1985	Bắc Ninh	CITY TNHH Dịch vụ Dược Bảo An	6.5	4	4	3.5						
1438	H	11438	Nguyen Thu Nga		1991	Hưng Yên	ICP Dịch vụ và bán lẻ SNB	9		8							
1439	K	11439	Nguyen Thu Hang Nga		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo & Tư vấn KSM - Chi nhánh Hà Nội						4				
1440	H	11440	Nguyen Thu Phuong Nga		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Quan trị D'S HCM Viet Nam			8.5							
1441	K	11441	Nguyen Thu Quynh Nga		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kinh doanh và Công nghệ ALAMA Viet Nam	6	3	6	0.5						
1442	K	11442	Nguyen Thu Thanh Nga		1979	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo & Tư vấn KSM Viet Nam (Chi nhánh Hà Nội)	6.5	0.5	6	5.5	2	0.5	2.5			
1443	C	11443	Nguyen Thu Thu Nga		1980	Hà Nội	Long Công ty Phát triển tài năng và Đào tạo tài chính Viet Nam					7	7.5	8			
1444	H	11444	Nguyen Thu Thu Nga		1995	Bắc Ninh	CÔNG TY TNHH kiến tạo và Dịch vụ Hàng L công - LTD K - Khu vực miền Bắc	7.5	5.5	6.5	5						
1445	K	11445	Nguyen Thu Xuan Nga		1997	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn Sando Viet Nam		6.5	6							
1446	C	11446	Phan Thu Nga		1992	Nam Định	Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và Thương mại An Lam								6		
1447	K	11447	Phan Thu Phuong Nga		1995	Hà Dương	Khác	7	5	5	6						
1448	H	11448	Phan Thu Quynh Nga		1999	Hà Dương	CITY TNHH IT PHIR Pacific tại Hà Nội	6									
1449	H	11449	Phan Thu Nga		1998	Nghe An	Công ty TNHH L-glocal	7	3.5	6.5	3.5						
1450	H	11450	Phu Quanh Nga		1993	Hà Nội	Công ty CP DY dược thực và tư vấn đào tạo Lam Viet	5	1.5	6	3						
1451	K	11451	Tran Thu Nga		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo A VSC								5.5		
1452	C	11452	Tran Thu Nga		1992	Quảng Bình	Công ty TNHH Hyundai Movex Vina					6.5	6.5	7.5			
1453	H	11453	Đỗ Thu Nga		1988	Thanh Hóa	CITY CP LAM AIC AHP	6	6.5	6	2.5						
1454	H	11454	Nguyen Thu Thu Nga		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Dược Hà Nội	7	2.5	3.5	4						
1455	H	11455	Tran Thu Nga		1995	Thanh Hóa	CITY TNHH Medicaphus Lam Mau										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1436	H	11436	Trần Thị Nga		1995	Hà Nam	Công ty CP DT và sản xuất CN BKM				3						
1437	K	11437	Trần Thị Nga		1998	Hà Nam	Công ty CP Lasso	6.5	1		4.5		2				
1438	C	11438	Nguyễn Thu Ngân		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Assent Bank										
1439	H	11439	Bùi Thị Ngân		1994	Hà Nội	CT TNHH Mita mức Lười Việt Nam			4							
1460	K	11460	Bùi Thị Thanh Ngân		1999	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Bluestars Việt Nam	8	6	4	1.5	6	4.5	5			
1461	H	11461	Dan Thị Trang Ngân		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Megatech Việt Nam	7	7	6.5	4.5						
1462	H	11462	Dương Thị Ngân		1990	Nghe An	Công ty TNHH Đào tạo Xuân Hòa	8.5	5		5						
1463	H	11463	Đỗ Hồng Ngân		1994	Hà Nội	Công ty TNHH 1 nút kết nối từ SH (Việt Nam)			6.5	4						
1464	H	11464	Le Thị Ngân		1996	Định Hóa	Công ty cổ phần Techcon Việt Nam										
1465	H	11465	Le Thị Thu Ngân		1986	Hà Nội	Công ty TNHH phát triển thương mại tổng hợp Hà Nội										
1466	H	11466	Nguyễn Đình Ngân		1991	Hà Nội	CITY CP C ASPR R VAF NVN	5.5	4		3						
1467	K	11467	Nguyễn Kim Ngân		1999	Ninh Bình		7.5	3.5	7	5	6.5	1	9			
1468	K	11468	Nguyễn Thị Ngân		1993	Hải Dương	Công ty TNHH (Cherry Agilent) Việt Nam		0.5	6	2		5				
1469	K	11469	Nguyễn Thị Ngân		1996	Định Hóa	Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Wincommerce	5.5		5	5		5				
1470	C	11470	Nguyễn Thu Ngân		1991	Hà Nội	Công ty CP Tap down Everland										
1471	H	11471	Phạm Thị Ngân		1996	Hải Bình	Công ty CP IM và dịch vụ Gra Vu	8	5	6.5							
1472	H	11472	Phạm Thị Kim Ngân		1993	Nam Định	Công ty TNHH Báo Im TS			6.5	5						
1473	K	11473	Phạm Thị Thụy Ngân		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiem toan Quốc tế - Chu nhân Hải Công							5			
1474	H	11474	Pho Thị Kim Ngân		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Global	5.5	5	6.5	5.5						
1475	H	11475	Trần Mita Ngân		1981	Hải Nguyên	Công ty TNHH Dac tu & Giao duc New Zealand										
1476	H	11476	Trần Thị Kim Ngân		1986	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Gra Nam	6.5		3.5							
1477	H	11477	Vũ Thị Kim Ngân		1993	Hải Bình	Công ty TNHH sxe dung Dien Hà Nội										
1478	C	11478	Trương Thị Ngân		1993	Hải Bình	Công ty TNHH Kiem toan HDI Việt Nam							7.5			
1479	K	11479	Bùi Thanh Hoàng Nghĩa		1998	Hải Nguyên	Công ty TNHH PVC (Việt Nam) - Chu nhân Hà Nội	6.5	5	5	3.5	6.5	5	9			
1480	H	11480	Bùi Quang Nghĩa		1993	Hà Nội	CT Sang tạo và cơ sở Light Plus	6.5	6.5	4	3.5						
1481	H	11481	Đào Thị Nghĩa		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kế toán Vina - Chu nhân Hà Nội		5.5								
1482	P	11482	Hà Hoàng Nghĩa		1995		Công ty TNHH KPMG			5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1483	K	11483	Nguyễn Trọng Nghĩa	1977		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo VACO				3.5		3			
1484	K	11484	Trần Đức Nghĩa	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Hưng Kiên tạo VASC	5	6.5	5.5	6.5	8.5	6.5	7		
1485	K	11485	Trần Tuấn Nghĩa	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	5.5	7	7	3.5	8	4	6		
1486	H	11486	Nguyễn Văn Nghiệp	1983		Bắc Giang	CTCP Khoa học thực dược Sông Thương			5		5				
1487	H	11487	Phạm Thị Nguyễn		1993	Hưng Yên	CTY TNHH K&E LOAN V&IT V&NS/OT			5.5						
1488	P	11488	Phạm Thị Nguyễn		1988		Công ty TNHH Sơn xuất Bred Crystal Việt Nam			7						
1489	H	11489	Phạm Thị Nguyễn		1978	Thái Bình	Công ty TNHH Gạo Ngọc Lũ	4	6.5	5	2.5					
1490	K	11490	Cao Bách Ngọc		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Gạo ngọc Việt Nam					2.5		7.5		
1491	K	11491	Cao Minh Ngọc		1998	Phù Thọ	Công ty cơ phân tiếp sản quốc tế 3A							6.5		
1492	H	11492	Châu Thị Hồng Ngọc		1993	Thái Bình	Công ty cơ phân đầu tư công nghệ Hocom	6.5		5.5	3.5					
1493	K	11493	Đàm Bảo Ngọc		1995	Phù Thọ	CTCP Quản lý khách sạn & Dịch vụ Mandala	5.5	5	7	4					
1494	H	11494	Đặng Thị Bích Ngọc		1993	Hà Nội	CTCP Dược phẩm VNC	5.5								
1495	K	11495	Đoàn Thị Bảo Ngọc		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Afrisan Lab	4	2.5	5.5				8.5		
1496	H	11496	Đoàn Thị Anh Ngọc		1994	Nam Định	Công ty CP đầu tư MINH Supply									
1497	H	11497	Đoàn Thị Bích Ngọc		1990	Bắc Giang	CT TNHH Kỹ thuật đầu tư Weichengda Việt Nam	5		6						
1498	K	11498	Huân Bích Ngọc		1995	Thanh Hóa	Công ty CP DV TM Tổng hợp Wincommerce									
1499	H	11499	Kieu Thị Ngọc		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Lovers Quốc tế	5.5	4.5	7.5	7					
1500	K	11500	Lê Hồng Ngọc		1995	Quảng Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá đầu A	3.5		3			5	4.5		
1501	H	11501	Nguyễn Anh Ngọc		1993	Hải Phòng	CTY TNHH CUC V&I NAM		6		3					
1502	K	11502	Nguyễn Minh Ngọc		1996	Phù Thọ	Công ty TNHH Quản lý cơ và Khoa học tại sản Nguyễn Hưng INGP Quân đội	5.5	5							
1503	K	11503	Nguyễn Minh Ngọc		1997	Bắc Ninh	Công ty CP phát triển nhân lực sinh học Việt Nam			7			6			
1504	C	11504	Nguyễn Thị Ngọc		1991	Hà Nội	Công ty CP Mikela Việt Nam					8	9	6		
1505	H	11505	Nguyễn Thị Ngọc		1992	Thanh Hóa	CTY TNHH MÁY NẤY ĐÚNG L&VN PHAI									
1506	H	11506	Nguyễn Thị Ngọc		1994	Nghe An	Công ty TNHH TH Đầu tư	6		6.5						
1507	H	11507	Nguyễn Thị Ngọc		1996	Nghe An	CT TNHH L-Glocal				5					
1508	H	11508	Nguyễn Thị Ngọc		1998	Hà Nội	Công ty TNHH LOGISAL Việt Nam	4	4	7	2.5					
1509	H	11509	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		1993	Hưng Yên	CT TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bình Minh	4.5	1.5	4.5	3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1510	C	11510	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1991	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Chăm sóc (Việt Nam)					7.5	6		7	
1511	K	11511	Nguyễn Thị Diệu Ngọc		1995	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn E-y Việt Nam	4.5	3.5	5	3	6.5	5	6.5		
1512	H	11512	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1997	Hải Dương	Công ty TNHH TM và XNK Nhài Lâm				0.5					
1513	H	11513	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1998	Thanh Hóa	Công ty CP quốc tế Vnech	6	5	5.5	2					
1514	K	11514	Nguyễn Thị Minh Ngọc		1993	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn S&MDO Việt Nam				5		0			
1515	K	11515	Nguyễn Thị Minh Ngọc		1999	Hải Dương		5.5	6	5.5	1.5	5.5	4	8.5		
1516	H	11516	Nguyễn Văn Ngọc	1988		Hải Dương	CT TNHH Dịch vụ Kế toán Hải Dương	4	3.5	5						
1517	H	11517	Nguyễn Văn Ngọc	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM & DV Thanh Công	6	3	6.5	4					
1518	H	11518	Nguyễn Văn Ngọc		1997	Hà Nội	CTCP Đầu tư và Tư vấn VIPP		6	7.5	5					
1519	K	11519	Như Thị Mỹ Ngọc		1996	Hà Nam	Công ty Cổ phần phân phối Euro Auto Việt Nam									
1520	C	11520	Phạm Thị Ngọc		1992	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Dong - A									
1521	K	11521	Phạm Thị Minh Ngọc		1994	Nam Định	Tập đoàn BRG - Công ty CP			8	5.5					
1522	K	11522	Phạm Thị Ngọc		1993	Bắc Giang	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh An		4				8.5			
1523	H	11523	Trần Thị Bích Ngọc		1981	Đà Nẵng	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn		1	6						
1524	H	11524	Trần Thị Ngọc		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH sản xuất Pinet Solar (Việt Nam)	5		3.5	2					
1525	H	11525	Vũ Hồng Ngọc		1995	Hà Nội	CT TNHH Medilux (Ấu già)		6.5		2.5					
1526	K	11526	Vũ Hồng Ngọc		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sông Thanh		4.5	7	5	8	5.5	6.5		
1527	K	11527	Vũ Minh Ngọc	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC				7	6.5	7.5			
1528	H	11528	Vũ Thị Ngọc		1986	Thanh Hóa	CT TNHH An Ninh An toàn thông tin (VIC)	4.5	3.5	5	4					
1529	H	11529	Vũ Thị Ngọc		1997	Nam Định	CT TNHH Tư vấn Đại Hà		2.5	5.5	2.5					
1530	K	11530	Vũ Thị Bích Ngọc		1992	Nam Định	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	6	7	6.5		7.5	6			
1531	H	11531	Vũ Thị Hồng Ngọc		1995	Hải Dương	Công ty CP OPT Logistics	4	4	5						
1532	K	11532	Vương Như Ngọc		1997	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Tập đoàn VSG		7.5	6	5					
1533	K	11533	Lương Thị Ngọc		1998	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	4.5	3		4.5					
1534	K	11534	Hoàng Lê Nguyễn	1997		Nghe An	Công ty CP K&I Việt Nam	4.5								
1535	H	11535	Nguyễn Thị Nguyễn		1986	Bắc Ninh	CT TNHH dịch vụ thiết bị nhà Việt Nam			6						
1536	H	11536	Cao Thị Anh Nguyệt		1987	Thái Bình	CTY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ T. NICTO ID			5	2.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Môn thi										
								Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1517	H	11517	Đinh Thu Nguyệt		1978	Nam Định	CT TNHH XNK Cầu vồng Việt	5	4	6								
1518	H	11518	Đỗ Như Nguyệt		1990	Hà Nội	CT TNHH GKH Logistics Viet Nam											
1519	H	11519	Kiên Thu Nguyệt		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Thương Bảo Global											
1510	K	11510	Lê Thu Nguyệt		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Viet Nam			5.5		3.5	1.5	5.5				
1511	H	11511	Lê Thu Minh Nguyệt		1990	Hà Nội	CT TNHH Dược phẩm Hoa Lành		7.5		5							
1512	H	11512	Nguyễn Thu Nguyệt		1990	Thái Bình	Công ty TNHH OLIVE	7	7		2.5							
1513	H	11513	Nguyễn Thu Minh Nguyệt		1984	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn RoadPartner Viet Nam			7.5	5							
1514	H	11514	Nguyễn Thu Minh Nguyệt		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem toán và định giá VGI											
1515	H	11515	Trần Thu Minh Nguyệt		1990	Thái Bình	Công ty TNHH SLL Optiprimier Viet Nam											
1516	K	11516	Trần Minh Nguyệt		1999	Thanh Hóa			3	6.5	2	7	6.5	6.5				
1517	H	11517	Đinh Thu Thanh Nhàn		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Dịch vụ KC Onboard			6								
1518	H	11518	Trần Thu Nhàn		1984	Nam Định	Công ty tư vấn và thương mại dịch vụ An Thịnh											
1519	H	11519	Nguyễn Thu Nhàn		1986	Hà Dương	Công ty TNHH TV và xuất nhập Thương Long			6	2							
1520	C	11520	Phạm Thu Nhàn		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH DV kế toán và đại lý Thuế Việt Nhàn					5.5	4	7.5				
1521	K	11521	Phạm Thu Thanh Nhàn		1989	Quảng Trị	Công ty cổ phần Bàn tư Hà Anh	4.5		5								
1522	H	11522	Trần Thu Nhàn		1994	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Đăng hành thuế											
1523	H	11523	Trần Thu Thanh Nhàn		1980	Hà Nam	Lưu đồ	5	3.5	5.5	0.5							
1524	K	11524	Trần Thu Thanh Nhàn		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiem toán Deloitte Viet Nam	5		6								
1525	K	11525	Nguyễn Thu Nhàn		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	3		2.5		4.5	1	5				
1526	H	11526	Trần Thu Thanh		1999	Thái Bình	CTY CP JRC ONG GIANG SAPA											
1527	H	11527	Nguyễn Thu Nhàn		1992	Hà Nội	CTY CP TT VYNKHVO SAI V HINH LẠI XD NGOC ANH	4.5			2.5							
1528	H	11528	Hoàng Thu Nhàn		1995	Thanh Hóa	CTY TNHH OL TCT BAYTOR VIEI NAM			5.5	2.5							
1529	H	11529	Lê Thu Nhàn		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Accounting office Clean Viet Nam	7			3							
1530	K	11530	Nguyễn Thị Kiều Nhàn		1978	Quảng Nam	Công ty Cổ phần KETVDO											
1531	C	11531	Phạm Đức Nhàn		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiem toán và Tư vấn PKI-ETG					8	5	4				
1532	H	11532	Lô Nguyễn Anh Nhàn		1995	Thái Bình	Công ty TNHH I-Smart Logistics Viet Nam											
1533	H	11533	Dương Nguyễn Văn Nhàn		1996	Lạng Sơn	CTCP HHC Viên thông quốc tế											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1564	K	11564	Nguyễn Thị Nhi		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu	8	5	6.5	5.5		7			
1565	H	11565	Nguyễn Thị Phương Nhi		1994	Hải Phòng	CT TNHH Dịch vụ An Phong	4	5.5	3	0.5					
1566	K	11566	Phạm Vũ Văn Nhi		1996	Bình Định	Long Công ty Cổ phần công nghệ Việt							8.5		
1567	H	11567	Cao Thị Thiện		1981	Thái Bình	DAI HOC NGUYỄN VĂN THIR MI									
1568	K	11568	Nguyễn Thị Thuận		1982	Nam Định	Công ty Cổ phần thiết bị và Đồ	7		6.5						
1569	H	11569	Đoàn Thị Tuyết Nhung		1993	Hà Nội	CTY TNHH EM&SN CÔNG NGHỆ P.HI	4.5		3						
1570	K	11570	Đoàn Thị Nhung		1985	Hải Phòng	Công ty TNHH Quốc tế Việt Nam An Đô									
1571	H	11571	Đỗ Hồng Nhung		1994	Hà Nội	Công ty cổ phần giao vận phục vụ khách hàng và vận chuyển	5	7	7.5	6					
1572	K	11572	Hà Thị Nhung		1988	Hà Nam	Công ty TNHH L X Partners Việt Nam	4.5	5	4	1.5			5.5		
1573	K	11573	Hà Thị Cẩm Nhung		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn Jung II						5			
1574	H	11574	Hoàng Hồng Nhung		1995	Hà Nội	CTCP Lưu trữ dữ liệu quốc gia miền Bắc Việt Nam									
1575	H	11575	Hoàng Thị Nhung		1998	Nghe An	CTY TNHH OS POWER VIỆT NAM		5		6.5					
1576	H	11576	Là Lam Nhung		1987	Ninh Bình	CT TNHH XDNT Xuân Ấng	3.5	0	2.5	1					
1577	H	11577	Lai Thị Nhung		1980	Thái Bình	CT TNHH In Thanh Trung			5	3					
1578	H	11578	Lê Thị Nhung		1993	Nghe An	Làm việc tự do		2	5	2					
1579	K	11579	Lê Thị Nhung		1999	Thanh Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ tin học Moore Visc	5	5	5	5	8.5	4	4		
1580	C	11580	Nguyễn Hồng Nhung		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công nghệ xử lý môi trường Cầu 6							3		
1581	P	11581	Nguyễn Hồng Nhung	2179			KPMG Việt Nam									
1582	H	11582	Nguyễn Thị Nhung		1991	Bắc Giang	CT TNHH Thương mại và dịch vụ INS Vina									
1583	K	11583	Nguyễn Thị Nhung		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
1584	P	11584	Nguyễn Thị Nhung		2000		Ernst & Young Việt Nam									
1585	H	11585	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1993	Nghe An	Công ty CP Twin Peaks			6.5	6.5					
1586	H	11586	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1995	Vĩnh Phúc	CT TNHH Xây dựng VJB Việt Nam									
1587	C	11587	Phạm Thị Nhung		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Arcp Việt Nam									
1588	K	11588	Phạm Thị Nhung		1998	Thái Bình	Công ty TNHH KPMG		5			7				
1589	K	11589	Phạm Thị Hồng Nhung		1998	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn V&C tại Hà Nội		8	7			6.5			
1590	H	11590	Phạm Thị Hồng Nhung		1988	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ kế toán Yanguan		2	6	5.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1591	H	11591	Phùng Thị Tuyết Nhung		1984	Hà Nội			3.5	2						
1592	H	11592	Lưu Phương Nhung		1986	Quảng Nam	HÀP ĐOÀN CÔNG NGÃM P - VIỆN HỒNG QUYÊN DŨI	6	2.5	6	3.5					
1593	C	11593	Lưu Thị Nhung		1996	Hưng Yên	Công ty Cổ phần TPI					7.5	4.5	7		
1594	H	11594	Lưu Thị Hồng Nhung		1995	Quảng Ninh	Công ty Cổ phần TĐK Việt Nam									
1595	K	11595	Lưu Thị Hồng Nhung		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tham gia Investment	6	7		2.5		5			
1596	H	11596	Lưu Thị Hồng Nhung		1999	Nghe An	CTY ĐẶC GIẢY HỒP DẠNG VIỆT NAM									
1597	C	11597	Lưu Thị Tuyết Nhung		1988	Nam Định	Công ty CP Đầu tư phát triển dự án Đại Quang							6		
1598	H	11598	Lưu Thị Nhung		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vimech HPC Việt Nam									
1599	K	11599	Trinh Thị Nhung		1995	Thanh Hóa	Công ty CP dịch vụ kỹ thuật công nghệ Hà Nội	4.5	4	5	3.5	7	4	2.5		
1600	H	11600	Nguyễn Thị Như		1989	Thanh Hóa	CÔNG NGHỆ TỐ CH C-SI K&I-N D&Y H&A&M&D&A									
1601	K	11601	Nguyễn Thị Như		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế P&I			5	3.5	7.5	7	7		
1602	K	11602	Nguyễn Thị Ninh		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH MISTAM Việt Nam	5				7		7.5		
1603	K	11603	Nguyễn Thị Ninh		1998	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Tập đoàn TH									
1604	K	11604	Phạm Quang Ninh	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SK&S									
1605	H	11605	Phạm Thị Ninh		1992	Hà Nam	Chi nhánh công ty TNHH đầu tư Bà sao tại Hà Nội	7								
1606	K	11606	Phạm Thị Ninh		1999	Thái Nguyên	Công ty TNHH Nevada STI			3				7.5		
1607	H	11607	Le Thị Nu		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH kinh doanh và xây dựng An Hưng	6	7.5	5.5	5					
1608	H	11608	Lưu Thị Nu		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn kế toán và đầu tư thuế IND									
1609	H	11609	Le Thị Nương		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH K&I-MI TOÁN TẾ V&N T&I CHINH VI&N AM	6	5	3.5	2.5					
1610	H	11610	Đỗ Thị Oanh		1980	Hải Phòng	Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Minh Sơn		5.5	6	2.5					
1611	H	11611	Đỗ Thị Kiều Oanh		1993	Nam Định	Công ty cổ phần Czech Healthcare	5								
1612	C	11612	Đỗ Thị Kim Oanh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ TVI Gia Khánh									
1613	H	11613	Nguyễn Thị Oanh		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Accelence Corporate Services			5.5						
1614	H	11614	Nguyễn Thị Oanh		1996	Thái Bình	Công ty CP thương mại và đầu tư Babes		6	3.5	5					
1615	H	11615	Nguyễn Thị Tu Oanh		1999	Phụ Thọ										
1616	H	11616	Phạm Thị Tu Oanh		1992	Quảng Bình	CTCP Đầu tư Đại Tân Nghĩa				5.5					
1617	H	11617	Lưu Thị Oanh		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Bà Nam	7		6.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1618	N	11618	Trần Thị Kim Oanh		1997	Nhật Bản	Công ty TNHH may mặc và chế biến gỗ Hòa Đăng			5.5							
1619	H	11619	Trần Thị Quỳnh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Sun AIR										
1620	N	11620	Le Thanh Phụng		1996	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Asset (Việt Nam)										
1621	N	11621	Như Đình Phương		1997	Nhật Bản	Công ty CP TNHH Kiểm toán NVA - CN Phú Bắc	6.5	6	5.5	5	7	3	5.5			
1622	N	11622	Pha Trầm Phương		1994	Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán T-Jung tại Hà Nội	6.5		5	5.5	6.5		2.5			
1623	H	11623	Le Thị Phú			Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H&P										
1624	N	11624	Le Xuân Phú		1995	Nghe An	Chi nhánh CMC O - Công ty TNHH Hàng kiểm toán và dịch vụ ASO	8	4.5						5		
1625	N	11625	Nguyễn Ngọc Phú		1994	Nghe An	Công ty cổ phần Nadeeds Group	3	6	6		7.5	2.5				
1626	H	11626	Nguyễn Văn Phú		1979	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán Hòa Đăng			5	3.5						
1627	H	11627	Trần Thị Phú		1987	Nghe An	CTY SHANGDONG PROVINCE INDUSTRIAL LOGISTICS INSTALLATION GROUP P.CO LTD	6	4	7	4						
1628	H	11628	Nguyễn Thị Phúc		1991	Nghe An	CTCP Đầu tư bất động sản Âu Lạc Nghệ An		4		3.5						
1629	H	11629	Phạm Thị Phúc		1988	Hà Nam	Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại C&H										
1630	N	11630	Đỗ Thị Phương		1983	Quảng Nam	Công ty TNHH XNK Quốc tế Sara	6	1.5	5	2.5						
1631	N	11631	Bùi Bích Phương		1998	Thái Bình				6.5	7.5		5.5				
1632	N	11632	Bùi Hà Phương		1993	Thái Bình	Công ty CP Mạo Việt Nam				5.5				5		
1633	N	11633	Bùi Huyền Phương		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán JSK Việt Nam				6						
1634	H	11634	Bùi Thị Bích Phương		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Jello Việt Nam	5.5	4	7.5							
1635	H	11635	Bùi Thị Bích Phương		1995	Thái Bình	CTCP Dịch vụ hậu cần FLEXASIA			7	5						
1636	N	11636	Bùi Thị Mai Phương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH cung ứng dịch vụ Ansuu	5.5	6.5	6	4	7.5	5	6			
1637	N	11637	Bùi Thị Phương		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán SKS		5	5.5	5	7.5	5	6.5			
1638	H	11638	Dư Mai Phương		1990	Hà Nội	Công ty cổ phần Absota	6.5		7.5							
1639	H	11639	Đường Thị Phương		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH xây dựng Hòa Việt	5			5						
1640	N	11640	Đào Mai Phương		1987	Nam Định	Công ty CP Công nghệ ADI Life		5	6	3.5	6	5	7			
1641	N	11641	Đào Thị Phương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	5.5	4.5	6	5.5	7.5	5.5	8.5			
1642	H	11642	Đào Thị Thu Phương		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Văn tại Văn Trường An		4		2.5						
1643	H	11643	Đặng Minh Phương		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH AFOXMAVI Việt Nam			5							
1644	H	11644	Đặng Thị Bích Phương		1996	Nam Định	Công ty Cổ Phần F&V INA			6	4						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1645	K	11645	Đặng Thu Phương		1998	Nghe An	Công ty TNHH Eagle One Enterprise	4.5		5.5	4	6					
1646	K	11646	Đinh Đỗ Thu Phương		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Ired (vn)	4	3	3.5	3	7		4	6		
1647	H	11647	Đinh Thu Thanh Phương		1986	Ninh Bình	Công ty Sản xuất hàng (K	7	7.5								
1648	C	11648	Đỗ Thu Phương		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH HIKODO Viet Nam						8				
1649	K	11649	Đỗ Thu Mai Phương		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Truon thương và Marketing Hà An Việt	5									
1650	H	11650	Đỗ Thu Thu Phương		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Sumitomo Viet Nam	7.5		6	4						
1651	H	11651	Hà Quỳnh Phương		1991	Nghe An	Công ty TNHH samsung electro-Mechanics Viet Nam	5.5	7.5	8	5.5						
1652	H	11652	Hoàng Lê Thanh Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH GIGI	7	5	7	3.5						
1653	H	11653	Hoàng Thu Phương		1981	Lưu Văn Quảng	Công ty Công xây dựng và thương mại Châu Hoàng		0.5	5	1.5						
1654	H	11654	Hoàng Thu Phương		1987	Hải Dương	Ngân hàng Agribank	3.5		4.5	3.5						
1655	K	11655	Hồ Mai Phương		1999	Nghe An	Công ty TNHH P&C (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	7	6.5	6.5	5	7	5.5		9		
1656	K	11656	Hồ Thu Phương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	7	8	8	6.5	8	7		7		
1657	H	11657	Lê Minh Phương		1994	Bắc Giang	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam tại Hà Nội	6	3.5	6.5	5						
1658	H	11658	Lê Thu Phương		1989	Vĩnh Phúc	Công ty Công đầu tư xây dựng Hưng Vương			5.5							
1659	H	11659	Lê Thu Phương		1993	Hưng Yên	Công ty TNHH CHÚC NÚI ELECTRONIC										
1660	H	11660	Lê Thu Phương		1996	Nam Định	Công ty TNHH Elogie	5	5	8	6						
1661	K	11661	Lê Thu Thu Phương		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Soco-Solar	5	5.5	7	3.5	5	5		6		
1662	H	11662	Nguyễn Hà Phương		1999	Hà Nội	Công ty TNHH INDY V&Đ&T S&N K&T&A PHONG		6		7						
1663	H	11663	Nguyễn Lan Phương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam		6	6.5	5						
1664	H	11664	Nguyễn Thu Phương		1984	Nghe An	Công ty TNHH LE Viet Nam										
1665	H	11665	Nguyễn Thu Phương		1989	Hải Dương	Công ty Phần mềm - Tư vấn học - đào tạo										
1666	H	11666	Nguyễn Thu Phương		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH A&C J&C INNOV OGIE'S V&T NAM	6	5								
1667	K	11667	Nguyễn Thu Phương		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.5		2.5					6.5		
1668	H	11668	Nguyễn Thu Phương		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Quan lý tư vấn G&S			6							
1669	K	11669	Nguyễn Thu Phương		1997	Thái Bình	Công ty GIS Engineering & Construction	6	4		3.5						
1670	H	11670	Nguyễn Thu Phương		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Thương mại quốc tế BlueStars Viet Nam										
1671	K	11671	Nguyễn Thu Phương		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán S&S		4	7.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1672	H	11672	Nguyễn Thu Phương		1999	Hà Nội	C.T. TNHH Dịch vụ phát triển quốc tế CHC Japan			6.5	4						
1673	H	11673	Nguyễn Thu Hà Phương		1990	Nghe An	C.T. TNHH Đào tạo thương mại và du lịch quốc tế Hòa Bình			6.5							
1674	K	11674	Nguyễn Thu Hồng Phương		1986	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung	8					4.5		3.5	6.5	
1675	C	11675	Nguyễn Thu Lan Phương		1980	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Dolphin										
1676	H	11676	Nguyễn Thu Lan Phương		1983	Thái Bình	Công ty Cổ Phần Pro			5	3						
1677	H	11677	Nguyễn Thu Minh Phương		1989	Hà Nội	C.TCP Công nghệ In Thuận Phước	7	4	4	5.5						
1678	H	11678	Nguyễn Thu Thu Phương		1984	Nam Định	Công ty C.P Cua Viet Nam										
1679	K	11679	Nguyễn Thu Thu Phương		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và XNK Tây Đô				2	5			6.5		
1680	H	11680	Nguyễn Thu Thu Phương		1994	Thái Bình	C.TCP Tư vấn xây dựng Maech	5.5	6.5	5	5						
1681	H	11681	Nguyễn Thu Thu Phương		1998	Phu Thọ	C.TY TNHH ARPVINA		0.5		1						
1682	H	11682	Nguyễn Thu Thu Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Carbon Vietnam			5.5							
1683	K	11683	Nguyễn Thu Thu Phương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn TAC										
1684	H	11684	Nguyễn Thu Phương		1999	Hà Nội	C.TCP giải pháp công nghệ Alpha	7	1.5	5.5	4						
1685	H	11685	Ninh Thu Phương		1997	Nam Định	C.TCP Dịch vụ doanh nghiệp Phú Thịnh		5	6							
1686	H	11686	Phạm Duy Phương	1993		Hải Dương	Công ty TNHH Logistics Con Đường Xanh										
1687	H	11687	Phạm Thu Phương		1987	Hà Nội	C.TY TNHH SX MAYBOND		4		2						
1688	K	11688	Phạm Thu Phương		1990	Thanh Hóa	Công ty C.P Tập đoàn ASG	5.5	6.5	5	5.5	6	7.5	8			
1689	H	11689	Phạm Thu Kiều Phương		1992	Hà Nội	C.T. TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Khang	8	6.5	5	3						
1690	H	11690	Phạm Thu Mai Phương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công nghệ và giải pháp Tech	4.5	1	5	1						
1691	H	11691	Phạm Thu Phương		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Lotte Properties Hà Nội	8	6.5	5							
1692	H	11692	Phạm Thu Phương		1993	Thanh Hóa	Haowha Aero Engines	4.5	6	5	3						
1693	K	11693	Phạm Thu Minh Phương		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Grant Thornton	7.5	5		5.5		3.5				
1694	K	11694	Phạm Thu Thu Phương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH tư vấn Đại Hà	5	4		3.5						
1695	H	11695	La Thu Anh Phương		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Công thương Ngân Đại		4.5	5							
1696	H	11696	Thao Thu Phương		1992	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn thuế kế toán & kiểm toán Viet Im		5		5.5						
1697	H	11697	La Bích Phương		1999	Hải Phòng	Công ty C.P Thương mại và đầu tư Đông Hiệp	5.5	1.5	3.5	2						
1698	H	11698	Loan Huyền Phương		1998	Hà Nội	C.T. TNHH VINA Viet Nam		3	3.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1699	K	11699	Trần Thị Phương		1988	Nam Định	Công ty TNHH exes Sakura Biomus Luyen Quang					6						
1700	K	11700	Trần Thị Phương		1997	Hà Dương	Công ty TNHH hàng kiến tạo và tư vấn IPA	6	4.5	5.5	4							
1701	II	11701	Trần Thị Ngọc Phương		1994	Nam Định	CTI TNHH Dịch vụ hàng không Hoàng Giang - (CN Hà Nội			5								
1702	K	11702	Trần Thị Thu Phương		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Công pháp Công nghệ Graphiz		6.5			8		6.5				
1703	II	11703	Trần Thị Phương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH T - Global											
1704	K	11704	Trần Thị Hằng Phương		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế							6				
1705	K	11705	Trần Xuân Phương	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng kiến tạo AASC	7.5	6	3	3	7	6.5	7				
1706	K	11706	Vũ Thị Phương		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tành											
1707	II	11707	Vũ Liên Phương		1982	Nam Định	CTI TNHH Kiến tạo K.TC	6			5							
1708	K	11708	Vũ Hoàng Nam Phương		1997	Hưng Yên												
1709	II	11709	Vũ Lan Phương		1984	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn VBCT			6	3							
1710	K	11710	Vũ Thị Thảo Phương		1995	Hưng Yên	Không	7	5.5	5.5	2.5							
1711	II	11711	Bùi Minh Phương		1993	Hà Dương	CTY CP GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH THỨC XA QUỐC ANH YÊN	4		4.5								
1712	K	11712	Bùi Thị Hoàng Phương		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH KCT Hà Tĩnh	8		8	3							
1713	K	11713	Đào Thị Phương		1994	Luyên Quang	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam		3.5	4	1.5				5			
1714	II	11714	Đào Thị Phương		1993	Nam Định	Công ty TNHH quan lý công nghiệp Boustead & K.TC	6		8								
1715	II	11715	Đỗ Hoàng Phương		1991	Hà Nội	CTI TNHH Bảo Tín Minh Châu		3	4								
1716	II	11716	Đỗ Thị Phương		1994	Đà Nẵng	Công ty cổ phần điện tử Thủ Cúc			5.5								
1717	K	11717	Guang Thị Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn PKF-ITG				3.5							
1718	II	11718	Hoàng Kim Phương		1993	Hà Tĩnh	CTI TNHH SINABRO J&C		6		4							
1719	II	11719	Hoàng Thị Hằng Phương		1993	Hà Tĩnh	CTI TNHH DINX&PIHI Minaco	5			3.5							
1720	II	11720	Lai Thị Phương		1990	Hà Nội	TRUNG TÂM DỊCH VỤ NHẬP & XUẤT TRÚN	4	0.5	2.5	2.5							
1721	II	11721	Ngô Thị Phương		1993	Nam Định	CTI TNHH Vient (H)	7.5		6.5								
1722	II	11722	Nguyễn Bích Phương		1992	Hà Nội	CTI TNHH Thương mại và kỹ thuật Neotec											
1723	II	11723	Nguyễn Thị Phương		1987	Phước Thọ	CTCP KAOPIZ/IGOLDINGS			5.5	1.5							
1724	II	11724	Nguyễn Thị Phương		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vina CNS											
1725	II	11725	Nguyễn Thị Phương		1993	Nam Định	CTI TNHH Sản xuất và Thương mại Thien Truong	5.5	6	6	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1726	K	11726	Nguyễn Thị Bích Phương		1998	Hà Nam	Công ty Cổ phần Truyền thông V-MG	7	9						4.5			
1727	H	11727	Nguyễn Thị Hạ Phương		1993	Quảng Ninh	Công ty cổ phần tung đá tu o to và thiêu bị máy mỏ Quảng Ninh		4	5								
1728	P	11728	Nguyễn Thị Minh Phương		1994		Công ty TNHH Kiểm toán Deakone Viet Nam			7.5								
1729	H	11729	Nguyễn Thị Minh Phương		1997	Đà Nẵng	C.T.TNHH Dịch vụ Tư vấn Alpha				4							
1730	H	11730	Phạm Kim Phương		1993	Hà Nam	C.T.TNHH Bim Diamond Vina											
1731	K	11731	Phạm Thị Phương		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần ông dặng Hoàn Phát	8			8	7	6.5	5.5				
1732	H	11732	Phạm Thị Hồng Phương		1992	Nghe An	C.T.CP Thương mại Tư vấn và Xây dựng Vĩnh Hưng	6.5	3.5	4	0.5							
1733	H	11733	Lưu Thị Phương		1988	Bắc Ninh	Công ty CP Đầu tư và phát triển hạ tầng Highech											
1734	K	11734	Lưu Thị Phương		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán ES - Chi nhánh Bắc Ninh			7				5				
1735	H	11735	Vũ Thị Phương		1992	Đà Nẵng	Công ty TNHH Shinslan & NG Viet Nam		2.5	5								
1736	K	11736	Thư Nhật Quang	1997		Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư Lập đoàn Lập A Đạt Thành	6	3	5		6	4	5.5				
1737	K	11737	Lê Thị Quang	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5.5	7					6	3.5			
1738	H	11738	Trương Hồng Quang	1984		Thanh Hóa	C.T.CP n mắng Công Thành	2	0.5	3.5	2.5							
1739	K	11739	Phùng Anh Quang	1986		Nam Định	Nha máy in tên Quốc Gia	5	3.5	7	5.5	5.5	6.5	2.5				
1740	H	11740	Thư Ngọc Quang	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC	4.5	1.5	2	1							
1741	K	11741	Lưu Văn Quang	1998		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Tư chính và kiểm toán Việt Nam	7	3.5	6	5	7	5	6				
1742	H	11742	Bùi Mạnh Quân	1988		Hà Tĩnh	C.T. TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM - Chi nhánh Hà Nội	6	5	2.5	3.5							
1743	K	11743	Nguyễn Anh Quân	1993		Bắc Ninh	Công ty CP Tim Ranges											
1744	K	11744	Nguyễn Văn Quân	1979		Nam Định	Công ty cổ phần đầu tư MIO		6		5	5		3				
1745	K	11745	Phạm Trần Quân	1999		Phu Thọ	Công ty Cổ phần lập đoàn Thành Công			5.5		6		8.5				
1746	H	11746	Vũ Đình Quân	1981		Nam Định	Công ty TNHH mới thành viên phần mềm BROSS Viet Nam		5.5		5							
1747	H	11747	Vũ Hoàng Quân	1992		Hưng Yên	Công ty TNHH DJS Quốc tế			3.5	4							
1748	K	11748	Nguyễn Thị Quốc		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán ISK Viet Nam	6	8.5				7.5					
1749	H	11749	Nguyễn Thị Kim Quốc		1984	Lạc Ninh	Công ty TNHH Nước và Mìn tương Long Việt	6	5	6	3.5							
1750	H	11750	Phạm Văn Quốc	1989		Hà Nam	CTY TNHH GIAO DI C V A Y LE HA NAM	4		2								
1751	H	11751	Đoàn Thị Quý		1990	Hà Nội	CTY CP LẬP ĐOÀN IT VẠN ĐẠC IT QIC	4	4	5								
1752	H	11752	Đào Thị Quý		1991	Đà Nẵng	CTY CP ĐAI IT TIẾC DI ONG XANH			5.5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1753	K	11753	Nguyễn Thị Quy		1994	Hà Dương	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đông - Á	6			5	6	6				
1754	H	11754	Đàm Thu Quỳnh		1996	Hà Nội	Công ty CP VICO										
1755	H	11755	Đào Thu Quỳnh		1990	Hưng Yên	CT Ltd TNHH TC và Công sự										
1756	H	11756	Đỗ Thu Quỳnh		1987	Hà Nội	CTCP NGOTRADER	5.5	4	6	3.5						
1757	K	11757	Đỗ Thu Quỳnh		1998	Phu Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam										
1758	K	11758	Hà Thu Diệu Quỳnh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Đại Hà	5							5.5		
1759	K	11759	Hoàng Nguyễn Quỳnh		1977	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Đại chính - Kiểm toán FICO Bắc Ninh	4	1			5	1	5.5			
1760	H	11760	Lê Hoàng Quỳnh		1991	Vĩnh Phúc	CT Xay dựng Miền - TNHH			5.5							
1761	K	11761	Nguyễn Quang Quỳnh	1997		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á								3.5		
1762	H	11762	Nguyễn Thị Quỳnh		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kế toán sau đúng Juvon										
1763	H	11763	Nguyễn Thị Lê Quỳnh		1995	Hà Nội	CTCP Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đông Dương			8.5							
1764	H	11764	Phạm Thị Tô Quỳnh		1987	Hà Tĩnh	CTV TNHH Daewoo E&C Việt Nam	7	6.5	5	5						
1765	C	11765	Phan Lê Quỳnh		1997	Hà Nội	Công ty CP Đầu tư và Tư vấn VBP					6	8	6			
1766	K	11766	Phan Nhật Quỳnh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	3.5	2	6.5	4	7	4	4	6		
1767	C	11767	Phan Thu Quỳnh		1995	Nghe An	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị					5	4	3			
1768	H	11768	Phạm Thị Quỳnh		1988	Thanh Hóa	CTY TNHH NHÀ THƯ THIÊN CHIE ZAMH VN			5	4.5						
1769	H	11769	Phan Huyền Quỳnh		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH PCCC Quảng Dương										
1770	K	11770	Phạm Văn Quỳnh		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.5	3.5	5	3	6	6	5			
1771	H	11771	Nguyễn Thị Quỳnh		1991	Bắc Ninh	CTI TNHH Daewoo Tech	2	5	5							
1772	K	11772	Lê Quang Quyet	1998		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH J&D Partners	5	5	5.5	4	5.5	7.5	7.5			
1773	H	11773	Lê Thị Như Quỳnh		1987	Thanh Hóa	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN			6.5	6						
1774	H	11774	Lương Thị Thu Quỳnh		1997	Hưng Yên	CTY CP GIẢI TRÍ VÀ THỂ THAO ĐÌNH LÊ VIỆT NAM	5.5	5	3.5							
1775	K	11775	Ngô Như Quỳnh		1986	Hà Nội		5	4.5		3	6.5	4.5	5			
1776	K	11776	Nguyễn Duy Thoa Quỳnh		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Nexa STI		1.5	7	1.5	6					
1777	H	11777	Nguyễn Như Quỳnh		1993	Nghe An	CN CTY TNHH ACCO NING SERVICES LIMITED LIABILITY			7.5	7						
1778	K	11778	Nguyễn Thị Quỳnh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)		6	7.5	2.5	6		4			
1779	K	11779	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh		1995	Thái Bình					7		8	8.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1780	K	11780	Nguyễn Thu Hà Quỳnh		1996	Nam Định	Công ty TNHH Optimizely Việt Nam			7.5		6.5	7.5					
1781	K	11781	Nguyễn Thị Hương Quỳnh		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiem toan - tư vấn định giá MCC Việt Nam - (tư nhân) Đoàn Hải			3			0.5					
1782	K	11782	Nguyễn Thị Như Quỳnh		1992	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toan (HD) Việt Nam		5	6	3	8	6	3.5				
1783	K	11783	Nguyễn Thị Như Quỳnh		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất New Brand Việt Nam											
1784	K	11784	Nguyễn Thị Như Quỳnh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Creative Việt Nam			7	5							
1785	H	11785	Nguyễn Thị Thu Quỳnh		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Zoomlion Việt Nam	4.5			3							
1786	H	11786	Nguyễn Thị Thu Quỳnh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH INDY XNK Hà Thành		5									
1787	P	11787	Nguyễn Thị Thu Quỳnh		1995		Công ty TNHH Master fluids solution Việt Nam			5.5								
1788	K	11788	Nguyễn Thu Quỳnh		1996	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Vuhomes		7.5		5							
1789	K	11789	Nguyễn Lovet Quỳnh		1994	Hải Phòng							6.5					
1790	P	11790	Phạm Thu Quỳnh		1999		Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam			5								
1791	H	11791	Phạm Thu Quỳnh		1999	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ số Digital Việt Nam	6.5	5	8	5	5						
1792	K	11792	Trần Thị Quỳnh		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Kiem toan Delante Việt Nam			4	6							
1793	K	11793	Trần Thị Quỳnh		1992	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn RSM Việt Nam	7.5			7	4	3					
1794	H	11794	Vũ Ngọc Quỳnh		1985	Hà Nội	CT TNHH INVALDY Logistics Quận Phòng		6.5	5.5								
1795	H	11795	Vũ Thị Quỳnh		1993	Phủ Thọ	Công ty TNHH INVALDY Minh Đức			4	2.5							
1796	H	11796	Vũ Thị Quỳnh		1997	Nam Định	CT TNHH Quốc tế Eli Việt Nam			6								
1797	H	11797	Vũ Thị Kuang		1985	Hà Nội	CTCP Bigsteland Global	5	4.5	7.5	3							
1798	K	11798	Phạm Thị Kiều		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiem toan Tư vấn Độc lập - (tư nhân) Hà Nội	7	3	5		6.5		6				
1799	H	11799	Nguyễn Thị Sang		1998	Hà Nội	CTY TNHH CONGO NGHIE NHAT HIE Y	5.5		6.5								
1800	K	11800	Nguyễn Văn Sang	1993		Hà Nam	Khác	5	7	6	4			3.5				
1801	P	11801	Đur Thị Đạt Sao		1990		Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn PNP-TTG			7.5								
1802	K	11802	Nguyễn Thị Sao		1989	Hà Nội	Công ty CP Tập đoàn Sơn Hà Xanh		6	7			3	5				
1803	K	11803	Trần Thị Sao		1986	Thái Bình	Công ty TNHH ND INKIDY Mọc Hồng Ân	6	5	7.5	3.5	7.5	4	5				
1804	H	11804	Hà Thị Sen		1990	Vĩnh Phúc	CTY CP QUỐC TH VINH TH NG PHAI		6		5.5							
1805	K	11805	Nguyễn Thị Sen		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại JDR Việt Nam	7.5	4	6	4.5			6				
1806	H	11806	Nguyễn Thị Sen		1990	Nam Định	CTCP dịch vụ và hạ tầng ô tô Thành Công											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1807	H	11807	Phạm Thị Sơn		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Alpha			6	3.5						
1808	H	11808	Trần Thị Bích Sơn		1988	Hà Tĩnh	Công ty CP Song Đa S	7.5									
1809	K	11809	Hoàng Thị Minh Sơn		1997	Bắc Kạn	Công ty TNHH Kế toán kiến toán Việt Nam	7		5.5							
1810	H	11810	Hoàng Anh Sơn	1977		Nam Định	Công ty CP Tập đoàn Hlandia										
1811	K	11811	Lê Đức Sơn	1997		Thanh Hóa	Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	6	5	5.5	3.5	6.5	5		6		
1812	K	11812	Lê Trung Sơn	1998		Hà Nội	Công ty Cổ phần dịch vụ Hành chính kinh doanh Lương An	8	5	3	3	5.5	6.5		4.5		
1813	K	11813	Nguyễn Thanh Sơn	1995		Thanh Hóa	CN Công ty TNHH Logistics Mazda Việt Nam tại Hà Nội	5	1	4	1.5			3			
1814	C	11814	Phạm Văn Sơn		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến toán Thăng Long					5.5	7	3			
1815	K	11815	Trần Đức Sơn	1987		Hà Nam	Công ty TNHH Kiến toán CPA VII HNAM							0			
1816	K	11816	Trương Công Sơn	1993		Hà Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5			6				7.5		
1817	H	11817	Nguyễn Thị Sự		1986	Bắc Giang	C/CP Sản xuất phụ tùng ô tô và thiết bị công nghiệp JVI	6.5	7								
1818	H	11818	Nguyễn Hoàng Thụy Sương		1997	Vĩnh Phúc	CTY TNHH MOIREX-VIETNAM	7.5			2.5						
1819	H	11819	Đặng Thị Bằng Lam		1983	Thái Bình	Công ty TNHH SX NM và DV TSN Vina										
1820	H	11820	Hoàng Văn Lam	1977		Thái Bình	CTCP MIAATA Việt Nam			5.5	6.5						
1821	H	11821	Kim Thị Thanh Lam		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Tổng hợp XD và PCCC Gai Hưng	5	5	7	3						
1822	H	11822	Lê Thị Minh Lam		1994	Nam Định	CTY CP E-NICORNI R VII HNAM	7		3	1.5						
1823	H	11823	Lê Thị Thanh Lam		1993	Thái Bình	C/CP Xay lắp và thiết bị công nghiệp MTK-AMIC	7	7	7.5	2.5						
1824	H	11824	Nguyễn Thị Lam		1991	Nghệ An	Công ty CP Thương mại và dịch vụ Đức Công	6.5		3.5	1.5						
1825	H	11825	Nguyễn Thị Minh Lam		1993	Thái Bình	Công ty TNHH VTA Việt Nam			3.5							
1826	H	11826	Nguyễn Thị Thanh Lam		1990	Nghệ An	Công ty CP Xay dựng Ask Song Lam										
1827	H	11827	Phạm Thị Lam		1992	Nam Định	CTY CP VINHOMIS	5	4	2.5	3.5						
1828	H	11828	Phạm Thị Lam		1998	Thái Bình	Công ty TNHH I-glocal	3.5		5.5							
1829	H	11829	Phạm Thị Minh Lam		1990	Hải Dương	Công ty TNHH VietrolPV Việt Nam	5	6	3.5	5						
1830	K	11830	Phạm Thị Thanh Lam		1996	Hà Nam	Công ty CP Tập đoàn RDX				3.5						
1831	H	11831	Phạm Thị Thanh Lam		1991	Vĩnh Phúc	CTY TNHH BELCO-VIETNAM-KETIOAN			6	3						
1832	H	11832	Phạm Thị Thanh Lam		1998	Thanh Hóa	CTY CP XD CÔNG NGHỆ PHU HƯNG	6.5	5.5	3	5						
1833	K	11833	Trần Thị Thanh Lam		1993	Hà Nội											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1814	K	11844	Nguyễn Lan	1981		Nam Dinh	Công ty TNHH Hàng không AASC		6			8	5			
1815	K	11845	Nguyễn Đức Lan	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Đại Thành	5			5	8.5	3.5			
1816	K	11846	Phạm Ngọc Lan	1991		Nghe An	Công ty TNHH Hàng không AASC									
1817	H	11847	Kiều Thị Thanh		1983	Hà Nội	CTCP Nguyễn Khoa Xanh	4.5		5.5						
1818	H	11848	Trinh Kiều Hương		1979	Bắc Giang	CT TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fudon Việt Nam	7.5		3.5						
1819	K	11849	Le Hoàng Thach	1989		Nghe An	Công ty cổ phần Bảo hiểm OPTIS	5	2.5	4	2.5	6.5		8.5		
1820	H	11840	Nguyễn Thị Ngọc Thach		1981	Hà Nội	Công ty Cổ phần Belsystem24 Việt Nam				4					
1821	H	11841	Nguyễn Văn Thach	1975		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Hồng Hà	7		3						
1822	C	11842	Phùng Thị Ngọc Thach		1992	Hà Nội	Công ty TNHH KPMG					6.5	5.5			
1823	H	11843	Vũ Ngọc Thach	1979		Nam Dinh	CT TNHH Tư vấn và Kế toán Việt Mỹ - Chi nhánh Hưng Yên	3	1	4	3.5					
1824	K	11844	Hoàng Việt Thu	1990		Bắc Giang		5.5		5	6.5			4		
1825	K	11845	Nguyễn Ngọc Thu	1996		Quảng Nam			1.5	3	3.5		3.5			
1826	H	11846	Nguyễn Văn Thu	1987		Hưng Yên	CTY CP QL AN TRUYỀN THÔNG AN	4		3.5						
1827	K	11847	Nguyễn Duy Thuận	1998		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	5.5		6	6.5			1.5		
1828	H	11848	Bùi Thị Thuận		1997	Hà Nội	Công ty CP thiết bị Lucas Việt Nam			4						
1829	H	11849	Bùi Thị Minh Thuận		1997	Hà Dương	Công ty TNHH Việt Nam Khanh phia	3.5		6						
1830	K	11850	Lương Thị Phương Thanh		1994	Bắc Giang	Công ty CP Tập đoàn TTC									
1831	H	11851	Ngô Thị Thanh		1991	Hà Nội	CT TNHH Du lịch	5.5								
1832	K	11852	Nguyễn Phương Thanh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	3	5.5	5.5	8.5	7	8		
1833	H	11853	Nguyễn Thị Thanh		1991	Hà Nội	Công ty TNHH HLY Việt Nam		7	7						
1834	K	11854	Nguyễn Thị Thanh		1997	Hà Nội		6.5		5.5						
1835	H	11855	Nguyễn Thị Thanh		1999	Hà Nội	CTCP Miền Việt Nam	5.5	5	8	5					
1836	H	11856	Nguyễn Thị Vy Thanh		1986	Quảng Nam	Công ty TNHH NO 1 Graphics Inc	5	3.5	5	4					
1837	H	11857	Phạm Thị Thanh		1993	Hà Nam	CTCP Anbi Việt Nam	7.5	5	7.5	4.5					
1838	H	11858	Phạm Thị Thanh		1993	Nam Dinh	CT TNHH TOP OPTOELECTRONICS	5	3							
1839	H	11859	Phùng Thị Thanh		1985	Hà Nội	CTY CP DẠT TẾ XÂY DỰNG ĐÔNG PHƯƠNG 67			3.5	3.5					
1860	H	11860	Trần Thị Thanh		1991	Hà Tĩnh	CT TNHH Thương mại Ninh Bình									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1861	C	11861	Trần Thị Huyền Thanh		1986		Công ty TNHH Kiến tạo Định giá Đại Dương							5.5		
1862	K	11862	Trần Thị Kim Thanh		1990		Ngân hàng NCB P Hàng Hải Việt Nam			6	5		2			
1863	H	11863	Vũ Thị Thanh		1997		ICP Mạo hiểm công nghệ cao Hòa Bình	7	3.5	6.5	5					
1864	H	11864	Vũ Thị Thanh		1998		CT TNHH Tư vấn Đại Hà			5.5	3					
1865	K	11865	Cao Tiến Thanh		1990		Công ty TNHH Hàng Kiến tạo ACCA Việt Nam	5		4		5			2.5	
1866	K	11866	Đỗ Duy Thanh		1996		Công ty TNHH Kiến tạo BDO	7	3.5	6	3.5					
1867	K	11867	Lê Tiến Thanh		1998		Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNI	6.5		6			7			
1868	H	11868	Nguyễn Thị Thanh		1995		Công ty TNHH Quan li Deep C	5.5			5.5					
1869	K	11869	Nguyễn Liên Thanh		1998		Bắc Giang Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	5.5	5		2		6.5	1.5		
1870	K	11870	Nguyễn Trí Thanh		1996		Hải Dương Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	6.5	5.5	7.5	5		5			
1871	K	11871	Nguyễn Hoàng Thanh		1995		Công ty Cổ phần viễn thông FPT		7	5.5	5	8.5	6.5			
1872	C	11872	Nguyễn Văn Thanh		1991		Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Tin Nghĩa					7	6	7.5		
1873	H	11873	Nguyễn Văn Thanh		1995		ĐD CN Đầu Khảo sát Việt Nam									
1874	K	11874	Nguyễn Văn Thanh		1998		Ngệ An Công ty TNHH PSC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	5	2.5	5	5.5	8.5	3	8		
1875	K	11875	Phạm Loan Thanh		1996		Long Công ty Cổ phần công trình Viettel		4	5.5	3.5		3	3		
1876	K	11876	Phạm Văn Thanh		1996		Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Quốc tế	6.5								
1877	K	11877	Trần Quang Thanh		1998		CTCP Phát triển Thương Mại và Dịch vụ Quốc An			5.5	4	6.5		6.5		
1878	H	11878	Trần Liên Thanh		1988		Ngệ An Công ty TNHH KTCN Việt Nam - Singapore									
1879	K	11879	Bồ Thị Thanh				Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ xuất nhập khẩu Nam									
1880	K	11880	Nguyễn Vũ Thị Thảo		1996		Công ty CP Sản xuất Việt Nam	8.5				7.5				
1881	H	11881	Bùi Phương Thảo		1998		Công ty TNHH Kế toán Thuế Taxkey			4						
1882	K	11882	Bùi Thị Minh Thảo		1979		Công ty CP Thương Mại và Nội dung Số Việt	~	5	6						
1883	H	11883	Bùi Thị Phương Thảo		1992		CTY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM			4	3					
1884	K	11884	Bùi Thị Phương Thảo		1993		Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội			7			3.5			
1885	H	11885	Cao Thị Thảo		1989		CT TNHH Vải lụa châu Âu Minh Anh	5.5		5	1.5					
1886	H	11886	Bào Thị Thảo		1994		CTY TNHH NHU A C ACH DIEN VIỆT PHU VI									
1887	K	11887	Bào Thị Thảo		1998		Chi nhánh Công ty TNHH Định giá và Kiến tạo tư vấn Hà Nội	3		5		4	2	4		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1888	H	11888	Bào Thị Thu Thảo		1994	Hà Nội	CTY CP DL OC PHAM QUỐC TH CANADA VIET NAM	8	5.5	4							
1889	H	11889	Đinh Thị Hương Thảo		1993	Ninh Bình	CTY TNHH MÃI A DI-SIKON										
1890	H	11890	Đinh Thị Phương Thảo		1992	Hà Nội	Công ty CP Khoáng sản GCT		5.5		5						
1891	K	11891	Đoàn Phương Thảo		1996	Hải Dương	Công ty Cổ phần Công Nghệ Edu										
1892	H	11892	Đỗ Ngọc Thảo		1991	Hà Nội	CTY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ TIẾP XÚC VÀN HIE BAC NINH			6	3						
1893	C	11893	Đỗ Thanh Thảo		1992	Đà Nẵng	Công ty CP Mochem Viet Nam					6.5	7.5	7			
1894	H	11894	Đào Thị Thảo		1997	Hưng Yên	Công ty CP phân miền Thương Long	5.5		5	2						
1895	H	11895	Hoàng Phương Thảo		1998	Yên Bái	Công ty TNHH Shanlunup Viet Nam-CN HN	3.5	0.5	2	1.5						
1896	C	11896	Hoàng Thị Thảo		1994	Hải Dương	Công ty TNHH Kien Loan T & C Chi nhánh Hà Nội							5			
1897	H	11897	Hà Thị Thảo		1989	Nghe An	Công ty TNHH GK ENCHIN MI Viet Nam			4	5.5						
1898	H	11898	Hà Thị Phương Thảo		1998	Nghe An	CT TNHH Kinh doanh Speed Viet Nam	7.5	7.5	7.5	3						
1899	H	11899	Lê Phương Thảo		1998	Hà Nội	CT TNHH Sumden International Trading Viet Nam										
1900	C	11900	Lê Thị Phương Thảo		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Co-Well Chau A										
1901	K	11901	Lương Thị Phương Thảo		1998	Hà Nội	Hội Kien Loan vien hanh nghề Viet Nam			1							
1902	H	11902	Mai Bích Thảo		1985	Hưng Yên	CT TNHH THANH VIỆT NAM Viet Nam										
1903	H	11903	Mai Phương Thảo		1993	Thanh Hóa	CTY TNHH MIV ứng dụng công nghệ MOI VÀ D LỊCH H				3						
1904	H	11904	Mai Thị Thu Thảo		1991	Bắc Ninh	CN CTY CP Y DL OC PHAM VINH DINH X	8.5	7	7.5	3.5						
1905	H	11905	Ngô Thị Thảo		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH sản xuất và thương mại cơ điện Tân An										
1906	H	11906	Nguyễn Minh Thảo		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán kien Loan và đầu tư AV			5							
1907	K	11907	Nguyễn Thanh Thảo		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Thịnh Vương	6.5									
1908	C	11908	Nguyễn Thị Thảo		1988	Hà Nội	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Bảo V anh					8	6.5	5.5			
1909	H	11909	Nguyễn Thị Thảo		1991	Quảng Nam	Công ty CP Masterbach										
1910	H	11910	Nguyễn Thị Thảo		1992	Hải Phòng	CT TNHH Grant Thornton Viet Nam	5	1.5	7	3.5						
1911	H	11911	Nguyễn Thị Thảo		1992	Nghe An	CT TNHH D&C Nam			7.5							
1912	H	11912	Nguyễn Thị Hương Thảo		1990	Bắc Giang	CT Ltd TNHH MTC	7.5	3.5	5.5	2						
1913	H	11913	Nguyễn Thị Phương Thảo		1990	Bắc Ninh	CT TNHH Bannin Electronics Vina	4.5	1	6.5	3.5						
1914	H	11914	Nguyễn Thị Phương Thảo		1991	Quảng Ninh	CTY TNHH DL LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI PHONG NGUYỄN NG	8	6	5.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1915	II	11915	Nguyễn Thị Phương Thảo		1994	Hà Phòng	Công ty CP nhựa CTI	7	8	8.5	2.5					
1916	II	11916	Nguyễn Thị Phương Thảo		1994	Phu Thọ	CTY CP DICI DINOS	6	6.5	7	4					
1917	II	11917	Nguyễn Thị Phương Thảo		1997	Nghe An	Công ty CP MHC									
1918	II	11918	Nguyễn Thị Phương Thảo		1997	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Arch Garden	6.5	7		2					
1919	K	11919	Nguyễn Thị Phương Thảo		1998	Thái Bình	Công ty Cổ phần dân tư Asua Coldman		5.5	5.5	5					
1920	K	11920	Nguyễn Thị Phương Thảo		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	4.5		5	3		3.5	7		
1921	K	11921	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1974	Hà Nam	Công ty CP Tư vấn và Phát triển xây dựng HII		0.5	3	1.5	5		1.5		
1922	II	11922	Nguyễn Thị Thu Thảo		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Misam Việt Nam	5	4	6	1.5					
1923	II	11923	Nguyễn Thị Thu Thảo		1996	Bắc Giang	CT TNHH Tư Liệu	4	6.5							
1924	II	11924	Nguyễn Thị Thu Thảo		1996	Hưng Yên	CTCP Harisa	6.5	6	5	3					
1925	II	11925	Nguyễn Thị Thảo		1994	Hải Dương	CTY TNHH SAMSUNG SDS VIE NAM	3.5	0.5	4.5						
1926	K	11926	Nguyễn Thị Thảo		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán-Kiểm toán-Tư vấn Việt Nam	8.5	7	6	6.5	8	5	7		
1927	K	11927	Nguyễn Việt Phương Thảo		1995	Bắc Giang	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam chi nhánh Hà Nội									
1928	II	11928	Nông Bích Thảo		1995	Cao Bằng	CT TNHH Transcosmos Việt Nam	5.5		6.5						
1929	K	11929	Phạm Thị Thảo		1999	Hưng Yên			5.5	5	6	7.5	3.5	6.5		
1930	II	11930	Phạm Thị Thảo		1995	Hà Nội	Công ty CP CN Brakesias			8	6.5					
1931	K	11931	Phạm Thị Phương Thảo		1984	Nam Định	Công ty TNHH Cổ liên thương mại Pro			5	3.5					
1932	K	11932	Phạm Thị Thu Thảo		1993	Hà Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kế toán và Định giá VSC (V) tại Hà Phòng	4.5	0.5	5.5	1	3	1.5	2.5		
1933	K	11933	To Thị Thảo		1993	Hải Dương	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thanh Vương									
1934	K	11934	Trần Thị Phương Thảo		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán và Định giá AMC		5	7	7					
1935	II	11935	Trần Thị Thanh Thảo		1996	Bắc Ninh	CTY TNHH L&K BO VIE NAM	4.5	3.5		3					
1936	II	11936	Trần Thị Thu Thảo		1991	Nam Định	Công ty Cổ phần dịch vụ vận thông Tin Việt									
1937	II	11937	Trương Phương Thảo		1987	Bắc Ninh	CT TNHH Sung Woo Vina	6								
1938	II	11938	Trương Thanh Thảo		1995	Thanh Hóa	Công ty CP Dầu tư thương mại dịch vụ IP Xanh			7						
1939	II	11939	Vân Thị Phương Thảo		1986	Hà Nội	Công ty TNHH IMDI và xây lắp Phương Nam									
1940	K	11940	Vũ Thị Thảo		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Bảo hiểm Iasco	5	3.5	5	7.5	8	4	7.5		
1941	II	11941	Vũ Thị Bích Thảo		1993	Phu Thọ	CT TNHH Tư vấn xây dựng MIA Việt Nam			5	3.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1942	H	11942	Vũ Thị Thu Thảo		1997	Thái Bình	CN CTY TNHH KẾ TOÁN T- (CÔNG TATHA NỘI	8	5.5	5	6.5							
1943	H	11943	Nguyễn Thị Thảo		1998	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn Data Hà		3									
1944	H	11944	Nguyễn Thị Thảo		1991	Hà Nội	CTY TNHH IT V N BẮC NINH			6.5	5.5							
1945	H	11945	Nguyễn Thị Hồng Thảo			Hà Nội	CT TNHH Thương mại Công nghệ sản xuất DLP	6		6			6					
1946	C	11946	Phạm Thị Hương		1982	Hải Dương	Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AB Việt Nam						6					
1947	H	11947	Trần Thị Hồng Thảo		1984	Thái Bình	Công ty TNHH Quảng cáo DAD	4		3.5	1.5							
1948	H	11948	Vũ Thị Hương		1984	Hải Dương	CT TNHH Thương mại L&T Hải Dương		5	6								
1949	H	11949	Vũ Thị Hương		1985	Nam Định	CTCP Đầu tư và xây dựng công trình MB		6		4							
1950	K	11950	Nguyễn Văn Hương		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Eternus Holdings	4	5.5	6.5	2.5			8				
1951	K	11951	Bùi Hữu Hương		1998	Hưng Yên	Ngân hàng LNC P. Thịnh Vương và Phát triển Việt Nam					6			3			
1952	H	11952	Đỗ Hữu Hương		1994	Hà Nội	Công ty cổ phần tập đoàn TCO											
1953	K	11953	Hoàng Thị Hương		1990	Nam Định	Công ty TNHH Kwangsong Việt Nam	5.5		5.5					3.5			
1954	K	11954	Hồ Nam Hương		1997	Nghe An	Chí mạnh Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội			8.5	6			4				
1955	H	11955	Le Như Quy Hương		1983	Quảng Bình	CTY CP TM V A DI OC PHAM T M D C			3.5	1							
1956	K	11956	Nguyễn Đức Hương		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam								7			
1957	H	11957	Nguyễn Quan Hương		1991	Thái Bình	CTY TNHH DAI IT V A H V N AN AP C HANG LONG	4	7	6.5	3							
1958	K	11958	Nguyễn Quốc Đức Hương		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	5	6	5	3			3				
1959	K	11959	Phạm Minh Hương		1994	Hà Nam	Công ty Cổ phần nông nghiệp Ngọc Tú	7.5		6.5	3							
1960	K	11960	Lòng Đình Hương		1997	Định Hóa	Khac	6		5	5.5							
1961	H	11961	Trương Phước Đại Hương		1994	Quảng Nam	Renaissance Hotel An Resort & Spa	0	5	5	0							Pháp luật được 0 điểm định chỉ từ môn tập theo (kế toán)
1962	H	11962	Hoàng Thị Hương		1981	Hưng Yên	Công ty CP xây lắp điện Thanh An											
1963	H	11963	Nguyễn Ngọc Huệ		1994	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán DHH Việt Nam	5.5			3							
1964	K	11964	Trương Đức Huệ		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - CN Hà Nội	5.5	5.5	6.5	4	5.5	~	8.5				
1965	K	11965	Đương Thị Bích Hương		1988	Hà Nội	Công ty Cổ phần Dịch Vụ		3.5	5	3.5				6.5			
1966	H	11966	Nguyễn Thị Thu Hương		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Minh Long	4		5	1.5							
1967	C	11967	Nguyễn Thị Thu Hương		1994	Hưng Yên	Công ty Cổ phần phân miền Quốc tế TS					7	8	7				
1968	H	11968	Bách Thị Huệ		1992	Nghe An	CT TNHH Công nghệ môi trường và phát triển bền vững			4	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TCNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
1969	K	11969	Đinh Hoàng Thiện	1996		Ngũyễn An	Nghân hàng TMCP Lọc Dầu Việt Nam	7		5	5.5	6.5					
1970	K	11970	Nguyễn Đức Thuận	1997		Phước Thọ	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn thuế và kế toán Việt Nam		3	6							
1971	K	11971	Nguyễn Ngọc Thuận	1997		Vĩnh Phước	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	6.5	5	5	3.5			6			
1972	K	11972	Lưu Thị Ngọc Thuý		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Crowe Việt Nam				2.5	6.5			7		
1973	II	11973	Đặng Thị Thuý		1991	Bắc Ninh	CICP Công nghiệp API H&K	7	5.5	6.5	8.5						
1974	II	11974	Lê Văn Đức	1985		Quảng Bình	C.TI TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AAVN-VATAC										
1975	K	11975	Ngô Thị Thuận		1988	Bắc Giang	Công ty TNHH Secon Việt Nam										
1976	II	11976	Lê Thị Hạnh		1996	Bắc Ninh	C.TY TNHH CIPPH&K	6.5									
1977	K	11977	Nguyễn Đức Thịnh	1999		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	7	6	5.5	6	6.5	5	8.5			
1978	K	11978	Nguyễn Thị Thu		1996	Thái Bình	V.PDD Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Jung II tại Hà Nội		2	5.5	2						
1979	K	11979	Bùi Đức Thọ	1999		Hòa Bình	Công ty TNHH Nhà nước Mita thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	5.5	1.5	5	2	5.5	2	5			
1980	II	11980	Đinh Thị Thuá		1983	Hà Nội	Công ty CP Vại sừng Lào										
1981	II	11981	Nguyễn Thị Kim Thuá		1986	Hải Phòng	Công ty CP Công Miproc		0	4.5	2.5						
1982	II	11982	Nguyễn Thị Kim Thuá		1992	Ngũyễn An	Công ty CP đầu tư và phát triển năng lượng Bình Minh			5	1.5						
1983	II	11983	Nguyễn Thị Kim Thuá		1993	Bắc Ninh	CN CT TNHH D&N H&M	5.5	6		3.5						
1984	II	11984	Phạm Thị Thuá		1976	Thái Bình	Công ty cổ phần sản xuất và xuất khẩu Quốc tế AIZ	5	2.5	5	4						
1985	II	11985	Phạm Thị Thuá		1994	Hà Nội	C.TI TNHH Thương mại đầu tư và phát triển Khai Anh	5.5			1.5						
1986	II	11986	Lưu Thị Thuá		1993	Thanh Hóa	C.TI TNHH Dịch vụ Thuận Giang	6.5	2	5	3.5						
1987	II	11987	Linh Thị Kim Thuá		1996	Nam Định	C.TI TNHH Công nghệ bao bì thông minh Sungrow (Việt Nam)	4.5	3	5	0.5						
1988	K	11988	Nguyễn Thị Thuá		1997	Hà Nội		7		5.5	5.5						
1989	C	11989	Bồ Thị Thuận		1981	Hà Nội	Công ty Cổ phần Lovexids					5	4.5				
1990	II	11990	Đức Thị Thuận		1991	Thái Bình	C.TY TNHH XTC J&N D&N IT-IM SUPCON V&I NAM	7	4	5							
1991	K	11991	Nguyễn Văn Thuận	1985		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	7.5	5.5	5	3.5	5	1.5	4			
1992	K	11992	Lê Thị Phương Thuận		1978	Thái Bình	Học viện Nông nghiệp Việt Nam			5							
1993	C	11993	Ngô Thị Thuận		1979	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và đầu tư Thuế Việt Nhật					1.5	0.5	1.5			
1994	II	11994	Nguyễn Thị Thuận		1989	Hưng Yên	C.TI TNHH JONIA Việt Nam	7	6	5.5	5						
1995	II	11995	Phạm Thị Thuận		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Vietnam Việt Nam	5		3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thủ VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1996	K	11996	Phạm Thu Thơm		1998	Hưng Yên			5	3.5	6.5			6.5		
1997	K	11997	Trần Thu Thơm		1989	Nam Định	Công ty TNHH Gear hoc Viet Nam			7.5	5	7.5				
1998	H	11998	Trần Thu Thơm		1991	Bắc Giang	C.T TNHH TOBA INC (Việt Nam)				3					
1999	K	11999	Trinh Thu Hương Thơm		1999	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Ton Dan Ha Noi	6.5	7	6.5	5.5	7.5	6	8.5		
2000	K	12000	Ban Thu Thu		1993	Thái Bình	Công ty Cổ phần Gac energy Y ma		5	6						
2001	H	12001	Đường Thu Thu		1997	Vĩnh Phúc	C.T TNHH Yamamoto Metal Precision Viet Nam									
2002	H	12002	Ban Thu Minh Thu		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH dien Nissun Viet Nam		6	5.5	4					
2003	K	12003	Đinh Ha Thu		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Ha Noi	5	5	5.5	5	7.5	3.5	9		
2004	K	12004	Đỗ Thị Phương Thu		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiem toan va tư van C.TY	5	4	6.5	2.5	6.5	4.5	4.5		
2005	H	12005	Hà Thu Thu		1988	Phù Thọ	KHIEU TI HIEU QUOC AN LAM NONG PHU THO			6	3.5					
2006	K	12006	Hà Thu Thu		1999	Hà Nội			4	5	2.5			7		
2007	H	12007	Lê Thu Thu		1991	Quảng Ninh	CN CIGP Thiet bi khai thác mỏ - Trung tâm tư hành Heritage	5		4						
2008	H	12008	Lê Thu Thu		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Alpha			4						
2009	H	12009	Ngô Thu Ha Thu		1993	Nam Định	Công ty TNHH Xay dựng dien Ha Noi									
2010	H	12010	Nguyễn Đức Thu		1996	Sơn La	C.T TNHH Dac tư Hương mai và Dịch vụ Sông Thu		5							
2011	K	12011	Nguyễn Minh Thu		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan tư van doc lap - chi nhánh Ha Noi	5	2	6						
2012	K	12012	Nguyễn Phương Thu		1994	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiem toan Delonite Viet Nam		5.5		3.5	8.5	5	5.5		
2013	C	12013	Nguyễn Thu Thu		1988	Nghe An	Công ty TNHH dịch vụ kế toán Hai Dương					7	7	7		
2014	C	12014	Nguyễn Thị Ha Thu		1994	Thái Bình	Công ty CP DD AND Viet Nam							5		
2015	H	12015	Nguyễn Thị Hoa Thu		1993	Quảng Bình	Công ty CP Dac tư xây dựng và cơ điện H.C	7.5	7	7	4					
2016	H	12016	Nguyễn Thị Lê Thu		1981	Hà Nội	C.TCP Xay dựng và thương mại Thu Dong			2.5						
2017	H	12017	Phạm Hoa Thu		1993	Hải Dương	C.TCP Quan ly van hanh bat dong san Mandala	5	4	5	2.5					
2018	H	12018	Phạm Thu Thu		1984	Hà Nam	Công ty CP dautu Bao Lai	6	3	5	3.5					
2019	H	12019	Phạm Thu Thu		1994	Thái Bình	Công ty CP Property Gatu			5	4					
2020	H	12020	Phạm Thu Thu		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiem toan va tư van TAC	3	2	5.5						
2021	H	12021	Quach Thu Thu		1994	Thanh Hóa	C.T TNHH Steel Metech Vina			7.5	4					
2022	H	12022	Trần Thu Thu		1987	Hà Nam	C.T TNHH Tư vấn ES Viet Nam									

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2023	H	12023	Trần Thị Thu		1988	Thái Nguyên	CITY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM	5.5	4.5	6	7					
2024	H	12024	Trần Thị Thu		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Hàng Long	5	5.5	6.5	2.5					
2025	H	12025	Trần Thị Hoa Thu		1989	Nam Định	Công ty CP nhà thép tiền liên phòng		4	4.5						
2026	H	12026	Vũ Hoa Thu		1995	Hải Phòng	CITY TNHH LOGICAL		5		4					
2027	H	12027	Vũ Thị Thu		1992	Nam Định	Công ty TNHH Seonheop Development Việt Nam		6	5						
2028	K	12028	Đoàn Thị Thuận		1999	Bắc Giang	Công ty cổ phần tư vấn KBMC	4	1.5	5	2	5	5.5	6.5		
2029	H	12029	Hoàng Thị Thuận		1994	Nghe An	Công ty TNHH trust services Việt Nam									
2030	K	12030	Lê Thị Thuận		1995	Hà Nam	Công ty TNHH K&W Việt Nam	3.5	6.5	6.5	6	8.5	6	7.5		
2031	K	12031	Nguyễn Hữu Thuận	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á - Chi nhánh Miền Bắc	4	3.5	5	3	5	5	6		
2032	K	12032	Bùi Minh Thu		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	6.5			4					
2033	K	12033	Đinh Kim Thu		1996	Ninh Bình	Công ty Cổ phần lập đoàn M&T Ion		7	5				8.5		
2034	H	12034	Đoàn Thị Thu		1991	Nam Định	CN CP được Phấn Nam Hà		6		3					
2035	H	12035	Đỗ Đức Thu		1990	Hà Nội	CITY TNHH Olo Hưng Đô	6.5	8	5.5						
2036	K	12036	Hoàng Thị Thu		1997	Quảng Ninh	Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam		3.5	5			3	1.5		
2037	K	12037	Kiều Thị Diệu Thu		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	6	5	7	5	6	7.5	7		
2038	K	12038	Lưu Thị Phương Thu		1983	Quảng Ninh	Công ty TNHH Xây dựng và K&D&H Nguyễn Sơn		1	2.5	1					
2039	K	12039	Lê Thanh Thu		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Ivy Global School Việt Nam				3.5					
2040	H	12040	Lê Thị Thu		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Lan Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam	5.5	6.5							
2041	K	12041	Lê Thị Thu		1995	Hải Dương	Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	3.5	3.5	4	3	7	6	5		
2042	H	12042	Lê Thị Thanh Thu		1992	Quảng Trị	CITY TNHH DDI AT TO VINA			7						
2043	H	12043	Lý Thị Thu		1986	Yên Bái	Công ty TNHH Hào Vương									
2044	H	12044	Mai Ngọc Thu		1995	Phù Thọ	Công ty TC TNHH MB Shinsen	6	6	7	5					
2045	H	12045	Mai Thị Thu		1997	Nam Định	CITY TNHH Decor Vạn Phúc	6.5	5.5	6.5	6.5					
2046	K	12046	Mai Thị Thu		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ quốc tế		6	6.5						
2047	H	12047	Nguyễn Phương Thu		1988	Thái Bình	Công ty CP Property Group Việt Nam		3.5	5						
2048	K	12048	Nguyễn Phương Thu		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam					5	4	8		
2049	H	12049	Nguyễn Thị Thu		1987	Thái Bình	CITY TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán B&D	5.5	6	8						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
2077	H	12077	Trần Thị Thuý		1999	Nam Định	C/CP Chương nhân và Kiểm định Vinacontrol									
2078	H	12078	Bà Thị Thuý		1985	Hà Nội	C/1 TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất Minh Lan									
2079	H	12079	Bà Thị Thuý		1986	Hải Phòng	C/CP Công nghệ Lọc Trắc		7.5	6.5	2.5					
2080	K	12080	Bà Thị Thuý		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Thúc Deboné Việt Nam	6		5						
2081	K	12081	Cao Thị Thanh Thuý		1988	Hà Tĩnh	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	7	7	6.5	5	7.5	5.5	8		
2082	H	12082	Dương Thị Thuý		1993	Hà Nội	Công ty dịch vụ mobilephone khu vực 1 - CN Tổng công ty Viễn thông Mobiphone			7						
2083	H	12083	Đào Thị Thuý		1990	Thái Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn consulting Việt Nam	4	3.5	5	1.5					
2084	H	12084	Đào Thị Thanh Thuý		1989	Hà Nội	C/CP Cổ phần học bổng		4	5.5						
2085	K	12085	Đào Thị Thuý		1997	Thái Bình	Công ty CP Bảo hiểm Hoàng Vương				6.5		7			
2086	H	12086	Đinh Thị Lệ Thuý		1987	Phủ Thọ	C/TA CP PHA IRI N DAI IT HOANG GIA VIT NAM	7	3	3.5	3.5					
2087	K	12087	Đoàn Thị Thanh Thuý		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Trans& Young Việt Nam		6		5					
2088	K	12088	Đỗ Phương Thuý		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Nexia STI	5.5			5	6	5			
2089	C	12089	Đỗ Thị Thuý		1987	Nam Định	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kười					4	5	5		
2090	H	12090	Đỗ Thị Thuý		1994	Hà Nam	C/CP MISA	7	4	8	2.5					Đánh chủ đầu môn Kế toán
2091	H	12091	Hoàng Thị Thuý		1988	Nam Định	C/1 TNHH Lành Việt Nam				0					
2092	K	12092	Hồ Ngọc Thuý		1998	Luyên Quang	Công ty TNHH Kiem loan tư vấn độc lập		1	3.5	3					
2093	H	12093	Lê Thị Thuý		1987	Thanh Hóa	C/CP Dịch vụ Kỹ thuật viên đường Hà Nội			3						
2094	C	12094	Lê Thị Thuý		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem loan Thăng Long					8.5	8	6		
2095	H	12095	Lê Thị Thuý		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH XNK Condina Việt Nam	5	1.5	2	2					
2096	H	12096	Lê Thị Bạch Thuý		1982	Thái Bình	C/1 Ltd TNHH L&O		6.5	6	4					
2097	H	12097	Lê Thị Hồng Thuý		1997	Nam Định	Công ty TNHH / Management		5.5	4	3.5					
2098	H	12098	Ngô Thanh Thuý		1998	Bắc Giang	Công ty CP Đào tạo và giải pháp doanh nghiệp Envy		7	6.5	2.5					
2099	H	12099	Nguyễn Thanh Thuý		1990	Thanh Hóa	C/TA TNHH S ANSI NG L I C ERO MI CHANIC S VIT NAM		5.5	5.5	3					
2100	H	12100	Nguyễn Thị Thuý		1983	Hà Nội	Công ty CP Lan Phương			5						
2101	H	12101	Nguyễn Thị Thuý		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH KPMG		0.5	4	1.5					
2102	H	12102	Nguyễn Thị Thuý		1988	Hà Nội	C/TA TNHH XD INK V AN I MI THANH CONG				5					
2103	H	12103	Nguyễn Thị Thuý		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Miap Food Việt Nam		2	2.5	2.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTCNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2104	II	12104	Nguyễn Thị Thủy		1999	Vĩnh Phúc	CITY INHH K&I FOXN V ACCO	6	5.5	5	5.5					
2105	C	12105	Nguyễn Thị Hồng Thủy		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam					6.5	4.5	5		
2106	II	12106	Nguyễn Thị Thu Thủy		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đông Việt Linh			7	4					
2107	II	12107	Nguyễn Thị Thu Thủy		1993	Hà Nội	CITY INHH SAIO V&I NAMVI	4	3	2.5						
2108	K	12108	Nguyễn Thị Thu Thủy		1996	Thừa Bình										
2109	K	12109	Nguyễn Thị Thu Thủy		1998	Hà Nội				3.5	0.5			3.5		
2110	K	12110	Nguyễn Thị Thu Thủy		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế									
2111	K	12111	Nguyễn Thị Xuân Thủy		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Delonte Việt Nam									
2112	II	12112	Nguyễn Thị Thủy		1994	Hà Nội	Công ty CP thương mại Cường Việt Nam									
2113	K	12113	Nguyễn Thị Thủy		1995	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn xây học đa quốc Dooi	6.5	1.5	5	5		7			
2114	II	12114	Nguyễn Thị Thủy		1999	Thừa Bình	CITY INHH Công nghệ Blue Belt		3.5		2.5					
2115	II	12115	Phạm Thị Thủy		1982	Hà Phòng	CITY INHH Chế tạo Canadian Solar Việt Nam	7.5	3	5						
2116	II	12116	Phạm Thị Bích Thủy		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH&TV đầu tư và công nghệ Án Phú Thành	6.5		5						
2117	II	12117	Phạm Thị Thu Thủy		1984	Vĩnh Phúc	CITY INHH Aecomall Việt Nam	7								
2118	II	12118	Là Thị Bích Thủy		1995	Nam Định	Công ty TNHH ABB Automation And Electrification (Việt Nam)	5.5		5.5						
2119	II	12119	Thanh Thị Thủy		1992	Cao Bằng	CITY INHH Đa Hoàng Hà	4	7							
2120	K	12120	Trần Ngọc Bích Thủy		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5	5	4	4.5	7	5	9.5		
2121	C	12121	Trần Thị Thủy		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Triều					8	8.5	8		
2122	II	12122	Trần Thị Ngọc Thủy		1988	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Vĩnh Tron tại Hà Nội	5	3	5	5					
2123	K	12123	Trần Thị Thanh Thủy		1996	Nam Định	Công ty Cổ phần Y dược Vnethlife		1.5		3.5		1.5			
2124	II	12124	Trần Thị Thu Thủy		1995	Nghe An	Công ty CP giáo pháp công nghệ thông tin và hạ tầng truyền dẫn Vnmb									
2125	II	12125	Trương Thị Thu Thủy		1993	Hà Nội	CITCP Năng lượng tại tạo và mua trường Việt Nam	6	7	5	5.5					
2126	II	12126	Vũ Thị Thủy		1995	Hải Dương	Công ty cổ phần Gamada									
2127	II	12127	Vũ Thị Thủy		1997	Điền Biên	CITY INHH Khoa học kỹ thuật Vnclab		3.5		2					
2128	K	12128	Vũ Thị Thủy		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo II Shun Việt Nam	2	1	5	3.5	5	3.5	6.5		
2129	II	12129	Nguyễn Thị Thuýn		1991	Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Kiến Văn									
2130	II	12130	Phùng Thị Thuýn		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH Asia Packaging				3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2131	H	12131	Ban Anh Thư		1997	Hà Dương	CTY CP VINHOMIS	2	1	4	2					
2132	K	12132	Hoàng Minh Thư		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam			7	5		7	7.5		
2133	P	12133	Hoàng Thị Minh Thư		1995		Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững			6.5						
2134	H	12134	Hà Thị Minh Thư		1998	Nghe An	Công ty TNHH Shambhup Việt Nam-CN HN	6	5	7	4					
2135	H	12135	Lê Khánh Thư		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Newtech Materials Việt Nam		2	4						
2136	H	12136	Nguyễn Thị Anh Thư		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán DTH Việt Nam	6.5	5	6	4					
2137	H	12137	Nguyễn Thị Hoa Thư		1995	Quảng Ninh	CT TNHH Tư vấn thực hành Bình			7	5					
2138	H	12138	Phạm Nữ Anh Thư		1996	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam tại Hà Nội		4	7.5						
2139	K	12139	Phùng Thị Sáu Thư		1996	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	6.5		5.5	4					
2140	H	12140	Lưu Thị Thư		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Quan trị DYN BCI Việt Nam			5						
2141	H	12141	Ngô Văn Thư	1993		Hà Nội	CT TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam	7	9	5.5	1.5					
2142	H	12142	Bùi Thị Thuong		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán Seou Việt Nam		4	6						
2143	H	12143	Đào Thị Thuong		1988	Bắc Giang	Công ty TNHH MK Metal									
2144	H	12144	Nguyễn Huyền Hương		1988	Hà Nội	CT TNHH Công trình và thương mại K.VDA	6.5	4	5	4					
2145	H	12145	Phạm Hồng Thuong		1995	Hải Dương	CTCP Bê tông và Xốp dòng An Minh				1					
2146	K	12146	Lưu Thị Thuong		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Hoàng Long	3.5	5	5	5	7.5	5	4.5		
2147	H	12147	Khúc Hoàng Thị		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam									
2148	H	12148	Linh Thị Tiên		1997	Hà Nội	CTCP Dạng Thêu									
2149	H	12149	Đinh Ngọc Tiên		1994	Ninh Bình	Công ty TNHH E-Glocal			6.5						
2150	K	12150	Hoàng Minh Tiên		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Happy Law	6			5	7	3.5			
2151	H	12151	Mạc Minh Tiên		1997	Hải Dương	CTY TNHH NE VIA SFI				3.5					
2152	K	12152	Nguyễn Duy Tiên		1997	Hà Nội	Công ty cơ phận Lắp đặt Nấm Thuận					6.5	3.5			
2153	K	12153	Nguyễn Mạnh Tiên		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Fortis & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.5	4.5	5	3.5		7.5			
2154	K	12154	Nguyễn Mạnh Tiên		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		2.5	6		7.5				
2155	K	12155	Nguyễn Minh Tiên		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		6.5		7					
2156	K	12156	Nguyễn Quang Tiên	1980		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long	6	2.5	6	2.5					
2157	H	12157	Lê Thị Kim Tiên		1996	Hà Nội	Công ty Cố phần Quốc tế Internus Việt Nam	4								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2158	K	12158	Là Hồng Liên	1992		Nam Định	Lập đoàn Vingroup				5.5		5	6.5		
2159	K	12159	Trần Việt Tiến	1997		Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Hà Nội		4.5	6		6	5.5	5		
2160	K	12160	Trần Thị Liên		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Nexus STI - Chi nhánh An Phát	4.5		6.5	3	5.5				
2161	H	12161	Ngô Thị Việt Hiệp		1984	Nghe An	C.T.C.P Kinh doanh Thương mại và Đầu tư Lâm Phát		2	6.5	3.5					
2162	C	12162	Nguyễn Việt Hiệp	1990		Bắc Giang	Công ty TNHH Đầu tư công nghệ và dịch vụ Seconnect Việt Nam					5				
2163	K	12163	Bồ Thanh Sơn	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Kế toán Kiến tạo Việt Nam	5.5				6		8.5		
2164	H	12164	Nguyễn Thị Linh		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH TM và DV tư vấn Việt Sơn		6	9						
2165	H	12165	Ngọc Thị Thụy Linh		1982	Bắc Giang	Công ty CP Thương mại và đầu tư Kamidu Việt Nam		1							
2166	K	12166	Vũ Thị Linh		1987	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			5.5				5.5		
2167	H	12167	Nguyễn Thị Linh		1996	Thanh Hóa	C.TY CP SCOTSENGI INH AUC IRAMA			6	3.5					
2168	H	12168	Trần Thị Linh		1988	Hà Nội	C.TY TNHH MXXN VINA			6	3.5					
2169	H	12169	Trương Tiến Linh	1988		Thanh Hóa	C.TY CP TC VAN DPT	5			2					
2170	K	12170	Mạc Văn Linh	1995		Hà Dương	Công ty CP Truyền thông và Công nghệ Phú Hưng Group		6.5			7	5	6.5		
2171	H	12171	Nguyễn Thị Linh		1987	Hà Nam	C.TI TNHH Tư vấn AIZ	5.5	1	5.5	3					
2172	H	12172	Phạm Thị Loan		1995	Hà Dương										
2173	H	12173	Phạm Thị Loan		1998	Hà Nam	C.TY TNHH VARISEKVI VIỆT NAM	6	7							
2174	K	12174	Bào Ngọc Loan	1999		Định Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Việt Nam - CN Hà Nội				6					
2175	K	12175	Bình Minh Loan	1993		Nghe An		6	2.5			7	4.5	0		
2176	K	12176	Vũ Đức Loan	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Hà Thanh	4.5		3.5		5				
2177	H	12177	Nguyễn Thị Lơ		1991	Hà Nội	C.TY TNHH XUA T NHẬP KHẨU ĐIỆN MÁY LLCNY	5	2.5	5.5	3					
2178	H	12178	Ban Thị Lúa		1992	Hà Tĩnh	Công ty CP Nhựa bao bì Hòa Sơn	8.5			5					
2179	H	12179	Lê Thị Thanh Lúa		1991	Hà Tĩnh	C.TI TNHH Macdermad Performance Solutions				7.5					
2180	K	12180	Ngô Thanh Lúa		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo VACO	4.5		6	3.5	7.5	3.5	5		
2181	P	12181	Nguyễn Mai Lúa		1999		CÔNG TY CP PLUS PARTNERS VINA			6.5						
2182	H	12182	Nguyễn Thị Lúa		1995	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Việt Nam	8	4	5.5	5.5					
2183	C	12183	Nguyễn Thị Hương Lúa		1980	Nam Định	Công ty có phân giao đặc FDI FHI					5.5	4.5	4		Cánh cao môn Ngoại Ngữ - Từ 20% số điểm
2184	H	12184	Nguyễn Thị Hương Lúa		1988	Thừa Thiên Huế	C.TY TNHH VIỆT QUỐC ANG				5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2185	K	12185	Nguyễn Thị Hương Trà		1992	Nghe An	Công ty Cổ phần Helioph Holdings	4	1	5	2,5					
2186	H	12186	Nguyễn Thị Thanh Trà		1990	Hà Nội	CTY TNHH YONELAW A VIE NAM				4,5					
2187	K	12187	Nguyễn Văn Trà	1991		Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn LAI							2		
2188	H	12188	Phan Thị Thanh Trà		1994	Nghe An	Công ty TNHH phát triển thương mại Traton									
2189	H	12189	Vũ Thị Thanh Trà		1994	Nam Định	CT CP STON-BASI VIE NAM									
2190	H	12190	Bùi Thị Trang		1988	Thanh Hóa	CTCP Labcom Việt Nam		5,5	7						
2191	C	12191	Bùi Thị Trang		1992	Thái Bình	Công ty Cổ phần Delta Việt Nam									
2192	H	12192	Bùi Thị Trang		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất hạt giống Việt Nam			5,5						
2193	H	12193	Bùi Thị Trang		1993	Hòa Bình	Công ty CP Trung tâm sản xuất nhà khoa học Việt Nam									
2194	K	12194	Cao Thị Huyền Trang		1994	Nam Định		6			6,5	6,5	6	6		
2195	H	12195	Cao Thị Mai Trang		1996	Hải Phòng	Công ty CP Phương Mai									
2196	H	12196	Châu Minh Trang		1988	Hà Nội	Tập Đoàn Bảo Việt	2,5	1,5	4,5	3					
2197	K	12197	Châu Thị Hà Trang		1998	Bắc Giang	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			5,5				2	8	
2198	H	12198	Châu Thị Thu Trang		1991	Hà Nội	CTY CP TẬP ĐOÀN HOANG MINH									
2199	K	12199	Đương Minh Trang		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Quảng Cáo và Truyền thông ABC Việt Nam									
2200	K	12200	Đương Thị Trang		1994	Ninh Bình	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			7				7	5	
2201	K	12201	Đương Thị Thuý Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP dịch vụ bảo vệ và thương mại Việt Mỹ VMC									
2202	H	12202	Đương Thị Trang		1994	Hưng Yên	Đoàn Lương Xá Xã Hiệp Cường, H Kim Động, Hưng Yên	5,5	0,5	3,5	1,5					
2203	K	12203	Bào Thị Thu Trang		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế			5	5	6,5		8,5		
2204	H	12204	Đang Thị Hà Trang		1999	Thái Bình	CTCP Neo Fluor	3,5		5						
2205	K	12205	Bào Thị Huyền Trang		1998	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Đầu tư thực TAC	6,5			5					
2206	K	12206	Đinh Thị Thu Trang		1995	Ninh Bình	Công ty CP BĐS Tập đoàn Lân A Đại Thành		4,5	7	5,5	7,5	5,5	4		
2207	K	12207	Đỗ Thanh Trang		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	5	1,5	6	3	6	1	5		
2208	K	12208	Đỗ Thu Trang		1999	Vĩnh Phúc	Khac	6	2,5	5	3	6,5	3,5	4		
2209	H	12209	Đỗ Thụy Trang		1996		CTY CP MAY SÔNG HỒNG			6	5					
2210	H	12210	Hoàng Huyền Trang		1995	Nam Định	Công ty TNHH TC Việt Nam	4,5	6,5	7,5	6,5					
2211	H	12211	Hoàng Thị Vân Trang		1993	Nghe An	CT TNHH Phát triển giao dục GP			6	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2212	H	12212	Huong Thu Trang		1995	Thanh Hoa	CITY CP QUOC TH HTHOI SI VIET NAM				7.5					
2213	H	12213	Hồ Thu Trang		1989	Nghe An	CITCP Masscom Việt Nam		5.5	6.5	6					
2214	H	12214	Lê Thu Thu Trang		1995	Hà Nam	CIT INHH Biju Diamond Vina				4.5					
2215	H	12215	Lê Thu Minh Trang		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng				5					
2216	H	12216	Lê Thu Trang		1990	Hà Nam	CITCP Kiến trúc xây dựng Hearoom	7.5	6.5							
2217	H	12217	Lê Thu Huyền Trang		1998	Hà Nội	CITY INHH K&M IOAN V&IT V&N I&C			5						
2218	H	12218	Lê Thu Kiều Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty CP Cosily		7	6.5	5					
2219	H	12219	Lê Thu Thu Trang		1985	Hà Nội	Công ty TNHH đào tạo kế toán thuế Hà Nội			5						
2220	H	12220	Lê Thu Thu Trang		1990	Thanh Hóa	CITCP Hương mai - Ks thuế Hải Anh	4.5	5							
2221	H	12221	Lê Thu Thu Trang		1996	Nghe An	Công ty TNHH Le-Gloed	3.5			1.5					
2222	K	12222	Lê Thu Thu Trang		1999	Hải Dương	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		2			6		2.5	7	
2223	H	12223	Lê Thu Trang		1990	Thanh Bình	CITY CP S&C K&N KINH B&C		0	1						
2224	H	12224	Ngô Thu Trang		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Yousung Pt		5	6	4					
2225	K	12225	Nguyễn Hà Trang		1998	Hà Nội				8	4		3			
2226	K	12226	Nguyễn Hoàn Trang		1995	Thanh Bình	Công ty Cổ phần ADPIA		5.5	6	5					
2227	K	12227	Nguyễn Lương Trang		1998	Thanh Bình				5.5	3		0	4		
2228	H	12228	Nguyễn Ngọc Lam Trang		1999	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MTV se den DK Việt Nhật		1.5	7						
2229	H	12229	Nguyễn Quỳnh Trang		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Sun Asiatic Việt Nam			0.5						
2230	H	12230	Nguyễn Thu Trang		1986	Bắc Ninh			0	3.5	1.5					
2231	H	12231	Nguyễn Thu Trang		1991	Ninh Bình	Công ty TNHH Co-Well Chau A									
2232	K	12232	Nguyễn Thu Trang		1996	Hải Dương	Công ty Cổ phần Thuận định giá Longo			2.5						
2233	K	12233	Nguyễn Thu Trang		1997	Bắc Giang	Công ty Cổ phần quân lý dầu từ Quốc tế	5	5.5	6	5	6	8.5	5.5		
2234	H	12234	Nguyễn Thu Trang		1997	Quảng Ngãi	CIT INHH Tư vấn thuế Thanh Bình			3.5	2.5					
2235	K	12235	Nguyễn Thu Trang		1998	Bắc Giang	Công ty CP Công nghệ thực phẩm Châu A				3.5					
2236	K	12236	Nguyễn Thu Hà Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Neshub	4.5						6.5		
2237	K	12237	Nguyễn Thu Hiền Trang		1996	Thanh Bình	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Y học Việt Nam - Nhật Bản	5.5			7	6	6.5			
2238	K	12238	Nguyễn Thu Hoa Trang		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		4	6.5			7		7	

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2239	K	12239	Nguyễn Thu Huyền Trang		1990	Hà Nội	Công ty CP Viet Mek Group	6	4.5		2.5					
2240	K	12240	Nguyễn Thu Huyền Trang		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Sản xuất công nghệ Intel Crystal Việt Nam									
2241	K	12241	Nguyễn Thu Huyền Trang		1997	Nam Định	Công ty Cổ phần Ứng dụng Phần mềm Mobio Việt Nam	7	7.5	5	6					
2242	K	12242	Nguyễn Thu Kiều Trang		1993	Hà Nội	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	8.5		6						
2243	K	12243	Nguyễn Thu Ngọc Trang		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		1.5		1.5	6		8		
2244	K	12244	Nguyễn Thu Quỳnh Trang		1995	Ngũyễn An	Công ty CP DV IM Tổng hợp Wcommerce		5	5	2.5					
2245	H	12245	Nguyễn Thu Thu Trang		1987	Hà Nội	Công ty CP Casia	6		2.5						
2246	H	12246	Nguyễn Thu Thu Trang		1988	Ngũyễn An	CT TNHH Market Việt Nam			5	3.5					
2247	H	12247	Nguyễn Thu Thu Trang		1995	Thái Bình	Công ty TNHH SVG Media									
2248	K	12248	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		6	7	6	7	7	8.5		
2249	K	12249	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản V Land Việt Nam	8	1.5	3	3.5			5.5		
2250	K	12250	Nguyễn Thu Thu Trang		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH KPMG					7		7		
2251	H	12251	Nguyễn Thu Thu Trang		1996	Vĩnh Phúc	CTY TNHH PHAN MINH AST - CNHÀ SỐI	6	7.5	5	5					
2252	K	12252	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Hà Nội	Công ty Cổ phần Union Việt Nam		2.5		3			7		
2253	K	12253	Nguyễn Thu Trang		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Thien Anh									
2254	C	12254	Nguyễn Thu Trang		1990	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư Vấn Luật định - Kiểm toán E ACCO Việt Nam					6.5	5			
2255	H	12255	Nguyễn Thu Trang		1992	Hà Nội	Công ty CP kiến trúc và nội thất Black & White	6		3						
2256	H	12256	Nguyễn Thu Trang		1996	Hà Nội	Công ty CP Xây dựng và tư vấn Alpha	7	6							
2257	K	12257	Nguyễn Thu Trang		1998	Phủ Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	7	2	5	3	6.5	4.5	1.5		
2258	H	12258	Nguyễn Thu Hà Trang		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Mitsubishi Belling Việt Nam		3	5.5	6					
2259	K	12259	Nguyễn Thu Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vạn banh Vincem Retail			5		5.5		6		
2260	K	12260	Nguyễn Thu Trang		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	6.5	7.5	5						
2261	K	12261	Nguyễn Trần Thuý Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoa		2.5	3.5	2					
2262	H	12262	Phạm Huyền Trang		1987	Hà Nội	CTCP Phong thư nghệ thuật Grace	8	5.5		5					
2263	H	12263	Phạm Thu Huyền Trang		1995	Nam Định	Công ty CP đầu tư JBH Holdings	5	2	5.5	2.5					
2264	H	12264	Phạm Thu Thu Trang		1995	Hải Phòng	CT TNHH Dịch vụ Tân Keton		2.5	5.5	1					
2265	H	12265	Phạm Thu Thu Trang		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH phát triển Khoa học và sự sống	5		6.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCNT QTCN		Kiểm toán VDV BDNC		Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ											Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2266	K	12266	Phùng Thị Hà Trang		1998	Hà Tĩnh			5	5	3	5						
2267	P	12267	La Thu Trang		1980		Dịch Kinh tế Quốc dân			8								
2268	H	12268	Tha Thu Huyền Trang		1994	Nghệ An	CTY VIC CÔNG NGHỆ V A NOLID NG SO											
2269	K	12269	Trần Nhật Trang		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Enns&Y oung Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội	8.5	4	5	4	6.5			5	7		
2270	H	12270	Trần Thu Trang		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem toan và dinh gĩa AGI											
2271	H	12271	Trần Thu Trang		1996	Nghệ An	Công ty TNHH công nghệ Y ankey Việt Nam)	5	0.5	3	1							
2272	H	12272	Trần Thu Trang		1997	Nam Định	CTCP Công nghệ Vissati											
2273	H	12273	Trần Thu Huyền Trang		1986	Lao Cự	CT TNHH MTV Giao nhận vận chuyển An Phú Minh											
2274	H	12274	Trần Thu Quỳnh Trang		1999	Nghệ An	Công ty TNHH Phát triển tổng hợp Nam Khánh			4	4							
2275	H	12275	Trần Thu Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP TE-XO tư vấn và đầu tư											
2276	H	12276	Trần Thu Trang		1998	Vĩnh Bái	Công ty Cổ phần I eonKGroup				0.5							
2277	H	12277	Vũ Huyền Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP Libexco				8							
2278	H	12278	Vũ Kiều Trang		1990	Nam Định	CTCP SmartOSC				6.5							
2279	H	12279	Vũ Thu Trang		1993	Hà Nội	CT TNHH Accoresch Việt Nam Chi nhánh ban đầu	7.5	5	5	2.5							
2280	K	12280	Vũ Thu Đoàn Trang		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam			5.5		5.5			4.5	6		
2281	K	12281	Vũ Thu Thu Trang		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	5	3	5.5	1.5		5.5		5.5			
2282	H	12282	Vũ Thuý Trang		1998	Hà Nội	CTY CP IM V A DỊCH VỤ NHĐ L ACH GROI P		8.5		5							
2283	H	12283	Lê Thu Phương Trâm		1997	Hải Phòng	CTY CP L A P Đ O A N H V N		5									
2284	H	12284	Nguyễn Thu Phương Trâm		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Huach Askeno Việt Nam			4								
2285	K	12285	Phạm Hồng Trâm		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan tư vấn và đầu tư quốc tế VMA	6	9									
2286	H	12286	Phạm Thu Bích Trâm		1992	Quảng Ngai	Công ty TNHH Accline Corporate Services	5.5			7.5							
2287	K	12287	Vương Thu Trâm Trâm		1995	Hà Nội	Công ty Cổ phần Lap doan M I K GROI P Việt Nam	4.5	5	5		6.5			6	4		
2288	K	12288	Trần Mạnh Trí	1997		Bắc Ninh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem toan tư vấn Đầu Việt tại Hà Nội		5.5	5								
2289	H	12289	Lê Thu Việt Trâm		1992	Quảng Ngai	CT TNHH Liech hợp hệ thống NHT	6	4	5	6							
2290	H	12290	Nguyễn Thu Trâm		1998	Hải Dương	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Long Vũ Giang Sơn	2.5		1								
2291	K	12291	Nguyễn Thu Trâm		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan An Việt	6	6.5	5	5	6			6.5	6.5		
2292	H	12292	Nguyễn Thu Kiều Trâm		1999	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn Đầu Tư											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
2293	II	12293	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		1985	Nam Định	Công ty CP công nghệ Nhật Việt										
2294	K	12294	Nguyễn Việt Trinh		1997	Hưng Yên	Công ty Cổ phần tư vấn T.Y Việt Nam	6.5	8	6							
2295	II	12295	Trần Nữ Việt Trinh		1994	Hà Nội	Công ty CP Du lịch Sài Gòn Phú		1	2.5							
2296	K	12296	Vũ Thị Kiều Trinh		1998	Vĩnh Phúc	VPPD Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Jung II tại Hà Nội										
2297	K	12297	Phạm Việt Trinh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Thanh Công			5		5				4.5	
2298	II	12298	Đinh Thanh Trúc		1999	Hà Nam	CTY TNHH MASCOI Việt NAM										
2299	K	12299	Bùi Liên Trung	1993		Đà Nẵng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		6	6.5	5.5	7	7				
2300	K	12300	Đỗ Văn Trung	1986		Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội			5	5.5				6.5		
2301	K	12301	Hiếu Quang Trung	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Dân Việt - Chi nhánh Hà Nội										
2302	K	12302	Lê Thanh Trung	1983		Hải Dương	Công ty CP Dược Y Tế Vạn Trung										
2303	K	12303	Nguyễn Hữu Trung	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		5			6.5			8.5		
2304	K	12304	Nguyễn Hoàng Trung	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Delcom Việt Nam					5.5					
2305	K	12305	Nguyễn Xuân Trung	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Phần mềm FPT Hà Nội			6	4		6				
2306	II	12306	Phạm Duy Trung	1985		Hải Dương	Công ty TNHH WELINK		7	5.5							
2307	K	12307	Phạm Kim Trung	1997		Hải Dương	Công ty Cổ phần Tập đoàn GILEX		4	4	5.5						
2308	II	12308	Trần Việt Trung	1993		Phủ Thọ	Công ty CP Casablanca Việt Nam										
2309	K	12309	Vũ Tiến Trung	1999		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5		3.5	3.5	7.5	1.5		8		
2310	K	12310	Nguyễn Hữu Trường	1998		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		7.5		5.5						
2311	C	12311	Phạm Mạnh Trường	1989		Hải Phòng	Công ty Cổ phần Đầu tư Dược phẩm S.M					6	4				
2312	K	12312	Trần Xuân Trường	1998		Hà Nam	Công ty Cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà										
2313	K	12313	Vũ Hồng Trường	1987		Hải Bình	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	4.5	4	2.5	3.5	5.5	1		4		
2314	K	12314	Vũ Xuân Trường	1994		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC				5.5	9	6				
2315	II	12315	Bùi Thu Tu		1999	Hải Bình	Công ty cổ phần giải pháp số hóa liên mi	3.5	1.5		1.5						
2316	II	12316	Bào Thanh Tu	1981		Hà Nam	CTY TNHH HANG KIEM TOAN V.A DINH GIA ASCO	3	2.5	5							
2317	II	12317	Hồ Thị Ngọc Tu		1985	Hà Nội	Chi nhánh Ean Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam		5.5	3	4						
2318	K	12318	Nguyễn Mạnh Tu	1995		Nam Định	Công ty Viễn thông Mobite-one	8					5.5				
2319	II	12319	Nguyễn Minh Tu		1994	Nam Định	CTY TNHH KIEM TOAN V.AACO										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2320	K	12320	Phùng Anh Tú	1995		Hà Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá BHM	3.5	0.5	5	3.5	5	0		1		
2321	K	12321	Vũ Thu Thanh Tú		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán BHO	5	5	4	5	7	0		0		
2322	P	12322	Bùi Minh Tuấn	1986			Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội)			5							
2323	K	12323	Đặng Minh Tuấn	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			6	6.5		3				
2324	K	12324	Đỗ Anh Tuấn	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	6.5	1.5	3.5	5	6.5	5		5.5		
2325	H	12325	Hoàng Anh Tuấn	1991		Đoan Hòa	CTY TNHH VÂN MỘC ANGI MINH HANOI			4	2						
2326	K	12326	Lê Anh Tuấn	1994		Ngũyễn An	Lưu đồ	0.5		2.5	5	4	4.5		0.5		
2327	K	12327	Lê Đức Tuấn	1996		Đoan Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội		6.5								
2328	H	12328	Ngô Anh Tuấn	1993		Đoan Bình	Công ty TNHH Kiểm toán định giá			5							
2329	H	12329	Nguyễn Anh Tuấn	1988		Hải Dương	CTCP Hàng Kiến				5.5						
2330	H	12330	Nguyễn Anh Tuấn	1995		Hưng Yên	Công ty CP lập đoàn đầu tư tại Bắc	8	5.5	1.5	5						
2331	K	12331	Nguyễn Anh Tuấn	1997		Phủ Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unislas		5.5						7		
2332	K	12332	Nguyễn Duy Tuấn	1994		Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.T.T	5.5			5				5		
2333	K	12333	Nguyễn Đức Tuấn	1997		Hải Dương	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC		6		1.5	6.5					
2334	K	12334	Nguyễn Ngọc Tuấn	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNI					4	0		3		
2335	K	12335	Nguyễn Quốc Tuấn	1980		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán, Tư vấn và đầu tư ACC tại Hà Nội		5								
2336	H	12336	Nguyễn Quốc Tuấn	1991		Phủ Thọ	Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hàng Hải Đầu Khu			3.5	2.5						
2337	K	12337	Phạm Sĩ Tuấn	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán APS		1	3							
2338	K	12338	Tuân Anh Tuấn	1990		Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán KTC	6.5	7.5	5.5	3.5	8	5				
2339	K	12339	Tuân Trung Tuấn	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam		5	5	3.5				4		
2340	K	12340	Vũ Minh Tuấn	1991		Nghe An	Công ty TNHH TV tư chính quốc tế TTC										
2341	H	12341	Nguyễn Thị Ty Huế		1989	Hà Nội	CT TNHH Đầu tư phát triển nhà và hạ tầng Thanh Huế		7.5	6.5	8.5						
2342	H	12342	Nguyễn Huy Tùng	1989		Đoan Bình	Công ty TNHH Kiểm toán AIC Việt Nam chi nhánh Hà Thanh				6						
2343	K	12343	Nguyễn Thanh Tùng	1995		Nam Định	Khác	6		6	5.5		6.5				
2344	K	12344	Nguyễn Thanh Tùng	1997		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - CN Hà Nội			7	6						
2345	K	12345	Nguyễn Văn Tùng	1996		Hà Nam	Công ty CP Dầu tư Thương mại và Phát triển nông nghiệp ADI		3.5								
2346	K	12346	Nguyễn Văn Tùng	1999		Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế		3.5	5	3	5.5	4.5		2.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ quỹ VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2347	K	12347	Phạm Văn Long	1997		Quảng Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo An Việt chi nhánh Hải Phòng	6	3	5	5	7.5	5	4				
2348	H	12348	Trần Đức Long	1992		Khánh Hòa	CT TNHH SX TM T/C Food	1			3		3					
2349	K	12349	Vũ Khắc Long	1982		Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	7.5	3			3		4	3.5			
2350	H	12350	Vũ Lê Hoàng Long	1977		Ninh Bình	Trường Đại học Lạc Hóa		9.5									
2351	K	12351	Đinh Quang Long	1996		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến tạo TTP			4.5		6.5	2	5				
2352	K	12352	Đinh Thị Huyền		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Tư vấn kế toán thuế Shanghai	3.5	1.5	6.5	2	6.5		2	1			
2353	H	12353	Hồ Thị Kim Huyền		1995	Quảng Ninh	CT Ltd TNHH TGI			3.5	5							
2354	H	12354	Nguyễn Thị Huyền		1994	Ninh Bình	Công ty CP giải pháp tư động hóa Trek											
2355	H	12355	Nguyễn Thị Huyền		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH công nghệ thông minh Tân Cơ Hồng Việt Nam											
2356	K	12356	Lê Kim Huyền	1997		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiến tạo An Tư vấn Bình An			8		3	8		7			
2357	H	12357	Nguyễn Thị Huyền		1988	Hà Nội	Công ty cổ phần tư vấn AFO TAX Việt Nam	8				5.5						
2358	H	12358	Trần Thị Thanh Huyền		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Echno technology Vina	3.5	1.5									
2359	H	12359	Bùi Thị Tuyết		1982	Ninh Bình	Công ty CP Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng Sông Đáy											
2360	H	12360	Đào Lan Tuyết		1984	Nghe An	CT TNHH Tư vấn kiến trúc và xây dựng Hòa Thành											
2361	H	12361	Đo Thị Tuyết		1993	Hà Nội	Công ty TNHH PTCN và JM Khu vực tỉnh											
2362	K	12362	Đỗ Thị Tuyết		1994	Thái Bình	Công ty CP Quan lý khách sạn và dịch vụ Mandela								5.5			
2363	H	12363	Nguyễn Thị Tuyết		1984	Hải Dương	CT Thương mại Vina Kynang Nung											
2364	H	12364	Nguyễn Thị Anh Tuyết		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Bioagen Việt Nam	7										
2365	P	12365	Nguyễn Thị Thanh Tuyết		1997		Công ty TNHH Tư vấn thuế Deloitte Vietnam			5.5								
2366	K	12366	Phạm Thị Anh Tuyết		1988	Quảng Bình	Công ty CP tư vấn AFO TAX Việt Nam											
2367	H	12367	Vũ Thị Tuyết		1993	Hải Dương	Công ty CP công nghệ Hà Nội Invet			2.5								
2368	K	12368	Bùi Thị Tuyết		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4		5	2.5	6.5		7				
2369	K	12369	Đinh Thị Tuyết		1983	Nam Định	Công ty CP dịch vụ Đại lý thuế và tư vấn đào tạo Lan Việt		3						5			
2370	K	12370	Lê Thị Tuyết		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH xây dựng hạ tầng và cảnh quan Fanyang											
2371	H	12371	Lê Thị Kim Tuyết		1983	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Lữ hành ALLINI (Hầu A	6		5								
2372	H	12372	Nguyễn Thị Tuyết		1992	Hưng Yên	Công ty CP tập đoàn Thiên A											
2373	H	12373	Nguyễn Thị Tuyết		1995	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán ACF Time	4	3	5	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2374	K	12374	Ngõng Văn Uy	1997		Yên Bái	Công ty TNHH Kiên toàn APS		7	7.5		6			7		
2375	K	12375	Chu Thị Tố Uyên		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Masport Limited (Việt Nam)	5	5.5	6	5	7	6.5		7		
2376	K	12376	Nguyễn Phương Uyên		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiên toàn AASC		5		5	5.5	6		7.5		
2377	II	12377	Nguyễn Thị Uyên		1979	Hà Nam	Công ty Dezan shua Associate		5	5.5	5						
2378	K	12378	Trần Thu Uyên		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiên toàn CPA VIL INAM	3.5		4					5		
2379	K	12379	Trần Thu Uyên		1999	Thái Nguyên	Công ty TNHH Kiên toàn An Việt		2.5	7	4				5		
2380	II	12380	Trần Tú Uyên		1993	Nam Định	CTY CP OPT LOGISTICS	5	4.5	7	4						
2381	II	12381	Trần Thị Ngọc		1984	Vĩnh Phúc	CT TNHH Hnoda Precision (Vĩnh Phúc)										
2382	K	12382	Nguyễn Hoàn Văn	1991		Hải Phòng	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn thuế VNA		6	6.5							
2383	K	12383	Trần Công Văn	1997		Truyện Quảng	Công ty Cổ phần tập đoàn TONNAT	5	4	6.5	4						
2384	II	12384	Bùi Thị Văn		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH thương trường Q1 Saigon		5.5	6.5	4						
2385	P	12385	Bùi Tô Văn		1998		Công ty Cổ phần Tư vấn T.Y Việt Nam			8							
2386	K	12386	Đoàn Thị Ngọc Văn		1992	Nghe An				5			4				
2387	II	12387	Đoàn Thị Thanh Văn		1996	Nam Định	Công ty TNHH AIC Việt Nam			7.5							
2388	II	12388	Bồ Bích Văn		1997	Thái Bình	Công ty TNHH IC&P Partners Việt Nam	5.5	4	6	2						
2389	II	12389	Bồ Hải Văn		1985	Phụ Thọ	Công ty TNHH IM Van Lien			5	4						
2390	K	12390	Hà Lê Cẩm Văn		1994	Phụ Thọ	Công ty TNHH HXON VIL INAM				3				5.5		
2391	II	12391	Hoàng Thị Ngọc Văn		1987	Hà Nam	CTCP POI Y FDI	5	8								
2392	II	12392	Lê Thảo Văn		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kế toán Thuế Taxkey										
2393	C	12393	Lê Thị Cẩm Văn		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Darius Techam					7.5	5		7.5		
2394	II	12394	Lê Thị Hồng Văn		1990	Hải Dương	CTCP Quản lý quỹ dân tư chứng khoán An Bình	5.5		6	4						
2395	II	12395	Lưu Lương Lương Văn		1995	Hà Nội	Công ty CP Dầu tư AV IS	7	5	5.5							
2396	K	12396	Mai Thanh Văn		1995	Nam Định	Công ty TNHH Eurus Energy Việt Nam										
2397	II	12397	Nguyễn Cẩm Văn		1993	Quảng Ninh	Công ty TNHH Linh kiện điện tử SHI (Việt Nam)			5.5	5.5						
2398	II	12398	Nguyễn Thanh Văn		1993	Hà Nội	CTY CP SMARTOSC	7	8.5								
2399	II	12399	Nguyễn Thị Văn		1990	Hưng Yên	CT TNHH MI DISI AR Việt Nam		4.5								
2400	II	12400	Nguyễn Thị Văn		1994	Thái Bình	CTY TNHH HANG MAY AN VINH			5.5	3						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2401	H	12401	Nguyễn Thị Vân		1996	Hà Nội	CT TNHH Tiếp vận Vietnam Định Vũ				2.5						
2402	K	12402	Nguyễn Thị Vân		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán LS - Chi nhánh Bắc Ninh		3.5	5	2.5		4			5	
2403	C	12403	Nguyễn Thị Hải Vân		1986	Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Chứng khoán VPS						6	6.5	6		
2404	H	12404	Nguyễn Thị Hải Vân		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH giáo nhân văn chuyên I-ICOG	4		5	3						
2405	H	12405	Nguyễn Thị Hồng Vân		1991	Quảng Bình	Công ty CP RIKKINSOFT										
2406	K	12406	Nguyễn Thị Khánh Vân		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn P&F-ITG	6.5		5	4		7		3		
2407	K	12407	Nguyễn Thị Kim Vân		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			7	6						
2408	K	12408	Nguyễn Thị Thảo Vân		1998	Thanh Hóa	Lập đoàn Yngroup - Công ty CP	6	6.5		5		4				
2409	H	12409	Nguyễn Thị Thuý Vân		1991	Hà Nội	CTY TNHH QUỐC TẾ BROADY										
2410	C	12410	Ninh Thị Vân		1990	Nam Định	Công ty TNHH S&G Precision						8.5	8.5	5.5		
2411	H	12411	Phạm Thị Vân		1985	Hải Dương	CTY TNHH NICT CERAMIC										
2412	H	12412	Phạm Thị Vân		1992	Thái Bình	CN CP CP phân phối kh áp Dân Kh VN	4.5		5.5							
2413	H	12413	Phạm Thị Bích Vân		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH thép dày Hòa Phát		5	6	2.5						
2414	H	12414	Phạm Thị Hồng Vân		1991		Công ty TNHH TM và DV tin học Việt Sơn	5.5	5								
2415	H	12415	Lê Thị Hồng Vân		1991	Hà Nội	CT TNHH Kỹ thuật Takisha Việt Nam										
2416	H	12416	Lê Thị Vân		1992	Thái Bình	Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông B&S										
2417	H	12417	Lê Thị Hải Vân		1988	Phủ Thọ	Công ty TNHH Acorn mall Việt Nam										
2418	H	12418	Lê Thị Vân		1983	Thanh Hóa	Công ty TNHH greco services Việt Nam	5	5.5	7							
2419	K	12419	Trương Thị Hải Vân		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5	7.5	5.5	7.5	5	6.5	5.5			
2420	H	12420	Vũ Thanh Vân		1993	Hải Phòng	CT TNHH Hàng Kiểm toán và Tư vấn LP V	5	4.5	6.5	1.5						
2421	H	12421	Vũ Thị Vân		1989	Ninh Bình	CTY CP NHÀ AN LOAN	6	7								
2422	H	12422	Vũ Thị Hải Vân		1988	Hải Dương	CT TNHH P-art		5.5		5						
2423	H	12423	Vũ Thị Thanh Vân		1991	Thái Bình	CTY TNHH AMC VIEL NAM	7.5	3	8.5	3						
2424	H	12424	Phạm Thị Vẽ		1996	Nam Định	Công ty CP XNK và TM IMO										
2425	H	12425	Nguyễn Lương Vi		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Phân Phối Symex PPI	5.5	7.5								
2426	K	12426	Hoàng Bảo Việt		1995	Quảng Ninh	Công ty TNHH Kế toán Duetak		4	6	3	7		5			
2427	K	12427	Nguyễn Xuân Việt		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	7.5	3.5	6	2.5	7	3	2			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ quỹ VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2428	H	12428	Phạm Quốc Việt	1988		Hà Phòng	Công ty TNHH M&C (Việt Nam)	5.5	5.5								
2429	K	12429	Phạm Tuấn Việt	1992		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long		9	6.5					7.5		
2430	K	12430	Trình Xuân Việt	1996		Hà Nội	Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Tân Á Đại Thành										
2431	K	12431	Vũ Hoàng Việt	1994		Hà Nội	CTCP Sơ Gạo dịch Hưng hòa Việt Nam	8		7		8					
2432	K	12432	Lê Hào Vinh	1995		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn SIS Việt Nam		3	5		7		2			
2433	H	12433	Lê Thu Vinh		1997	Thanh Hóa	CTY CP H&G Việt NAM	3.5		6	2						
2434	H	12434	Nguyễn Quốc Vinh	1997		Hà Nội	Công ty CP SS Fashion	8	6.5	4	2.5						
2435	K	12435	Nguyễn Văn Vinh	1992		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Hàng kiểm toán và Định giá AIC		3.5	5.5			1.5				
2436	K	12436	Nguyễn Văn Vinh	1997		Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			3							
2437	K	12437	Phạm Hồng Vinh	1992		Quảng Ninh	Công ty TNHH Phát triển du lịch Quảng Liên	6									
2438	K	12438	Lương Đình Vũ	1999		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC		6.5	4	3	5.5	3.5	1.5			
2439	H	12439	Phạm Thu Vui		1989	Hải Dương	CTCP Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Quảng Hà	8	3	5							
2440	H	12440	Trần Thị Mai Vui		1990	Hải Phòng	Công ty Xuất nhập khẩu hàng hóa Hà Anh										
2441	K	12441	Trần Cao Vương	1998		Nam Định	Công ty Cổ phần Hà Thanh oto										
2442	K	12442	Vũ Thiên Vương	1998		Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và kiểm toán Việt Nam	6	5.5	5	3						
2443	H	12443	Phạm Văn Vương	1987		Hải Phòng	Công ty CP Xetozone	6			1.5						
2444	H	12444	Trần Thanh Vương	1992		Thanh Bình	Công ty CP tư vấn TV										
2445	H	12445	Lữ Mạnh Huyền Vy		1990	Ninh Thuận	CTI TNHH Đa chọn ABC			5.5	2.5						
2446	H	12446	Lưu Thị Xuân		1988	Hà Nội	Công ty TNHH Xây lắp và thiết bị Tân Minh Phát	6.5		6							
2447	C	12447	Nguyễn Thị Xiem		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Gloria						6	4	3.5		
2448	C	12448	Hoàng Thị Xuân		1992	Nghe An	Công ty TNHH IGO Electronics Development Việt Nam										
2449	K	12449	Phạm Thị Xuân		1995	Hải Dương	Công ty TNHH EPLIS										
2450	H	12450	Trần Thị Xuân		1987	Hà Nội	CTCP Phát triển công nghệ Quyet Thăng	6.5		5.5							
2451	H	12451	Bùi Thanh Xuân		1991	Hải Phòng	Công ty CP kinh doanh Hưng Xuân		5	8							
2452	K	12452	Chu Thị Xuân		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV Kaceler Engineering (Việt Nam)	6.5	6	6.5	5	6.5	4	8.5			
2453	H	12453	Đỗ Thị Xuân		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và vận tải Ngọc Việt	6		7	3						
2454	H	12454	Hoàng Thị Anh Xuân		1981	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn Tax Le			2	2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2455	K	12455	Lê Thị Xuân		1980	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng		5.5		6	6.5	6	6		
2456	H	12456	Nguyễn Thanh Xuân		1991	Hải Phòng	CT TNHH Praxis Automation Việt Nam				4					
2457	H	12457	Nguyễn Thị Xuân		1993	Nam Định	CTY CP CƠ DỆN V A XÂY DỰNG HÀ NỘI	5	5.5							
2458	K	12458	Nguyễn Thị Thanh Xuân		1992	Sinh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán LINK Việt Nam	6				7	6.5	6.5		
2459	H	12459	Vũ Thị Xuân		1992	Bắc Ninh	CTY CP ĐẶC L C T M K D V T R N G T H I N H P H A T									
2460	K	12460	Lê Thị Xuân		1983	Thanh Hóa	Công ty TNHH JSTC VINA									
2461	H	12461	Đoàn Thị Xuân		1986	Hà Nội	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG MẠI DẠP VIỆT PHÁP									
2462	K	12462	Nguyễn Thị Kim Xuân		1999	Thái Bình		5	5.5	6.5	3.5	7.5	8.5	2.5		
2463	H	12463	Nguyễn Như Ý		1982	Hà Tĩnh	Hồng công ty Truyền Hình cáp Việt Nam									
2464	H	12464	Lý Hải Yến		1993	Thái Nguyên	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG MẠI KONGY		4		3.5					
2465	K	12465	Cao Nữ Hải Yến		1996	Phủ Thọ	Công ty Cổ phần Winnedia									
2466	K	12466	Đường Thị Hải Yến		1999	Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	3.5	3.5	6.5	5	7.5	5.5	7.5		
2467	H	12467	Đinh Hải Yến		1998	Thái Bình	Công ty TNHH quản lý tư vấn G8									
2468	K	12468	Đoàn Thị Hải Yến		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Grant Thornton VN		5.5	6		7	8	6		
2469	K	12469	Đỗ Hải Yến		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Vesta			6	6					
2470	H	12470	Đỗ Hoàng Yến		1991	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MTV 207				2.5					
2471	P	12471	Đỗ Thị Yến		1995		Công ty TNHH Sides (Chuyên Thương Việt Nam			5						
2472	H	12472	Hà Hải Yến		1998	Thái Bình	CT TNHH Đại lý thực Cường 1 nh		3.5	3.5	2.5					
2473	H	12473	Hoàng Thị Yến		1995	Hà Tĩnh	Công ty CP Giao hàng tiết kiệm		2	6.5						
2474	H	12474	Hoàng Thị Yến		1996	Thái Bình	Công ty CP Fan Consulting Việt Nam			6	4					
2475	K	12475	Hoàng Thị Yến		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội	4	6.5	7.5	3.5	6	5.5	9.5		
2476	K	12476	Hoàng Thị Ngọc Yến		1998	Bắc Giang	Công ty CP Eurowindow	3.5	5	7	3.5	6.5	7.5	5.5		
2477	H	12477	Lê Thị Hải Yến		1993	Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư và phát triển v tế An Sinh									
2478	K	12478	Lê Thị Hải Yến		1997	Thái Nguyên	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn & kế toán ASAC	6	6	6	4	5.5	5.5	6		
2479	K	12479	Lưu Thị Yến		1996	Bắc Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán E-Jung tại Hà Nội		7		5					
2480	H	12480	Nguyễn Hải Yến		1998	Thái Bình	CT TNHH Phân mềm B&K				5					
2481	H	12481	Nguyễn Thị Yến		1990	Thái Bình	CT TNHH Xu Bùn Hải Phòng	6.5		6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2482	H	12482	Nguyễn Thu Yên		1990	Hưng Yên	CT TNHH NICE TECH CNTR Việt Nam	7.5	7								
2483	H	12483	Nguyễn Thu Yên		1990	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Đại h thine Vision	4.5		6							
2484	K	12484	Nguyễn Thu Yên		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	6		5		7	2.5	8			
2485	H	12485	Nguyễn Thu Yên		1993	Bắc Ninh	Công ty cổ phần dịch vụ hàng cao HTEX ASIA		6.5	6.5							
2486	H	12486	Nguyễn Thu Yên		1995	Hưng Yên			7	5							
2487	H	12487	Nguyễn Thu Yên		1997	Bắc Ninh		4.5	6.5		4						
2488	K	12488	Nguyễn Thu Hà Yên		1990	Nghe An	Công ty CP Đầu tư Alphanam					5.5		6			
2489	K	12489	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			2.5		5		8			
2490	H	12490	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Hà Nội	CTCP Logistic SC										
2491	H	12491	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Hà Nội	CTY TNHH CÔNG NGHỆ M-SPECT RITY VIỆT NAM			5.5	4						
2492	H	12492	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Thanh Hóa	CTY CP THOI TRANG WOO KIDS			6	5						
2493	K	12493	Phạm Thu Yên		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Đầu tư Kalib	5	3.5	5.5	2.5	5	2.5	4.5			
2494	C	12494	Phạm Thu Hà Yên		1990	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ kế toán VNCONNECT					6.5	6	6.5			
2495	K	12495	Phạm Thu Ngọc Yên		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán T-AC - Chi nhánh Hà Nội	6.5									
2496	H	12496	Trần Thu Yên		1991	Nghe An	CTCP Lap doan Cotania	3	0.5	5	3						
2497	K	12497	Trần Thu Hà Yên		1990	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Dược phẩm Miracore			6.5							
2498	K	12498	Trần Thu Hà Yên		1993	Nam Định	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	4.5		7	4			5	7.5		
2499	H	12499	Trần Thu Hà Yên		1995	Hà Nội	Công ty CP Base Enterprise	6	5		4						
2500	C	12500	Vũ Hà Yên		1982	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán Đông A					5.5	6.5	5			
2501	K	20001	Trang Diên Ai		1999	Lào Ninh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
2502	H	20002	Trần Thị Ai		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Dầu từ Phát triển Vmax	6.5	6.5	5	2.5						
2503	H	20003	Nguyễn Thị Ai		1984	Bến Tre	Công ty Cổ phần Bibica				1.5						
2504	H	20004	Hà Bảo An		1989	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sui Gòn SGT V				1						
2505	H	20005	Vũ Thị Bảo An		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ kỹ thuật Vũ Long	5	7	6	5						
2506	H	20006	Trương Thị Diên An		1984	Bắc Ninh			5	5.5	4						
2507	H	20007	Hoàng Duy An		1994	TP HCM	Công ty TNHH Loan Phước Huu		3.5								
2508	H	20008	Phạm Đức An		1985	Hải Dương	Cty TNHH Tư vấn AKC	5.5		4	2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
2509	K	20009	Phan Phạm Hoàn An	1996		Khánh Hòa	Công ty Tư pháp chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC		5.5	7.5	7	5.5			7			
2510	K	20010	Phan Hoàng An	1993		Lạng Sơn			5.5				5					
2511	H	20011	Hoàng Thị Kim An		1988	TP HCM	Công ty TNHH MTV Xây dựng & Kinh doanh nhà Phố Thuận											
2512	H	20012	Lương Thị Ngọc An		1988	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thuận Minh			2			5					
2513	H	20013	Phan Thái An		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Xanh											
2514	K	20014	Hoàng Thị Thụy An		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Bình Vinh		5.5	2.5	7.5	2.5						
2515	K	20015	Nguyễn Thị Thụy An		1995	Nghe An	Công ty TNHH 41 VIER D&I		4.5		5	1						
2516	C	20016	Nguyễn Thị Thụy An		1990	Cần Thơ	Long Công ty Phát Triển 2								3.5			
2517	K	20017	Trần Vũ Thụy An		1996	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC								8.5			
2518	H	20018	Nguyễn Thị Tường An		1982	Bến Tre	Công ty Cổ phần Giáo dục CNC		5	2	5.5	2.5						
2519	K	20019	Lương Thị Tường An		1997	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam				6		5.5		1.5	6		
2520	K	20020	Hà Nguyễn Bảo Anh		1996	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC		6		7			6				
2521	H	20021	Nguyễn Mạc Bảo Anh		1994	Dồng Nai	Công ty TNHH Grant Thornton				2.5							
2522	K	20022	Nguyễn Duy Anh	1997		Bình Phước	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		4	3.5	5	4						
2523	K	20023	Nguyễn Đức Anh	1994		Nghe An												
2524	K	20024	Dương Thị Hà Anh		1985	TP HCM			5	4	6.5	0.5	4	4	4	5		
2525	C	20025	Nguyễn Hà Anh		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Tân Sơn											
2526	K	20026	Dương Vũ Hà Anh	1997		Quảng Nam	Công ty TNHH Vong Iron Đô Việt Nam		4.5	6	7	5.5	7	6.5	7			
2527	P	20027	Nguyễn Hồ Hoàn Anh		1992		Công ty TNHH Incopec Việt Nam											
2528	K	20028	Hoàng Hoàng Anh	1993		Cần Thơ	Công ty Cổ Phần Sao Hoa Toàn Quốc		4	5	5	2.5			4	8		
2529	H	20029	Nguyễn Hoàng Anh	1992		TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ dân sự và phát triển An Thịnh			4	6	4						
2530	H	20030	Nguyễn Hoàng Anh	1995		Thái Bình	Công ty Cổ phần Green Holdings			5	5							
2531	K	20031	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C											
2532	H	20032	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1991	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Rosell & Partner Việt Nam		3.5	1.5		2						
2533	H	20033	Dinh Thị Hồng Anh		1993	Sơn Bình	Công ty TNHH Techbase Việt Nam			5								
2534	H	20034	Nguyễn Hồng Anh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Account Services Limited tại TP HCM				7							
2535	H	20035	Nguyễn Hồng Anh	1991		Nghe An	Công ty TNHH Thiem - X System Việt Nam Technology				6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2530	K	20030	Trương Nguyễn Hồng Anh		1998	IP HCM	Công ty TNHH PWC										
2537	H	20037	Hoàng Hoàng Anh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sài Gòn SGC V			7							
2538	H	20038	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1989	Lạng Sơn	Công ty TNHH Decaux Lime Việt Nam			5		3					
2539	K	20039	Trần Kiều Anh		1997	IP HCM	Công ty TNHH Kiem Loan AS		5.5	5.5	2		5.5				
2540	K	20040	Hoàng Lê Kim Anh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH PWC			5	2				8		
2541	H	20041	Nguyễn Thị Kim Anh		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Fischer Asia	6	4								
2542	H	20042	Nguyễn Thị Kim Anh		1981	Ninh Thuận	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hòa Sơn Vàng			3.5	5						
2543	H	20043	Hoàng Thị Lan Anh		1973	Đông Nai	Công ty Giải khát Y ma	4	2	4	2						
2544	H	20044	Nguyễn Thị Lan Anh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH V.V. Nguyễn VNC			5.5							
2545	K	20045	Trần Thị Lan Anh		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH International Humides Inc	6		5.5		5.5					
2546	K	20046	Vũ Thị Lê Anh	1996		Bắc Ninh	Công ty TNHH PWC Việt Nam	5	5.5	6	1		4.5				
2547	H	20047	Lê Thị Mai Anh		1992	Phu Thọ	Công ty TNHH tương tửm Y khoa Hoàn Mỹ Tân Phú	7.5	3	5	4.5						
2548	H	20048	Phạm Thị Mai Anh		1993	Quảng Nam				7	5						
2549	H	20049	Trần Lê Mai Anh		1995	IP HCM	Công ty TNHH V.V. Nguyễn VNC			6.5							
2550	H	20050	Cao Thị Minh Anh		1998	Nghe An	Công ty TNHH MISA Alliance	6.5	3	7	4						
2551	H	20051	Hoàng Minh Anh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Dược phẩm Hismisa Việt Nam			6	3.5						
2552	H	20052	Võ Thị Mỹ Anh		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Cosme Việt Nam			7	5						
2553	H	20053	Dương Thị Ngọc Anh		1985	Quảng Trị	Công ty TNHH Secheang Vina	7	3	6.5	3.5						
2554	K	20054	Nguyễn Hồ Ngọc Anh		1998	Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Trung Tâm Thương Mại Long Việt Nam	6				5					
2555	C	20055	Nguyễn Ngọc Anh		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế Toán và Tư Vấn Doanh Nghiệp						5	6			
2556	K	20056	Nguyễn Ngọc Anh	1995		Bình Định	Công ty TNHH I mst & Young Việt Nam	6.5	6.5	5			6				
2557	H	20057	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1993	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Dầu từ S&S	6.5	2.5	5.5	2						
2558	K	20058	Vũ Thị Ngọc Anh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Hàng Kiem Loan ASSC		6.5	7	5	7	6				
2559	H	20059	Hồ Nguyễn Anh		1985	Quảng Trị	Công ty TNHH M.T.V. Thương mại Dịch vụ Trọng Khôi				4						
2560	K	20060	Lê Như Anh		1997	Cà Mau	Công ty TNHH Kiem Loan Việt Mỹ		6.5	7	4						
2561	C	20061	Nguyễn Thị Phương Anh		1992	Nghe An	Công ty CP Sửa Quốc Tế						6	7			
2562	H	20062	Nguyễn Quang Anh	1995		Thái Bình	Công ty Cổ phần Dầu từ và Phát triển Bất Động sản An Gia	6.5	4	3	1						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2563	II	20603	Nguyễn Thị Quốc Anh		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Công Nghệ CRM				2						
2564	II	20604	Hà Ngọc Quỳnh Anh		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Kien Loan - Hiện định Gia và Tư vấn E-COVIS M-A Việt Nam	5.5	5	6	6						
2565	II	20605	Ngô Thị Quỳnh Anh		1992	Nam Định				4.5	1						
2566	II	20606	Trần Thị Quỳnh Anh		1991	Thừa Thiên Huế			7		7						
2567	K	20607	Hà Thế Anh	1996		Nam Định	Công ty TNHH Kien Loan AEC Việt Nam	7	3	7.5	4	7	3.5	7.5			
2568	II	20608	Nguyễn Thế Anh	1980		Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Đại lý thuế AIT										
2569	II	20609	Nguyễn Thị Anh		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Chunslon Precision Yma		6	7.5							
2570	II	20670	Nguyễn Thị Anh		1997	Nghe An	Công ty TNHH Dezan Shira Việt Nam	6		6	1						
2571	II	20671	Trần Thị Anh		1989	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Chain Chính			5	2						
2572	K	20672	Hoà Thuận Anh		1997	An Giang	Công ty TNHH PAC										
2573	K	20673	Nguyễn Thị Loan Anh		1995	Hà Tĩnh		5.5		6.5					4.5		
2574	II	20674	Nguyễn Loan Anh		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Salskorean Việt Nam		2	2.5							
2575	II	20675	Trần Thị Tu Anh		1987	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Organall Việt Nam		4.5	3.5							
2576	II	20676	Nguyễn Loan Anh	1985		Bến Tre		7.5		3	2.5						
2577	II	20677	Nguyễn Loan Anh	1990		Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Tru Minh		5	4	2						
2578	II	20678	Le Thi Tuyet Anh		1989	Bắc Sơn	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hùng Thịnh Phát		0.5	2.5							
2579	II	20679	Bùi Nguyễn Văn Anh		1996	Hải Phòng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		2		1						
2580	K	20680	Đào Thị Văn Anh		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Kien Loan SCIC Việt Nam	4	3	6	3.5	6	6.5	6			
2581	K	20681	Hoàng Thị Văn Anh		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn Luật Cảnh JHH			5					4.5		
2582	II	20682	Le Thi Van Anh		1984	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Công hợp Sunrise	6	4								
2583	II	20683	Nguyễn Thị Văn Anh		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Công nghệ Nanochip	5	3.5								
2584	II	20684	Nguyễn Thị Văn Anh		1982	TP HCM	Công ty TNHH MTV Núi Châu		6		4						
2585	K	20685	Phạm Lê Văn Anh		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Kien Loan AS		1	5	0.5	5	4				
2586	II	20686	Phạm Thị Văn Anh		1995	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Lai Hospitaliry - E&B Entertainment Group										
2587	K	20687	Là Thị Văn Anh		1995	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Phan Phát Long Gia	5.5	3.5	3	4						
2588	II	20688	Trần Lê Văn Anh		1990	Hà Tĩnh			5	7	5						
2589	K	20689	Võ Văn Anh		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn ACC	5.5	1.5	2.5	5	8	5	4.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2500	K	20690	Vũ Huyền Xuân Anh		1991	Dà Nẵng	Công ty TNHH Dịch Vụ và Tư Vấn Alpha		4	5			5		6	
2501	H	20691	Hoàng Anh		1989	Thái Bình	Công ty cổ phần kết cấu kim loại và lắp ráp Dấu Nh			6.5	4					
2502	H	20692	Nguyễn Thu Thu Anh		1979	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây Dựng Lạc Phát									
2503	H	20693	Nguyễn Thu Hoàng Anh		1987	Nam Định	Công ty TNHH Wanchang Logistics	5	0.5	3.5	0.5					
2504	H	20694	Nguyễn Thu Hoàng Anh		1987	Lạng Sơn	Công ty TNHH Topdeal Logistics	5	1.5	6	2					
2505	H	20695	Đan Thu Ngọc Anh		1997	Cao Bằng	Công ty TNHH Arlin		4	6.5	3.5					
2506	H	20696	Nguyễn Thu Ngọc Anh		1995	Lạng Sơn	Chi cục thuế Khu vực Dục Hoa - Dục Huệ trực thuộc Cục thuế Tỉnh Lạng Sơn	7.5			3		5.5	6.5	7.5	
2507	C	20697	Lưu Thu Ngọc Anh		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiem Loan HSK Việt Nam									
2508	H	20698	Hoàng Thu Anh		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH CK Lume	5	6.5	5.5	4					
2509	H	20699	Nguyễn Thu Anh		1985	Nam Định	Công ty TNHH Láo Dục Phát	4	5	5.5	2					
2600	H	20100	Nguyễn Thu Anh		1985	Quảng Nam										
2601	K	20101	Trinh Thu Anh		1998	Nghe An	Công ty TNHH Tư Vấn ACC	7	7.5	5				3	6.5	
2602	H	20102	Đỗ Thu Juliet Anh		1987	Bình Định	Công ty Cổ phần VPXOLK		1							
2603	K	20103	Phạm Việt Anh		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn Thuế ATAX	4	3	5	2	4.5	3	2		
2604	H	20104	Nguyễn Thu Xuân Anh		1989	Đông Nam	Công ty TNHH Interbau Việt Nam	6	0.5	2.5	0.5					
2605	H	20105	Lưu桂 Anh		1995	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Long Yu	5	3.5	6	2					
2606	H	20106	Nguyễn Hoà An		1989	Ninh Thuận				7.5						
2607	H	20107	Trương Thu Hồng An		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH V A C C		1							
2608	H	20108	Phạm Thu Mỹ An		1989	Bình Định	Công ty TNHH Dao tư Thương mại và Dịch vụ Đại Việt Hoàng Hải		5		1.5					
2609	K	20109	Đường Thu Ngọc An		1993	Nghe An	Công ty Cổ Phần Thuận Hải	5.5	5.5		5		-			
2610	H	20110	Nguyễn Thu Thanh An		1996	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan Việt Nam		6.5	5	1.5					
2611	H	20111	Trần Thu An		1981	Phu Yên	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng桂 Hao			5	2					
2612	K	20112	Võng Thien An		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH Grant Thornton - Chi nhánh tại PHUCAI	6		3	1.5	6	4			
2613	H	20113	Cao Khắc Ba		1988	Nghe An	Công ty Cổ phần Autocare	6	8.5	7.5	5.5					
2614	H	20114	Đỗ Thu Ba		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Bảo Minh									
2615	H	20115	Vũ Ngọc Bạch		1986	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Thuận An									
2616	P	20116	Phạm Thu Thu Hồng Bạch		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam			5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2017	K	20117	Nguyễn Thị Dung		1980	Bình Định	Phòng Ban Hàng Không Vcc 2	5		6						
2018	II	20118	Nguyễn Đức Bảo	1980		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nagato		2	3.5	2.5					
2019	K	20119	Hoàng Minh Bảo	1995		An Giang	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SKS		5		5		8			
2020	K	20120	Phạm Thị Bảo		1987	Lạng Sơn	Công ty TNHH Asanchem Viet Nam	5		3.5						
2021	K	20121	Huỳnh Như Hằng		1998	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học MOORE-ATSC	4.5			3	6.5	3	3		
2022	II	20122	Nguyễn Đình Bằng	1992		Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn An Phú		7	5.5						
2023	II	20123	Lê Thị Ngọc Be		1981	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tiger Consulting Viet Nam	4		5						
2024	K	20124	Nguyễn Thị Bền		1988	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Và Vệ Sĩ Thương Long		3	5.5		6	3	6.5		
2025	K	20125	Dương Ngọc Bích		1999	Hưng Quốc	Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	5.5	1.5	3.5	4.5	7	2.5	5		
2026	K	20126	Hoàng Thị Ngọc Bích		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH N4Q Viet Nam			6	2		5			
2027	II	20127	Lê Thị Ngọc Bích		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Loh & The Wolf	5.5		1.5						
2028	K	20128	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1999	Bà Rịa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Thuế AIAV	7	9	6.5	6	7.5	9		9	
2029	II	20129	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Shift Asia	5.5	7	4	5					
2030	II	20130	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1988	TP HCM				5						
2031	II	20131	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1992	Đông Tháp	Công ty TNHH Giải pháp F A 1		5.5		4.5					
2032	K	20132	Phạm Thị Ngọc Bích		1996	Lạc Giang	Công ty Cổ Phần IMIDY Bến Thành			5						
2033	II	20133	Lê Thị Ngọc Bích		1988	Hải Phòng	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	5	2	4	1.5					
2034	II	20134	Tương Thị Ngọc Bích		1988	Bình Thuận	Công ty TNHH RCT R&D Viet Nam	5.5	4.5	6						
2035	II	20135	Võ Thị Bích		1984	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tháo Lạm									
2036	II	20136	Nguyễn Thị Thuý Bền		1981	Hải Dương	Công ty Cổ phần Dầu khí & Phát triển Quốc Tế			6.5	5.5					
2037	K	20137	Bùi Thị Như Bền		1989	Bình Định	Công ty TNHH MTV Loxua Phú Mỹ Hưng		5		4					
2038	II	20138	Nguyễn Thị Bền		1988	Bình Định	Công ty TNHH Chính xác Đàng		3.5	5.5	4					
2039	K	20139	Nguyễn Đăng Bình	1997		Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm Toán Và Kế Toán AAC		7	5			4			
2040	K	20140	Mai Hải Bình	1984		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tín Dụng Gia Văn An		1.5	6.5	2		1			
2041	K	20141	Nguyễn Hải Bình	1994		Hải Phòng										
2042	II	20142	Huỳnh Kim Bình		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH CIT Resource Vietnam	6.5	6.5	5.5	3.5					
2043	II	20143	Lê Thuỳ Bình	1985		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Thuế Thu và Trung Tâm N&V Gico									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2644	N	20144	Lê Thanh Bình	1990		Bình Thuận	Công ty TNHH INDIY Tổng Hợp Thien Chương		5.5	5	3.5							
2645	H	20145	Nguyễn Thanh Bình	1998		Lũng An	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon	4		5.5	4							
2646	H	20146	Phạm Thị Thanh Bình		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sài Gòn Bếp	5.5		5	1							
2647	H	20147	Trần Thị Thanh Bình		1985	TP HCM	Công ty CP an thực Mía Tron vàng	6.5			5							
2648	H	20148	Lê Thị Bình		1985	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán Thuế Thuan Việt	6.5	5		3.5							
2649	K	20149	Đặng Hữu Bình	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV DAI BIKE VIETNAM	5.5	5	7	2.5	2.5	4.5	7.5				
2650	H	20150	Nguyễn Thị Ý Bình		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Văn An			4.5	1							
2651	H	20151	Trương Thị Búp		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính - kế toán Tư Minh		7	7								
2652	H	20152	Nguyễn Thị Mông Cầm		1992	Bình Dương	Công ty CP kinh Vinacem	6	5.5	6.5	3							
2653	K	20153	Trần Lê Thanh Cầm		1996	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần TTTM Lotte Việt Nam	6.5	0.5	5	1	6.5	2	5				
2654	H	20154	Lê Thị Hồng Cầm		1988	Lũng An	Công ty TNHH AM Accounting			5								
2655	H	20155	Trương Thị Hồng Cầm		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH thời trang Kim Quy		5.5									
2656	K	20156	Lê Thị Cầm		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt			3.5	2.5	6.5		5				
2657	H	20157	Phạm Thị Chang		1991	Bạc Ninh	Công ty CP Mạo Sải Gòn 3		4.5	8.5								
2658	H	20158	Nguyễn Trần Anh Châu		1994	Liên Giang	Công ty TNHH Be Pro	7	3	6	2							
2659	K	20159	Nguyễn Thị Bảo Châu		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5		6.5			5					
2660	H	20160	Nguyễn Thị Bảo Châu		1992	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunway Marketing			7.5	3.5							
2661	H	20161	Trần Bảo Châu		1994	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Gulf Law Ninh 2			4.5	3.5							
2662	H	20162	Lê Thị Diệp Châu		1983	Ninh Thuận	Công ty TNHH Đô Đạc Tân Hưng Phát	6.5	4.5	5.5	2							
2663	K	20163	Lưu Thanh Hà Châu		1996	TP HCM	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SKS		1		2		1.5					
2664	K	20164	Bùi Thị Kim Châu		1988	Bến Tre	Công ty TNHH MTV Speed Vina	6					6.5					
2665	H	20165	Nguyễn Long Châu	1991		Nam Định	Công ty Cổ phần XNK Thuan Minh		6.5	6								
2666	H	20166	Trương Minh Châu		1996	Đông Tháp	Công ty TNHH Gra pháp Phần mềm Winman	4		5.5								
2667	H	20167	Trương Thị Minh Châu		1999	Lũng An	Công ty TNHH Calo Nương	6		5.5								
2668	K	20168	Lê Thị Minh Châu		1997	TP HCM	Công ty TNHH Dịch Vụ Kiểm toán và Tư vấn Kế toán BHP		5	3.5	4	6	6.5					
2669	K	20169	Nguyễn Phạm Minh Châu		1995	Nam Định	Công ty TNHH PWC Việt Nam	4	3.5	7			2.5					
2670	H	20170	Nguyễn Minh Châu		1992	Quảng Bình	Ngân hàng TMCP Dân tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	6.5	4	5	4							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
2671	II	20171	Phạm Minh Châu		1998	Lào Dong	Công ty TNHH Tư vấn & Kiến tạo S&S			5						
2672	II	20173	Phạm Thị Mỹ Châu		1982	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Dầu từ Sơn Sơn - Đà Nẵng									
2673	II	20174	Phạm Ngọc Châu	1975		Lào Núi	Cty CP DV QĐ BDS Hoàng Anh	5	1.5	5.5	2.5					
2674	II	20175	Nguyễn Thị Quỳnh Châu		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kev Express Việt Nam				5.5					
2675	II	20176	Phạm Thị Châu		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hamppop		6.5							
2676	II	20177	Nguyễn Thị Bích Chi		1991	Bình Định	Công ty TNHH Kurosawa MCC			5	2.5					
2677	II	20178	Nguyễn Thị Cẩm Chi		1993	Phu Yên	Công ty TNHH đầu tư HIK	7	6	7.5	4					
2678	P	20179	Nguyễn Thị Chi		2000	Quảng Bình	Công ty TNHH PwC			1.5						
2679	II	20180	Dương Khánh Chi		1986	Thái Bình	CN IP HCM - Công ty CP đầu tư xây dựng DCTH		2	5.5						
2680	II	20181	Bùi Thị Lan Chi		1976	Thái Bình	Công ty CP TNHH SSK Vinh An									
2681	K	20182	Nguyễn Thị Lệ Chi		1983	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Millennium Furniture				6	7.5	0.5	7		
2682	II	20183	Lê Thị Lệ Chi		1987	Làng An	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Thọ		2	3						
2683	K	20184	Hoàng Linh Chi		1996	Quảng Trị	Công ty TNHH PwC	5	4				3.5			
2684	K	20185	Lê Thị Linh Chi		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn KSM Việt Nam							6.5		
2685	II	20186	Trần Dương Mai Chi		1985	Bắc Giang										
2686	II	20187	Nguyễn Thị Mỹ Chi		1988	Bình Định	Công ty TNHH Ks thiết Kế Đặng Minh		2	5	4.5					
2687	K	20188	Phạm Mỹ Chi		1998	Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn A&C	5	4.5	6	4		5			
2688	II	20189	Lưu Thị Phương Chi		1988	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán Glax		5	5						
2689	C	20190	Nguyễn Hữu Quỳnh Chi		1985	Ngũyễn An	Công ty Bảo Hiểm PICO Sơn Sơn					6.5	7			
2690	II	20191	Nguyễn Thien Quỳnh Chi		1982	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phú Sang	5.5		2.5						
2691	K	20192	Nguyễn Thị Thanh Chi		1991	Bình Định	Công ty TNHH Thương Mại Mỹ Phẩm Sao Mai	5.5		5	5					
2692	II	20193	Nguyễn Thị Thuê Chi		1998	Đà Nẵng	Cty TNHH Tư vấn A&C		3.5	5						
2693	II	20194	Nguyễn Thị Trúc Chi		1990	Quảng Ngãi				3	2					
2694	K	20195	Nguyễn Thị Thuần		1994	Hưng Yên	Công ty TNHH MTV K D F edersen Việt Nam									
2695	K	20196	Mông Thị Chính		1996	Cao Bằng	Công ty Cổ phần Steel Builder			2	0.5	3.5	0	2.5		
2696	K	20197	Nguyễn Thị Chính		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Yuen Logistics Việt Nam		4	5		7	3	6		
2697	K	20198	Bùi Lai Chính	1995		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Lập Đoàn V AS Nghi Sơn	4.5	3	3.5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2698	C	20199	Nguyễn Thị Cho		1993	Bình Định	Công ty TNHH Guize					7.5	8.5		5	
2699	K	20200	Trần Thị Chúc		1987	Bạc Liêu	Công ty TNHH Impact Việt Nam	6.5	7	6.5	3.5	6.5	6.5		7	
2700	H	20201	Cao Chí Chung		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Phan miền Opsswal Việt Nam			5.5	5					
2701	H	20202	Hồ Thị Kim Chung		1979	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Vinh (ara Diamond Jewelry									
2702	K	20203	Nguyễn Thanh Chung	1992		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	6		3.5	5.5					
2703	H	20204	Vân Thị Duy Chung		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Sula	3		5						
2704	H	20205	Phạm Trần Hoàng (Thương)	1987		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Towada Ly Thương Kiệt			3	3.5					
2705	K	20206	Lê Minh Công	1990		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Le	6.5	3		5	6	5			
2706	K	20207	Trần Lê Minh Công	1996		Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam	6		6	2				1.5	
2707	K	20208	Trần Vũ Công	1989		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		2	3	3.5					
2708	K	20209	Lê Đông Cúc		1989	An Giang	Kiểm toán nhà nước khu vực Y			8.5			3		8	
2709	H	20210	Nguyễn Thị Kim Cúc		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Tech Vision	4.5	1	4	2					
2710	H	20211	Nguyễn Thanh Cúc		1980	Lạng Sơn	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị Y tế A Dong			5.5						
2711	H	20212	Hồ Thị Cúc		1983	TP HCM	Công ty TNHH Mercan Việt Nam			4						
2712	H	20213	Nguyễn Thị Thuý Cúc		1987	Khánh Hòa	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại NKK Thanh Phát	5			4					
2713	H	20214	Lê Thị Hồng Cưng		1992	Lâm Đồng	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại NKK Thanh Phát			3						
2714	H	20215	Đỗ Anh Cưng	1992		Thanh Hóa	Công ty TNHH Forces Madans Việt Nam									
2715	K	20216	Nguyễn Hữu Cưng	1996		Quảng Bình	Công ty TNHH MTV (thế Lạc và Kinh Doanh Trang Sức PN)			5.5			6			
2716	K	20217	Phạm Nguyễn Khánh (Cưng)	1998		Hà Nội	Chí Nhuận (PHCM - Công ty TNHH Kiểm toán VACO	6.5	6	5	2	6.5	4		6.5	
2717	K	20218	Trần Mạnh Cưng	1993		TP HCM	Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản Forces	6	7	4			7.5		7.5	
2718	H	20219	Nguyễn Phú Cưng	1998		Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Doanh nghiệp Hoàn Cầu									
2719	H	20220	Phạm Quốc Cưng	1992		Đông Thập	Công ty TNHH tư vấn qua biên giới và xây dựng - QCP9									
2720	H	20222	Trần Tuấn Cưng	1995		Sóc Trăng	Công ty Cổ phần Dược Nguyễn Hiệp		6.5	5.5						
2721	K	20223	Nguyễn Văn Cưng	1995		Kiên Giang	Công ty Cổ phần Phan Bôn và Hoa Thái Dầu Khu Lây Nam Bho				4	6			3.5	
2722	H	20224	Trần Văn Cưng	1990		Kiên Giang	Cty TNHH MTV Trương Phát									
2723	K	20225	Phạm Thị Vỹ Đa		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm toán AS		1.5	5	3	4	0.5			
2724	H	20226	Nguyễn Thị Kim Dung		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kim Sora	7	5	5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2725	II	20227	Hoàng Hữu Danh	1996		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thái Bình Dương	4.5	3	5.5	3.5							
2726	K	20228	Trần Thanh Danh	1979		Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	4.5	0	1.5	0.5							
2727	K	20229	Trần Thị Khanh Dân		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Greenleaf Việt Nam	5		5								
2728	II	20230	Phạm Thị Dề		1990	Phu Yên	Công ty TNHH Daogier Việt Nam	5		5.5	5							
2729	K	20232	Nguyễn Thị Ai Diễm		1994	Bình Định	Công ty TNHH Hoàng Quốc Lê Đạt Bằng Lương Anh											
2730	K	20233	Nguyễn Dương Hồng Diễm		1992	Lý Ninh	Công ty TNHH Kiem Loan và Dịch Vụ Tư Vấn Moore AISC		5					6				
2731	II	20234	Nguyễn Thị Hồng Diễm		1980	Quảng Ngãi	Nhanh hàng INCT Sài Gòn Thương Tín	4.5		2								
2732	II	20235	Nguyễn Thị Hồng Diễm		1988	Phu Yên	Công ty TNHH Xay dựng Dongsung Vina		5	6								
2733	K	20236	Lê Thị Kiều Diễm		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	6		2.5					6			
2734	K	20237	Nguyễn Ngọc Diễm		1996	Ninh Thuận	Công ty TNHH Phát triển Sùng Lạo	7	7	7.5	6							
2735	II	20238	Lê Thị Ngọc Diễm		1986	IP HCM	Công ty Cổ phần và Truyền thông VTVBroadcom			3.5		4	7	7.5	8			
2736	K	20239	Trần Thị Ngọc Diễm		1991	Bình Dương		7.5	8	7.5								
2737	II	20240	Đoàn Thị Diễm		1989	Bến Tre	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp Đạt và thuê Kế toán Lân Thanh Thanh	6		7								
2738	II	20241	Lê Thị Diễm		1984	Bình Định	Công ty TNHH IMDY tư vấn thông Báo Xanh											
2739	II	20242	Lê Thị Diễm		1992	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Đầu tư An Phát				4.5							
2740	K	20243	Trần Thị Diễm		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Liên Tron		5.5				7		5			
2741	K	20244	Nguyễn Mạc Thụy Diễm		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoàng Kiem Loan AASC	5	5.5	4								
2742	II	20245	Nguyễn Thị Thụy Diễm		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Anh Minh			7	5							
2743	II	20246	Trần Thị Kiều Diễm		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH IMDY xuất nhập khẩu Khoa Nguyễn		2		2.5							
2744	II	20247	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1986	Liên Giang	Công ty Cổ phần Sơn xuất Thương mại NID	6	2.5	3.5	1.5							
2745	K	20248	Đoàn Thị Thanh Diệp		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Thương Mai Speeches Việt Nam											
2746	II	20249	Trương Thị Hiền Diệp		1994	Bình Định	Công ty TNHH RD Bridal		5	5								
2747	K	20250	Võ Thị Hồng Diệp		1994	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Helius Technologies	7		6	5.5	6						
2748	II	20251	Nguyễn Thị Kim Diệp		1990	Liên Giang	Công ty Cổ phần Du thuyền Viet Princess	6	1	5.5	2							
2749	II	20252	Nguyễn Thị Mỹ Diệp		1996	Kien Giang				7.5								
2750	II	20253	Phạm Thị Mỹ Diệp		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Leawong Global Logistics Việt Nam											
2751	K	20254	Nguyễn Thị Thủy Diệu		1995	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Hàng Lưu Dung Masan											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT Q/TNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2752	K	20255	Lưu Tuấn	1989		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	5	6	5	3.5	4	5.5	3.5		
2753	K	20256	Lưu Bảo Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH PWC	4		3	3		5			
2754	H	20257	Đương Thị Cẩm Dung		1975	Trung Quốc	Công ty TNHH Vong Tron Do		5.5	6	4.5					
2755	K	20258	Nguyễn Thị Hoàng Dung		1997	Nghe An	Công ty Cổ Phần Bình Yên Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	6	4		2					
2756	H	20259	Nguyễn Thị Hồng Dung		1992	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Central Service	4	2	6.5	3					
2757	H	20260	Phan Lê Khánh Dung		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	4.5		6						
2758	H	20261	Oh Kiều Dung		1992	Trung Quốc	Ngân hàng Bank of china limited - CN TP Hồ Chí Minh	6.5	5	5	3.5					
2759	H	20262	Lưu Lê Kiều Dung		1992	Quảng Nam	Công ty TNHH Thanh Market	7	4.5	5	4					
2760	H	20263	Ngô Thị Kim Dung		1986	Là Nhì	Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Đà Môn	5.5	1	1.5	2					
2761	K	20264	Ngô Nguyễn Lan Dung		1999	Phu Yên	Công ty TNHH PWC							7		
2762	H	20265	Kiều Thanh Lê Dung		1996	Quảng Nam	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam		5.5							
2763	H	20266	Nguyễn Thị Lê Dung		1983	Hải Phòng	Công ty TNHH ADN Vietnam Lawyers			7	7.5					
2764	H	20267	Nguyễn Thị Mỹ Dung		1981	Thừa Thiên Huế		5.5		3	1					
2765	H	20268	Nguyễn Thị Mỹ Dung		1988	Quảng Nam	Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Thành Công									
2766	H	20269	Phan Thị Mỹ Dung		1991	Bình Định	Công ty TNHH MTV As thiết bị ứng dụng Minh Dung	7	3	7	4					
2767	H	20270	Tư Thị Mỹ Dung		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH END Corporate Services									
2768	H	20271	Huỳnh Thị Nghi Dung		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo tư vấn thuế Sai Nam	7		5						
2769	H	20272	Nguyễn Thị Ngọc Dung		1994	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam		6		1.5					
2770	H	20273	Lưu Thị Phương Dung		1997	Hải Dương	Chi nhánh tại TP HCM Công ty TNHH lookyo Consulting	5		5.5						
2771	K	20274	Bùi Phương Dung		1993	Hà Nam	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Nhuận	3.5		5				4.5		
2772	H	20275	Châu Thị Phương Dung		1990	Hà Nam		6.5	5.5	6						
2773	H	20276	Sơn Quốc Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH kiểm toán & thẩm định giá LNK	6	4.5	5						
2774	K	20277	Đặng Thị Dung		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán AS	4.5	1.5	6	3	8	7	5.5		
2775	H	20278	Lưu Thị Dung		1996	Thừa Thiên Huế		6	8	4	3.5					
2776	H	20279	Lê Thị Dung		1991	Campuchia	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA			5	5					
2777	H	20280	Lê Thị Dung		1986	Nghe An	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bạt Đông sơn Hưng Vương	5.5	5							
2778	K	20281	Nguyễn Thị Dung		1999	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	5.5	5	4.5	2	6	4	4		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Chú chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thủ thuật VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2779	H	20282	Nguyễn Thị Dung		1998	Hà Dương	Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Cửa Sèn				5.5						
2780	K	20283	Liên Thị Dung		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Bosch Global Software Technologies		6.5					6.5			
2781	H	20284	Lương Thị Dung		1998	Thanh Hóa	CITCP tư vấn & Dịch vụ thuê IPM			6.5							
2782	H	20285	Hồ Thị Dung		1998	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Accounting Services Limited tại TP HCM	5		5	1.5						
2783	H	20286	Nguyễn Thị Dung		1988	Bình Định	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh Anh Dương		2.5								
2784	H	20287	Đặng Thị Dung		1986	Là Vinh	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo ACC PRO		1		4						
2785	K	20288	Huỳnh Phan Thị Dung		1994	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Dược và Tư vấn KPNIG		6		5	8	6				
2786	H	20289	Nguyễn Thị Dung		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH Giáo dục và vận tải - thương mại Dạy Tài			6	1.5						
2787	H	20290	Nguyễn Thị Dung		1990	Thanh Hóa	Công ty Liên Doanh Dịch hành Cửu Long		6								
2788	C	20291	Nguyễn Thị Dung		1991	Quảng Bình	Công ty Cổ Phần BGT Energy					7.5	7.5	1.5			
2789	K	20292	Nguyễn Thị Dung		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt		5	5		8	5	4			
2790	H	20293	Nguyễn Thị Dung		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Giáo dục và đào tạo ACTISO	5.5			0.5						
2791	H	20294	Phạm Thị Dung		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH NVĐ Asset Logistics Việt Nam			6.5	3						
2792	H	20295	Liên Thị Dung		1981	Liên Giang	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thương Hoàng		4								
2793	H	20296	Liên Thị Dung		1994	Hà Tĩnh		3		4							
2794	K	20298	Nguyễn Đỗ Xuân Dung		1987	Thái Bình	Ngân hàng NCB Việt Nam Thương Tín			3.5	3.5						
2795	H	20299	Liên Thị Dung		1996	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý ST Engineering Việt Nam		5.5	5							
2796	H	20300	Chu Đình Dung		1984	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam										
2797	H	20301	Đỗ Đức Dung		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ DIAA										
2798	K	20302	Ngô Kỳ Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH PWC										
2799	K	20303	Nguyễn Mạnh Dung		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn CPA HCM	7	4.5	5	3			4.5			
2800	H	20304	Ngô Quốc Dung		1994	Bạc Liêu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Lơn		6		6						
2801	H	20305	Huỳnh Văn Dung		1973	Lạng Sơn	Công ty TNHH khai thác Thép HHT	4.5	1	1.5	1.5						
2802	H	20306	Liên Việt Dung		1993	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn và TS Việt Nam	5.5		4	3.5						
2803	H	20307	Phạm Xuân Dung		1995	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần BHC Inceop		5.5	6.5							
2804	H	20308	Nguyễn Anh Duy		1997	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Công Nghệ Liên Phát	3.5	6	3	4						
2805	K	20309	Phạm Anh Duy		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu	6	3.5	5	1.5	7					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2806	H	20110	Chau Thị Bao Duy		1984	Quảng Ngãi	Công ty TNHH SX IM và DY SX IM Đại Quang Phát	5.5	0.5	3.5	4					
2807	K	20111	Võ Trần Bảo Duy			Lạc Ninh					1.5					
2808	K	20112	Lê Đạt Duy			Lạc Ninh	Công ty TNHH Kiểm Toán DFN Việt Nam									
2809	K	20113	Nguyễn Đình Duy			Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	8			5	6.5	7.5		5	
2810	K	20114	Võ Đình Duy			Quảng Ngãi	Công ty TNHH Quốc Tế Vạn Phước Hưng	4.5	5.5					5	5.5	
2811	K	20115	Nguyễn Đoàn Duy			Cà Mau	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch vụ Tin Học MOORE-AISC	5.5	1	3.5	1.5	6	0.5	4.5		
2812	K	20116	Nguyễn Hoàng Duy			Hưng Yên	Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam									
2813	H	20117	Đặng Ngọc Duy			Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Quốc tế Việt Nam	5.5	3	2.5	3.5					
2814	K	20118	Lý Nhật Duy			Lạc Ninh	Công ty TNHH PWC	6.5		3.5	3.5	7	0	7		
2815	K	20119	Nguyễn Quang Duy			Bình Dương	Công ty TNHH PWC			2.5						
2816	K	20120	Nguyễn Thanh Duy			Quảng Nam						6.5	8.5			
2817	K	20121	Phạm Xuân Duy		1994	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán T.T.O	5		6	5	7		6.5		
2818	H	20122	Lê Hải Duy		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH Viet Sea VN	7	4	7.5	4					
2819	K	20123	Nguyễn Đức Hải Duy		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn	6	5.5	7	6	6	4	9		
2820	K	20124	Trần Thị Hồng Duy		1981	Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Kim Tín Đại	8	1.5	6					8	
2821	H	20125	Đoàn Kim Duy		1984	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Thực phẩm Chăn nuôi Việt Thăng		4	7	3					
2822	P	20126	Nguyễn Thị Kim Duy		2001	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH PWC			7						
2823	K	20127	Nguyễn Lương Duy		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Khai thác CITI Đắk Nông				2					
2824	H	20128	Đặng Thị Mỹ Duy		1997	Lạc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sài Gòn Sóc V			3	1					
2825	K	20129	Hà Thị Mỹ Duy		1998	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuyên Việt	5.5	3.5	6	5.5	7				
2826	K	20130	Lưu Thị Mỹ Duy		1998	Phước Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC - CN HCM			5	5		5	5.5		
2827	H	20131	Ngô Thị Mỹ Duy		1995	Bình Dương	Công ty CP XI MÊ Công nghệ Mìn		0.5	4						
2828	K	20132	Nguyễn Thị Mỹ Duy		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn HTI - Chi nhánh Đà Nẵng	6	3.5	5.5	3	6	4.5	6.5		
2829	H	20133	Nguyễn Thị Mỹ Duy		1998	Bình Định	Công ty Cổ phần Hòa phát Đại Dương Xanh				4					
2830	K	20134	Trần Đăng Mỹ Duy		1997	Phước Yên	Công ty TNHH R&D2 Việt Nam	4.5				8.5		8		
2831	K	20135	Vân Thị Mỹ Duy		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam		3	6	5.5	7.5	3.5	7		
2832	H	20136	Trần Quỳnh Duy		1997	Phước Yên	Công ty TNHH BDO Consulting			5	2					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
2860	II	20164	Trinh Thị Anh Đào		1987	Quảng Trị	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An toàn ISP									
2861	II	20165	Lương Thị Anh Đào		1991	Bình Định	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn Thax		2.5		3.5					
2862	II	20166	Lê Thị Hồng Đào		1992	Lạng Sơn	Công ty TNHH Giải pháp Kỹ thuật Đa Phúc									
2863	II	20167	Hồ Ngọc Đào		1998	Bình Dương	Cty TNHH Kiem toán và Tư vấn A&C									
2864	K	20168	Ta Thị Ngọc Đào		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt	6	3	4	1		6.5			
2865	K	20169	Lê Xuân Đào		1996	Đông Pháp	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiem Toán A VSC		5	5	5		3.5			
2866	II	20170	Lê Đức Đạt		1990	Bình Dương	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán K.T.C			6	4	4				
2867	K	20171	Nguyễn Hoàng Đạt		1997	Vĩnh Long	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4.5	5	4	2.5					
2868	II	20172	Trần Hồng Đạt			Cần Thơ	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Nam Trung									
2869	II	20173	Hồ Phái Đạt		1994	Đông Nai	Công ty TNHH TM - DV VI XD Thanh Phái Đạt	4.5	1.5	5	2					
2870	K	20174	Trần Quốc Đạt		1995	Tiền Giang	Công ty TNHH Kiem Toán và Tư Vấn RSSM Việt Nam	4.5	5	2.5	2.5	6	4.5	9.5		
2871	K	20175	Trần Quốc Đạt		1992	Ninh Thuận			4	3.5	2	7	3.5	8		
2872	II	20176	Đặng Tân Đạt		1994	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thanh Thành Công		6.5	7	5					
2873	C	20177	Nguyễn Trương Tiến Đạt		1992	Lạc Ninh	Công ty TNHH Năng Lương Rice						6.5			
2874	II	20178	Phạm Liên Đạt		1996	Khánh Hòa	Cty TNHH Tư vấn A&C	3.5	0.5							
2875	II	20179	Trần Trọng Đạt		1985	Nam Định	Công ty CP TM & DV Lạc An Phát									
2876	II	20180	Nguyễn Thị Đẹp		1982	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục thuế Khu vực Cần Giuộc - Cần Giuộc	3.5	1.5	5						
2877	II	20181	Nguyễn Thị Duyên		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiem toán F.A.C		5.5		3.5					
2878	II	20182	Vân Thị Thanh Duyên		1996	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Phương Đông	5	5.5	7	4					
2879	II	20183	Lâm Thu Duyên		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam			5.5						
2880	II	20184	Lào Thuỳ Duyên		1994	Bình Thuận	Công ty TNHH Kế toán AGS		3	7	3.5					
2881	K	20185	Nguyễn Thị Bích Diệp		1993	Bình Định	Công ty TNHH Sonnet Viet Nam	5	5.5	7.5			6.5			
2882	K	20186	Nguyễn Thị Hồng Diệp		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunpin Vina	5.5		5.5	3.5		6			
2883	II	20187	Trần Nữ Diệp		1989	Bình Định	Công ty CP đào tạo và dịch vụ Hoàng Sơn South Thuận									
2884	II	20188	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp		1987	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh mạng Ymcs		8		6.5					
2885	K	20189	Nguyễn Thị Diệp		1988	Nghe An	Công ty General Resources				7.5		6			
2886	II	20190	Võ Thị Diệp		1989	Bình Định	Công ty TNHH được phân Amber				2					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2887	H	20191	Hoành Thu Diệu		1992	Bình Định	Công ty Cổ phần Anan Wind Energy			7							
2888	H	20192	Nguyễn Văn Đức	1984		Nghe An	Công ty TNHH JM	3	1	5	5						
2889	K	20193	Liên Thu Doan		1982	Nam Định	Công ty TNHH RHEE-EM Việt Nam										
2890	K	20194	Phạm Hoàng Thúc Doan		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu	5	5			5		2			
2891	H	20195	Liên Thị Ngọc Đông		1993	Kien Giang	Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	1.5	0.5	3.5							
2892	K	20196	Trương Thị Phương Đông		1999	Phu Yên	Công ty TNHH PWC			5.5	2.5	6					
2893	K	20197	Liên Quốc Lưu Đông		1995	Long Quốc											
2894	H	20198	Nguyễn Phú Duyên		1988	Thái Bình	Công ty Cổ phần Dân tư Dầu mỏ Thành phố Dầu Phư Quốc		4	6.5							
2895	K	20199	Nguyễn Liên Anh Đức		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH PWC	5	2.5	5.5	2.5						
2896	K	20400	Châu Lê Thien Đức		1997	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3	4	3.5	2.5	6	3.5	8			
2897	H	20401	Hồ Trọng Đức		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Bất Động Sản GP.T			5.5	4						
2898	K	20402	Lê Trọng Đức		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Grove Viet Nam - Chi nhánh TPHCM	6			5		5				
2899	K	20403	Nguyễn Trọng Đức		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	4	1.5	3.5	3.5	3.5	5.5	3.5			
2900	K	20404	Liên Tuấn Đức		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Viet Nam				8						
2901	H	20405	Nguyễn Thị Hải Dương		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hải sản Hoàng Gia		4	4							
2902	H	20406	Đào Dương Minh Dương		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto		7		6						
2903	H	20407	Liên Văn Chước Trn		1979	Cần Thơ	Bệnh Viện Quốc Tế Phương Châu										
2904	H	20408	Liên Thu Hồng Cẩm		1982	Quảng Ngãi	Công ty TNHH CDCONS										
2905	H	20409	Lê Thị Ngọc Cẩm		1995	Phu Yên	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Mạch Gia Phát	4.5	6.5	8.5	4						
2906	H	20410	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		1985	Long An	Công ty TNHH Quay Doanh Dịch	7			5						
2907	C	20411	Liên Hoàng Gia		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính - Kế Toán Trn Minh						3				
2908	H	20412	Liên Thu Cẩm Giang		1994	Đông Tháp	Công ty TNHH Tư vấn Ropa	5			3.5						
2909	H	20413	Vô Thu Cẩm Giang		1993	An Giang	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	3.5	0.5	2	0.5						
2910	C	20414	Hoàng Thị Hà Giang		1995	Quảng Bình						6	3.5	8			
2911	K	20415	Lê Thu Hà Giang		1998	Quảng Trn	Công ty TNHH Lamax Viet Nam	5	1.5		4	4	3				
2912	K	20416	Phan Hoàng Giang		1997	Quảng Bình	Công ty TNHH Tư Vấn SC'S Global Việt Nam										
2913	H	20417	Bùi Thu Hồng Giang		1988	Nam Định			7								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCNT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2914	II	20418	Lê Thị Hồng Giang		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Thu mua Nam Thái Bình Dương	5.5		5						
2915	II	20420	Nguyễn Thị Hương Giang		1992	Nam Định	Công ty TNHH Acclime Corporate Services		5.5		4					
2916	K	20422 Giang	Thân Thanh Hương Giang		1994	Bắc Giang		3.5	7	3.5	7.5	7.5	3.5	8.5		
2917	K	20423	Lưu Thị Hương Giang		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn AKC			6						
2918	II	20424	Vũ Thị Hương Giang		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH BCM Venture Integrated									
2919	II	20425	Ngô Thị Mỹ Giang		1992	Liên Giang	Công ty TNHH Thương mại XNK Việt Úc	5.5	0.5	5.5	3					
2920	K	20426	Lưu Nam Giang	1995		Quảng Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		3	5	7					
2921	II	20427	Nguyễn Phương Giang		1982	Thanh Hóa		6.5		3	1					
2922	II	20428	Nguyễn Thị Thanh Giang		1980	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Sao Vàng									
2923	II	20429	Lương Thị Giang		1985	Bắc Giang	Công ty TNHH Kinh doanh siêu thị hàng Phú Mỹ	6.5	6.5	6						
2924	II	20430	Bùi Thị Thuý Giang		1989	Gia Lai	Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	5	3							
2925	II	20431	Lưu Thị Trúc Giang		1991	Quảng Ngãi	Cty TNHH Hoa Lenz Việt Nam - CN Quảng Ngãi									
2926	II	20432	Đặng Trương Giang	1980		Hà Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thăng Lạn									
2927	II	20433	Đặng Tuyết Giang		1978	An Giang	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Đại lý thực Việt		2	3.5						
2928	K	20434 Giao	Lưu Nguyễn Phương Giao		1990	Liên Giang			6.5	7			7.5			
2929	K	20435	Trần Văn Giáp	1983		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Chu Pháp Công Nghệ Thông Tin Đại Nam		2	5	1.5		1.5	3		
2930	II	20436	Nguyễn Ngọc Giao		1991	Nghe An	Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Đại Bảo An									
2931	II	20437	Nguyễn Thị Diệp Hạ		1983	Quảng Bình	Cty TNHH Xuân Thanh	6	2.5		3.5					
2932	II	20438	Bồ Hoàng Hạ		1995	Bình Định		7	5.5	5	5.5					
2933	K	20439	Bùi Khánh Hạ		1991	Ninh Thuận	Công ty TNHH Hà Phát Asi			3.5	1.5	5.5	1			
2934	II	20440	Hồ Khánh Hạ		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kế toán Vina			3	3.5					
2935	K	20441	Trần Ngọc Khánh Hạ		1994	Bình Định	Công ty TNHH Inst&Young Việt Nam	7		5.5						
2936	II	20442	Nguyễn Mạnh Hạ	1984		Hà Nam	Công ty TNHH Nông nghiệp Lân Xuân									
2937	II	20443	Đoàn Thị Mỹ Hạ		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Năng Lương RHT	6.5	6	2.5	4					
2938	II	20444	Lê Thị Ngọc Hạ		1987	Nghe An	Công ty Cổ phần Iteco		7.5	7						
2939	K	20445	Vũ Ngân Hạ		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH裴達安 Van Mele VN									
2940	K	20447	Nguyễn Thị Ngọc Hạ		1995	Thanh Hóa		5		5	5			6		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2041	II	20418	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1983	Thái Bình	Sacombank Thập Mươi	3.5		5.5								
2042	II	20449	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Sản xuất Dầu tự Thơm ngon An Lập Phát				3							
2043	II	20450	Là Ngọc Hà		1983	Liên Chiểu	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn kế toán Minh Ngọc	6	4	5	3							
2044	II	20451	Vũ Thục Ngọc Hà		1984	Nam Định	Công ty TNHH BSB Tech				1.5							
2045	II	20452	Trần Thị Như Hà		1989	Bình Định	Công ty TNHH Thiết bị Văn phòng phẩm Tiến Hà		3.5	6	2.5							
2046	K	20453	Đỗ Thị Thanh Hà		1997	Thái Bình			6	5	6.5		3.5		3.5			
2047	K	20454	Lê Thị Thanh Hà		1984	Liên Chiểu	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Phú	6.5	1.5	3.5	3.5		5.5		2	5		
2048	II	20455	Nguyễn Lan Thanh Hà		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Galaxy PanX		4.5	4								
2049	II	20456	Nguyễn Thị Thanh Hà		1988	Thanh Hóa		5										
2050	II	20457	Nguyễn Thị Thanh Hà		1994	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Sản xuất Thơm ngon Face Mask	5		4	2.5							
2051	K	20458	Nguyễn Thị Thanh Hà		1978	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Denbu		4.5	7								
2052	II	20459	Phạm Thị Thanh Hà		1999	Bình Định	CN INC Corporate Services P.H. LTD Lai Việt Nam			6	4							
2053	II	20460	Lưu Thị Thanh Hà		1994	Long An	Công ty TNHH XNK Phát triển Đông Dương											
2054	II	20461	Cao Thị Hà		1990	Nghe An	Công ty TNHH Accorns	6	3	6	3.5							
2055	II	20462	Đỗ Thị Hà		1989	Nam Định	Công ty Cổ phần Tư vấn Giải pháp Công nghệ & Môi trường				5.5							
2056	II	20463	Hoàng Thị Hà		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hòa Bình	8	4.5	6	5							
2057	II	20464	Lê Thị Hà		1991	Hải Dương	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Lạc Hà			8								
2058	II	20465	Lê Thị Hà		1985	Thanh Hóa	Cty TNHH Dịch vụ Thương Mại Kỹ Thuật Tổng Hợp Nguyễn Huy		2		4							
2059	II	20466	Lê Thị Hà		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Asuzac	6	3.5	6.5	5							
2060	K	20467	Nguyễn Thị Hà		1979	Hà Nội	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	8	4	5								
2061	II	20468	Nguyễn Thị Hà		1997	Bình Phước	Công ty TNHH ISB Việt Nam		1.5	3.5								
2062	K	20469	Nguyễn Thị Hà		1996	Thừa Thiên Huế	Chuẩn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	6										
2063	II	20470	Nguyễn Thị Hà		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Khuyến học Đại Thành Phát	6	2.5	3.5	2							
2064	II	20471	Nguyễn Thị Hà		1994	Nghe An	Công ty Cổ phần Chung khoán Thanh Công	7.5		6	4							
2065	II	20472	Phạm Thị Hà		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Mỹ phẩm Đạo Liên	5			3							
2066	II	20473	Cao Thị Thu Hà		1990	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Cơ điện (NHPC)			6.5	3.5							
2067	II	20474	Dương Thị Thu Hà		1993	Nghe An	Công ty TNHH Tiếp Vận Wond	6.5	6.5	6	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2968	C	20475	Đoan Thu Hà		1970	Hà Nội	Công ty Cổ phần Đại lý Vận Tải Sài					5.5	4			
2969	C	20476	Hoàng Thu Thu Hà		1985	Nam Định	Công ty TNHH Market Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh							9		
2970	II	20477	Lê Thu Thu Hà		1998	Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton			5						
2971	II	20478	Nguyễn Thu Hà		1984	Quảng Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Thu Đức	4.5		5	1					
2972	II	20479	Phạm Thu Hà		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Dược phẩm L avia									
2973	II	20480	Phạm Thu Thu Hà		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Haid Food		3.5		4					
2974	II	20481	Lưu Vũ Thu Hà		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH IM và DV tư vấn quản lý BKG ANGVN	7		3	0.5					
2975	II	20482	Lưu Thu Thu Hà		1994	Nam Định	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn Tài chính Loan Cầu									
2976	K	20483	Vũ Phương Thu Hà		1996	Nam Định	Công ty TNHH CTC Tech Hub	8.5	2	5.5	3.5	6.5	6.5	7		
2977	K	20484	Dương Thu Thu Hà		1987	Quảng Bình	Công ty TNHH TM Xuất Nhập khẩu Bến Thành									
2978	II	20485	Đoan Thu Thu Hà		1988	Nam Định	Chi nhánh công ty TNHH International SOS Việt Nam	6.5	4	5	2.5					
2979	K	20486	Lê Thu Thu Hà		1999	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		6.5	5.5	7	8	6	7.5		
2980	II	20487	Nguyễn Thu Thu Hà		1990	Bình Định	Công ty CP Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	8.5	5	5.5	2.5					
2981	II	20488	Nguyễn Trung Hà	1989		Nghe An	Công ty TNHH Bao Huem Mice TP Hồ Chí Minh									
2982	II	20489	Lê Thu Hà		1996	Trung Quốc	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán Glax	6.5	3							
2983	K	20490	Nguyễn Việt Hà		1997	Bến Tre	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Loan và Tư vấn (Huân Việt Nam		0.5	5	5		4.5			
2984	II	20491	Lưu Việt Hà		1994	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Ks Nghệ An Phú	6.5								
2985	II	20492	Nguyễn Phan Bảo Hà		1994	Nghe An	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam		6.5		5					
2986	K	20493	Nguyễn Đoan Nhà Hà		1999	Thừa Thiên Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Loan và Tư vấn (Huân Việt tại Đà Nẵng	8.5	7	7.5	5.5	8	6.5	5		
2987	II	20494	Nguyễn Huyền Nhà Hà		1992	Lam Đông	Công ty bảo hiểm BIDV Lam Đông									
2988	K	20495	Hồ Thị Như Hà		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiên Loan và Kế toán AAC - Chi nhánh Lai IPHC M	8	6	7	5	6.5		7.5		
2989	II	20496	Nguyễn Thị Thanh Hà		1991	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần BCG Energy	6	4.5	5	5					
2990	II	20497	Lê Đình Hà	1993		Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán Everwin	8.5	3	7	2.5					
2991	K	20498	Hà Đức Hà	1992		Thái Bình	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Casper Viet Nam	7		5	1					
2992	II	20499	Nguyễn Thị Hồng Hà		1981	Nam Định	Công ty CP công nghệ QHT PLCS	7		6						
2993	K	20500	Lưu Khắc Hà	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam	6.5	5	5	2					
2994	II	20501	Nguyễn Thị Loan Hà		1988	Tiền Giang	Công ty TNHH Be Pro									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán toán TKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HĐT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2995	H	20502	Bùi Ngọc Hào		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp Vĩnh Phát	3.5		4								
2996	K	20503	Lê Ngọc Hào	1995		Thái Bình	Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn và Phát triển Nông thôn - CN Tây Sơn Gòn		1.5	4.5	3.5	5	4					
2997	P	20504	Trần Quang Nhật Hào	1977		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên An Thành			3.5								
2998	K	20505	Nguyễn Sơn Hào	1978		Quảng Ngãi	Công ty TNHH MTV Lân Xuân Cầu Lai	3	0	4.5	0.5	3	1	2				
2999	H	20506	Hoàng Thu Thành Hào		1991	Quảng Ninh	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đồ	7	4	5	6							
3000	K	20507	Nguyễn Thành Hào	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến Toàn Vung Lâu	4.5		6.5			7.5					
3001	C	20508	Phạm Thành Hào	1993		Bình Định							3	5				
3002	K	20509	Đinh Thu Hào		1992	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Sơn Sơn Nà Lài		6.5			5.5	6	5				
3003	H	20510	Trần Thu Hào		1988	Nghe An	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận		5									
3004	H	20511	Vũ Thu Hào		1979	Hà Nam				7.5	3.5							
3005	H	20512	Đoàn Thu Đức Hào		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Oha Việt Nam	6		6.5	5.5							
3006	H	20513	Lê Lương Hồng Hào		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HIL Vina		4									
3007	K	20514	Nguyễn Thị Hồng Hào		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Grove Việt Nam - Chi nhánh PTTCM				7	7.5	8	7				
3008	H	20515	Nguyễn Thị Hồng Hào		1994	Bình Định	Công ty Cổ phần Dân cấp Điện Việt Nam		5	5								
3009	K	20516	Phạm Hồng Hào		1997	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toàn Emmanuel	5.5	6				8	5				
3010	K	20517	Lê Nguyễn Minh Hào		1997	Đông Tháp	Công ty TNHH Trini & Young Việt Nam				3	5.5						
3011	H	20518	Bùi Thị Mỹ Hào		1994	Quảng Ngãi	Công ty CP năng lượng mặt trời RHT	5.5	3.5	5	3							
3012	H	20519	Đỗ Thị Mỹ Hào		1995	Phước Yên	Công ty Cổ phần Thiết bị Cao Phát	4	3	6.5	3							
3013	H	20520	Hồ Thị Mỹ Hào		1994	Nghe An	Công ty TNHH Spring Production	6		7	4							
3014	H	20521	Lai Thị Mỹ Hào		1985	Đông Nai	Công ty Cổ phần Phúc và Mát Đá Sài Gòn	5	5	5	4							
3015	H	20522	Lương Thị Mỹ Hào		1989	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Vong Tron Xanh Việt Nam		5		4							
3016	H	20523	Nguyễn Thị Mỹ Hào		1987	Nghe An												
3017	H	20524	Phùng Thị Mỹ Hào		1988	Bình Định	CN tại TP HCM - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Minh số Việt Nam				6							
3018	H	20525	Lương Mỹ Hào		1994	Trưng Quốc	Công ty TNHH Trang phục ngoại tại CPPC		2.5		2.5							
3019	H	20526	Phạm Thị Ngọc Hào		1992	Sóc Trăng	Công ty TNHH Tư vấn Việt Hoa			5	2							
3020	H	20527	Đường Thị Hào		1992	Hà Tĩnh	Cty TNHH Dịch vụ Giảng Khảo Đào tạo Cầu			5	2.5							
3021	H	20528	Lê Thị Hào		1988	Trưng Quốc	Công ty TNHH Go Ahead Việt Nam	4.5	1	5	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán		Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
											TKT QTNC	BDNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung				
3022	H	20529	Nguyễn Thu Hằng		1985	Khánh Hòa	Công ty TNHH MTV cảnh quan Đại Phú		1.5		5.5							
3023	H	20530	Phạm Thu Hằng		1994	Bình Định	Công ty TNHH Lập Sokem		4		5							
3024	P	20531	Trần Thu Hằng		1998	Hà Tĩnh												
3025	K	20532	Đinh Thu Thu Hằng		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			4	5	7			6.5			
3026	H	20533	Trần Thu Tuyết Hằng		1994	Tiền Giang	Công ty TNHH Tokyo Keshi Precision Technology	7.5			6							
3027	H	20534	Đỗ Trần Văn Hằng		1994	An Giang				7.5	5							
3028	H	20535	Đường Thu Thu Hằng		1995	Phu Yên	Công ty TNHH JYA TP HCM	5	1.5		3							
3029	H	20536	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		1999	Quảng Ngãi	Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	8.5	6.5	5							
3030	K	20537	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		1999	An Giang	Công ty TNHH Kiến Loan Mỹ C Việt Nam	6.5	4.5	6	4	6	9	6				
3031	H	20538	Bùi Như Hào		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Schindler Việt Nam											
3032	H	20539	Trần Thị Như Hào		1998	Ninh Bình		1.5		5								
3033	H	20540	Nguyễn Thị Hào		1987	Nghe An	Công ty TNHH Greenough Worldwide			5								
3034	H	20541	Hà Thị Cẩm Hằng		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam											
3035	K	20542	Nguyễn Thị Cẩm Hằng		1991	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần Vại Tư Hậu Giang	6.5	1	5	5	7	3	5.5				
3036	K	20543	Hoàng Thị Diễm Hằng		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Grant Thornton					5.5	2	4.5				
3037	K	20544	Trần Diễm Hằng		1993	Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kien Loan Deloitte Việt Nam		3		5.5	8.5		6.5				
3038	H	20545	Nguyễn Duy Hằng		1991	Phu Yên	Công ty Cổ phần Năng lượng Miền Bắc											
3039	H	20546	Nguyễn Thị Kim Hằng		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Cargill Việt Nam	5	3.5	5	1.5							
3040	H	20547	Bùi Thị Lệ Hằng		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn kế toán - thuế Bà Miến											
3041	H	20548	Lê Lệ Hằng		1977	Bình Dương			3.5		2.5							
3042	H	20549	Nguyễn Dương Lệ Hằng		1993	Bà Rịa - Vũng Lau	Công ty TNHH Năng lượng JKG Việt Nam	4.5		4								
3043	K	20550	Nguyễn Thị Lệ Hằng		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6	5.5	5	4	7.5	6	7.5				
3044	K	20551	Đoàn Thị Minh Hằng		1996	Thừa Thiên Huế		5.5	3.5		3.5	5.5						
3045	H	20552	Phạm Thị Mỹ Hằng		1996	TP HCM	Công ty TNHH tư vấn KMC	5.5	1	2.5	1.5							
3046	H	20553	Huỳnh Ngọc Hằng		1988	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Bất Động sản GMI Holdings			4	5							
3047	K	20554	Ngô Ngọc Hằng		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam		5	3.5	3	7						
3048	K	20555	Ngô Thị Ngọc Hằng		1981	Cần Thơ	Công ty TNHH NKK Vĩnh Thanh Đại	2.5	0.5	2.5	1.5	3.5	0	2.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3049	C	20556	Bui Thu Thanh Hằng		1994	Bạc Giang	Cong ty TNHH SERVICES Việt Nam					4.5	1.5	7				
3050	K	20557	Mai Thu Thanh Hằng		1996	Thanh Hóa	Cong ty TNHH Tư Vấn AKC			4	3.5	7.5						
3051	II	20558	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1989	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ phần Sonadeo (Châu Đức			3.5	1.5							
3052	II	20559	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1996	Quảng Ngãi	Cong ty Sonadeo Corporation Limited	4.5	3		3.5							
3053	II	20560	Phạm Thu Thanh Hằng		1984	TP HCM	Cong ty TNHH đầu tư và xây dựng An Phú Vương				3							
3054	II	20561	Thư Thu Thanh Hằng		1992	Nghe An	Cong ty TNHH Hsa	4.5	5.5									
3055	K	20562	Đinh Thu Hằng		1989	Thanh Hóa		7				7.5						
3056	II	20563	Lê Thu Hằng		1996	Thanh Hóa			5		5							
3057	K	20564	Nguyễn Thu Hằng		1999	Thái Bình	Cong ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	6.5	4	5.5	5.5	8	4.5	7.5				
3058	II	20565	Nguyễn Thu Hằng		1997	Hà Tĩnh	Cong ty TNHH BIDC Consulting Việt Nam											
3059	C	20566	Bui Thu Thu Hằng		1989	Thái Bình	Cong ty Cổ Phần Bao Bì Thực Phẩm TP					6	2					
3060	K	20567	Lưu Thu Thu Hằng		1996	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	4.5		2.5	5	7.5	4.5	6				
3061	II	20568	Nguyễn Thu Thu Hằng		1976	Hà Nội	Cong ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Mía Tuấn	7	7.5									
3062	K	20569	Nguyễn Thu Thu Hằng		1997	Bình Thuận	Cong ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn KSM Việt Nam			5	4		3	6.5				
3063	II	20570	Nguyễn Thu Thu Hằng		1986	Thái Bình	Cong ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ BAP			3.5	6							
3064	K	20571	Nguyễn Thu Hằng		1995	Hà Nội	Cong ty TNHH PWC		1.5	4	1		3					
3065	II	20572	Lưu Thu Thu Hằng		1983	Thái Bình	Cong ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Sài Gòn			3	5							
3066	C	20573	Lưu Thu Thu Hằng		1990	Thừa Thiên Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Trí Thục Việt						6					
3067	K	20574	Lưu Thu Thu Hằng		1992	Bình Định	Cong ty TNHH Nhựa và Hóa Chất IPC Vina		5.5		2.5	6.5	4.5					
3068	II	20575	Võ Thu Thu Hằng		1994	Phu Yên	Cong ty TNHH KNL											
3069	II	20576	Đặng Thu Thu Hằng		1994	Bình Định		5	5	5	1							
3070	II	20577	Nguyễn Thu Thu Hằng		1997	Liên Giang	Cong ty TNHH Kế toán và Tư vấn Thuế Vinasec	3.5	3.5		1							
3071	II	20578	Nguyễn Thu Hằng		1985	Quảng Ngãi	Cong ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán Citax	6	5.5		4							
3072	II	20579	Nguyễn Thu Hằng		1988	Nghe An		5	4.5									
3073	II	20580	Phạm Thu Thu Hằng		1991	Lạng Sơn	Cong ty GP DNP Haseco Miền Nam	5.5	0.5	3	2							
3074	II	20581	Phạm Thu Thu Hằng		1983	Bình Thuận	Cong ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Easco	5.5	6	4	3.5							
3075	II	20582	Thư Thu Thu Hằng		1988	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ phần Thương mại VNP											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3076	H	20583	Lê Thị Thuý Hằng		1990	Bình Định	Công ty TNHH Aeon Topvalu Viet Nam		7.5	5.5	2.5						
3077	C	20584	Lưu Thị Thuý Hằng		1990	Nghe An	Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Vĩnh Kỳ					7				5.5	
3078	K	20585	Võ Thị Thuý Hằng		1997	Long An	Công ty TNHH Grant Thornton		3		5	6.5					
3079	H	20586	Võ Thị Thuý Hằng		1986	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Trường Hoàng Long	6.5	5	5	3						
3080	K	20587	Bùi Thị Vĩnh Hằng		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Malsuda Sangyo Trading	6	3	5	5.5						
3081	K	20588	Nguyễn Thị Xuân Hằng		1992	Bình Định	Công ty TNHH Jaksahmava Vietnam	5.5			5	6.5					
3082	K	20589	Điệp Hằng		1970	Bình Định	Công ty TNHH Propland				8						
3083	K	20590	Vân Thị Bảo Hằng		1994	Sóc Trăng	Công ty CP Quản lý Quê T (CB ASSI) MANACHENH	6	5.5	3	5	7	4		5.5		
3084	K	20591	Lê Thị Cẩm Hằng		1996	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt	5	5	4	6.5	7	4	6			
3085	K	20592	Võ Nguyễn Châu Hằng		1998	Đồng Nai	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Viet Nam	4	5	5	3.5	6.5	1	6.5			
3086	H	20593	Võ Thị桂花 Hằng		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Dako Việt Nam	5									
3087	H	20594	Phạm Thị Mỹ Hằng		1990	Bình Định	Công ty TNHH TM DV xây dựng An Phúc Thương		3.5	4							
3088	K	20595	Dương Ngọc Hằng		1998	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn KSM Viet Nam	5.5		5		7		6			
3089	H	20596	Hoàng Thị Ngọc Hằng		1983	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn xây dựng PPA										
3090	H	20597	Hồ Thị Ngọc Hằng		1989	Quảng Trị	Công ty TNHH Kỹ thuật Điện và Thương mại Nhật Quảng			5.5	8						
3091	H	20598	Huỳnh Ngọc Hằng		1999	Long An	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	6		6							
3092	H	20599	Nguyễn Ngọc Hằng		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Global Mind Business										
3093	H	20600	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		1987	Bến Tre	Công ty TNHH Thực phẩm BKB		1	3	1.5						
3094	H	20601	Huỳnh Trương Ngọc Hằng		1985	Quảng Nam	Công ty TNHH CCI Viet Nam										
3095	H	20602	Nguyễn Thị Hằng		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Coopet Viet Nam	3.5		5	1						
3096	K	20603	Nguyễn Thủy Thuận Hằng		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre										
3097	H	20604	Bùi Thị Thuận Hằng		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng Thuận	5.5	1.5	7							
3098	H	20605	Lưu Thị Hằng		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán Quảng Nhật	4.5	1	2.5	4.5						
3099	K	20606	Phạm Nguyễn Xuân Hằng	1998		TP HCM	Công ty TNHH Tư Vấn Thuế và Lai Chính VCS	5.5	0.5		0.5	5	1.5	8			
3100	K	20607	Nguyễn Thị Minh Hằng		1996	Bình Thuận				2.5		6					
3101	K	20608	Hoàng Thị Hằng		1990	Nghe An	Công ty TNHH Kinh Doanh Tró Chơi Điện Tư Nguyễn Hoàng	6	2		0.5	3.5	2	5.5			
3102	H	20609	Bùi Ái Hằng		1983	Quảng Ngãi			1	6.5	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3103	H	20610	Cao Du Diêu Hiền		1995	Hà Nội			2	3						
3104	H	20611	Trần Ngô Diêu Hiền		1986	Cần Thơ	Công ty TNHH Kế toán Tư vấn Quản lý Luy Nam A									
3105	H	20612	Trần Diêu Hiền		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH ADM Promotions Việt Nam	7	3.5	5.5	6.5					
3106	H	20613	Đỗ Minh Hiền		1985	Đông Nai	Công ty TNHH Behnont Manufacturing									
3107	H	20614	Nguyễn Thị Minh Hiền		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH IMDY Quản lý hoá nhũ Đông Sơn Sơn	5	5	6	5					
3108	K	20615	Trần Thị Minh Hiền		1993	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến Toán Đông Nam A	6.5	5	5	4			4		
3109	H	20616	Lưu Thị Mỹ Hiền		1985	Lý Sơn	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Excoom									
3110	K	20617	Mai Thị Ngọc Hiền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC		7.5							
3111	H	20618	Trần Thị Ngọc Hiền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH kế toán Quốc tế	6.5	3	5						
3112	H	20619	Đỗ Thị Thanh Hiền		1996	Nam Định	Công ty TNHH Baza Việt Nam									
3113	C	20620	Lê Trần Thanh Hiền		1993	Bình Định	Công ty TNHH Thuế và Kế Toán VIK							6.5		
3114	K	20621	Ngô Thanh Hiền		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Incorp Việt Nam		4.5	8	5	6	5			
3115	K	20622	Nguyễn Thanh Hiền		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam			5				2.5		
3116	H	20623	Nguyễn Thị Thanh Hiền		1982	Bến Tre	Công ty TNHH Xây dựng ST Việt Nam									
3117	K	20624	Lê Thị Thảo Hiền		1998	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiến Toán và tư Vấn AKC	5		5.5	6.5			6		
3118	H	20625	Bùi Thị Hiền		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Sông Báo Solutions		1	5	2					
3119	K	20626	Bùi Thị Hiền		1987	Hà Tĩnh		8								
3120	H	20627	Đường Thị Hiền		1992	Nam Định	Công ty TNHH Kiến toán Wm Win									
3121	H	20628	Đoàn Thị Hiền		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Minh Long	5	0.5	6	2					
3122	H	20629	Nguyễn Thị Hiền		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Vẻ Khách Phương Trang Fastobusiness									
3123	H	20630	Nguyễn Thị Hiền		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Luật BH & NL									
3124	K	20631	Trần Thị Hiền		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Lâm Anh (PHCM)		5.5	4.5	3			5.5	5	
3125	K	20632	Võ Thị Hiền		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam									
3126	K	20633	Hoàng Thị Thu Hiền		1990	Bình Dương	Trương HHP và Minh Đức									
3127	H	20634	Lê Thị Thu Hiền		1994	Nghe An	Công ty TNHH Kiến toán KNF		6.5							
3128	C	20635	Ngô Thị Thu Hiền		1992	Quảng Nam						6		9	6.5	
3129	K	20636	Nguyễn Thị Thu Hiền		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến Toán VACO		6	5		7	5.5	3.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3130	K	20637	Nguyễn Thị Thu Hiền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	3.5		5				7		
3131	H	20638	Nguyễn Thị Thu Hiền		1989	Bắc Giang	Công ty TNHH Arclia Việt Nam	5	4.5	5	4					
3132	H	20639	Nguyễn Thị Thu Hiền		1995	Ninh Thuận	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Mỹ Giao		5.5	4	7.5					
3133	H	20640	Phạm Thị Thu Hiền		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Xây Lắp & Vật liệu xây dựng Đồng Tháp									
3134	H	20641	Trần Thị Thu Hiền		1986	Nghe An	Công ty CP phân tửng xe máy Phú Quang	5			2					
3135	K	20642	Trần Thị Thu Hiền		1996	Ninh Thuận	Công ty Cổ Phần Neteab	4.5		3	1.5			1.5		
3136	K	20644	Dương Thị Thu Hiền		1986	Ninh Bình	Công ty TNHH KIMDO - Nhà Bè		3.5				4.5	4.5		
3137	H	20645	Lê Thị Thu Hiền		1996	Đồng Nai	Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	5.5	5	6	4					
3138	H	20646	Nguyễn Thị Thu Hiền		1997	Lũng An	Công ty TNHH Goteop Textile		0		0.5					
3139	K	20647	Trần Thị Thu Hiền		1997	An Giang	Công ty TNHH PWC									
3140	H	20648	Nguyễn Hữu Hiệp		1983	An Giang	VPHD của SK Eathon Co LTD tại TP HCM	7.5	1	7.5	5					
3141	K	20649	Đặng Minh Hiệp		1993	Kon Tum	Công ty TNHH Kiểm Toán và Thẩm Định Gia Asia Dragon	5.5	2		3		5.5	3		
3142	K	20650	Vũ Nghĩa Hiệp		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và tư Vấn ACC	6	3.5		5		6			
3143	H	20651	Nguyễn Thị Hiệp		1992	Hưng Yên	Công ty CP Gô MĐE VRG Dongyha	6	3	4	3.5					
3144	H	20652	Nguyễn Thị Hiệp		1991	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông	6.5	7.5	5.5	1.5					
3145	K	20653	Nguyễn Tu Hiệp		1993	Hưng Yên		4.5		4	6		2			
3146	K	20654	Hồ Hiệp		1984	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	5.5	2.5	3.5	3	6	2	8		
3147	H	20655	Nguyễn Phước Bảo Hiệp		1995	Đông Nai	Vien Dao tạo Quốc tế	5.5	1.5	4	2.5					
3148	H	20656	Châu Đức Hiệp		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DNI									
3149	H	20657	Nguyễn Thị Hồng Hiền		1994	Khánh Hòa	Công ty TNHH ĐT - XD - TM Kiến Định									
3150	H	20658	Hồ Thị Minh Hiền		1988	Bình Định	Công ty Cổ phần Lắp Đặt Máy Y									
3151	H	20659	Lê Thị Minh Hiền		1998	Bình Định	Công ty TNHH Grove Viet Nam		1		1					
3152	H	20660	Nguyễn Minh Hiền		1996	Đông Nai	Công ty TNHH Tam Sơn			5						
3153	H	20661	Nguyễn Thị Minh Hiền		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH A H CO	5			4					
3154	K	20662	Trương Minh Hiền		1994	TP HCM	Công ty TNHH Kiên Toàn AS			6.5		5				
3155	H	20663	Nguyễn Ngọc Hiền		1996	Quảng Tr	Công ty TNHH Gra pháp 4S				5.5					
3156	H	20664	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		1992	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Phát triển Minh Ngọc			5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			

3157	II	20665	Cao Phương Hiếu		1987	Hưng Yên	Công ty TNHH IM DV Hoàng Vinh Thuận LV	5		6.5							
3158	II	20666	Nguyễn Thị Quốc Hiếu		1984	Phu Yên	Công ty TNHH Cơ điện Đặng Nguyễn		1.5	6							
3159	II	20667	Huỳnh Thị Hiếu		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH KPMI Auditing & Advisory	8	7.5	8.5	2.5						
3160	II	20668	Mai Thị Hiếu		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Lumina Lighting Việt Nam	6		5							
3161	II	20669	Nguyễn Thị Hiếu		1988	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Thuận mien nam Vinacomm			3.5							
3162	K	20670	Phạm Thị Hiếu		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán END		4.5	6	6.5		6				
3163	C	20671	Phạm Trọng Hiếu		1992	Ninh Bình	Công ty TNHH Noham Vietnam					7					
3164	K	20672	Lê Tuấn Trọng Hiếu		1998	Bến Tre	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế toán & Kiểm toán Phú Nam			3	1	3.5		7.5	8		
3165	C	20673	Nguyễn Trọng Hiếu		1993	Bình Dương	Công ty TNHH Đồ Gốm Phú Nguyễn					7	7.5				
3166	K	20674	Nguyễn Trọng Hiếu		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RS&M Việt Nam			5	3		1.5				
3167	II	20675	Nguyễn Trọng Hiếu		1981	Tiền Giang	Công ty TNHH Tim Sen		3		3.5						
3168	K	20676	Võ Trọng Hiếu		1995	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		6.5	6							
3169	II	20677	Phan Việt Hiếu		1989	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiểm toán K&M		7		2.5			4			
3170	K	20678	Hoàng Ngọc Hiếu		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Đại Lộc Thuận Thành Công		4.5	5							
3171	C	20679	Phạm Thị Anh Hoa		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Phát Triển CNTT Emuvo					7.5	7.5	5.5			
3172	II	20680	Nguyễn Thị Bích Hoa		1989	Quảng Ngãi	Chi nhánh 4 - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Perfect	6.5		3.5	2						
3173	K	20681	Võ Thị Diễm Hoa		1997	Bình Định	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ AIA Việt Nam				7.5						
3174	P	20682	Nguyễn Diệu Hoa		2000	Quảng Bình	Công ty TNHH P&C			5.5							
3175	II	20683	Nguyễn Thị Hồng Hoa		1986	Bình Dương	Công ty TNHH SX IM Mỹ Lan		6.5		4						
3176	II	20684	Lê Thị Mỹ Hoa		1997	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	8.5	6	6							
3177	K	20685	Nguyễn Thị Mỹ Hoa		1998	Bình Định	Công ty TNHH I C Foods										
3178	C	20686	Lưu Trương Mỹ Hoa		1997	TP HCM	Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam - Chi nhánh Long An					6	5.5	7			
3179	K	20687	Phạm Thị Như Hoa		1998	Bình Định	Công ty TNHH Lư Văn - Kiểm toán S&S	5	1	5				2.5			
3180	II	20688	Đặng Thị Hoa		1998	Quảng Nam	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RS&M Việt Nam										
3181	K	20689	Lê Thị Hoa		1992	Nghe An	Công ty TNHH Savvy Việt Nam	8	6.5	8	5.5	7	4.5	7.5			
3182	II	20690	Lưu Thị Hoa		1972	Quảng Nam	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Nguyễn	7	7								
3183	II	20691	Ngô Thị Hoa		1989	Thái Bình	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ cao Việt Nam	7	3.5	6.5	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán toàn TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3184	H	20692	Nguyễn Thị Hoa		1984	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dục Lan HCM	5 5		5	4					
3185	C	20693	Phạm Thị Hoa		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Dân Tư Danh Khoa Holdings					5 5	7			
3186	K	20694	Phạm Thị Hoa		1996	Quảng Bình	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		2 5		3					
3187	H	20695	Lưu Thị Hoa		1997	Nam Định	Công ty TNHH 21st century B&R Trade Expendise And Investment			7 5	3 5					
3188	H	20696	Lưu Thị Hoa		1982	Ninh Bình	Công ty TNHH Nui - Cui Việt Nam		4		6					
3189	C	20697	Trương Thị Hoa		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ K VIN A					7	8	7		
3190	H	20698	Vương Thị Hoa		1991	Nam Định	Công ty TNHH Sản xuất Cơ Khí Thành Công Phát			7						
3191	H	20699	Nguyễn Thị Bích Hoa		1975	Bình Dương	Công ty CP Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ									
3192	K	20700	Linh Thị Hồng Hoa		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư Vấn Kế Toán - Thuế Bà Miền		2			5 5	3 5	5		
3193	K	20701	Lê Khanh Hoa		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam									
3194	H	20702	Lê Thị Khanh Hoa		1993	Quảng Trị		7 5	6	7 5	4 5					
3195	H	20703	Vũ Thị Lan Hoa		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Forces Mazars Việt Nam	4 5	4	3 5	2					
3196	H	20704	Huỳnh Đức Minh Hoa		1995	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Hoa chất Đại Dương Xanh		2							
3197	K	20705	Lương Ngọc Hoa	1992		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ INSI									
3198	H	20706	Phạm Thị Như Hoa		1984	Ninh Thuận	Công ty TNHH Electronics and Audio Visual System	7	4	7	7					
3199	C	20707	Nguyễn Thị Thu Hoa		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Phát Truân Đồ Thị MTC Việt Nam					5 5	5	8		
3200	H	20708	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1992	Cần Thơ	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet		4	7 5	3					
3201	H	20709	Dương Thị Hoa		1991	Nghe An	Công ty TNHH Lot Global Forwarding			8 5	5					
3202	H	20710	Nguyễn Thị Hoa		1992	Bình Định	Công ty TNHH Giao Hoa Sơn	6 5	7 5	6 5	3 5					
3203	H	20711	Lưu Thị Hoa		1974	Nam Định	Công ty TNHH thương mại dịch vụ 112	8 5			5 5					
3204	H	20712	Võ Thị Thu Hoa		1991	Hà Tĩnh	Long Công ty Phát Truân 1 - Công ty Cổ phần				5					
3205	H	20713	Vũ Thị Thu Hoa		1990	Thái Bình	Công ty Cổ phần Omeece Home Furnishing Việt Nam									
3206	K	20714	Dương Thị Hoa		1993	Nghe An	Công ty Cổ Phần AMV I gia pháp PC CC	7		5 5						
3207	H	20715	Lê Thị Hoàn		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH tư vấn V1	4	4	7	3					
3208	H	20716	Lê Thị Hoàn		1990	Nghe An	Công ty TNHH V.V Nguyễn VNC		5 5							
3209	H	20717	Nguyễn Thị Hoàn		1994	Thái Bình	Công ty Cổ phần Mầm non Victoria	5 5								
3210	H	20718	Phạm Thị Hoàn		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH In Khoa Minh	5	3 5	5 5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật V/LT V/KT V/LDN	Tài chính V/Q/L T/CNC	Thuế V/Q/L T/CNC	Kế toán T/C/KT Q/TNC	Kiểm toán V/DV B/DNC	Phân tích H/D/T C/CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3211	H	20719	Bui Thị Thu Hoan		1988	Thái Bình	Công ty CP đầu tư và kinh doanh Địa Ốc Đồng Nam	7		8							
3212	H	20720	Nguyễn Đức Ngọc Hoàn		1997	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Delonke Việt Nam	6.5	3	5	2.5						
3213	H	20721	Lương Việt Hoàn	1987		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Stable House			5.5	1						
3214	H	20722	Võ Bảo Hoàng	1991		Bình Định	Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hạt Dẻ										
3215	H	20723	Nguyễn Huy Hoàng	1996		Quảng Trị	Công ty TNHH IQI Việt Nam										
3216	H	20724	Trần Huy Hoàng		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Amphemol Technology Việt Nam										
3217	H	20725	Bui Minh Hoàng	1997		Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và tin học Tân Nhàn Việt	6									
3218	K	20726	Đinh Nhật Hoàng	1999		Quảng Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng	6	4.5	6	3	5.5	5.5		7		
3219	K	20727	Phạm Quang Hoàng	1979		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán ACCOM		0.5			3			1.5		
3220	H	20728	Nguyễn Trần Sơn Hoàng	1979		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhũ Hà Duy			8	2.5						
3221	H	20729	Nguyễn Thái Hoàng	1996		Khánh Hòa	Công ty TNHH Văn tại I.K.T. Thiên Kim										
3222	K	20730	Đinh Văn Hoàng	1991		Ninh Bình	Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp - Viện Thông Quân Dời	7	3	5.5	5	6.5	7.5		6.5		
3223	H	20731	Phạm Nguyễn Vinh Hoàng	1996		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Da Viet VAC Group Holdings	6.5	9		3						
3224	K	20732	Nguyễn Đoàn Hò	1996		Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán NVA	6	5.5	6							
3225	K	20733	Trần Tư Hò		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3				6			8		
3226	H	20734	Nguyễn Thụy Anh Hồng		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Alchemy Asia				2.5						
3227	H	20735	Vũ Thị Bích Hồng		1992	Kiên Giang	Công ty TNHH Kompa Technology	5.5	8.5	8	7.5						
3228	K	20736	Nguyễn Thị Diễm Hồng		1987	Tây Ninh	Công ty TNHH Công Nghiệp Dong-A			6	2.5		1				
3229	H	20737	Lê Thị Kim Hồng		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Một thành viên Miramar	4	2.5	4	2						
3230	K	20738	Lê Lê Lê Hồng		1975	Trưng Quốc	Công ty TNHH Dạy Khoa Kéo Hoàn Mỹ			5	5				5.5		
3231	H	20739	Mai Thị Lê Hồng		1996	Quảng Nam	Cty TNHH Hàng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam	6	6	6.5	3.5						
3232	H	20740	Nguyễn Minh Hồng		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán Tư vấn Quản lý Tây Nam A	6	4	5.5	1.5						
3233	H	20741	Trần Thị Minh Hồng		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Đại lý thuế Chấn Nhàn				4						
3234	H	20742	Lê Thị Mỹ Hồng		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Đại lý Thuế Tia chớp Kế toán Tia Việt		1	6.5							
3235	H	20743	Hồ Thị Ngọc Hồng		1993	Khánh Hòa	Công ty TNHH tư vấn - Thương mại Khánh Lành										
3236	K	20744	Trương Nhật Hồng		1998	Gia Lai	Công ty TNHH Kiểm Toán AS	5		7.5	4.5		6				
3237	H	20745	Huỳnh Thị Hồng		1988	Quảng Nam	Công ty CP Western Pacific	4.5		6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3238	H	20746	Lê Thu Hồng		1990	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	5			5						
3239	H	20747	Lê Thu Hồng		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Quản lý Hàng Dàng	7.5									
3240	H	20748	Nguyễn Thu Hồng		1983	Bắc Ninh	Công ty TNHH SX TM MAY Lụa	5		7							
3241	H	20749	Nguyễn Thu Hồng		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kháng Nam Vì Nà	6		5							
3242	H	20750	Nguyễn Thu Hồng		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam		4		3.5						
3243	H	20751	Bùi Thu Hồng		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Thuê Họa										
3244	C	20752	Nguyễn Thu Hồng		1975	Bình Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Kế Toán Thuế ITAS										
3245	C	20753	Trần Thu Tuyết Hồng		1991	Đông Tháp	Công ty Cổ phần tư Vấn Dân sự Xây Dựng NN					5	3	4.5			
3246	H	20754	Lê Thu Việt Hồng		1985	Thanh Hóa	Công ty TNHH AE-SI Việt Nam										
3247	H	20755	Nguyễn Thu Xuân Hồng		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thành Liên		2.5		5.5						
3248	H	20756	Nguyễn Thu Xuân Hồng		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần V NG			5.5	4						
3249	H	20757	Trần Thu Yên Hồng		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH PAC Phạm Gia	5	6	5.5	4						
3250	K	20758	Trần Thu Mỹ Hiệp		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Mặc Lưu		7		5		7.5				
3251	H	20759	Hà Phúc Hoàn		1990	Hải Dương	Nhà Khách T78										
3252	H	20760	Lê Hoàn		1995	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn AuditPhu	5.5	1	6	2						
3253	H	20761	Nguyễn Thanh Hoàn	1984		Vĩnh Long	Cty CP Viên Thong P.P - CN Cần Thơ										
3254	H	20762	Phạm Thu Hồng Huệ		1984	Phu Yên											
3255	H	20763	Lê Thu Huệ		1989	Thanh Hóa	Cty TNHH Xây Dựng Đạt Luận Minh	4.5		4							
3256	H	20764	Dương Thu Bích Huệ		1991	Bình Định	Công ty TNHH Nông Sản Dạng Khôi	3.5	4		5						
3257	H	20765	Lê Hoàng Huệ		1995	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Bazar Y ma	6.5	7	6.5	2.5						
3258	H	20766	Nguyễn Thu Hồng Huệ		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Almos VN										
3259	H	20767	Lê Thu Kim Huệ		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Dã N Hinhm		3.5	4	2						
3260	K	20768	Phạm Thu Kim Huệ		1995	Quảng Nam		6.5	7			6.5		8			
3261	H	20769	Trần Thu Kim Huệ		1986	Thừa Thiên Huế	DN TN Quang Phú			7.5	5						
3262	K	20770	Nguyễn Thu Linh Huệ		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP In Holdings										
3263	H	20771	Trần Thu Mai Huệ		1990	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Thăng										
3264	H	20772	Hồ Thu Mỹ Huệ		1992	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Chính	3.5	5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3265	K	20773	Lê Ngọc Huệ		1987	Ngã An	Cong ty TNHH JONIO	6	1	2.5	3	3	1	7		
3266	K	20774	Lưu Ngọc Huệ		1995	Kiên Giang	Cong ty TNHH Kiểm Toán VACO		8	7			8.5	7		
3267	K	20775	Phạm Thị Ngọc Huệ		1995	Bạc Ninh	Cong ty Cổ Phần Tập Đoàn Hưng Thịnh		6		7.5	7.5		6.5		
3268	H	20776	Y. Ngọc Huệ		1996	Đông Nai	Cong ty TNHH Wah Lee Việt Nam		5	5	2					
3269	H	20777	Đặng Thị Huệ		1991	Ngã An	Cong ty TNHH Mazars Việt Nam		7.5	8						
3270	H	20778	Nguyễn Thị Huệ		1994	Ngã An	Cong ty TNHH Phần mềm Edgeworks	6	3.5	4	3.5					
3271	H	20779	Nguyễn Thị Huệ		1982	Thanh Hóa	Cong ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đồng A		5	5.5						
3272	H	20780	Thiều Thị Huệ		1990	Thanh Hóa	Cong ty TNHH Máy móc Leading Star VN	4.5	0.5	2.5						
3273	H	20781	Vũ Thị Huệ		1987	Hải Dương	Cong ty TNHH Thực phẩm Xanh Minh Phú	6		4						
3274	K	20782	Nguyễn Thị Thu Huệ		1999	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ Phần Dầu Từ Hà Tĩnh Kỳ Thuận PHCM	5.5				5.5	1	6		
3275	K	20783	Nguyễn Phi Hùng		1996	Nam Định	Cong ty TNHH HCHATI Việt Nam									
3276	K	20784	Huyrnh Thanh Hùng		1993	Trà Vinh				3						
3277	H	20785	Phạm Thanh Hùng		1994	Hà Nam	Cong ty Cổ phần Smart Tax				2					
3278	K	20786	Lưu Văn Hùng		1992	Hải Dương	Cong ty Cổ Phần Delta Miền Trung				1.5			4.5		
3279	H	20787	Nguyễn Việt Hùng		1991	Bình Thuận	Cong ty Cổ phần Dầu ôc Sài Gòn Thương Tín	3.5		7	5					
3280	K	20788	Phạm Thị Bích Huyền		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	6.5	8.5	5	3.5	7	5.5			
3281	K	20789	Ngô Đình Huyền		1997	An Giang	Cong ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam	5	7	6.5	5.5	7	3			
3282	H	20790	Nguyễn Đức Huyền		1993	Cần Thơ	Cong ty dịch vụ Mobilfone khu vực 9									
3283	K	20791	Linh Đức Huyền		1994	Hà Nội	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Văn An	4.5	0.5	2.5	1					
3284	K	20792	Lê Khánh Huyền		1997	Quảng Nam	Cong ty TNHH PWC									
3285	H	20793	Nguyễn Lê Huyền		1992	Bình Định		6		5.5						
3286	K	20794	Võ Lê Huyền		1982	Bình Định	Cong ty TNHH Kiểm Toán Việt Úc							9.5		
3287	K	20795	Trần Mạnh Huyền		1999	Hà Nội	Cong ty TNHH Hàng Kiểm Toán và Định Giá Asco - Chi nhánh PHCM		1	3				6.5		
3288	H	20796	Nguyễn Huỳnh Minh Huyền		1992	Hưng Yên	Cong ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Giá An			7	3					
3289	K	20797	Phùng Vũ Minh Huyền		1993	TP HCM	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn PKF - TTG - Chi nhánh PHCM									
3290	K	20798	Đoàn Ngọc Huyền		1998	Quảng Nam	Cong ty TNHH PWC									
3291	H	20799	Nguyễn Ngọc Huyền		1991	Đông Nai	Cong ty TNHH Ios International									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3292	K	20800	Nguyễn Hữu Phát Huy	1998		Đồng Tháp	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam		5	5		7				
3293	K	20801	Dan Quang Huy	1984		Nam Định	Công ty Cổ Phần Đại Xanh	2.5	2	4	1	0.5		1.5		
3294	K	20802	Ngo Quang Huy	1984		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán F-AC	7.5	6.5	7	6.5		5			
3295	K	20803	Nguyễn Quang Huy	1996		Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm Toán AS			5.5	4					
3296	K	20804	Đào Quốc Huy	1996		Hưng Yên	Chi nhánh Sai Gon - Công ty TNHH Kiểm Toán Việt Úc	6	2	4.5		4	4	2	4.5	
3297	K	20805	Lam Quốc Huy	1999		Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C		6.5	6.5		5.5	5.5	3		
3298	K	20806	Phạm Quốc Huy	1993		Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	6		7		7				
3299	H	20807	Trần Quốc Huy	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Glaxosmithkline Hàng tiêu dùng và Chăm sóc sức khỏe Việt Nam									
3300	H	20808	Nguyễn Thái Huy	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện tử HDD									
3301	K	20809	Nguyễn Thanh Huy	1997		Phu Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			6.5	5.5	7.5	6.5			
3302	K	20810	Nguyễn Tuấn Huy	1988		Lý Ninh		5				6.5	1			
3303	H	20811	Mai Văn Huy	1997		Nam Định	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Bất Động Sản SSR			4						
3304	H	20812	Nguyễn Thanh Huyền		1996	TP HCM	Công ty TNHH M&R Forwarding									
3305	H	20813	Trần Thị Thảo Huyền		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM - DV Phát triển Rồng Việt	3		4						
3306	H	20814	Le Bích Huyền		1982	Bến Tre	Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Kasun			4	3					
3307	H	20815	Nguyễn Thị Bích Huyền		1997	Quảng Nam	Công ty CP gạo đặc KID1	5.5	8	5	3.5					
3308	H	20816	Nguyễn Thị Cẩm Huyền		1990	Quảng Trị	CN tại TP HCM - Công ty Cổ phần TM và Dầu tư IM Kieve				5.5					
3309	H	20817	Le Diệu Huyền		1988	Thanh Hóa	Vien phát triển Kinh tế số Việt Nam	5.5	4	4						
3310	H	20818	Nguyễn Thị Hà Huyền		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Giám sát Doanh nghiệp Hoàn Cầu	8	7	6.5						
3311	K	20819	Nguyễn Thị Hương Huyền		1996	Bắc Ninh			3	3.5	2					
3312	K	20820	Đoàn Khánh Huyền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	5		5	3		4.5			
3313	H	20821	Hồ Thị Mỹ Huyền		1995	Tiền Giang	Công ty TNHH Tà Hà		1.5		2					
3314	H	20822	Trương Mỹ Huyền		1991	Tây Ninh		6.5	7	6	3					
3315	H	20823	Hoàng Thị Ngọc Huyền		1994	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		5.5							
3316	H	20824	Huỳnh Thị Ngọc Huyền		1991	Đồng Nai	Công ty TNHH vải hiệu nhân thiện			6						
3317	H	20825	Le Thị Ngọc Huyền		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại Vàng bạc Đá quý Anh Phương		4		2.5					
3318	K	20826	Le Thị Ngọc Huyền		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán Win Win	5.5			4	4.5	2.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3319	K	20627	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		1998	Nghe An	Công ty TNHH Trust & Young Viet Nam											
3320	K	20628	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PMC			5.5	1	6						
3321	H	20629	Phạm Thị Ngọc Huyền		1996	Hà Nam	Chi nhánh Công ty IMF Accounting Services Limited tại TP Hồ Chí Minh		1	2.5	1.5							
3322	H	20630	Trần Nguyễn Ngọc Huyền		1978	Nam Định	Công ty Cổ phần Vision - Chi nhánh TP HCM	4.5	0	3.5	2.5							
3323	K	20631	Trần Thị Ngọc Huyền		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Trust & Young Viet Nam	6			3.5			3	6			
3324	P	20632	Nguyễn Thị Phương Huyền		1999	Nghe An	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam			6								
3325	H	20633	Đặng Thị Thanh Huyền		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn AICA	5			3							
3326	H	20634	Đinh Thị Thanh Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại桂 Phức Thịnh	7.5	1	5.5	1.5							
3327	C	20635	Lê Thị Thanh Huyền		1987	Nghe An						7.5	8	7				
3328	H	20636	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1987	Vĩnh Long	Công ty TNHH SX TM Công nghệ nhũ hóa A Châu	6.5	2		5							
3329	H	20637	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH BCTC		2		3.5							
3330	P	20638	Vũ Thị Thanh Huyền		2000	Hải Dương	Công ty TNHH PAC			5.5								
3331	H	20639	Đinh Thị Huyền		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH MTV Bưu sen											
3332	H	20640	Đỗ Thị Huyền		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Luật Quốc tế DPI	6	7		3.5							
3333	H	20641	Nguyễn Thị Huyền		1990	Nghe An	Công ty TNHH ACIR	5	4	5	3.5							
3334	K	20642	Nguyễn Thị Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH Pac - Fung					8	4					
3335	H	20643	Nguyễn Thị Huyền		1991	Thái Bình	Công ty Cổ phần Dac Yen Dak Lak		6.5									
3336	H	20644	Trần Thị Huyền		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam Thanh Phát			2.5	1.5							
3337	H	20645	Trần Thị Huyền		1994	Nghe An		7.5	4	7.5	3.5							
3338	K	20646	Nguyễn Thị Huyền		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư Vấn Phạm & Các Công Sự	6	3	5	5	5.5	3.5	4				
3339	K	20647	Trần Thị Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Húc Long Thanh		1	5		4	1	5.5				
3340	H	20648	Đặng Thị Thuý Huyền		1994	Bình Định			7		6.5							
3341	K	20649	Lê Thị Thuý Huyền		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Tư Vấn - Kế toán SKS	7		5.5	3.5		3.5	5.5				
3342	H	20650	Phạm Thị Thuý Huyền		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tư vấn & Đại lý Thuế IPXI	5.5	3.5	5.5	5							
3343	H	20651	Nguyễn Thị Huyền		1989	Nghe An	Công ty TNHH môi trường nước Minh Vương	5.5	1.5	5	6.5							
3344	H	20652	Nguyễn Đình Huy Anh		1980	Hải Dương		6	4	4.5	3.5							
3345	P	20653	Trần Đại Hùng		1998	Đông Nam	Công ty TNHH PAC			6.5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân lịch HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3440	K	20854	Nguyễn Thị Kiều Hương		1998	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	7	5	5	5,5	8	2			
3447	K	20855	Võ Phú Hưng	1992		An Giang	Công ty Cổ Phần Giao Đa và Máy Móc Xuất Khẩu			7	5			6		
3448	H	20856	Nguyễn Quang Hưng	1992		Bình Định	Công ty TNHH XD IM HI Quang Hưng	7	3,5	1,5						
3449	H	20857	Lưu Quang Hưng	1994		Gia Lai	CN ba IP HCM - Công ty TNHH Kiến tạo KTC	6,5		6	4					
3450	H	20858	Đào Quốc Hưng	1991		Thanh Hóa				5	3					
3451	H	20859	Nguyễn Thị Thanh Hưng		1988	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Dairis - Thuế Global Tax	7	1,5		4					
3452	P	20860	Đào Lộc Hưng	2000		Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5,5						
3453	K	20861	Lương Trọng Hưng	1992		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiến tạo CPA VIF (NAM) - Chi nhánh IPHCM	6,5	3,5	5		6	6,5	2,5		
3454	H	20862	Châu Văn Hưng	1993		Đắk Lắk	Công ty Cổ phần K - Decor	4	4	5,5	2,5					
3455	H	20863	Đoàn Thị Dung Hương		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Đa Sĩ Hinh	7	8	7,5	7,5					
3456	H	20864	Lưu Thị Diễm Hưng		1993	Tây Ninh	Công ty TNHH Technology			5						
3457	H	20865	Hoàng Ngọc Đức Hương		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Đầu tư An Phát				2,5					
3458	H	20866	Nguyễn Phan Đức Hưng		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn Kopa			6						
3459	P	20867	Lưu Hoài Hưng		2000		Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
3460	H	20868	Đinh Thị Hồng Hưng		1986	Bình Định	Công ty TNHH HUB GI		1	5						
3461	H	20869	Đặng Thị Kim Hưng		1994	TP HCM	Công ty TNHH Savill - Chi nhánh IP HCM	5,5	0,5	6	2,5					
3462	K	20870	Hà Thị Kim Hương		1990	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn ACC		5,5		2	5,5	5,5	5		
3463	H	20871	Lê Kim Hương		1988	Kien Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Huỳnh Lê	5		5	2,5					
3464	H	20872	Phùng Thị Kim Hương		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Hoa Chai A Đông		4,5	7						
3465	K	20873	Lưu Thị Kim Hương		1991	Quảng Nam		8,5	5		3,5	6				
3466	H	20874	Võ Thị Kim Hương		1987	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Incostrade	7			2,5					
3467	K	20875	Nguyễn Thị Lan Hương		1989	Ninh Bình	Lông Công ty Cổ Phần Bao Hiểm Hưng Vương	6		5	3,5	5,5				
3468	H	20876	Hương Thị Lan Hương		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Grant Thornton			5						
3469	H	20877	Vũ Thị Lan Hương		1993	Hải Bình	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn và kế toán và Children's Fund		4	5						
3470	K	20878	Lưu Thị Mai Hương		1998	Hưng Yên	Công ty Cổ Phần BCG Land	5,5		5	1,5					
3471	H	20879	Phan Thị Mỹ Hương		1994	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5		5,5	3,5					
3472	H	20880	Phạm Thị Ngọc Hương		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và Công pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam			5,5	1,5					

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3373	II	20881	Lưu Thị Ngọc Hương		1970	Bình Dương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn tỉnh Bình Dương										
3374	II	20882	Dinh Thị Thanh Hương		1980	Ngệ An	Công ty Cổ phần I Hòa 18			7.5	3.5						
3375	II	20883	Hoàng Thanh Hương		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Indochina Kajima Development			3	4						
3376	II	20884	Hòa Thị Thanh Hương		1987	Bắc Giang	Công ty TNHH dịch vụ vận tải Khang Thịnh		2.5		3.5						
3377	II	20886	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Lạc Ninh	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lạc Ninh Xanh	6.5	3	6.5	3						
3378	II	20887	Nguyễn Thị Thanh Hương		1990	Sông Thuận	Công ty TNHH Thép gia Hoà châu										
3379	K	20888	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Lũng An	Công ty TNHH MTV Khu Bắc Liêu Thuận	5.5	3.5	6	5.5				6.5		
3380	II	20889	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Quảng Bình	Cty TNHH Kế toán Kiểm Toán	6.5	5		5						
3381	K	20890	Phạm Thị Thanh Hương		1996	Bình Định	Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 2										
3382	II	20891	Đinh Thị Hương		1988	Bến Tre	Công ty TNHH Đức Nguyễn	7	4	5.5	6						
3383	II	20892	Lê Thị Hương		1990	Thanh Hóa					4						
3384	II	20893	Lưu Thị Hương		1994	Hải Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (HIV - Chu nhân) tại TP HCM	6.5			5.5						
3385	K	20894	Nguyễn Thị Hương		1993	Thanh Hóa	Ngân Hàng TMCP A.Châu					2.5					
3386	II	20895	Nguyễn Thị Hương		1985	Ngệ An	Công ty Cổ phần Dược tại và Dịch vụ Đào tạo Vùng Lào		3		4						
3387	K	20896	Nguyễn Thị Hương		1989	Ngệ An	Công ty TNHH Kiểm Toán T.O	6.5	5	7					6.5		
3388	II	20897	Nguyễn Thị Hương		1977	Bình Định	Công ty Sản phẩm - cá Rubber Industries co., Ltd	6.5			3.5						
3389	II	20898	Phạm Thị Hương		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		6	6							
3390	II	20899	Lô Thị Hương		1984	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn HSS Việt Nam										
3391	II	20900	Nguyễn Thị Thanh Hương		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ kế toán và tư vấn Đăng Kí			5.5	5						
3392	K	20901	Lê Thị Hương		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RS&N Việt Nam	4.5		6	5	6	1.5				
3393	K	20902	Nguyễn Thị Thanh Hương		1987	Bình Định	Công ty Cổ phần Quốc tế Diplomat		6.5		6	5.5	6				
3394	K	20903	Phạm Thị Thanh Hương		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	5	1.5	3.5	2	3	0.5	1.5			
3395	II	20904	Nguyễn Thị Xuân Hương		1984	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Grant Thornton	7.5			5						
3396	II	20905	Nguyễn Xuân Hương		1998	Lũng An	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản MTV Việt Nam			5.5	1.5						
3397	K	20906	Lê Thị Bích Hương		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH PWC	5		5	6		5				
3398	II	20907	Lưu Thị Hương		1989	Ngệ An	Công ty CP phòng khám đa khoa Việt Gia										
3399	II	20908	Cô Thị Thu Hương		1987	Cao Bằng	Công ty TNHH Waba Việt Nam										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngòi ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3409	H	20099	Trần Thị Thu Hương		1983	Nghe An	Công ty TNHH Hiệp Thụy (CKD)	5.5		3	2							
3401	H	20010	Nguyễn Thị Ngọc Hương		1985	Lạng Sơn	Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình											
3402	H	20011	Hoành Thị Hữu		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH thiết kế kiến trúc - xây dựng RYA	4.5	1.5	3.5	3							
3403	K	20012	Nguyễn Hữu	1998		Phu Yên	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	8	8.5	5.5	5	6.5	7	6.5				
3404	K	20013	Hoàng桂 伊	1995		Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán HSK tại TP HCM	6	3		5			6				
3405	K	20014	Trần Thị Kéo		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Crowe Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	8	8	7		7.5						
3406	H	20015	Phạm Thị Kim Khu		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre	3	5	5.5	1.5							
3407	H	20016	Đỗ Thị Minh Khai		1980	Quảng Ngãi		3	0.5	4	2.5							
3408	K	20017	Phạm Trần Việt Khai		1991	Bình Thuận	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Phú Thuận Việt							7.5				
3409	K	20018	Nguyễn Việt Khai	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			2	1.5							
3410	K	20019	Nguyễn Duy Khang	1999		Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	6	4.5	5.5	5	5	5	2.5				
3411	H	20020	Nguyễn Đức Khang	1991		Phu Yên	Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng công ty Điện lực Miền trung	7.5	8.5									
3412	K	20021	Huỳnh桂 康	1987		Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC		5.5					5	5			
3413	K	20022	Hồ Hữu Khang	1999		Liên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán T O					5		8				
3414	P	20023	Trần Hoàng Khang	1993			Công ty Cổ phần Thương Khảo Vietnam											
3415	K	20024	Lương Hoàng Khang	1996		Bạc Liêu	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		3	5.5	5.5		4.5	6				
3416	H	20025	Nguyễn Nguyễn Khang	1996		TP HCM	Công ty Cổ phần Resco X	2.5	1	5	3.5							
3417	H	20026	Nguyễn Quý Khang	1989		Bình Định	Công ty TNHH Kỹ thuật số Lynne											
3418	K	20027	Lương Vĩnh Khang	1996		Trung Quốc	Công ty CP Vua Đa Phước	7.5	5.5									
3419	H	20028	Trần Thị Bảo Khanh		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Trust Services Việt Nam											
3420	H	20029	Phạm Kiều Phước Khanh		1992	TP HCM	Công ty TNHH E-Global - CN TP HCM	5.5		7								
3421	H	20030	Lê Tuấn Khanh	1997		Liên Giang	Công ty TNHH kiểm toán KIC - CN Hồ Chí Minh	4	4	4	3							
3422	K	20031	Nguyễn Cao Hồng Khanh	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Sando Việt Nam		2	5	5.5			4.5				
3423	K	20032	Nguyễn Hữu Khanh	1998		Đà Nẵng	Công ty TNHH Laguna			7	6							
3424	K	20033	Võ Minh Khanh	1997		Lạng Sơn			5.5	5	5		5					
3425	H	20034	Lê Thị Ngân Khanh		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kế toán AGS	5		5	3							
3426	H	20035	Hà Thị Ngọc Khanh		1995	Hà Dương	Công ty Cổ phần Bạt Đồng Sơn GP1											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3427	K	20936	Nguyễn Ngọc Khanh	1997		Tiền Giang	Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	4		6.5	2	6.5					
3428	K	20937	Nguyễn Kim Phương Khanh		1998	An Giang	Cong ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	2		1		3.5				
3429	H	20938	Lê Quốc Khanh	1994		Dòng Nai	Cong ty Cổ phần Dầu tư T&A										
3430	H	20939	Nguyễn Quốc Khanh	1998		Thái Nguyên				6							
3431	K	20940	Thái Quốc Khanh	1999		Đà Nẵng	Cong ty TNHH Kiểm Toán - Thành Định Gia và Tư Vấn ECOVIS AFA Việt Nam	4	6.5	6	7	6.5	6.5	7			
3432	K	20941	Trần Quốc Khanh	1985		Bình Định					5.5	7.5	2.5				
3433	H	20942	Trần Quốc Khanh	1984		An Giang	Cong ty TNHH phát triển thương mại và XNK Châu Thành										
3434	K	20943	Đặng Anh Khoa	1994		Dòng Nai	Cong ty TNHH Silexium Việt Nam				6.5						
3435	C	20944	Phạm Anh Khoa	1994		TP HCM	Cong ty TNHH MTV XD TM và Dịch Vụ Thu Thiem						7.5				
3436	H	20945	Phạm Lê Minh Khoa	1990		TP HCM	Cong ty Cổ phần Bất Động sản Khu Minh Land	5.5	3.5	5	5.5						
3437	K	20946	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	1984		Hưng Yên	Cong ty TNHH Kiểm Toán DFN Việt Nam	7.5		6.5							
3438	K	20947	Võ Đăng Khoa	1996		Dòng Tháp					3.5		6				
3439	H	20948	Hồ Minh Khoa	1988		Vĩnh Long	Cong ty TNHH Ambia Việt Nam	6.5	7	7	3						
3440	K	20949	Phạm Cầu Nguyễn Khoa	1993		Tiền Giang							0.5				
3441	H	20950	Nguyễn Anh Thế Khoa	1987		Khanh Hòa			6	7							
3442	H	20951	Đặng Tuấn Khoa	1993		Quảng Nam	Cong ty Cổ phần Sains Group	5		4.5	1.5						
3443	H	20952	Trần Văn Khoa	1990		Ninh Thuận	Cong ty TNHH Liên Trien		4	6	3						
3444	P	20953	Tô Huỳnh Minh Khoa	2000		Cần Thơ	Cong ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			2.5							
3445	K	20954	Nguyễn Tuấn Khoa	1997		Hà Tĩnh	Cong ty TNHH Igacuu Việt Nam										
3446	H	20955	Hà Minh Khuê	1989		Quảng Ngãi	Cong ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5	2.5	3	3.5						
3447	P	20956	Nguyễn Thúc Minh Khuê		1999	Khanh Hòa	Cong ty TNHH PwC										
3448	H	20957	Trương Thanh Minh Khuê		1997	Thanh Hóa	Cong ty TNHH tư vấn xúc tiến đầu tư Việt Luật	5	7		2.5						
3449	K	20958	Lý Thị Thanh Khuê		1998	Bình Thuận	Cong ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4	6.5	6	5		6.5			
3450	H	20959	Trần Huỳnh Khuyen		1993	Quảng Ngãi	Cong ty TNHH dịch vụ tư vấn Frise Star										
3451	K	20960	Bùi Thị Khuyen		1998	Nam Định	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu		1	5.5							
3452	K	20961	Đinh Thị Khuyen		1995	Cao Bằng	Cong ty TNHH Kiểm Toán Vàng Tàu	8	1.5	5	7	5.5	1	5			
3453	H	20962	Lê Vinh Khương		1995	Vĩnh Long	Cong ty TNHH Huỳnh Miêng										

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3434	H	20063	Lư Bạch Kiên	1996		TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán PPC		6.5								
3435	K	20064	Vũ Thu Hiền Kiên		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Asshine Việt Nam		6.5	6	5	6	5				
3436	K	20065	Nguyễn Trung Kiên	1987		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán TCMA	5	3.5	5	5.5	5	1.5	7			
3437	K	20066	Võ Anh Kiệt	1990		Quảng Ngãi		4.5	4.5	6		6.5		3.5			
3438	K	20067	Lò Minh Kiệt	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán KMF	7.5	3.5	7	4						
3439	K	20068	Lâm Lân Kiệt	1998		Cà Mau	Có Nhanced Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC'lar (Cần thư)		5.5		3		2.5	4.5			
3440	K	20069	Nguyễn Thié Kiệt	1997		Dong Thap	Công ty TNHH PMC Viet Nam			5		7.5	5.5				
3441	H	20070	Nguyễn Tuấn Kiệt	1992		TP HCM	Công ty Cổ phần Thuận Hòa Energy	6.5	5.5	7.5	4						
3442	H	20071	Nguyễn Tuấn Kiệt	1993		Vĩnh Long		6	5.5	6.5							
3443	H	20072	Nguyễn Tuấn Kiệt	1987		Lạng Sơn	Công ty TNHH ABS Thương										
3444	H	20073	Quản Diễm Kiều		1990	TP HCM	Công ty Cổ phần Đầu tư Consultation	7	5.5	7.5							
3445	C	20074	Phan Thu Hồng Kiều		1972	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn Hàng Sinh						7.5				
3446	H	20075	Nguyễn Kim Kiều		1995	Lâm Đồng	Công ty TNHH Đầu tư Long Đức										
3447	K	20076	Nguyễn Thu Thanh Kiều		1985	Bến Tre	Công ty Cổ phần Phòng Khám Gia Đình IPHICM				7						
3448	K	20077	Nguyễn Thu Thanh Kiều		1997	Nghe An				3		5					
3449	H	20078	Hồ Thị Kiều		1987	Bình Định	Công ty TNHH Liên kết Việt Hưng	5.5		6.5							
3470	H	20079	Dương Thu Thuý Kiều		1998	Quảng Nam	CN TNHH TM & DV An Đông Bình M1	7.5			0.5						
3471	K	20080	Nguyễn Thu Mỹ Kim		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ AIA										
3472	H	20081	Hoàng Thanh Kim	1979		Bình Định	Công ty TNHH Kim Hoàng Nguyễn			5							
3473	H	20082	Phạm Thị Kimh		1990	Nam Định	Công ty Cổ phần Tư vấn Thuế Vietnamis	2.5									
3474	K	20083	Nguyễn Quốc Kip	1990		Kiên Giang		5	6	6	6.5	6	3.5	4.5			
3475	H	20084	Lưu Thu Lạ		1986	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán A Châu										
3476	K	20085	Nguyễn Đình Minh Lạ		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán ACC'lar Việt Nam			7		5	6.5	6			
3477	H	20086	Hoàng Thu Lạ		1989	Bình Dương	Công ty TNHH Hàng tư Việt Nam	4	0.5	3.5	2						
3478	H	20087	Lê Thu Lạ		1996	An Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Ngân Lạm	5		4							
3479	H	20088	Trần Thu Lạ		1993	Phu Yên		4.5			3.5						
3480	K	20089	Nguyễn Thu Thanh Lạm		1996	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8	6.5		6.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú				
				Nam	Nữ			Pháp luật VLN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
											TKCT	QTCN			Tiếng Anh		Tiếng Trung			
3481	II	20990	Nguyễn Thụy Lâm		1996	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Sông Lam													
3482	II	20991	Phạm Hoàng Lâm		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Một thành viên Dudley	4.5												
3483	II	20992	Nguyễn Thị Hồng Lan		1994	An Giang	Công ty Cổ phần Fan Consulting Việt Nam		0.5	3.5	5.5									
3484	II	20993	Võ Thị Hồng Lan		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam			9	4.5									
3485	II	20994	Nguyễn Thị Hương Lan		1994	Quảng Bình	Cty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam			6	5									
3486	II	20995	Nguyễn Thị Kim Lan		1993	Đông Nai					7									
3487	II	20996	Lê Thị Minh Lan		1980	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa	5.5	3.5	7										
3488	II	20997	Nguyễn Thị Mỹ Lan		1993	Quảng Nam	Công ty Cổ phần L&A	5.5		5.5										
3489	II	20998	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP Earth Venture	6	5.5	5	3.5									
3490	II	20999	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1989	Nghe An	Cty TNHH Polifilm Việt Nam				5.5									
3491	K	21000	Phạm Thị Ngọc Lan		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Dịch Vụ EB			5										
3492	II	21001	Lê Thị Thanh Lan		1985	Tây Ninh	Công ty TNHH Văn tài Tô Minh Thắng	7	7	6	5.5									
3493	K	21002	Nguyễn Thị Thanh Lan		1997	TP HCM	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Ca				3.5	7	5	5.5						
3494	II	21003	Thân Thị Thanh Lan		1983	Bắc Giang	Công ty TNHH MTV Lương Vũ													
3495	II	21004	Dương Thị Lan		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương mại Jiafu VN	6	3	4	3									
3496	II	21005	Lê Thị Lan		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thuế và Kế toán VLK	3.5	7.5	8.5	3.5									
3497	II	21006	Phạm Thị Lan		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH Yorda	6	4.5	6	5									
3498	II	21007	Trần Thị Lan		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán Red Brick													
3499	K	21009	Nguyễn Thị Thu Lan		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Minut Vina		5	5.5	4									
3500	II	21010	Lương Tô Lan		1996	Lâm Đồng	Công ty TNHH tư vấn và DT T TMT													
3501	II	21011	Lê Thị Yên Lan		1999	Bình Định	Công ty TNHH Ymke Việt Nam	5	1	6.5	3.5									
3502	K	21012	Long Hoàng Lâm		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Nhà An Khang		5.5			5.5								
3503	K	21013	Lưu Khang Lâm		1997	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Sando Việt Nam		6.5			7.5								
3504	II	21014	Huỳnh Ngọc Lâm		1989	TP HCM	Công ty TNHH Giải Phóng Dục Phòng													
3505	II	21015	Bùi Thị Phương Lâm		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Văn Tài Phúc Hai Đa Lạt		5	5	1.5									
3506	II	21016	Mai Thanh Lâm		1993	Bến Tre	Công ty TNHH News Digital Consulting													
3507	K	21017	Đinh Tiến Lâm		1993	Cần Thơ	Công ty TNHH PWC	3.5		3.5	2.5	5.5	4	7						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3508	H	21018	Lê Tung Lam	1988		Bình Định	Công ty TNHH đầu tư thực phẩm				0.5						
3509	K	21019	Phạm Văn Lam	1999		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thuế A-TAX	5	3.5	6	4	5	4	4	4		
3510	K	21020	Huỳnh Đình Lan	1990		Bình Định	Công ty TNHH tư vấn KMC		7.5	5.5	3	7	4.5	6			
3511	K	21021	Nguyễn Hoàng Lan	1980		TP HCM	Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital			6		7	4				
3512	H	21022	Lần Thị Len		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Meditech Sài Gòn										
3513	K	21023	Lê Thị Hồng Lê		1998	Lên Giang	Công ty TNHH United Kingdom Academy	6.5	8								
3514	H	21024	Đan Thị Quỳnh Lê		1983	Ninh Bình	Công ty TNHH Roedus VN	7.5		5.5							
3515	H	21025	Phạm Thị Lê		1992	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm toán NVA	5.5		3.5							
3516	K	21026	Trần Hoàng Trâm Lê		1996	Đà Nẵng	Công ty Cổ Phần Công nghệ Tiên Phong		7						7.5		
3517	H	21027	Đặng Thị Mỹ Lê		1982	Quảng Bình	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ VNK Gia Mỹ			6.5	2						
3518	H	21028	Trần Thị Mỹ Lê		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH Bảo Hiểm Continental	5	0.5	3.5	2						
3519	H	21029	Trương Thị Mỹ Lê		1999	Bình Định	Công ty TNHH tư vấn VCC&C	5.5	3.5	4	4						
3520	H	21030	Lê Thị Ngọc Lê		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoàng Sương Châu	6.5	6								
3521	H	21031	Lê Thị Lê		1983	Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn Thuế và Dịch vụ Kế toán Sundae	5	5	5.5							
3522	K	21032	Huỳnh Thu Lê		1996	Đông Sơn	Công ty TNHH Techcon Industries Việt Nam Manufacturing	5.5			4						
3523	H	21033	Nguyễn Thị Diễm Lê		1991	Đà Nẵng	Công ty CP dịch vụ tổng hợp công nghệ điện và đầu tiên Pessi										
3524	H	21034	Ngô Thị Bích Lê		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Hương Minh										
3525	C	21035	Nguyễn Thị Bích Lê		1989	TP HCM	Công ty TNHH LOTTE INNOVATE VIT L					5.5	4	8			
3526	H	21036	Nguyễn Thị Hồng Lê		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Hợp Nhàn			5	2						
3527	K	21037	Ngô Thị Kim Lê		1995	Lạc Ninh	Công ty Cổ Phần SkyStar		0.5	5		5	1				
3528	H	21038	Phạm Thị Kim Lê		1992	Bình Định	Công ty TNHH Xây dựng PKP		7		6						
3529	H	21039	Trần Thị Kim Lê		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn Tài chính JHI	5									
3530	H	21040	Lê Thị Mai Lê		1997	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Bất Động sản Tulip		6.5	6	3						
3531	H	21041	Nguyễn Thị Mỹ Lê		1991	Đà Nẵng	Công ty TNHH AMIGRO P Huế				8						
3532	H	21042	Đặng Thị Len		1992	Bình Định	Công ty TNHH Xây dựng PKP										
3533	H	21043	Đặng Thị Len		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH NAC										
3534	K	21044	Hoàng Thị Len		1995	Quảng Trị		6	0.5	6	0.5	5	1.5	5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNV	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3535	H	21045	Nguyễn Thị Liên		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kido - Nha Bè			7	4						
3536	H	21046	Trần Thị Liên		1978	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển (Thanh Nhân)	5	6.5	6	4						
3537	H	21047	Vũ Thị Liên		1990	Quảng Ninh	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phú Sang	5.5	5	5	3						
3538	H	21048	Đỗ Thuý Liên		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH INDIY NNX Phúc Trang	6.5	4	5.5	4						
3539	K	21049	Nguyễn Ngọc Liên		1994	Lạng Nành	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán và Định Giá ASCO - Chi nhánh (PHUC X)		2		2	6	3				
3540	H	21050	Lê Thị Liên		1989	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Một thành viên G.M.T	5	1	4	3.5						
3541	K	21051	Đỗ Thị Thu Liên		1998	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	5	3.5	5.5	3						
3542	H	21052	Huỳnh Thị Cẩm Lore		1997	Lạng An	Công ty TNHH Kiên toàn NXA										
3543	K	21053	Nguyễn Chí Linh	1993		Sóc Trăng	Công ty TNHH Chăm Sóc Két Nôi Việt Nam										
3544	K	21054	Nguyễn Chiêu Linh		1999	Liên Chiang	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			3		5	2.5	6			
3545	H	21055	Nguyễn Thị Diêu Linh		1993	Quảng Bình	Công ty CP Pacific Japan										
3546	K	21056	Lưu Thị Diêu Linh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			6		8					
3547	H	21057	Nguyễn Phạm Duy Linh		1990	Cần Thơ	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam		1		5						
3548	H	21058	Trần Đình Linh	1987		Quảng Bình	Công ty CP TM-DV Phong Vũ		6.5	6	7						
3549	C	21059	Lê Thị Hà Linh		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Sông Bình					6.5	6.5	7			
3550	H	21060	Cao Hoà Linh	1987		Liên Chiang	Công ty CP hoá chất Đại Dương Xanh	5.5	2	3	3						
3551	H	21061	Nguyễn Thị Hoà Linh		1999	Đông Nai	Công ty TNHH Foviss Mazars Việt Nam	4		5							
3552	H	21062	Nguyễn Thị Hồng Linh		1998	Phu Yên											
3553	H	21063	Vũ Thuý Hồng Linh		1988	Nam Định	Công ty Cổ phần Greenpan	5		4	5.5						
3554	K	21064	Nguyễn Phương Huyền Linh		1997	Lạng An	Công ty Cổ phần Lap Doan Nam Miền Trung Group		1	2.5			1.5				
3555	H	21065	Nguyễn Ngọc Hương Linh		1991	Nghe An	Công ty Cổ phần Lap Doan Lạc Tron										
3556	K	21066	Kim Nguyễn Khánh Linh		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam										
3557	K	21067	Lê Nguyễn Khánh Linh		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm Toán AVN Việt Nam	6	6	7	6.5	8.5	7.5	8			
3558	H	21068	Mai Khánh Linh		1999	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Tỹ Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	5.5	6.5	6	5.5						
3559	H	21069	Lưu Nguyễn Khánh Linh		1991	Hà Tĩnh	Lồng công ty Phát Triển 3	6.5		3	5.5						
3560	H	21070	Hyunh Kim Linh		1992	Quảng Nam	Tổ chức Tư chính Vietnam CEP (Chi nhánh Nha Bè)			6	2.5						
3561	H	21071	Phạm Mai Linh		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Dac Mxung Chemical Việt Nam			7	5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe/nhĩ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3562	11	21072	Hoàng Thị Mỹ Linh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Ngoại Bê Tông SFC			5.5							
3563	K	21073	Hoàng Thị Mỹ Linh		1992	TP HCM	Công ty Cổ phần Thương Hiệt Mới Đạt Onoda Tech		3.5	5				5			
3564	11	21074	Lê Nhật Mỹ Linh		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nantfood Bình Dương										
3565	11	21075	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1982	Lạng Sơn	Công ty TNHH TM DV Tư nhân Vĩnh Quang			5	6						
3566	11	21076	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1983	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Lasso	6	1.5	7	2						
3567	11	21077	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Accolene Corporate Services	5.5	3	2	3						
3568	11	21078	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Nam Thành										
3569	11	21079	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1984	Nam Định	Cty CP Vinas Vapo Phong Resort			7	3.5						
3570	K	21080	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1993	Lâm Đồng	Công ty TNHH Liên Triền			7	7						
3571	K	21081	Nguyễn Linh Mỹ Linh		1997	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE ANSC	7.5		6.5		7.5	9	6.5			
3572	K	21082	Phạm Thị Mỹ Linh		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán & K	6	3		5	8	9				
3573	11	21084	Phạm Ngọc Mỹ Linh		1996	Tuồng Quốc	Công ty TNHH Sydnex		5		5.5						
3574	K	21085	Võ Thị Mỹ Linh		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
3575	11	21086	Hà Ngọc Linh		1994	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam		3	7	3.5						
3576	11	21087	Lê Ngọc Linh		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Amibusa Việt Nam	6	3.5	6.5	6.5						
3577	11	21088	Nguyễn Châu Ngọc Linh		1997	TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA			6							
3578	11	21089	Phạm Ngọc Linh		1995	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng QCV	6.5		5							
3579	K	21090	Phùng Ngọc Linh		1991	Trang Quốc	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	5.5	3.5	6.5	2.5	5.5	4	6			
3580	K	21091	Trần Phan Ngọc Linh		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Anexsa	4.5	5	3.5							
3581	K	21092	Võ Ngọc Linh		1996	TP HCM	Công ty TNHH Lim Sen	6	6.5	7	5		5				
3582	K	21093	Đinh Lê Phương Linh		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn Kế toán Bắc Đẩu		7	5.5	4						
3583	K	21094	Nguyễn Phương Linh		1997	An Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		5.5	6	4						
3584	K	21095	Phạm Thị Phương Linh		1993	Đức Thiện Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán ESK Việt Nam Lai	5	5	5.5	4.5	5	5	5			
3585	11	21096	Lê Thị Thanh Linh		1998	TP HCM	Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	6		5	1						
3586	11	21097	Thao Thị Linh		1990	An Giang		3.5									
3587	K	21098	Lê Thị Linh		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH PWC	7.5		8							
3588	11	21099	Lê Thị Linh		1994	Thanh Hóa	Công ty CP LCD Lân cùng - Long Bình			6	4						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTKC	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3589	II	21109	Ngô Thị Linh		1996	Châu Lai	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Quân Group	5.5	5	5	3					
3590	II	21101	Nguyễn Thị Linh		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Simpson Strong-tie Việt Nam			5.5	4					
3591	K	21102	Lưu Thị Linh		1997	Nghệ An	Công ty TNHH PWC	6.5		6	3					
3592	€	21103	Trương Thị Linh		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Khách Sảnh					6.5	7	4		
3593	K	21104	Võ Thúc Linh		1998	Nghệ An	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		2	2.5		6.5		7	7.5	
3594	K	21105	Đạm Thùy Linh		1995	Định Bình	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hưng Thịnh	7	4		3.5			5		
3595	II	21106	Đặng Thị Thùy Linh		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Systems Việt Nam									
3596	II	21107	Hoàng Thị Thùy Linh		1992	Yên Bái	Công ty Cổ Phần Metab Việt Nam	6.5	5							
3597	II	21108	Hồ Thị Thùy Linh		1988	Nghệ An	Công ty Cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vùng Lai	7.5	6	7	5					
3598	II	21109	Đỗ Thị Thùy Linh		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH OOOCT Việt Nam	6.5		8	5					
3599	K	21110	Lê Phan Thùy Linh		1999	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	3.5	6.5	5	6	8	5.5	8		
3600	II	21111	Lê Thị Thùy Linh		1990	Lâm Đồng	Công ty TNHH Thương mại Korzumi Việt Nam	6	5	6.5	2.5					
3601	K	21112	Nguyễn Thị Thùy Linh		1999	Tiền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5	3.5	5.5	2.5	8.5				
3602	K	21113	Phạm Thị Thùy Linh		1997	Đoàn Hoai	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam				4.5					
3603	II	21114	Lưu Thị Thùy Linh		1994	Nghệ An	Chi nhánh Công ty TNHH Ai Rental tại Thành phố Hồ Chí Minh	7		6.5	5.5					
3604	K	21115	Lưu Thùy Linh		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán KIC	6.5	7.5				7	7		
3605	II	21116	Võ Thị Thùy Linh		1987	Lạc Ninh	Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thuận									
3606	II	21117	Vũ Thị Thùy Linh		1991	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Kế toán Kiểm toán và Tập huấn Đào tạo	6	6.5		6					
3607	€	21118	Vương Thị Thùy Linh		1990	Nghệ An	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codapha					6	6	7.5		
3608	II	21119	Hạp Tiên Linh	1996		Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Gra pháp Không Gian Xanh			6	5					
3609	II	21120	Đặng Tiểu Linh		1993	Bình Định	Công ty Cổ phần Bất Động sản GVN Holdings			3.5						
3610	II	21121	Bùi Ngọc Tô Linh		1992	Quảng Bình		7		6.5	3.5					
3611	€	21122	Lê Thị Trúc Linh		1986	Bình Dương	Công ty CP Tập Đoàn Loe Loe					7	8	4		
3612	II	21124	Nguyễn Thị Tú Linh		1986	Cà Mau	Công ty TNHH Trung tâm Thúc đẩy Thể hình và Yoga California		5	7.5	2.5					
3613	K	21125	Nguyễn Thị Tú Linh		1991	Phu Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSSM Việt Nam	6	7	7.5		6.5	6	7		
3614	II	21126	Đặng Thị Luyet Linh		1997	Lạc Ninh	Công ty TNHH HUI HUI Consulting									
3615	K	21127	Nguyễn Việt Linh		1993	TP HCM	Công ty TNHH Thương Mại và Chế Biến Louis Dreyfus Company Việt Nam	5	5	5	5		2			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3616	C	21128	Nguyễn Đức Linh	1992		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn SCS Global Việt Nam							7.5				
3617	P	21129	Võ Bích Loan		1997	Bình Định	Bệnh viện Tân Anh Thanh phố HCM			6.5								
3618	H	21131	Hoàng Thu Hồng Loan		1987	Quảng Bình	Công ty TNHH HPP HCM			8								
3619	H	21132	Lê Thị Hồng Loan		1998	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Thuế và Tư chính ACS	6.5			2.5							
3620	H	21133	Nguyễn Thu Hồng Loan		1985	Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán - Tư vấn Thuế Tư Thuế Việt	8										
3621	H	21134	Võ Thị Kieu Loan		1998	An Giang	Công ty TNHH Phân bón Nhaph Khu Agriculture	6.5	7									
3622	K	21135	Nguyễn Lê Kim Loan		1995	Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Trung Tâm Thương Mại Lotte Việt Nam		8.5			6.5			8.5			
3623	H	21136	Phạm Thị Kim Loan		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư Minh	5	5	8	5.5							
3624	H	21137	Bùi Thị Mỹ Loan		1985	Phu Yên												
3625	H	21138	Lêyech Thị Mỹ Loan		1988	TP HCM	Công ty TNHH Destinus Worldwide Việt Nam			3.5	3							
3626	K	21139	Trần Thị Ngọc Loan		1991	Bình Định	Công ty Cổ Phần Vinnos HCM	5	0.5	4.5	3							
3627	H	21140	Trần Thị Ngọc Loan		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tai Mỹ Ngân				7							
3628	H	21141	Võ Thị Ngọc Loan		1983	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Sông Anh											
3629	K	21142	Nguyễn Phương Loan		1997	Nam Định	Công ty TNHH PMC	6	1	4	2	5		2	8			
3630	H	21143	Nguyễn Phương Loan		1992	Quảng Nam			6	6								
3631	K	21144	Lê Thị Thanh Loan		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5	3.5							
3632	H	21145	Nguyễn Thị Thanh Loan		1995	Quảng Ngãi	Có CP Thương Mại Kỹ Nghệ Việt Nam											
3633	H	21146	Vũ Thị Thanh Loan		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH đầu tư Sùng Fun Vina											
3634	K	21147	Dương Thị Loan		1998	Thanh Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan Deloitte Việt Nam		0.5					1.5				
3635	H	21148	Nguyễn Thị Loan		1984	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Minh Phát	7	0	3.5	2							
3636	H	21149	Trần Thị Loan		1985	Lào Ninh	Công ty TNHH KPP Zipper Việt Nam	3.5	3.5									
3637	H	21150	Võ Thị Loan		1985	Bình Định	Công ty CP INADY và đầu tư Thien Lai											
3638	K	21151	Trần Thị Thuý Loan		1998	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam	8							8.5			
3639	H	21152	Trần Thị Xuân Loan		1975	Khánh Hòa	Bệnh viện đa khoa Nguyễn A - CN Đức Hòa			4.5	6							
3640	K	21153	Trương Bảo Long	1976		Đông Tháp	Công ty TNHH Việt Nam Parksoning	4.5		5								
3641	H	21154	Đặng Phan Hien Long		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Mo Design Studio											
3642	H	21155	Đặng Hoàng Long	1995		Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam		3.5	5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3643	K	21156	Trần Kim Long	1984		IP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học Moore AISG		5.5	7	7	8	5					
3644	K	21157	Trần Dương Minh Long	1995		Long An	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam					6		6.5				
3645	H	21158	Thư Phú Long	1995		Long An	Cty TNHH Kế toán Kim Thy			8.5	5							
3646	H	21159	Trần Thanh Long	1996		Lia Vinh	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiến Giang	6.5	5.5	5	3.5							
3647	H	21160	Đoàn Hữu Lộc	1989		An Giang	Văn phòng luật sư Đoàn Thiện Đức		2.5	4.5	3.5							
3648	K	21161	Nguyễn Hữu Lộc	1993		Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán Kim Thy		5.5		3	7.5	4	6				
3649	K	21162	Nguyễn Trương Thuận Lộc	1999		Quảng Nam	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			5		5.5		6				
3650	C	21163	Trần Trà Lộc		1981	Trung Quốc	Chi nhánh Công ty TNHH Luss VN					5	5	4				
3651	K	21164	Trần Tuấn Lộc	1977		Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC tại Cần Thơ	5.5	6.5	7.5	6	4	5	6				
3652	K	21165	Lê Đức Long	1999		Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	7.5	5	5	1	7.5	2.5	5.5				
3653	H	21167	Võ Thanh Long	1988		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Sunn Brothers Việt Nam											
3654	K	21168	Trương Hoàng Tuấn	1999		Cà Mau	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	5.5			5.5	6						
3655	H	21169	Nguyễn Hữu Luận	1989		Bình Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Quý Chuẩn	6	3.5	2	3.5							
3656	H	21170	Nguyễn Thanh Luận	1985		Hà Tĩnh	Công ty TNHH tư vấn Thiên Lạc Phát			4	4							
3657	K	21171	Trương Triều Luận	1998		Trung Quốc	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	4.5	2.5			7	2	8				
3658	H	21172	Long Thi Luận		1975	Bình Thuận	Công ty TNHH HGP		3		4							
3659	H	21173	Trương Minh Luận	1982		Cần Thơ	Công ty TNHH MTV Triều Hưng											
3660	K	21174	Nguyễn Trí Luận	1997		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Genadept			6	6							
3661	H	21175	Lê Văn Lung	1993		Quảng Trị	Cty CP Thương Mại & DV BHP	5	6	5								
3662	H	21176	Trương Thị Hoa Loan		1993	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Tin Minh - CN I				3							
3663	K	21177	Nguyễn Khắc Lộc	1988		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế VAX	7.5	5	7	7	8	5	5.5				
3664	K	21178	Nguyễn Đình Tuấn Lộc	1996		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Ca	6	4.5	3	3	6.5	6	5				
3665	H	21179	Nguyễn Thị Lương		1989	Nghe An	Công ty TNHH giải pháp nông nghiệp Việt Nam	4.5	1.5	5.5	2.5							
3666	H	21180	Phạm Tiến Lương	1988		Nam Định	Công ty Cổ phần Tin Phát Finance	3.5		1.5								
3667	K	21181	Nguyễn Trọng Lương	1991		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư Ocean	4	0			4	1	3.5				
3668	H	21182	Lê Thụy Lương		1993	Phu Yên	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động sản Thăng Lợi Tây Nguyên											
3669	H	21183	Trương Thị Hồng Ly		1993	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn Công Minh NT											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3670	K	21184	Nguyễn Thị Hương Ly		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S			6.5	4	7.5				
3671	K	21185	Phan Hương Ly		1998	Thái Bình				5.5		8	5.5	5.5		
3672	H	21186	Huỳnh Thanh Khanh Ly		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S									
3673	K	21187	Lê Khanh Ly		1992	Quảng Bình	Công ty TNHH Hệ Thông Truyền Động Nidec					6.5		8		
3674	K	21188	Ngô Thị Khanh Ly		1995	Hà Nam	Công ty TNHH Pauman Corporation	5.5	3		2.5					
3675	H	21189	Ngô Thị Kim Ly		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Systems Việt Nam									
3676	K	21190	Hồ Thị Ly Ly		1993	Quảng Tin	Công ty TNHH PWC									
3677	H	21191	Nguyễn Thị Mỹ Ly		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Abeam	5	0.5	4	2.5					
3678	K	21192	Nguyễn Phương Ly		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn RSM Việt Nam	4.5				6.5		5		
3679	H	21193	Trần Thị Thảo Ly		1997	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Giải pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam			6						
3680	H	21194	Hồ Thị Thảo Ly		1994	Dòng Núi	Công ty TNHH Tư vấn Reed & Partner	5.5		6.5						
3681	H	21195	Nguyễn Thị Thảo Ly		1994	Bình Định										
3682	H	21196	Phạm Hoàng Thảo Ly		1982	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Tài chế Nhựa Lâm Trần									
3683	H	21197	Lê Trúc Ly		1986	Khánh Hòa	Cty TNHH Tracor Services Việt Nam			9	5					
3684	C	21198	Lê Nữ Ju Ly		1985	Lâm Đồng	Công ty TNHH Dầu Tư Trường Việt					7	7	5		
3685	H	21199	Mai Thị Yên Ly		1991	Cần Thơ	Công ty TNHH Sản xuất Hoa trái ABA	4		4	0.5					
3686	H	21200	Nguyễn Thị Thuý Hà Ly		1977	Nghe An	Công ty TNHH MTV TM & DV Phước Hòa - Cảng Phước Khang		4.5							
3687	H	21201	Trần Thị Kim Ly		1988	Tây Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ A&T	7	5.5		5.5					
3688	K	21202	Huỳnh Thanh Ly		1987	Long An			1	4	3		3	5.5		
3689	H	21203	Lương Thị Ly		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hennesbach Vietnam	5.5		6.5						
3690	H	21204	Nguyễn Thị Ly		1972	Đà Nẵng	Công ty TNHH Máy móc Thon trang Phương Đông									
3691	K	21205	Ngô Thiên Ly		1996	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm Toán Phương Đông	7.5		8	5	7.5				
3692	C	21207	Hồ Trần Diệu Linh		1978	Tây Ninh	Công ty TNHH TMDV Xây Dựng Tín Hiệu Xanh					5				
3693	H	21208	Nguyễn Thị Anh Mai		1995	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Thuận Hải	6	3.5	5	5					
3694	H	21209	Trần Thị Hồng Mai		1976	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Chiến xa An Phú									
3695	C	21210	Nguyễn Phạm Huỳnh Mai		1993	TP HCM	Công ty TNHH Đại lý Thuế HTMA							7.5		
3696	P	21211	Nguyễn Thị Hương Mai		1986	Hà Phòng	Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam			5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3697	H	21212	Cao Thị Ngọc Mai		1997	Bình Định	Công ty TNHH A A C C				3						
3698	H	21213	Đào Thị Ngọc Mai		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Easy Alo		4	4	2.5						
3699	K	21214	Lê Ngọc Mai		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam			5.5		6.5	7.5	8			
3700	H	21215	Lê Thị Ngọc Mai		1996	Thừa Thiên Huế	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam										
3701	K	21216	Nguyễn Ngọc Mai		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Warriors Holding	7.5			7						
3702	H	21217	Nguyễn Thị Ngọc Mai		1992	Bình Định	Công ty TNHH đầu công xây lắp Liên Hào	5.5	8.5	7	5						
3703	H	21218	Phạm Thị Ngọc Mai		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ MIPIC		7								
3704	H	21219	Đào Thị Ngọc Mai		1995	Nghe An	Công ty TNHH Hanoibank Financial Technology			7	6						
3705	H	21220	Tư Ngọc Mai		1996	Liên Giang	Công ty TNHH OOC Việt Nam	6.5	8	4	5						
3706	H	21221	Hồ Thị Phương Mai		1989	IP HCM	Công ty TNHH Finant Capital			6.5							
3707	H	21222	Lưu Phương Mai		1996	IP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Im học Moore AISC	5	2.5	5	1.5						
3708	C	21223	Phạm Thị Thanh Mai		1991	Nam Định	Công ty TNHH Xuân Dung và Trang Trí Nón Thái Hà Phương					7.5	5	2.5			
3709	K	21224	Nguyễn Thị Mai		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Phạm & Các Công Sự	6.5	5.5	5.5	3	6	4.5	4.5			
3710	H	21225	Nguyễn Thị Mai		1998	Nghe An	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam		4	5	3.5						
3711	H	21226	Trần Thị Mai		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Lập văn Thưc	7.5	7.5								
3712	K	21227	Nguyễn Trúc Mai		1985	IP HCM	Công ty TNHH Kavi Entertainment Vina	4.5	5	4	3	6.5	1.5	7			
3713	H	21228	Nguyễn Thị Trúc Mai		1991	Liên Giang	Công ty TNHH Nhựa Nhựa Tân		6	5	3.5						
3714	K	21229	Nguyễn Tú Mai		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	6	5	5	1.5		4				
3715	H	21230	Hồ Thị Luyet Mai		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán AIC Việt Nam		7								
3716	H	21231	Lương Thị Luyet Mai		1994	IP HCM	Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Yến sào Khánh Hòa Số 4		3	5.5	3.5						
3717	H	21232	Đông Thị Xuân Mai		1999	Lạc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sui Gou SGT A	3.5		3.5							
3718	K	21233	Lê Ngọc Xuân Mai		1996	Bà Rịa - Vũng Lau	Công ty Cổ phần Nova Consumer		3	7							
3719	H	21234	Nguyễn Hoàng Xuân Mai		1994	Bình Định	Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina										
3720	H	21235	Nguyễn Xuân Mai		1992	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư vấn & Dịch vụ Thuế CTAX	5	4	6	2.5						
3721	K	21236	Trần Thị Xuân Mai		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Finist & Y vương Việt Nam	8.5	5.5	6	4	7	7				
3722	K	21237	Nguyễn Đức Mạnh		1994	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Lập Đoàn Đào Cũ	6	3.5	4.5	4	6.5	5.5	4			
3723	H	21238	Nguyễn Văn Mão		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3724	K	21239	Phùng Thị Mỹ		1981	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH ILLA Việt Nam	7.5	5	5.5		7	4	7.5		
3725	K	21240	Nguyễn Văn Mỹ	1994		Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Kết Cầu Tháp Đa Tín									
3726	H	21241	Tư Gia Mẫn		1999	TP HCM	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	5.5		3						
3727	K	21242	Nguyễn Thị Minh Mẫn		1998	Đồng Tháp	Công ty Cổ Phần DATVIEI VAC Media Entertainment Group		5				4	6.5		
3728	K	21243	Phạm Ngọc Mẫn	1995		Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	7	3	5	3	7.5	6.5	7		
3729	K	21244	Võng Nguyễn Mẫn		1999	Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C	5.5	6	8.5	6	8.5	7	5.5		
3730	K	21245	Đặng Mẫn		1996	An Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt		6	4	1.5		8			
3731	H	21246	Võ Thị Minh Mẫn		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam		7.5	8	5					
3732	H	21247	Ngô Thị Mân		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp Đạt lý thuế Kế toán Tài Chính Thịnh			5.5						
3733	H	21248	Nguyễn Thị Ngọc Mến		1990	Bình Định	Công ty TNHH Takashimaya Việt Nam		4		4					
3734	H	21249	Nguyễn Thị Mến		1985	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành phố Vàng	6.5								
3735	H	21250	Võ Thị Trà Mi		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Nakkei Panel System Việt Nam	6			4					
3736	H	21251	Châu Thị Tuyết Mị		1991	Bình Phước	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng QG9									
3737	H	21252	Nguyễn Hồ Vương Mien		1998	Bình Định	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	5	4.5	6	3.5					
3738	K	21253	Lê Ngọc Bảo Minh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Magna Management Asia									
3739	H	21254	Nguyễn Thị Hoàn Minh		1983	Ngũyễn An	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP HCM			6.5	5.5					
3740	H	21255	Lai Hoàng Minh	1993		Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn Luật Tin Phát			5	5					
3741	H	21256	Phạm Thị Hoàng Minh		1981	Quảng Bình	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng An Gia Phúc		2.5		2.5					
3742	K	21257	Đoàn Lê Minh	1992		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán A&C Việt Nam						4.5			
3743	H	21258	Vũ Lê Minh	1992		Ninh Thuận	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	8		6	3					
3744	H	21259	Hoàng Thị Nguyệt Minh		1982	Quảng Bình	Công ty TNHH Công nghệ Thương mại Dịch vụ Tân Đa Dương Tân Đa Dương									
3745	H	21260	Đặng Nhật Minh	1997		Thái Bình	Công ty TNHH Grant Thornton									
3746	K	21261	Lê Thụy Nhật Minh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	5		5.5		5.5	5.5			
3747	H	21262	Trần Nhật Minh		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH IMIDV XNK Vanhoa			4						
3748	K	21263	Vườn Nhật Minh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S	6.5	7	5	3	6.5	2	6		
3749	P	21264	Nguyễn Phát Minh	2000			Công ty TNHH NFQ Việt Nam									
3750	H	21265	Nguyễn Thái Minh	1991		Lạng An	Công ty Cổ phần Hoàn Lạc Việt	3		5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3751	K	21266	Lê Thị Minh		1988	Thanh Hóa	Công Ty Cổ Phần Em And AI	7.5	7.5	5.5	5							
3752	C	21267	Lê Thị Minh		1983	Hà Phòng	Công Ty Cổ Phần Kho Lạnh Kỵ Nguyễn Môn					8		6.5	6.5			
3753	H	21268	Lê Văn Trọng Minh	1994		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vươn Nhà	4		4								
3754	H	21269	Bùi Lê Trọng Minh	1994		Vĩnh Long	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam											
3755	H	21270	Nguyễn Tuấn Minh	1995		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kế toán AGS	6.5	1.5	5.5	1							
3756	H	21271	Đinh Thị Tư Minh		1993	An Giang	Công ty TNHH Medigroup Việt Nam	8.5										
3757	K	21272	Nguyễn Tường Minh		1996	Lạng Sơn	Công Ty TNHH Sản Xuất Phân Mìn Vinea	5.5	0.5		1.5		3	3.5				
3758	H	21273	Nguyễn Xuân Minh	1996		Bắc Ninh	CTCP dầu nhớt & hóa chất Việt Nam											
3759	H	21274	Đoàn Minh	1990		Khánh Hòa	Công ty TNHH gear pháp ATL	7										
3760	H	21275	Trần Thị Tuyết Mơ		1989	Tiền Giang	Công ty TNHH Ehsarya Việt Nam	4.5		5	2.5							
3761	H	21276	Lê Thị Mầu		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH TM DV tư vấn quản lý Lê Nguyễn											
3762	H	21277	Nguyễn Thị Mầu		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bạch Việt			7	3.5							
3763	H	21278	Không Tai Mầu		1989	Quảng Ninh	Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đại học Y dược Shing Mark		3						6			
3764	K	21279	Lê Thị Mầu		1998	Thừa Thiên Huế	Công Ty Cổ Phần Chân Núi C/P Việt Nam	7	5.5	6	5							
3765	H	21280	Nguyễn Thị Diễm My		1997	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bất Động sản Hồng Phát Thuận	5.5		3	2.5							
3766	H	21281	Đỗ Thị Hà My		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Bakes			5	3.5							
3767	K	21282	Huyền Gia Hà My		1999	Bình Định	Công Ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn A&C	3.5		5					7			
3768	H	21283	Nguyễn Thị Hoa My		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Global Accounting	5	4	2.5	1							
3769	H	21284	Phạm Thị Huyền My		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Indotel Solar	3.5	5.5	4								
3770	H	21285	Lê Kiều My		1996	Bạc Liêu	Công ty TNHH Đại lý Thuế Bắc Trung Nam	7.5	6.5	5	7							
3771	H	21286	Nguyễn Thị Ngọc My		1986	Cà Mau	Công ty Cổ phần Kho bãi Miền Nam											
3772	H	21287	Trương Thị Quỳnh My		1984	Bình Định	Công ty TNHH AP Expertise	4.5		5.5								
3773	K	21288	Nguyễn Thị Thảo My		1998	Hà Tĩnh	Công Ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn A&C	4.5		5	2	5.5						
3774	K	21289	Đương Thị Trà My		1998	Nghe An	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	7	6	3	2.5	7.5	4.5	6				
3775	K	21290	Đỗ Thị Trà My		1998	Quảng Trị	Công Ty TNHH Kiểm Toán E-Jung		8		5			7				
3776	H	21291	Lê Thị Trà My		1992	Bình Định	Công ty TNHH Jinyu Việt Nam Trẻ											
3777	H	21292	Lê Thị Ái Mỹ		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP thương mại Bắc Sông Trà			6								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3778	N	21293	Vương Gia Mỹ		1995	Cần Thơ	Công ty TNHH Crowe Việt Nam				5	0	0					
3779	N	21294	Nguyễn Hà Ngọc Mỹ		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH PWC											
3780	N	21295	Nguyễn Thị Phương Mỹ		1996	Hà Tĩnh		5		7.5								
3781	II	21296	Bồ Quốc Mỹ	1987		Hưng Yên	Công ty CP đầu tư và xây dựng VNECCO											
3782	II	21297	Lưu Thị Diệu Nga		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Kế toán Thuế Thuận Việt	5	3.5	7	2.5							
3783	P	21298	Hà Thị Huân Nga		1995	Đà Nẵng	Công ty TNHH Phát triển New Town			5								
3784	N	21299	Hoàng Thị Ly Nga		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Menas					7.5						
3785	II	21300	Lưu Hoài Nam	1995		Quảng Trị	Công ty TNHH Lm Sen		5.5	7								
3786	N	21301	Lê Hoàng Nam	1993		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH PWC Việt Nam		4	0.5			0.5					
3787	II	21303	Nguyễn Hoàng Nam	1992		Vĩnh Long	Công ty CP tư vấn luật			0.5	0.5							
3788	N	21304	Nguyễn Hoàng Nam	1997		Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán Deloitte Việt Nam	0.5										
3789	II	21305	Lưu Hoàng Nam	1977		Hải Phòng	Công ty TNHH Phương Đức Dũng	0.5		6	6							
3790	II	21306	Nguyễn Hồng Nam	1995		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán Văn Văn		7	5	6							
3791	N	21307	Lưu Minh Nhật Nam	1991		TP HCM	Công ty TNHH SPS Vietnam	0.5		5	3	0	3.5	8.5				
3792	N	21308	Phan Thị Phương Nam		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến Toán AFC Việt Nam					0.5						
3793	II	21309	Nguyễn Đan Quốc Nam	1995		Liên Giang	Chi nhánh Công ty Cổ phần E-Global tại TP HCM	5		1.5	4							
3794	II	21310	Vu Thanh Nam	1997		Bắc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Làn An	4		1	0.5							
3795	N	21311	Nguyễn Tiên Nam	1991		Hà Nam	Công ty TNHH Kế Toán và Tư Vấn Thuế - Chi nhánh Sài Gòn		4.5	4	0.5		0.5					
3796	N	21312	Nguyễn Tuấn Nam	1997		Khánh Hòa	Công ty TNHH Acon Delight Việt Nam	8	0.5	0.5	4							
3797	II	21313	Nguyễn Văn Bê Nam	1991		An Giang		3	7.5	4.5	0							
3798	II	21314	Lê Thị Nét		1978	Thanh Hóa	Công ty TNHH MIV Paragon Premium Aesthetic Services	0		5.5	3							
3799	N	21315	Lê Thị Bích Nga		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiến Toán KMP		5			0						
3800	N	21316	Lưu Thị Hằng Nga		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RS&M Việt Nam	7	4.5	5	5.5	0.5	4	0				
3801	II	21317	Phan Thị Hồng Nga		1991	Quảng Bình	The Dana Foundation	5.5	5.5	5								
3802	II	21318	Võ Thị Huyền Nga		1989	Phu Yên	Công ty CP thuế kế và xây dựng Thon Đạt	7.5	0.5									
3803	N	21319	Lưu Thị Kim Nga		1999	Bình Thuận	Công ty TNHH PWC											
3804	II	21320	Lương Ngọc Kim Nga		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH MIV Dịch vụ (công ích Q1)											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3805	K	21321	Khu Phương Nga		1981	Trung Quốc	Công ty TNHH Catera Việt Nam	6.5	5	6.5	2	4	3	9		
3806	H	21322	Vân Thị Phương Nga		1998	Quảng Trị				6.5						
3807	H	21323	Dương Thị Nga		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH PMCO			8						
3808	H	21324	Đoàn Thị Nga		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunrise Lộc Phát	4	6	7.5	3.5					
3809	H	21325	Hoàng Thị Nga		1994	Nghệ An	Công ty TNHH Chiêu Cơ Kim Hoa Phát	6.5		5						
3810	H	21326	Ngô Thị Nga		1986	Nghệ An	Công ty TNHH Xây dựng Sơn Ngân	6.5	5		5					
3811	P	21327	Nguyễn Thị Nga		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH Nước Giải khát Coca-Cola Việt Nam									
3812	H	21328	Phạm Thị Nga		1994	Hà Tĩnh	Công ty TNHH I-Renewable Energy Việt Nam	7	6.5	6	4					
3813	H	21329	Trần Thị Nga		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Công nghiệp Chervon	6	1.5	4	5					
3814	H	21330	Lý Thị Nga		1986	TP HCM	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Đại Á	7.5	5.5	8						
3815	H	21331	Châu Thị Thủy Nga		1996	Bình Định	Công ty TNHH RBA WTS TAX Việt Nam			7.5						
3816	H	21332	Nguyễn Thị Thủy Nga		1993	Bình Định	Công ty Cổ phần Xây dựng ASBULID									
3817	K	21333	Ông Thị Thủy Nga		1990	TP HCM	Công ty TNHH Công Nghệ Dạy Tương		7				4.5	5.5		
3818	H	21334	Trần Thị Thủy Nga		1994	Nghệ An	Công ty TNHH F&G International		7	7.5						
3819	H	21335	Trần Thủy Nga		1997	Thanh Hóa	Công ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam			5						
3820	H	21336	Nguyễn Thị Nga		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Greenyellow Việt Nam	5		4	2.5					
3821	H	21337	Trần Huỳnh Việt Nga		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thực phẩm Anh Hằng		2		1.5					
3822	H	21338	Nguyễn Đại Nga		1988	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	6			3					
3823	H	21339	Nguyễn Phạm Nga		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sang lập A Châu		7	6.5						
3824	K	21340	Nguyễn Thị Nga		1997	Nghệ An	Công ty TNHH Contralco Camau Shrimp Farm	5.5								
3825	K	21341	Vũ Thị Ngát		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5			2.5					
3826	H	21342	Hồ Thị Bảo Ngân		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kế toán Yma	3.5	0.5	4.5	3.5					
3827	H	21343	Phạm Dương Bảo Ngân		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH Y&K Corporation of Việt Nam		6	7						
3828	H	21344	Nguyễn Thị Diễm Ngân		1994	Đông Tháp	Công ty cổ phần TG&C		7		5					
3829	H	21345	Mai Huyền Ngân		1989	Ninh Thuận	Công ty TNHH MIV Vồ Hai Dương	3	0.5	3.5	3					
3830	H	21346	Hứa Khanh Ngân		1991	Bến Tre				6						
3831	H	21347	Bùi Thị Kim Ngân		1996	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Mân tư Tây Ninh			7	4.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3832	K	21348	Dương Thị Kim Ngân		1998	Tây Ninh	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5,5	2,5	7,5						
3833	H	21349	Hoàng Thị Kim Ngân		1986	Hà Tĩnh			6,5	8	5	6						
3834	H	21350	Lâm Kim Ngân		1982	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Quang Trí		6	2,5	6,5	3						
3835	K	21351	Lê Kim Ngân		1999	Hải Phòng			7,5	1,5			6	1	5			
3836	K	21352	Lê Nguyễn Kim Ngân		1996	Lâm Đồng	Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam			5	3			6,5				
3837	H	21353	Lê Thị Kim Ngân		1996	An Giang	Công ty Cổ phần Vải lụa Bao Hưng		4,5	2	3	2,5						
3838	H	21354	Mai Trần Kim Ngân		1975	TP HCM	Công ty Cổ phần Charmma Investment		6		5							
3839	K	21355	Nguyễn Kim Ngân		1999	Đồng Nai	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		7	6	5,5	4	6,5	7,5	7			
3840	K	21356	Nguyễn Kim Ngân		1997	Nam Định	Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam											
3841	H	21357	Nguyễn Lê Kim Ngân		1998	TP HCM			4	1,5	3							
3842	H	21358	Nguyễn Thị Kim Ngân		1998	Đồng Tháp	Công ty Cổ phần Ramsa		5		5	4						
3843	H	21359	Nguyễn Thị Kim Ngân		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Tư vấn ABH Việt Nam			4	6							
3844	H	21360	Nguyễn Thị Kim Ngân		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sai Gon SGCA		5			1						
3845	H	21361	Nguyễn Thị Kim Ngân		1987	Tiền Giang	Trường Mầm non Thân Cửu Nghĩa		5		4	0,5						
3846	H	21362	Nguyễn Thị Kim Ngân		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH B Grimm Power											
3847	C	21363	Nguyễn Thị Kim Ngân		1989	TP HCM	Công Ty Cổ Phần IMDV Viên Thông RVC						5,5	5	8			
3848	K	21364	Nguyễn Thị Kim Ngân		1997	Hà Nội	Chi nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			5				7,5				
3849	H	21365	Nguyễn Thị Kim Ngân		1993	Tiền Giang	Công ty TNHH Hành phục Vĩ Na					4						
3850	K	21366	Nguyễn Trần Kim Ngân		1999	Bến Tre	Công Ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP Hồ Chí Minh		6	6	6	3			8,5			
3851	K	21367	Phạm Dương Thị Kim Ngân		1998	Tiền Giang	Công ty TNHH ZVN Travel				5			7				
3852	H	21368	Phạm Hoàng Kim Ngân		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Circular Plastics Việt Nam			3,5	7							
3853	H	21369	Trần Kim Ngân		1994	Đồng Tháp	Công ty Cổ phần Dầu tự Gia		6	5,5	5							
3854	H	21370	Trần Thị Kim Ngân		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH MTV Nikko Saigon		2,5	2,5	7	1						
3855	H	21371	Trần Kim Ngân		1994	Cà Mau	Cty TNHH MTV BDS Hưng Phát			4	5							
3856	H	21372	Trương Kim Ngân		1997	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán T & I		6									
3857	K	21373	Võ Thị Kim Ngân		1998	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam				5	7	6		5,5			
3858	K	21374	Võ Thị Kim Ngân		1997	Quảng Bình	Công Ty TNHH Tư Vấn SGS Global Việt Nam				6,5	2,5						

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
											TCKT QTNC	VDV BDNC			Tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3859	P	21375	Dương Thị Mỹ Ngân		1995	Phu Thọ	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG			6									
3860	K	21376	Huỳnh Thị Mỹ Ngân		1991	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5			3.5		3.5						
3861	H	21377	Trần Thị Ngọc Ngân		1980	Đông Nai	Công ty Cổ phần Khuang san 623 Đông Nai	4	3	6	2.5								
3862	K	21378	Bùi Thị Thanh Ngân		1996	Thừa Thiên Huế		3.5		6.5	2			6.5					
3863	K	21379	Đặng Thanh Ngân		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiểm Toán Đại Á Việt Nam	6	3	5.5	3.5	5.5	2						
3864	H	21380	Huỳnh Thanh Ngân		1996	An Giang			5.5	6.5	3								
3865	K	21381	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân		1999	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam												
3866	H	21382	Nguyễn Thị Thanh Ngân		1997	Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam												
3867	C	21384	Dương Phạm Thảo Ngân		1994	Nam Định							6	5	7.5				
3868	K	21385	Nguyễn Thảo Ngân		1997	Bạc Liêu	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam												
3869	K	21386	Nguyễn Thị Ngân		1997	Nghệ An	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động		5		2.5			7	6				
3870	K	21387	Đào Thị Thu Ngân		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn		1	7	5			5					
3871	H	21388	Lương Thị Thuý Ngân		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Phát triển Thương mại XNK Việt An			8	3								
3872	H	21389	Trần Thuý Ngân		1993	Nghệ An	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thành Thành Công		4										
3873	C	21390	Trần Ngọc Trúc Ngân		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Tư Vấn & Đại lý Thuế TPM					5.5		8	7.5				
3874	H	21391	Phạm Thị Tuyết Ngân		1992	Vĩnh Long	Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhữ Phú	5	7.5										
3875	K	21392	Huỳnh Ngọc Bảo Ngân		1997	Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam		5.5		3.5	4.5							
3876	K	21393	Võ Phạm Vĩnh Nghi		1995	Bạc Liêu		5		5.5		5	6						
3877	K	21394	Trần Đại Nghĩa		1998	Nam Định		5.5	8.5	8.5	6.5	7	8	8					
3878	K	21395	Lê Hiền Nghĩa		1994	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Dầu lửa và Xây dựng Cấp Thoát Nước					5.5							
3879	H	21396	Nguyễn Hữu Nghĩa		1993	Cần Thơ	Cty TNHH Tư vấn Đầu tư Thuế Kế toán Tiên Phát												
3880	K	21397	Phạm Hữu Nghĩa		1994	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	6.5		2.5			4.5	7				
3881	K	21398	Nguyễn Thanh Nghĩa		1996	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Nafcoods Groups	6.5	4	6	3.5								
3882	K	21399	Trần Thị Nghĩa		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH NNA Việt Nam		6		5								
3883	K	21400	Trần Văn Nghĩa		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán - Thành Định Gia và Tư Vấn ECOVIS AFA Việt Nam	6	7.5	7.5	6	9	6.5	5					
3884	H	21401	Phạm Thị Ngân		1993	Tiền Giang	Công ty TNHH TM DV Skyone Media	5.5	3.5	6									
3885	H	21402	Nguyễn Thị Ngân		1986	Nam Định	Công ty TNHH Trang trí nội thất Lương Minh Tâm			1.5	1.5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN		Kiểm toán VDV BDNC		Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ											Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3886	II	21403	Nguyễn Anh Ngọc		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Galaxy Pas			7.5	6							
3887	K	21404	Nguyễn Bảo Ngọc		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toàn và Tư Vấn RS&I Việt Nam		1.5									
3888	K	21405	Nguyễn Phan Bảo Ngọc		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH PWC	5	5.5	5	4	0.5	5	8				
3889	K	21406	Trần Xuân Bảo Ngọc		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán và Tư Vấn AUD Việt Nam	7.5		6.5								
3890	II	21407	Bùi Thị Bích Ngọc		1986	Hải Phòng	Công ty TNHH Phú Thiên Phát	7.5	7.5	6	3							
3891	K	21408	Mai Thị Bích Ngọc		1982	Đà Nẵng	Công ty TNHH Hoàng Trí HDVN	4.5	1	3.5	1	1.5	0	2.5				
3892	K	21409	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1997	Bình Định	Công ty TNHH Tim Sen	7.5	7.5	8.5	6				4			
3893	II	21411	Trần Thị Bích Ngọc		1996	Hồng Yên	Công ty TNHH Ladamove Việt Nam		6.5	7.5								
3894	K	21412	Vào Thị Bích Ngọc		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Eurovis Mazars Việt Nam			7.5	7	8	7.5	7				
3895	K	21413	Dương Hoàng桂 Ngọc		1999	Bạc Liêu	Công ty TNHH Kiến Toàn và Dịch Vụ Int'l Lee MOORE AISC					5						
3896	K	21414	Dương Thị Hồng Ngọc		1996	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	7	5	2.5	7	4	7				
3897	K	21415	Hồ Hồng Ngọc		1998	Bình Dương	Công ty TNHH N.T.A Solutions	8	3.5	6	3		5					
3898	II	21416	Hồ Thị Hồng Ngọc		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Koripa Technology		6.5		6							
3899	K	21417	Khổng Hồng Ngọc		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH PWC			5								
3900	P	21418	Lê Hồng Ngọc		1997	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG											
3901	II	21419	Nguyễn Hồng Ngọc		1996	Kien Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Kiểm toán & Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam		1.5		2							
3902	K	21420	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1999	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toàn và Dịch Vụ Int'l Lee MOORE	5.5	2	5	3.5	6	4.5	4.5				
3903	II	21421	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Muzamind		2.5	5	3							
3904	II	21422	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1988	IP HCM	Công ty Cổ phần IBace	8	3	5	2							
3905	II	21423	Phạm Thị Hồng Ngọc		1987	Nam Định	Công ty TNHH Jooso Dona	8	3.5	5								
3906	II	21424	Vũ Phương Hồng Ngọc		1999	Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	8.5	5	3.5	3							
3907	II	21425	Trần Lương Ngọc		1998	Campuchia	Công ty TNHH Kurosawa M.C	7.5										
3908	K	21426	Phạm Cao Kiên Ngọc		1991	Bình Định	Công ty TNHH INDV NKN Pechuang											
3909	II	21427	Lê Kim Ngọc		1990	Thanh Hóa			4	5	5							
3910	II	21428	Lưu Thị Kim Ngọc		1994	An Giang	Ngân hàng JNCIP Ban Việt - PGSD Châu Đốc	5.5		2								
3911	II	21429	Ngô Thị Kim Ngọc		1996	Cần Thơ	CN CP NKN TM Liên Phát											
3912	II	21430	Bùi Thị Minh Ngọc		1995	IP HCM	Công ty TNHH Eurofin Sacs Hà Giang											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3913	II	21431	Nguyễn Lê Minh Ngọc		1999	Phu Thọ	Cv INHH Kiểm toán và Tư vấn ACC										
3914	II	21432	Phạm Minh Ngọc		1991	Thị trấn Hố	Công ty CP NKK - Thủy sản Cần Thơ	5.5	7	5.5	2						
3915	II	21433	Lân Thị Mông Ngọc		1992	Phu Yên	Công ty INHH Kế toán AGS			8	2						
3916	II	21434	Đoàn Nguyễn Ngọc		1982	Đông Nai	Nhà máy Bê tông Hưng Vương - Thien Lan	7.5		3	1.5						
3917	II	21435	Lê Nguyễn Ngọc		1997	Quảng Ngãi	Cơ sở phân phối Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh										
3918	K	21436	Lương Lê Nhữ Ngọc		1999	Bình Định	Công ty INHH Kiểm toán AGS	6.5	2.5	6	5.5	7.5	7	6.5			
3919	C	21437	Nguyễn Thị Nhữ Ngọc		1994	Thị trấn Hố	Công ty INHH Kế toán Kun Thủy					7.5	7.5	7.5			
3920	II	21438	Nguyễn Thị Nhữ Ngọc		1993	Từ Vinh	Công ty INHH Forvis Mazars Việt Nam		5	6.5	5						
3921	II	21439	Phan Trinh Nhữ Ngọc		1991	Quảng Nam	Công ty INHH thiết bị Điện Máy Lớn Thien Quang										
3922	II	21440	Bùi Thanh Ngọc	1989		Huế	Công ty Cổ phần Mùa bán nước và Quà tặng tại sân HD Bank	7.5		5	5						
3923	II	21441	Nguyễn Thảo Ngọc		1993	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng An Gia Khang	6.5		6							
3924	K	21442	Lê Thị Ngọc		1997	Thị trấn Hố	Công ty INHH Kiểm toán T.O	8		3.5	5	6.5	6.5	1.5			
3925	K	21443	Võ Thị Thu Ngọc		1997	Long An	Công ty CP TTTM LOTTE Việt Nam	7.5		7	5.5			7.5			
3926	K	21444	Đặng Thủy Ngọc		1996	Quảng Ngãi	Ngân hàng BPC-IOX - Chi nhánh TP HCM		3.5	5	3						
3927	II	21445	Nguyễn Hoàng Thủy Ngọc		1998	Lạng Sơn	Công ty INHH Chai X	5	2.5	5	3						
3928	K	21446	Trần Thị Thủy Ngọc		1987	TP HCM	Công ty INHH SPS Vietnam		5		5						
3929	K	21447	Lưu Tú Ngọc		1996	Trảng Quạt	Công ty INHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	7	1.5	5	5						
3930	K	21448	Phạm Văn Ngọc		1996	Bến Tre	Công ty INHH Kiểm toán KMF	4	0.5	5	1.5						
3931	II	21449	Nguyễn Ngọc		1985	Từ Vinh	Công ty INHH Giám sát và Công nghệ Semick	6	2	7	5.5						
3932	II	21450	Trần Bình Nguyễn	1995		Trảng Quạt		6		6.5	4						
3933	II	21451	Trương Thị Đào Nguyễn		1963	Ninh Bình	Công ty INHH Phát Kun Nguyễn	7.5	8								
3934	K	21452	Lê Hồng Nguyễn	1992		Huế	Công ty INHH PWC Việt Nam			5							
3935	II	21453	Nguyễn Thị Kun Nguyễn		1998	TP HCM	Công ty INHH Kế toán AGS	6.5	4	5	8						
3936	K	21454	Nguyễn Thị Kun Nguyễn		1993	Cần Thơ	Công ty INHH Kiểm toán và Tư vấn Tư Chính Loan Cầu		4	5		6		4.5			
3937	K	21455	Đoàn Thị Thanh Nguyễn		1994	Bến Tre		8.5									
3938	K	21456	Hồng Thanh Nguyễn		1996	Bạc Liêu	Công ty INHH RBA WIS TAX Việt Nam		7	5			5.5				
3939	II	21457	Lê Thị Thanh Nguyễn		1994	TP HCM	Công ty INHH Khoa học Môi trường và Công nghệ CRM	6.5	6.5	5.5	3.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thủ VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3940	K	21458	Nguyễn Hoàng Thao		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH Kachet Việt Nam Technology			5			4	7.5		
3941	H	21459	Nguyễn Hoàng Thao		1992	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanko									
3942	K	21460	Nguyễn Ngọc Thao		1999	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC	7.5	3	5				3.5	7.5	
3943	K	21461	Nguyễn Ngọc Thao		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư Vấn Việt & Co	6.5		3		5			5	
3944	H	21462	Nguyễn Thị Thao Nguyễn		1982	Hưng Yên		5.5		2						
3945	H	21463	Nguyễn Thị Thao Nguyễn		1994	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đa dạng thực tiễn			4						
3946	H	21464	Phạm Thị Thao Nguyễn		1995	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Bưu Việt Nam	7.5	4.5	5	7.5					
3947	K	21465	Trần Thao Nguyễn		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH PWC Việt Nam					6				
3948	H	21466	Nguyễn Nguyễn		1980	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đào tạo Thuế Lucky Star		1	3.5	2					
3949	H	21467	Nguyễn Thị Thu Nguyễn		1996	Quảng Ngãi	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			3						
3950	H	21468	Đoàn Anh Nguyễn		1980	Thừa Thiên Huế	Công ty CP đầu tư và đầu tư vận hành Hoàng Đức	5.5	3.5	5	2					
3951	H	21470	Nguyễn Huỳnh Hoàng Nguyễn		1995	Lạng Sơn	Công ty TNHH CJ Vina Agri	7		5	3					
3952	H	21471	Trần Thị Huệ Nguyễn		1985	TP HCM	Công ty TNHH CNA - HTV Việt Nam	6.5	5	7.5	4					
3953	K	21472	Huỳnh Thị Minh Nguyễn		1993	Phu Yên	Cm nhánh Công ty TNHH KPMG			3						
3954	H	21473	Nguyễn Thị Minh Nguyễn		1983	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Anh Quốc Sĩ			5	1.5					
3955	H	21474	Nguyễn Thị Nguyệt		1989	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán Kead Back	8								
3956	H	21475	Trần Thị Nguyệt		1985	Hà Tĩnh	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp lao vụ Ngọc Đức									
3957	K	21477	Huỳnh Thu Nguyệt		1997	Bến Tre	Công ty TNHH PWC									
3958	K	21478	Phùng Tu Nguyệt		1998	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Cm nhánh Sài Gòn	6.5	3.5	4	2.5	6	3.5	4.5		
3959	H	21479	Lê Bạch Ngọc		1992	Là Vinh	Công ty TNHH Luật Quốc tế DPI		1.5	5	3					
3960	K	21480	Nguyễn Kỳ Nha	1982		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam		7	6	6		1.5	5.5		
3961	H	21482	Trần Thị Hằng Nha		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Insaks		5	7						
3962	K	21483	Hà Thị Thanh Nhàn		1995	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán Tư Vấn Việt Nam				4	5.5	3.5			
3963	K	21484	Phạm Thị Thanh Nhàn		1992	Lên Giang	Công ty Dịch vụ Multilong Khu vực 2	6	7.5	4	3.5		6			
3964	H	21485	Phạm Thị Thanh Nhàn		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tim Sen	5.5		6						
3965	H	21486	Lê Thị Nhàn		1993	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo ACC PRO			3	1.5					
3966	K	21487	Nguyễn Thị Nhàn		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8					7	7.5		

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3967	II	21488	Trương Thị Hồng Nhan		1988	Quảng Trị	Công ty CP Máy Sui Gòn 3			5	4.5							
3968	II	21489	Trương Đức Nhan	1992		Nam Định	Công ty TNHH Seawell Logistics Việt Nam	5	1	4	1							
3969	C	21490	Trần Hoàng Nhân	1993		Đông Tháp	Công ty TNHH VPP Thuận Long					7	3	1.5				
3970	II	21491	Nguyễn Huỳnh Nhân	1986		Bến Tre	Công ty TNHH Luật và kế toán Việt Mỹ - CN TP Hồ Chí Minh	5	0.5	4	1.5							
3971	II	21492	Huỳnh Hòa Nhân	1997		Bến Tre	Công ty Cổ phần Tư Khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng			6	5							
3972	K	21493	Hoàng Lê Nhân	1996		Lạng Sơn									7.5			
3973	II	21494	Nguyễn Thị Nhân		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoa Tươi	5.5	2	5.5	1							
3974	II	21495	Đoàn Thị Thu Nhân		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Acclune Corporate Services			3								
3975	K	21496	Trần Thuận Nhân		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Iedtronic Tools Việt Nam	4.5		7				2.5	6			
3976	II	21497	Bui Ngọc Lữ Nhân	1978		Thiên Giang	Công ty TNHH CNS Đồng Tây	3	2.5	3.5								
3977	K	21498	Trương Công Nhật	1991		Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Kế Toán SACC			4	5				4			
3978	II	21499	Phạm Võ Hồng Nhật		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA											
3979	II	21500	Đỗ Minh Nhật	1999		Thừa Thiên Huế	Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6	6.5	5.5	3.5							
3980	K	21501	Đỗ Minh Nhật	1994		TP HCM	Công ty CP Tập Đoàn Đào Ca		8				7			7		
3981	P	21502	Đỗ Nguyễn Minh Nhật	2002		Bình Thuận	Công ty TNHH PwC			4								
3982	II	21503	Mai Minh Nhật	1998		Quảng Trị	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời											
3983	K	21504	Trần Minh Nhật	1997		Kiên Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	5.5	4	3.5			8				
3984	II	21505	Tư Quang Nhật	1986		Đông Tháp	Công ty Cổ phần NXK Y tế TP HCM	6	4	5	4							
3985	II	21506	Lê Thị Ái Nhu		1990	Quảng Trị	Công ty CP tư vấn kế toán AZ											
3986	II	21507	Nguyễn Thị Ái Nhu		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Pomax	5.5		4	2							
3987	C	21508	Huỳnh Thị Hà Nhu		1993	Quảng Ngãi	Công ty CP BDS Sơn Kimm					6	3.5	5.5				
3988	II	21509	Võ Thị Hiền Nhu		1985	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dukala			8	6							
3989	II	21510	Lê Thị Hiền Nhu		1994	Đông Tháp	Công ty TNHH The Support Việt Nam	6	4	3.5	5.5							
3990	II	21511	Đương Hoàng Nhi		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Năng Lượng và công nghệ Lành Bạch Việt	7	3	5	3.5							
3991	K	21512	Lưu Thị Hồng Nhi		1993	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn Phạm & Các Công Sự			6.5	4				7			
3992	II	21513	Ngô Thị Hồng Nhi		1990	Bình Định	Công ty TNHH thép không gỉ và hợp kim Quang Minh	6	4	6	2.5							
3993	II	21514	Nguyễn Thị Hồng Nhi		1997	Bình Định	Công ty CP Smart Tax											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3994	K	21515	Nguyễn Trần Thị Lan Nhi		1996	Quảng Bình	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Dashboard Asia	6,5		4	3					
3995	II	21516	Nguyễn Linh Nhi		1998	Cà Mau	Công ty TNHH Accdome Việt Nam			7						
3996	II	21517	Nguyễn Thị Mỹ Nhi		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Sản xuất First Solar Việt Nam	6	3,5	5	3,5					
3997	K	21518	Nguyễn Thị Ngọc Nhi		1987	Tiền Giang	Công Ty Tân Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam JACCS									
3998	K	21519	Nguyễn Ngọc Phương Nhi		1998	TP HCM	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8			5,5		3,5			
3999	K	21520	Nguyễn Phương Nhi		1998	Hà Phòng		7,5				8,5				
4000	K	21521	Kim Thị Thanh Nhi		1998	Trà Vinh	Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tân Chính Toàn Cầu	5,5	7	5,5	2,5	6,5	7	6		
4001	II	21522	Bùi Ngô Thảo Nhi		1994	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Deliverce Việt Nam									
4002	II	21523	Trần Thị Nhi		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Phúc Long									
4003	II	21524	Nguyễn Thị Thuý Nhi		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Becrow		3,5	5	3,5					
4004	C	21525	Lê Thị Ý Nhi		1992	Bình Thuận	Công Ty SGS Việt Nam Trách Nhiệm Hữu Hạn					7,5	5	7		
4005	II	21526	Nguyễn Thuý Ý Nhi		1976	Bến Tre	Công ty TNHH Phú Vinh Cư	4,5		3,5						
4006	II	21527	Nguyễn Ý Nhi		1996	An Giang	Công ty CP Bảo hiểm Phú Hưng			6						
4007	II	21528	Dương Yên Nhi		1994	Thái Bình	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Alpha	3,5	2	5	4					
4008	II	21529	Hoàng Yên Nhi		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư và phát triển An Thịnh			6	6					
4009	K	21530	Lê Thị Yên Nhi		1997	Khánh Hòa	Chi nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán và tư Vấn ACC tại Nha Trang	7	6				4	4		
4010	K	21531	Lê Thị Yên Nhi		1997	Bến Tre										
4011	K	21532	Lương Yên Nhi		1999	TP HCM	Công Ty TNHH Kiểm Toán F-AC	5,5	8	3,5	5	7	6,5	7,5		
4012	K	21533	Phan Thị Yên Nhi		1998	TP HCM	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4		6	6	3	7,5		
4013	II	21534	Phan Thị Yên Nhi		1992	Tiền Giang	Công ty CP đầu tư giáo dục V1			5	4					
4014	II	21535	Thêu Thị Yên Nhi		1996	An Giang	Công ty TNHH Autocare Thuận Phát	5	0,5	6	3,5					
4015	K	21536	Trần Diệp Yên Nhi		1999	Cần Thơ	Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	5,5					7,5			
4016	II	21537	Trần Yên Nhi		1997	Bình Định	Công ty TNHH Anlin	9	6	6	4					
4017	II	21538	Trương Đình Yên Nhi		1997	Quảng Trị	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam									
4018	K	21539	Trương Hoàng Yên Nhi		1999	An Giang	Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5,5	1,5		3	4				
4019	K	21540	Vũ Thị Yên Nhi		1996	Thái Bình	Công Ty TNHH Tong Garden Food Marketing Việt Nam		0,5	2				7		
4020	C	21541	Huỳnh Nhi		1991	Bình Định	Công Ty Cổ Phần Phú Nam Hải									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4021	H	21542	Lê Thị Hồng Nhung		1989	Sóc Trăng	Công ty CP TM DV Hoàng Hà - Cần Thơ	6.5	4		2.5							
4022	H	21543	Ngô Thụy Ngọc Nhiễm		1991	TP HCM	Công ty Cổ phần Đầu tư Dynamic & Development											
4023	H	21544	Trương Ngọc An Nhiên		1990	Khánh Hòa	Công ty TNHH DV tư vấn và DL.Tư vấn Giá		2	5.5	4							
4024	C	21545	Trần Yên Nhiên		1994	Đồng Tháp	Công ty TNHH Kiên Toàn AFC Việt Nam							6.5				
4025	H	21546	Mai Văn Như	1988		Kiên Giang	Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Thành Công		4.5	5	2.5							
4026	K	21547	Hồ Thị Hoa Nhon		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiên Toàn Deloitte Việt Nam	5.5		5	6			7				
4027	K	21548	Nguyễn Thanh Nhon	1997		Bình Định	Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn KSM Việt Nam	6					3	8				
4028	H	21549	Đỗ Thị Nhuận		1984	Quảng Trị	Công ty TNHH Anballu	4	4	6	2.5							
4029	P	21550	Đỗ Thanh Cẩm Nhung		1988	Bình Định	Công ty TNHH K.P.MG			6								
4030	H	21551	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Xăng dầu Tây Nam S.W.P	5	5.5	5.5								
4031	H	21552	Trần Thị Cẩm Nhung		1995	Khánh Hòa	Công ty TNHH Grandhyng Logistics	5	2.5	6								
4032	H	21553	Đặng Nguyễn Hạnh Nhung		1989	Tây Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Thuế Huy Hoàng	6.5	6.5	5.5	1							
4033	H	21554	Nguyễn Hoàng Nhung		1992	Trà Vinh	Nhà khách Tỉnh ủy - UBND tỉnh			6								
4034	K	21555	Lê Thị Hồng Nhung		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH PWC Việt Nam		4.5	6.5	3.5		3					
4035	H	21556	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1994	Tiền Giang	Công ty TNHH T&M Forwarding			6.5								
4036	K	21557	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1990	TP HCM	Công ty TNHH Skedulo Việt Nam	3	0.5	3.5	1		1.5					
4037	H	21559	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1978	Trà Vinh	Công ty TNHH Thương mại Lan Phương		5									
4038	P	21560	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1993		Công ty Cổ phần Masan MECA II, rlc											
4039	H	21561	Phạm Hồng Nhung		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kế toán Quốc Tế	4	0.5	1								
4040	K	21562	Trần Thị Hồng Nhung		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiên Toàn Deloitte Việt Nam	6.5	7.5		3.5	8	5					
4041	H	21563	Nguyễn Khanh Nhung		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH TOKA	6		7	6.5							
4042	H	21564	Vương Thị Kim Nhung		1983	Nghe An	Công ty TNHH Xây dựng Dongsung Vina	6.5		6								
4043	H	21565	Đặng Thị Mỹ Nhung		1986	Bạc Liêu	Cty TNHH TM Đặc Hưng	8	6	5	4							
4044	H	21566	Đỗ Thị Mỹ Nhung		1992	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nova Consumer	5	6	7.5	4							
4045	K	21567	Lê Thị Mỹ Nhung		1997	Đồng Nai	Công ty TNHH Crove Việt Nam - Chi nhánh IPHICM	7	3.5			5.5	5.5	6.5				
4046	H	21568	Lê Trần Quỳnh Nhung		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam											
4047	H	21569	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kurosawa ACC	6.5	5	5.5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
4048	H	21570	Cao Thị Thanh Nhung		1990	Nam Định	Công ty CP SX SXN Vinohardware			6	3							
4049	H	21571	Nguyễn Thị Thanh Nhung		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH dịch vụ thư không phá hủy Q1 S	5.5	2	5	2.5							
4050	H	21572	Lê Thị Thuo Nhung		1989	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group											
4051	H	21573	Cao Thị Nhung		1987	Phu Yên	Công ty TNHH Kỹ Thuật Hợp Việt											
4052	H	21574	Đinh Thị Nhung		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		3		2							
4053	H	21576	Nguyễn Trang Nhung		1984	Nghe An	Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng MC Hoàng Hào											
4054	K	21577	Ngô Thị Tuyết Nhung		1976	Bến Tre		6.5	0.5	5.5	2	7.5	1.5					
4055	C	21578	Ngô Thị Tuyết Nhung		1995	Kiên Giang	Công ty TNHH NIM Mega Market						2.5					
4056	H	21579	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		1997	Thanh Hóa	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	5			4							
4057	H	21580	Trần Thị Tuyết Nhung		1996	An Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Hình Làn											
4058	K	21581	Phạm Thị Lê Xuân Nhung		1998	Nam Định	Công ty Cổ Phần bất Giái LIN	6		6.5	4.5	6.5						
4059	H	21582	Nguyễn Yên Nhung		1985	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quốc tế Vclaw											
4060	H	21583	Nguyễn Thị Bạch Như		1982	Hà Tĩnh	Công ty TNHH DV Cơ khí MTS 7											
4061	H	21584	Quang Thị Hoàn Như		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH E-Glacial - CN TP HCM	9		8								
4062	H	21585	Đặng Hồng Như		1996	Vĩnh Long	Chi nhánh Dezan Shira & Associates Limited Thành phố Hà Nội			6	3.5							
4063	H	21586	Đặng Thị Huyền Như		1996	Lạng An	Công ty Cổ phần Dầu òc Ngàn Hiệp	6	4	6.5								
4064	H	21587	Lê Thị Huyền Như		1999	Đông Tháp	Cty TNHH Kế toán Kien Thuy	7	4.5	6	6							
4065	K	21588	Nguyễn Thị Huyền Như		1999	Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán Phương Đông	6	2.5	7	3.5							
4066	K	21589	Nguyễn Thị Huyền Như		1997	Lạng An	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		6	6.5	4							
4067	K	21590	Phạm Thị Huyền Như		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC	5		5			4	4.5				
4068	K	21591	Võ Thị Huyền Như		1996	TP HCM				4.5	2.5		3.5	8				
4069	H	21592	Võ Thị Huyền Như		1992	Tây Ninh	Công ty TNHH Biên Ngọc Hồ Trâm	5	3.5	7	4							
4070	H	21593	Bùi Thị Quỳnh Như		1991	Hà Nam	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghệ Trườn Tim		2.5									
4071	H	21594	Bùi Vũ Quỳnh Như		1989	Quảng Ngãi	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	5.5	6.5	6.5								
4072	H	21595	Đỗ Trần Quỳnh Như		1994	Ninh Thuận		6.5	2.5	7	3							
4073	K	21596	Huỳnh Thị Quỳnh Như		1993	Bến Tre	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán - Thanh Đình Gia và Tư Vấn Việt Nam tại TP HCM			7.5	7			5				
4074	K	21597	Lê Ngọc Quỳnh Như		1998	Đông Tháp	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3.5			3		2					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTCNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
4075	K	21598	Lê Quỳnh Như		1995	Bình Dương	Công ty TNHH PWC			5.5	0.5	5		5.5	1.5	8		
4076	H	21599	Ngô Lê Quỳnh Như		1997	TP HCM	Công ty TNHH Premier TNC Việt Nam	5.5										
4077	K	21600	Ngô Thu Quỳnh Như		1990	Quảng Trị												
4078	H	21601	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kurosawa ACC	5.5				1.5						
4079	K	21602	Nguyễn Quỳnh Như		1998	TP HCM	Công ty TNHH PWC											
4080	H	21603	Nguyễn Quỳnh Như		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kurosawa ACC	7										
4081	H	21604	Nguyễn Quỳnh Như		1996	Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH Kienidien Việt Nam		6	5.5	2							
4082	H	21605	Nguyễn Thu Quỳnh Như		1997	Hà Tĩnh		5	1.5	3.5	2							
4083	H	21606	Nguyễn Thu Quỳnh Như		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn LS Việt Nam	5	5.5	6	3							
4084	K	21607	Trương Lê Quỳnh Như		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán Ernst & Young Việt Nam	4.5	1.5	5	5		1					
4085	K	21608	Đặng Thanh Như		1996	Khánh Hòa			5.5		3.5		2.5					
4086	K	21609	Nguyễn Ngọc Thảo Như		1997	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần Aurum Wind Energy	8	4		7.5	6.5	8					
4087	H	21610	Song Thảo Như		1988	Trang Quốc	Công ty TNHH TM - DV - XNK An Tâm	4.5	4	5	1.5							
4088	H	21611	Nguyễn Thu Thủy Như		1987	TP HCM	Công ty TNHH Mazars Việt Nam			5.5								
4089	H	21612	Nguyễn Tuyết Như		1995	Bến Tre		6										
4090	H	21613	Trần Thi Nhung		1981	Bến Tre	Công ty TNHH Lotte Rental Việt Nam	3.5		4	2							
4091	K	21614	Nguyễn Minh Nhật	1990		Bình Định	Công ty Cổ Phần HMT Đại Thành Phát	7	5	5	5	7.5	5.5	8				
4092	K	21615	Trần Minh Nhật	1996		Đồng Tháp	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Doo Ca	5.5		5.5	4	7		5				
4093	C	21616	Mai Thanh Nhật	1983		Cà Mau	Công ty TNHH Kiểm Toán DPK Việt Nam											
4094	H	21617	Huyền Thi Nhật		1988	Bình Định	Công ty TNHH công nghệ Hoàng Thiên Kim											
4095	H	21618	Lê Thu Tuyết N		1978	Quảng Ngãi	Công ty CP giao duc Thiên Thiên Kỳ Nguyễn			5	1.5							
4096	K	21619	Jay La Niel		1984	An Giang	Công ty TNHH KIDO - Nha Be		5				2	5.5				
4097	K	21620	H Wei Nie		1999	Đắk Lắk	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	7	5	6.5	5.5	7	5	6				
4098	H	21621	Nguyễn Thu Niêm		1990	Tiền Giang	Công ty TNHH Sản xuất First Solar Việt Nam	4	7	7	3							
4099	H	21622	Trinh Thi Hồng Ninh		1982	Nam Định			3.5		4							
4100	K	21623	Nguyễn Nben		1990	Hà Tĩnh	Ngân Hàng TMCP Nam A											
4101	K	21624	Trần Thu Ai Nữ		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam	6.5	4					4				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HĐT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4102	H	21625	Võ Thị Thu Nữ		1993	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Trương Gia			6.5	2						
4103	H	21626	Phạm Thị Nương		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần VNDICO	5			3						
4104	H	21627	Trần Thị Tuyết Nương		1986	Tiền Giang	Công ty TNHH Tư vấn - Dịch vụ Kế toán K&T	7	6	6	4						
4105	H	21628	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		1986	Hải Giang	Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Nam Hải			8	5						
4106	H	21629	Nguyễn Kiều Oanh		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Tolly Việt Nam	7	8.5	5	4						
4107	K	21630	Phạm Thị Kiều Oanh		1995	Thái Bình		6		5	6	6	6			9	
4108	H	21631	Trần Thị Kiều Oanh		1985	Ngệ An		8	5.5	8	4						
4109	H	21632	Trần Thị Kiều Oanh		1992	Kiên Giang	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Huy Hoàng		3.5		4						
4110	H	21633	Cao Thị Kim Oanh		1997	Quảng Bình	Công ty TNHH Spring Production	5			4.5						
4111	K	21634	Nguyễn Thị Kim Oanh		1987	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đại lý Xây dựng Phát Triển Quốc Tê Việt Nam		4	3.5						5	
4112	K	21635	Nguyễn Thị Kim Oanh		1997	Nam Định	Công ty TNHH PWC										
4113	H	21636	Phạm Thị Kim Oanh		1994	Bình Định	Công ty TNHH xây dựng nội thất Thuận An	7.5									
4114	H	21637	Trần Thị Kim Oanh		1986	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Trang trí Nội thất Đa Sắc		2.5	5.5	3						
4115	H	21638	Hoàng Thị Ngọc Oanh		1988	Lâm Đồng	Công ty Cổ phần Vải liệu Bao Lưng	3	2.5	5	1.5						
4116	H	21639	Vũ Thị Oanh		1991	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Group										
4117	H	21640	Bùi Tuyết Oanh		1992	Đông Tháp	Công ty TNHH Malloca Việt Nam		5.5	4	1						
4118	H	21641	Nguyễn Thị Châu Pha		1969	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Bảo vệ Chuyên nghiệp Thương Gia			3.5							
4119	K	21642	Võ Bá Phấp		1994	Ngệ An	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Applecare			5.5	6.5			4.5			
4120	H	21643	Lưu Lương Phấp		1995	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tạng Yú	7.5	3	3	5						
4121	C	21644	Trần Thị Phấp		1990	Quảng Ngãi	Công ty CP Chứng khoán Thanh Công							7	3		
4122	K	21645	Ngô Hữu Phat		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
4123	H	21646	Huỳnh Tân Phat		1990	Bạc Liêu	Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên và số kiến thiết Căn Thov		1.5	5	2						
4124	K	21647	Nguyễn Tân Phat		1999	TP HCM	Công ty TNHH PWC			2.5					8.5		
4125	K	21648	Vân Ngọc Tân Phat		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8			4.5			7			
4126	K	21649	Nguyễn Thị Phat		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Royal Auto Japan	5	2.5	5.5	4	6		5	7		
4127	H	21650	Phạm Thị Phấn		1983	Bình Định	Tổng công ty Điện lực TP HCM	6		2							
4128	K	21651	Trình Đình Phong		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam		4.5					6			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ			Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
4129	K	21052	Dương Văn Hoàn Phụng	1998		Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C				2.5		0.5				
4130	K	21053	Phạm Hoài Phụng	1975		TP HCM	Công ty Cổ Phần Công Nghệ VIS	5			0.5		2				
4131	II	21054	Huỳnh Hoàng Phụng	1991		Ninh Bình			1	1.5	1.5						
4132	C	21055	Nguyễn Văn Hoàng Phụng	1986		Đồng Nai	Công ty TNHH Tuấn Sơn						1.5	3			
4133	II	21056	Nguyễn Nữ Minh Phụng		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Cai Lien	5.5			3.5						
4134	K	21057	Châu Nhật Phụng	1997		Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Dân Việt - Chi nhánh Lai IP HCM	7.5	6	5.5	4	4	3.5	2.5			
4135	K	21058	Lý Quốc Phụng	1995		TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán T.T.O			4		5.5					
4136	P	21059	Trần Quý Phụng	1991		Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH Thuế và tư vấn KPMG			5							
4137	K	21060	Lưu Thanh Phụng	1996		Ninh Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		5	5			5				
4138	II	21061	Trương Văn Phôi		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH Đại lý Thuế Tài chính Kế toán Tài Việt		4	8.5	2.5						
4139	K	21062	Bùi Đình Phú	1994		Bình Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		2.5	4	4	4	6	1	8		
4140	K	21063	Nguyễn Đức Phú	1980		Kiên Giang	Công ty CP Sài Gòn Phát Thành Ratings	3	3	3		6	3.5	8.5			
4141	K	21064	Trần Đức Phú	1997		Trung Quốc	Công ty TNHH PWC	4.5		5	4						
4142	II	21065	Quách桂 Phú	1992		Kiên Giang	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Vũ	6		7.5							
4143	II	21066	Huỳnh Tấn Kim Phú		1983	Quảng Ngãi											
4144	K	21067	Trần Quốc Phú	1996		Bà Rịa	Công ty TNHH Onpoint Việt Nam	5		5	3.5	5	2	7			
4145	II	21068	Đinh Lăng Phú	1994		An Giang	Công ty TNHH Tư vấn K&C		3	6	3.5						
4146	P	21069	Lê Thiên Phú	1987			Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Dân AIA			4							
4147	II	21070	Lê Hoàng Phúc	1994		TP HCM				6							
4148	II	21071	Lê Hoàng Phúc	1991		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Công 2			6							
4149	K	21072	Nguyễn Hoàng Phúc	1996		TP HCM	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	5.5	5	5						
4150	II	21073	Lê Hoàng Phúc	1992		Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn Công Minh N1				7.5						
4151	II	21074	Nguyễn Dương Kim Phúc		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH MOZ Việt Nam	7		7.5							
4152	II	21075	Bùi Minh Phúc	1990		Tây Ninh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5.5	5	6.5	3						
4153	II	21076	Nguyễn Tấn Phúc	1991		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Luật Phát			5.5	1.5						
4154	K	21077	Phạm Thanh Phúc		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			7	7	8		8.5			
4155	K	21078	Nguyễn Thị Phúc		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Thủy			5	4	6.5		7			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4156	H	21679	Phan Thị Phuc		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM & DV Kỹ thuật Nam Phát		6.5								
4157	K	21680	Phan Thị Phuc		1983	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH You Young Vina		4		5	5.5	4				
4158	H	21681	Nguyễn Lê Thien Phuc	1996		TP HCM	Công ty TNHH Kế toán LS Việt Nam		6	5	4						
4159	H	21682	Lê Trương Phuc	1994		Đồng Tháp	Công ty TNHH Tupperware Việt Nam			5.5	6						
4160	K	21683	Nguyễn Văn Phuc	1994		An Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC	7	4	6		7		3			
4161	K	21684	Châu Vinh Phuc	1998		Tiền Giang	Công ty TNHH Tư Vấn Thuế Deloitte Việt Nam			4	3.5	7					
4162	K	21685	Nguyễn Thị Hạ Phung		1996	Bắc Giang	Công ty TNHH Truyền Hình Cập Sngontourist		7.5	7							
4163	H	21686	Lâm Thị Kim Phung		1997	TP HCM	Ngân hàng TNHH Indovina		2	3							
4164	K	21687	Nguyễn Kim Phung		1988	TP HCM	Công ty TNHH Accounting Office Clear Việt Nam	6	2	5.5	5						
4165	K	21688	Trần Thị Kim Phung		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt										
4166	H	21689	Võ Minh Phung	1993		Bình Dương	Công ty TNHH Rheem Việt Nam										
4167	K	21690	Lê Thị Mỹ Phung		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Trung Tâm Kỹ Thuật Sanden Việt Nam		6.5	5.5	5.5						
4168	C	21691	Dương Ngân Phung		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH A A C C						8				
4169	H	21692	Nguyễn Thị Hòa Phuc		1997	Quảng Nam	CN công ty TNHH tư vấn và đại lý Thuế Công Minh										
4170	H	21693	Nguyễn Hữu Phuc	1982		Bến Tre	Công ty TNHH kiểm toán tư vấn CPA HCM	7	5	4	3.5						
4171	K	21694	Đặng Thị Minh Phuc		1994	TP HCM	CÔNG TY TNHH TOLL GLOBAL FORWARDING	7	4	4.5	2.5						
4172	K	21695	Phạm Thị Thanh Phuc		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán CPA	5.5	5	3.5	1.5	7	5.5	3.5			
4173	H	21696	Nguyễn Thị Phuc		1988	Quảng Ngãi	Công ty Liên doanh Vùng Tau Paradise		5	6.5	5						
4174	K	21697	Lưu Công Việt Phuc	1993		Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Vacsun Việt Nam - Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh	7			2.5		6				
4175	H	21698	Trần Thị Bích Phuong		1991	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam										
4176	H	21699	Nguyễn Công Phuc	1983		Bình Định	Công ty TNHH Delta-valley Bình Thuận										
4177	H	21700	Huỳnh Diễm Phuong		1989	Lầy Ninh	Công ty TNHH Trương Đại Thuận	8									
4178	K	21702	Lê Duy Phuong	1994		Thanh Hóa	Công ty TNHH DGW ASIA	7	1		3.5						
4179	H	21703	Lê Mai Duyệt Phuong	1984		Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm toán Thụy Chung			5.5							
4180	H	21704	Nguyễn Diễm Phuong	1991		TP HCM	Công ty TNHH MTV Vang bạc đa quy NHTMCP Công Thương Việt Nam - CN TP HCM		3	5	2						
4181	K	21705	Nguyễn Thị Hoàn Phuong		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán T T O							5			
4182	C	21706	Lương Hoàn Phuong		1976	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần Thương Mại - Thực Phẩm An Tiên					4	5	6			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4183	II	21707	Le Hong Phuong		1972	Thua Thien Hue	Cong ty TNHH Itek International		3.5	5	2.5						
4184	II	21708	Truong Kieu Phuong		1984	Cà Mau	Cong ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Fvc Sina										
4185	II	21709	La Thi Kim Phuong		1984	Cần Thơ	Cong ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Ngọc nhai nhỏ			3.5							
4186	P	21710	Nguyễn Thị Lan Phuong		1990	Nam Định	Cong ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam			5							
4187	K	21711	Nguyễn Thị Mai Phuong		1998	Khánh Hòa	Cong ty TNHH PAC					4					
4188	II	21712	Nguyễn Thị Mai Phuong		1988	Nam Định	Cong ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Cam Ranh	6.5	5		2						
4189	K	21713	Phạm Đăng Mai Phuong		1998	Quảng Nam	Cong ty TNHH Kiến trúc và tư vấn AKC		2	5.5	4	5.5	5.5		5		
4190	II	21714	Đoàn Minh Phuong	1995		Thừa Thiên Huế	Cong ty CP Hưng Bình huon			5	5						
4191	II	21715	Le Huynh Minh Phuong		1989	TP HCM	Cong ty CP Mohi Group	5	3.5	4	3.5						
4192	II	21716	Nguyễn Thị Minh Phuong		1995	Hà Nam	Cong ty TNHH Grant Thornton			5							
4193	II	21717	Võ Minh Phuong		1993	Bắc Ninh	Cong ty TNHH Nutra Viet Nam	6.5		5							
4194	II	21718	Đinh Thị Mỹ Phuong		1997	Phu Yên	Cong ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hữu Tron Xanh	5	0.5	4	1.5						
4195	K	21719	Hà Thị Mỹ Phuong		1999	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến trúc Delonte Viet Nam					7.5					
4196	II	21720	Huỳnh Mỹ Phuong		1990	Trùng Quốc	Cong ty Cổ phần Kiến trúc Hợp V1 AD	6		5							
4197	II	21721	Le Thị Mỹ Phuong		1990	Bình Thuận	Cong ty TNHH IMIDY đầu tư xây dựng Bảo Phát		2.5	5.5							
4198	K	21722	La Thị Ngọc Phuong		1994	Nam Định	Hồng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP				3	5.5	5.5				
4199	K	21723	Leon Nữ Nhai Phuong		1998	Đà Nẵng	Cong ty TNHH Kiến trúc Delonte Viet Nam			7				7			
4200	II	21724	Liên Nhai Phuong	1986		Liên Giang	Cong ty TNHH Tư vấn Actas										
4201	K	21725	Liên Lê Quốc Phuong		1994	Long An	Cong ty TNHH Kiến trúc Loan Win Win			5	2.5	4.5			6		
4202	K	21726	Võ Thị Quốc Phuong		1999	Liên Giang	Cong ty TNHH Kiến trúc Loan và Tư vấn RSM Viet Nam		3	4	5				7.5		
4203	II	21727	Ca Lê Thanh Phuong		1987	Đông Pháp	Cong ty TNHH M O I Cosmetics	5.5	2	5.5	3						
4204	K	21728	Nguyễn Thanh Phuong	1984		Bắc Ninh	Cong ty Cổ phần Mac Ich			6	5.5				5		
4205	II	21729	Nguyễn Thanh Phuong	1990		Vĩnh Long	Cong ty TNHH Việt Nam Soda										
4206	II	21730	Nguyễn Thị Thanh Phuong		1994	Bình Thuận	Cong ty TNHH KNI			6	3.5						
4207	K	21731	Nguyễn Thảo Phuong		1995	Bình Thuận	Cong ty TNHH Ernst & Young Viet Nam	7.5		7	4	7	7				
4208	K	21732	Hà Thị Phuong		1999	Quảng Trị	Cong ty Cổ phần Cổ Mh Viet Nam	7	5	5	5	6	7.5		5		
4209	II	21733	La Thị Thu Phuong		1991	Long An	Cong ty TNHH Đầu tư Thiết Minh Miền A 1 A	6									

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4210	H	21734	Lê Thị Thu Phương		1983	TP HCM	Công ty TNHH Hoa Lộc										
4211	K	21735	Lê Thu Phương		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm toán Phú Nam										
4212	K	21736	Trần Thị Thu Phương		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tài Học MOORE AISIC	5.5			6				4		
4213	C	21737	Trương Thị Thu Phương		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Begland					7			6	5	
4214	H	21738	Trần Lê Trúc Phương		1992	Phu Yên	Công ty Cổ phần Khuông sơn Việt Nam A Công	7	6.5	6.5	3.5						
4215	H	21739	Phạm Nguyễn Trúc Phương		1996	Bình Định	Công ty TNHH Alchemy Asia	6	7		2.5						
4216	P	21740	Trần Đặng Trúc Phương		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Socola Marou										
4217	H	21741	Trần Thị Trúc Phương		1986	Bến Tre		5.5		7							
4218	K	21742	Đào Văn Phương		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH PWC										
4219	K	21743	Hoàng Văn Phương		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		7					6			
4220	H	21744	Nguyễn Thị Anh Phương		1989	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Độc lập		5	4							
4221	K	21745	Trương Thị Anh Phương		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuyên Việt	5	3.5	4.5	4						
4222	H	21746	Lê Bạch Phương		1991	Hà Nam			5	7	5.5						
4223	H	21747	Phạm Thị Bạch Phương		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Đạt Thuận Bắc Trung Nam			7		5					
4224	C	21748	Vương Thị Bạch Phương		1989	Khánh Hòa	Công ty TNHH Trivis Mazars Việt Nam							6	6		
4225	K	21749	Trương Hồng Phương		1996	Hồng Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tài Học MOORE AISIC		5.5	5			5	5.5			
4226	C	21750	Huỳnh Lê Hồng Phương		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư Vấn & Kiểm Toán Cửu Cai										
4227	H	21751	Khuê Thị Hồng Phương		1997	Hà Vinh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt										
4228	H	21752	Bùi Thị Kim Phương		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kế toán và Tài học HETIP	6.5		8	6.5						
4229	H	21753	Lê Kim Phương		1980	Vĩnh Long	Công ty TNHH Thương mại K&P	4.5	5.5	5	4						
4230	C	21754	Lê Thị Kim Phương		1975	Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH DV&T Đông Hưng Tân Cầu Thới							5	5		
4231	H	21755	Trương Thị Kim Phương		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Ngon - Chi nhánh Sài Gòn		5.5	6							
4232	H	21756	Nguyễn Thị Minh Phương		1983	Bến Tre	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán SKS		2.5								
4233	H	21757	Bùi Thị Ngọc Phương		1988	TP HCM	Công ty TNHH Dycksen Alliance	5.5	4	5	4						
4234	K	21758	Lê Ngọc Phương		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		5	5	4	5.5		6.5			
4235	K	21759	Ngô Ngọc Phương		1992	Bình Dương	Công ty TNHH Tư Vấn ACC			5.5		6		6.5			
4236	K	21760	Trương Đào Ngọc Phương		1988	Ninh Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			5	5.5	6.5		8.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
4237	C	21761	Trần Thu Thanh Phương		1982	Bình Định	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bảo Bình Phương Anh											
4238	H	21762	Chu Thu Phương		1984	Hưng Yên	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mai Anh Việt Nam	5	3	6,5	3,5							
4239	H	21763	Hà Thu Phương		1986	Đức Thọ Hà	Công ty TNHH Đồ Nồi Nhựa Hoàng Minh	4,5	5,5	5,5	6							
4240	H	21764	Lê Thu Phương		1990	Bình Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hưng Mạnh Thành - Cửa hàng sàng dầu Ngọc Lược	5			3							
4241	H	21765	Nguyễn Thu Phương		1982	Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thành viên Quốc Anh											
4242	K	21766	Nguyễn Thu Phương		1996	Đức Thọ Hà	Công ty TNHH Kiểm toán A&S		6		6	5			5		3,5	
4243	H	21767	Nguyễn Thu Phương		1985	Ninh Bình	Công ty TNHH Lee Kim Alliance Việt Nam		7	6,5	5,5							
4244	H	21768	Phạm Thu Phương		1989	Quảng Nam	Cy TNHH Tư vấn AKC		4,5									
4245	H	21769	Trần Thu Phương		1979	Bình Định	Công ty TNHH xây dựng Lưu minh Hiền			4	4							
4246	H	21770	Trần Thu Phương		1996	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng Q&P		1,5	4								
4247	H	21771	Nguyễn Thu Phương		1998	Bình Định	Công ty Cổ phần Anh Sơn Hoa Việt Mỹ			3								
4248	H	21772	Nguyễn Thu Phương		1983	Bắc Ninh	Công ty dịch vụ Mobilephone khu vực 9			4,5	2,5							
4249	K	21773	Phạm Nguyễn Thu Phương		1997	Đức Thọ Hà	Công ty Cổ Phần Lập Đoàn V AS Nghệ Sơn		3,5	2,5								
4250	H	21774	Lưu Đào Nhật Quang		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Công nghệ DNG	6,5	8	5,5	5							
4251	K	21775	Nguyễn Phạm Quang		1984	TP HCM	Lông Công ty Vạn Lai Đào Kim					5			5,5			
4252	K	21776	Nguyễn Phước Quang		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán - Thành Định Gia và Tư Vấn Ecovis AFA Việt Nam	5	6	3,5	4				4,5			
4253	K	21777	Nguyễn Liên Quang		1998	Đức Thọ Hà	Công ty TNHH Kiểm toán - Thành Định Gia và Tư Vấn Ecovis AFA Việt Nam	7	6,5	6,5	5,5	6,5	3,5					
4254	H	21778	Nguyễn Văn Quang		1994	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng Đức Ca	4,5	4	5								
4255	K	21779	Lê Vĩnh Quang		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán Thúc Tư Văn Sài Gòn				3,5							
4256	K	21780	Nguyễn Nhật Quang		1989	Bình Định	Công ty TNHH Inspection											
4257	C	21781	Nguyễn Hồng Quân		1974	Hải Phòng	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế Toán và Tư Vấn DHI					3,5						
4258	K	21782	Nguyễn Trung Quân		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton											
4259	K	21783	Trần Văn Quân		1994	Bình Định	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC				6,5				6			
4260	K	21784	Trần Ngọc Quân		1993	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt			2,5					5	1		
4261	H	21785	Lê Nhàn Quân		1993	Trung Quốc	Công ty TNHH YI Topclerking Management		1,5	3								
4262	H	21786	Huỳnh Văn Quân		1990	Liên Giang	Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2	3,5	1,5	3,5	4							
4263	H	21787	Mai Ái Quốc		1981	Lạng Sơn	Công ty TNHH Chè buôn nước, chènon Mỏ công	8	5,5	4	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4264	H	21788	Lê Bảo Quốc	1981		Kiên Giang	Công ty TNHH Phan Thanh Akurinh											
4265	K	21789	Dương Tân Quốc	1995		Tiền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Toàn BDO tại TPHCM			1	3							
4266	C	21790	Nguyễn Thị Bích Quy		1992	Phu Yên								1.5				
4267	K	21791	Nguyễn Thị Kim Quy		1991	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Wido Việt Nam	7	5		5	4			5.5			
4268	K	21792	Trương Kim Quy	1997		Quảng Ngãi			5.5		6.5							
4269	K	21793	Vũ Minh Quy	1995		TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán AS	5	5.5			6						
4270	H	21794	Nguyễn Phú Quy	1997		Lĩnh Ninh	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn IPC											
4271	K	21795	Nguyễn Thị Quan Quy		1995	TP HCM	Công ty TNHH IDE Việt Nam			2.5								
4272	H	21796	Mai Thu Quy		1984	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần TCT	8			4							
4273	K	21797	Nguyễn Thị Quy		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam			7.5	8	6.5						
4274	K	21798	Lê Trần Trọng Quy	1996		TP HCM	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam	5		5	5	7	1.5	5				
4275	H	21799	Trần Xuân Quy		1995	Bình Thuận	Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina											
4276	H	21801	Nguyễn Thị Hạnh Quyên		1981	TP HCM		6		4	2.5							
4277	H	21802	Nguyễn Hoàng Quyên		1998	Bình Định	Công ty TNHH KPMG	6.5	5		7.5							
4278	H	21803	Nguyễn Thị Kim Quyên		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quốc tế IST Vina	7.5			4							
4279	H	21804	Đặng Thị Lệ Quyên		1993	Bình Định	Công ty Luật TNHH Riverview VNCY Consultants			5								
4280	K	21805	Nguyễn Trần Lệ Quyên		1987	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Trang Thiết Bị Y Tế PT	5.5	4.5		5			7				
4281	K	21806	Phạm Thị Mỹ Quyên		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC	9	5.5	7.5	8.5	7	9	5.5				
4282	H	21807	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		1993	Hà Nam	Công ty TNHH IM Hàng Ngựa Sài Gòn											
4283	K	21808	Phạm Ngọc Quyên		1995	Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG											
4284	H	21809	Nguyễn Ngọc Phương Quyên		1997	Vĩnh Long	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam	2.5	0.5	3.5								
4285	H	21810	Lê Thị Quyên		1990	Quảng Nam	Công ty Luật TNHH Thuận Minh											
4286	C	21811	Nguyễn Thị Quyên		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn Road& Partner Việt Nam					7.5	7	6.5				
4287	H	21812	Phạm Thị Thu Quyên		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Crowe Việt Nam											
4288	K	21813	Nguyễn Hoàng Thụy Quyên		1999	Kiên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC tại Cần Thơ	5				5.5	4.5	7				
4289	K	21814	Nguyễn Thị Thuý Quyên		1987	Tiền Giang		5.5		6	1		1.5					
4290	K	21815	Phạm Thị Tô Quyên		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán AS		2	3.5	3.5	4.5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4291	II	21816	Đoàn Ngọc Tú Quỳnh		1995	Phu Yên	Công ty TNHH DV tư vấn và DL T.Tư vấn Giá	5	3	6	6						
4292	K	21817	Phan Trần Minh Quyet	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam			3	1.5	5.5			5		
4293	K	21818	Lê Thị Hương Quỳnh		1996	Bình Dương	Công ty Cổ phần Sản Xuất Nhựa Duy Tân	5	4	5	5	7					
4294	II	21819	Tông Lương Quỳnh		1997	Ninh Bình	Tổng công ty Phát Điện 3			4							
4295	P	21820	Trần Khanh Quỳnh		1995		Công ty TNHH Interphd Việt Nam			5							
4296	II	21821	Dương Thị Lê Quỳnh		1998	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Kết nối Nhân Tài	6	5.5	3.5							
4297	II	21822	Cao Thị Nhật Quỳnh		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH JM			5	3						
4298	K	21823	Dương Ngọc Như Quỳnh		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Luviz Việt Nam			5.5	5						
4299	II	21824	Hồ Như Quỳnh		1998	Cà Mau	Cty TNHH Kiến toán & Tư vấn RSM Việt Nam		3.5		3						
4300	II	21825	Lê Thị Như Quỳnh		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Miesco VNM		2.5	5	3.5						
4301	II	21826	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Yên sao Nha Trang		3.5		4						
4302	K	21827	Phạm Thị Như Quỳnh		1995	Nam Định			8	5			6.5				
4303	II	21828	Trần Thị Như Quỳnh		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam	5		4							
4304	II	21829	Vân Thị Như Quỳnh		1997	Bình Định	Công ty TNHH công nghệ và giải pháp Omega	5		5.5							
4305	K	21830	Vũ Thị Như Quỳnh		1999	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Vacsin Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	4.5	5.5	3.5							
4306	K	21831	Lê Phương Quỳnh		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PWC			1.5				8.5			
4307	K	21832	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh		1989	TP HCM	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	4	2.5	5	5	5	5	6			
4308	II	21833	Trần Thị Thanh Quỳnh		1979	Quảng Nam	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phú Nhuận	3		0.5							
4309	II	21834	Hà Thị Quỳnh		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH VIA Việt Nam		3.5	4	4						
4310	II	21835	Hoàng Thị Quỳnh		1981	Nam Định			2	5							
4311	II	21836	Cao Thị Thủy Quỳnh		1990	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp TOT Việt Nam	6.5		5	5.5						
4312	K	21837	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	4.5	3.5	3.5	2.5	3.5	2	5			
4313	K	21838	Lê Trúc Quỳnh		1997	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch Vụ Kiểm Toán và Tư vấn dịch vụ kế toán Bắc Đầu		5.5	6.5			7				
4314	II	21839	Phan Thị Xuân Quỳnh		1985	Nghe An	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	5	3	5.5	3						
4315	II	21840	Đào Thị Râm		1982	Thái Bình	Trung tâm quan trắc môi trường Việt Nam		0	2							
4316	K	21841	Nguyễn Thị Phú Sa		1998	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam			5	3	5.5		3			
4317	II	21842	Mai Thị Sa		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán Vina	1.5	1	4	3.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thủ tục VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4318	II	21843	Hồ Đức Sang	1991		Bình Định	Công ty TNHH Travel hình cấp SaigonTourist	8.5	7.5	5	4					
4319	II	21844	Trần Thị Kim Sang		1992	Lý Ninh	Công ty TNHH Tư vấn & Kế toán Lạc Wm			5.5	2.5					
4320	II	21845	Nguyễn Thanh Sang	1981		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiên toàn KXH			5						
4321	II	21846	Trần Võ Thanh Sang	1996		Đà Nẵng	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	4.5	1.5	5	3					
4322	K	21847	Trần Thanh Sang	1992		An Giang	Công ty TNHH Kiên toàn Lam Việt - (thị trường IPHCN)	5.5	4	5	3.5	5	3			
4323	K	21848	Trương Văn Sang	1997		Phước Yên	Công ty TNHH Kiên toàn DFC Việt Nam			5	3			2		
4324	K	21849	Đỗ Xuân Sang	1980		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Premium Distribution	6.5	5.5	6	4			5		
4325	K	21850	Hoàng Quang Sang	1987		Ngũyễn An	Công ty TNHH Thương Mãi Dịch Vụ DTC									
4326	K	21851	Phạm Bảo Sơn		1996	Long Quốc	Công ty TNHH Tư vấn SGS Global Việt Nam	5.5	5	5	3					
4327	II	21852	Huỳnh Thị Sơn		1994	Quảng Ngãi		6.5	7	7	5					
4328	II	21853	Lê Thị Sơn		1991	Lien Giang	Công ty CP lập đoàn Hưng Thịnh			4						
4329	K	21854	Đào Văn Sơn	1995		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiên toàn VACO	4.5				6		5		
4330	K	21855	Nguyễn Thị Sơn		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương Kiên toàn và Tư vấn ATL D Việt Nam	6.5								
4331	K	21856	Đỗ Mai Silvia		1987	Thanh Hóa	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Hoaazz									
4332	II	21857	Nguyễn Thị Sơn		1986	Hà Nội	Công ty TNHH M.T.T Group	3	0	1	1					
4333	II	21858	Lê Thị Sơnh		1990	Bình Định	Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế Xây dựng Gai Bao									
4334	K	21859	Đinh Thị Thư Sơnh		1996	Hải Dương	Công ty Cổ Phần Đại Lan Việt		3	4.5						
4335	II	21860	Nguyễn Thị Sơn		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Cờ bạc và Tư vấn hoa TC		4		3.5					
4336	K	21861	Ngô Duy Sơn	1995		Khánh Hòa	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm Toán Phú Nam			5.5	5.5		7.5			
4337	II	21862	Nguyễn Mai Sơn	1990		Thái Bình	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn Thuế Seclux									
4338	K	21863	Trần Nhân Sơn	1995		Nam Định	Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam			8						
4339	II	21864	Nguyễn Ngọc Yên Sơn		1982	Bình Dương	Công ty Cổ phần JXP Software	6.5		5						
4340	II	21865	Hồ Mai Suong		1986	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH (huan Media	6	1.5		1					
4341	K	21866	Nguyễn Thị Ngọc Suong		1984	Lien Giang	Ngân Hàng TMCP V.Chau							7.5		
4342	K	21867	Bùi Thị Thảo Suong		1995	Quảng Ngãi	Công ty CP Phát triển Đất Việt	5.5	5		4	6		6.5		
4343	K	21868	Đinh Thị Thu Suong		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kiên toàn AS		4.5	4	3	5.5	5			
4344	II	21869	Nguyễn Thị Thu Suong		1990	Lien Giang	Công ty TNHH City Clinic Việt Nam			5	3.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4445	II	21870	Trần Hoàng Sỹ	1991		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Mxv. Thưu Thuen Nga	6.5			3						
4446	II	21871	Nguyễn Phước Lai	1978		TP HCM	Công ty CP Thue Hoa Sen		5		1						
4447	II	21872	Nguyễn Tiến Tài	1975		Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Hoàng Nhân			5	5.5						
4448	II	21873	Nguyễn Thị Bà Lao		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Lam Sơn	4.5		4							
4449	K	21874	Lê Đức Lâm	1991		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định Giá Asia Dragon	5.5		2		3.5					
4450	II	21875	Đoàn Thị Hoà Liên		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Thanh Viên		3.5	5.5	2						
4451	K	21876	Võ Huệ Lâm		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KSM Việt Nam	5		5	5			5			
4452	II	21877	Hồ Thị Khuê Lâm		1995	Bình Định	Công ty TNHH BDO Consulting Việt Nam	7.5	4								
4453	II	21878	Đinh Thụy Minh Lâm		1991	Hà Vinh	Công ty TNHH Teawong Global Logistics Việt Nam		7.5	5	8.5						
4454	II	21879	Đỗ Minh Lâm		1989	TP HCM	Công ty TNHH Kỹ thuật QCTD	6	7.5	7.5	2.5						
4455	II	21880	Lương Ngọc Lâm		1988	TP HCM	Công ty CP Tân Nhứt Khang										
4456	II	21881	Dương Phước Tâm	1989		Hà Dương	Công ty TNHH Phát triển Doanh nghiệp CTA	7.5	4.5	5.5							
4457	II	21882	Đỗ Thị Thanh Tâm		1986	Lương An	Công ty TNHH MTV Deep Công Danh										
4458	K	21883	Lê Thị Thanh Tâm		1991	Lương An	Công ty TNHH Kiểm toán Đại Lam	7		7							
4459	II	21884	Lê Thị Thanh Tâm		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Subsegunn Viet Nam	7.5		5.5							
4460	II	21885	Hu Thị Thanh Lâm		1983	Hà Vinh	Công ty TNHH MTV The Sun	5.5		3.5							
4461	II	21886	Lương Thị Thanh Tâm		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Xà dựng 98SG										
4462	II	21887	Phạm Thanh Tâm	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam	8	5.5								
4463	II	21888	Bùi Thị Lâm		1982	Bình Định	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn Thax		5								
4464	II	21889	Lương Vĩnh Lâm	1990		Trương Quốc	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo TQM Việt Nam	3.5		4	2						
4465	K	21890	Nguyễn Hữu Tân	1994		Hà Nội											
4466	II	21891	Trần Thị Minh Tâm		1994	Thừa Thiên Huế	Công ty Lai danh TNHH MTV Hone Credit Việt Nam										
4467	II	21892	Lê Huyền Nhài Lâm		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Chợ Lọt			6.5	4						
4468	II	21893	Hồ Nhứt Tân		1998	Bến Tre		6		4.5							
4469	II	21894	Lưu Thanh Tân		1992	TP HCM	Công ty TNHH Đại lý thuốc Sui Gòn	4.5		6.5	3.5						
4470	II	21895	Ngô Nguyễn Thị Tân		1993	Bình Định	Công ty CP đầu tư và xây dựng Phước Khang	5.5	4	7							
4471	II	21896	Nguyễn Thuận Lao	1989		Hà Vinh	Công ty TNHH Tư vấn Thue Hưng Gia				7.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
											TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC		Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4372	II	21897	Thái Văn Lân	1982		Sóc Trăng	Công ty TNHH MTV Xuân Lộc		1	3.5							
4373	II	21898	Bùi Kim Thước	1992		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán L I O			3.5							
4374	II	21899	Đinh Văn Thước	1990		Ninh Bình	Công ty Cổ phần Dầu từ Đại Xuân										
4375	K	21900	Nguyễn Văn Thu	1988		Nghe An	Công ty TNHH Tư Vấn Dầu Từ - Lai Châu - Kế toán Thuế - Kế toán COW P1			7		7		6			
4376	II	21901	Phạm Đình Thuận	1995		Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Vũ				6.5						
4377	II	21902	Phạm Thị Châu Thanh			Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group										
4378	K	21903	Phạm Chí Thanh	1990		Bến Tre	Công ty Cổ phần Khu Trun Việt Nam Tài IP HCM		2	3				6			
4379	II	21904	Nguyễn Hòa Thanh			IP HCM	Công ty TNHH Accolme Việt Nam		5.5								
4380	K	21905	Lương Thị Hà Thanh			Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
4381	K	21906	Lê Nguyễn Hòa Thanh			Quảng Trị			7		6	7	6	6	6		
4382	K	21907	Lê Thị Hòa Thanh		1986	Thanh Hóa	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	5	2	3	1.5	4	0	5			
4383	K	21908	Đặng Hồng Thanh		1992	Khánh Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại IP HCM	6	6	6			4.5				
4384	K	21909	Nguyễn Hoàng Thanh		1997	Hà Nội	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Phước		4	4		4	1				
4385	K	21910	Đoàn Ngọc Kim Thanh		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Tư Vấn - Kế toán S&S	8.5	9	7.5	6.5	6	7.5	8			
4386	H	21914	Hoàng Thị Mai Thanh		1995	Nam Định	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Thái Bình	7		5.5							
4387	II	21915	Đinh Thị Minh Thanh		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn Quốc tế tại	7	5.5	3.5							
4388	II	21916	Hà Ngọc Thanh		1982	IP HCM	Công ty CP đầu tư xây lắp 285		1.5	5	2						
4389	II	21917	Huỳnh Thị Ngọc Thanh		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Sao Vàng			5.5							
4390	K	21918	Lân Thị Ngọc Thanh		1990	Nam Định	Công ty Cổ phần Nhựa Việt			6.5		6.5	7.5				
4391	K	21919	Đào Phương Thanh		1992	Cà Mau		6.5		6.5	4		6.5				
4392	II	21920	Hồ Phương Thanh		1998	Hải Dương	Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	5.5		6.5							
4393	II	21921	Khổng Phương Thanh		1987	Bình Định	Công ty CP Easy Care	6.5	2.5	4	3						
4394	II	21922	Lê Thị Phương Thanh		1990	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Bra W Is tax Việt Nam	5.5	5								
4395	II	21923	Phạm Ngọc Phương Thanh		1997	Bến Tre	Công ty TNHH E-Glocal - CN IP HCM	6.5	2	5							
4396	II	21924	Phạm Ngọc Phương Thanh		1996	Bình Dương	Công ty Cổ phần Prodez1 ong An										
4397	II	21925	Lân Thị Phương Thanh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khánh Long	6	5	5.5	6.5						
4398	II	21926	Lê Quốc Thanh		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Tư vấn và Đại lý thuế Inter Tax			4							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QJNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4399	H	21927	Hứa Quốc Thanh	1979		Sóc Trăng	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duy Nhật	3	0.5	1	1.5					
4400	H	21928	Đặng Thị Thanh Thanh		1995	Quảng Ngãi			5.5	6.5						
4401	H	21929	Lê Thị Thanh Thanh		1996	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Thanh Bình	4	5.5	5						
4402	H	21930	Cao Thị Thanh		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thu Đạt				3.5					
4403	H	21931	Nguyễn Thị Thanh		1991	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Nền Thuận Việt			6	3					
4404	H	21932	Nguyễn Thị Thanh		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn và Đầu tư Hành trình Doanh nghiệp Việt									
4405	K	21933	Lê Thị Thiên Thanh		1997	Bình Thuận	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S		8		7					
4406	K	21934	Đinh Văn Thanh		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Greenesh Global	3	5	6	4	4	3.5	5.5		
4407	K	21935	Nguyễn Văn Thanh		1997	Bình Phước	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		3	5.5	3.5		6			
4408	K	21936	Lê Thị Văn Thanh		1996	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học MOORE ANSC		5				6	6	7	
4409	H	21937	Nguyễn Thị Việt Thanh		1980	Bình Định	Công ty TNHH Cơ điện lạnh An Phát		3.5	7	2.5					
4410	K	21938	Nguyễn Hữu Thanh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
4411	H	21939	Dương Kim Thanh		1995	Nghe An	Công ty CP chăn nuôi Phú Yên	6	7	5	5.5					
4412	H	21940	Nguyễn Kim Thanh		1991	Bình Dương					6					
4413	H	21941	Võ Minh Thanh		1989	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5		6						
4414	K	21942	Huỳnh Nguyễn Ngọc Huỳnh		1992	Long An	Công ty Cổ Phần Phát Triển Hưng Hậu	5.5			2					
4415	H	21943	Trần Ngọc Thanh		1991	Quảng Trị	Công ty TNHH MTV Se Mỹ									
4416	K	21944	Nguyễn Nhật Thanh		1996	Đắk Nông										
4417	H	21945	Hoàng Thị Thanh		1989	Nghe An	Công ty TNHH Gò Phương Đông	3		3	3.5					
4418	H	21946	Nguyễn Thị Thanh		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo tư vấn thuế Sài Nam	4	0.5	5	1					
4419	K	21947	Trần Tiến Thanh		1998	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		1			3	0.5	5.5		
4420	H	21948	Bùi Nguyễn Trung Thanh		1988	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại TP HCM			5.5	4					
4421	K	21949	Phu Tuấn Thanh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam							8.5		
4422	H	21950	Trần Văn Thanh		1993	Đà Nẵng	Công ty TNHH TM văn tại xây dựng Thiên Hoàng Phát									
4423	H	21951	Nguyễn Phước Thanh		1994	Cần Thơ	Cty TNHH Năng Lương Môi Trường FB	5.5	1.5		1.5					
4424	H	21952	Trần Văn Thanh		1988	Bình Định	Nghân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7		6.5						
4425	K	21953	Lê Thị Đa Thảo		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC			6.5				7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4426	H	21954	Nguyễn Thị Dạ Thảo		1982	Quảng Nam			6									
4427	K	21955	Lê Thị Kim Thảo		1992	Vĩnh Long	Công ty TNHH Hoàng Đại Vương											
4428	H	21956	Nguyễn Thị Kim Thảo		1978	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Chân muối Gia Cẩm Vietnam	4	1.5	5	2							
4429	H	21957	Nguyễn Trần Lan Thảo		1995	Bến Tre	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn HHT											
4430	H	21958	Trần Ngọc Mai Thảo		1994	Tây Ninh	Công ty TNHH TM công nghệ Glinks	7.5	6.5	6.5	4							
4431	H	21959	Nguyễn Thị Minh Thảo		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Sơn xuất và Thương mại Phúc Loan Phiest											
4432	K	21960	Vân Thị Minh Thảo		1988	Nghe An	Chi nhánh tại TPHCM - Công ty TNHH Kiên Toàn và Đình Gia Việt Nam											
4433	K	21961	Huyền Thị Mỹ Thảo		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		2	5	5					7		
4434	H	21962	Lưu Ngân Thảo		1995	Quảng Trị		5.5	4.5	5	2.5							
4435	H	21963	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Đại Việt House	7	3	5	2.5							
4436	H	21964	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Vina Nam Phú			7								
4437	K	21965	Vân Ngọc Thảo		1995	Bà Rịa - Vũng Tau	Công ty TNHH Hwasung Vina		4		3	5	3.5					
4438	H	21966	Lê Nguyễn Thảo		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty IMF Accounting Services Limited tại TP HCM	3.5	5	5	3.5							
4439	H	21967	Trần Linh Nguyễn Thảo		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính - Kế toán Trí Minh	7	8.5	6.5	3.5							
4440	H	21968	Bùi Phương Thảo		1992	TP HCM	Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam											
4441	K	21969	Bùi Thị Phương Thảo		1999	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiên Toàn S&S					6				3.5		
4442	K	21970	Lê Phương Thảo		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Sơn Xuân Nhựa Sơn Quân			5								
4443	K	21971	Lê Thị Phương Thảo		1995	Nghe An		6	2.5	5	1.5			5				
4444	H	21972	Ngô Thị Phương Thảo		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Dịch Vụ Thuế & Kế Toán Việt Im			7								
4445	K	21973	Nguyễn Phương Thảo		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5		7								
4446	H	21974	Nguyễn Thị Phương Thảo		1987	Bắc Ninh				5								
4447	H	21975	Nguyễn Thị Phương Thảo		1988	TP HCM												
4448	H	21976	Nguyễn Thị Phương Thảo		1995	Hà Nam	Công ty TNHH B Ginnu Power											
4449	H	21977	Nguyễn Thị Phương Thảo		1989	Quảng Nam	Cty TNHH Kiên toàn và Tư vấn ACC	5.5	2.5	3	1.5							
4450	C	21978	Nguyễn Thị Phương Thảo		1993	Nghe An	Công ty TNHH Jim Sen											
4451	K	21979	Nguyễn Thị Phương Thảo		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Đại lý Thuế H A T				5.5							
4452	K	21980	Phạm Phương Thảo		1998	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5	2.5	5	5	7	7		6.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4453	H	21981	Phạm Thị Phương Thảo		1991	TP HCM	Công ty TNHH DVKT và thuế OPTIMUS											
4454	H	21982	Phạm Thị Phương Thảo		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH NAC				2							
4455	H	21983	Phạm Thị Phương Thảo		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TMLana			6								
4456	K	21984	Trần Phương Thảo		1995	Nam Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính - Kế Toán Tru Minh	5.5		3								
4457	H	21985	Trần Phương Thảo		1994	Bình Định	CTCP thực phẩm và gia vị Khai Strella HCM	7		6.5								
4458	H	21986	Trần Thị Phương Thảo		1999	Lâm Đồng	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam	6	1.5	6	2.5							
4459	K	21987	Trương Phương Thảo		1997	Ninh Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung	5.5	1	5	2	4.5						
4460	K	21988	Trương Thị Phương Thảo		1996	Lạng An	Công ty K&E Toán - Kiểm Toán - Tư Vấn Việt Nam		2.5		2	5			4			
4461	H	21989	Lê Nguyễn Thanh Thảo		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Bành ngọc CJ Việt Nam	4.5	4									
4462	H	21990	Trần Thị Thanh Thảo		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn KMC	6	2.5	5.5	1.5							
4463	H	21991	Bùi Thanh Thảo		1987	Hà Nội	Công ty CP lập đoàn Đại Xanh											
4464	H	21992	Huyênh Thị Thanh Thảo		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH KPM Advisory	6	5.5	6.5	7.5							
4465	K	21993	Lê Thị Thanh Thảo		1999	Ninh Thuận	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5		6	3.5	7.5	5	7.5				
4466	H	21994	Lưu Thị Thanh Thảo		1995	Hải Dương			8		4							
4467	K	21995	Lý Thị Thanh Thảo		1997	TP HCM	Công ty TNHH Schindler VN						2.5					
4468	K	21996	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo		1995	Cần Thơ	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt		3.5		2	6	6					
4469	C	21997	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1990	TP HCM	Công ty TNHH The Support Việt Nam					6.5		7.5				
4470	K	21998	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		5.5		5.5	7.5	6					
4471	H	21999	Phạm Thị Thanh Thảo		1991	Thái Bình	Cty TNHH Tư vấn và Đại lý thuế ASA											
4472	H	22000	Trần Thanh Thảo	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH MTV Đầu tư DITA		3									
4473	H	22001	Trần Thị Thanh Thảo		1999	An Giang	Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam			6.5								
4474	H	22002	Đinh Thị Thảo		1992	Hải Dương	Công ty TNHH VmaQS	6	4	4	2							
4475	H	22003	Đoàn Thị Thảo		1987	Quảng Ninh	Công ty TNHH KB Enterprise VN			5	5							
4476	H	22004	Hoàng Thị Thảo		1992	Ngũyễn An	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thanh Vinh				3.5							
4477	H	22005	Hồ Thị Thảo		1988	Ngũyễn An	Công ty Cổ phần Yên sao Bàn Mái	6.5										
4478	K	22006	Huyênh Thị Thảo		1999	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S	4.5	2	5.5	4	6.5	6	5				
4479	H	22007	Lê Thị Thảo		1993	Quảng Nam												

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phản tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4480	H	22008	Lương Thu Thảo		1998	Đông Nai	Công ty TNHH Green Metal	6	5.5	3.5	2.5					
4481	H	22009	Bùi Thu Thảo		1994	An Giang	Công ty TNHH Kiên toàn T&K			5.5	5					
4482	H	22010	Lê Thu Thảo		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Charm Group									
4483	K	22011	Lê Thu Thảo		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Luviss Mazars Việt Nam	6.5	6.5		4	6.5	2.5			
4484	H	22012	Nguyễn Thu Thảo		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Annars Việt Nam	5.5	7	6	7					
4485	K	22013	Nguyễn Thu Thảo		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH C&F Việt Nam				3					
4486	H	22014	Nguyễn Thu Thảo		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phú Cường Thịnh	5		5.5	3					
4487	K	22015	Nguyễn Thu Thảo		1997	TP HCM	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			4		3			6	
4488	K	22016	Phạm Thu Thảo		1993	Phu Yên	Công ty TNHH Tropes	6.5	0.5	4						
4489	H	22017	Trần Thu Thảo		1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Lhu									
4490	H	22018	Vũ Thu Thảo		1996	Đắk Lắk	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Ngân Tần									
4491	H	22019	Nguyễn Thu Xuân Thảo		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm PK1									
4492	H	22020	Thân Thị Bích Thảo		1993	Bình Định	Công ty TNHH MTV SX TM Nấm Thuận Lợi	7.5	5	7	3.5					
4493	K	22021	Đỗ Thị Hồng Thảo		1991	Bình Định		5	0.5	6	5	3.5	1.5	3.5		
4494	H	22022	Nguyễn Thị Hồng Thảo		1989	Kiên Giang	Công ty Cổ phần Gryo Pacific	7		6						
4495	H	22023	Nguyễn Thị Hồng Thảo		1980	Bến Tre	D&N Đức Hạ		3		2					
4496	H	22024	Trần Thị Hồng Thảo		1986	Vĩnh Long	Công ty CP tư vấn xây dựng Cửu Long		5	7						
4497	H	22025	Trần Thị Hồng Thảo		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Desamurai Việt Nam	4.5	5							
4498	H	22026	Đường Thị Mỹ Thảo		1995	Vĩnh Long		7.5	4	5.5	2					
4499	H	22027	Hoành Thị Như Thảo		1988	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group									
4500	K	22028	Bùi Phương Thảo		1983	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Lạc Việt	3.5	3		1	7	3			
4501	H	22029	Nguyễn Thị Thảo		1993	Nam Định	Công ty TNHH TMGroup	8			4.5					
4502	H	22030	Phạm Thị Thảo		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Công nghệ Năng lượng VN	5.5	5	7	2					
4503	K	22031	Trần Thị Thảo		1995	Hà Tĩnh	Công ty Chung Khoa SSI				5.5	7		6		
4504	K	22032	Lê Thu Thảo		1993	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Phú Quốc Trần Thu									
4505	K	22033	Nguyễn Mạnh Thảo		1982	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn ACC	4		5	1.5	6	1	2.5		
4506	K	22034	Nguyễn Ngọc Thảo		1994	Kiên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH K&PVC		3	3	4	7.5	5	7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4507	II	22035	Nguyễn Hoàng Trọng Hùng	1986		Khánh Hòa	Công ty TNHH Thực phẩm Sakuma	5.5	3	3.5	2					
4508	II	22036	Võ Xuân Thắng	1985		Hà Tĩnh	Cty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PLSCTy	7.5								
4509	II	22037	Dương Thị Hồng Thắm		1986	Campuchia	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc桂									
4510	II	22038	Là Thị Hồng Thắm		1990	Hưng Yên	Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đông Nam	5	7	6.5	4					
4511	K	22039	Nguyễn Hoàng Thuận	1995		Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Mỹ	7		4		6				
4512	K	22040	Vân Diễm Đức		1998	Cà Mau	Công ty Cổ Phần Dầu lửa桂						6			
4513	K	22041	Hoàng Minh Đức	1996		Bình Dương	Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam						4.5	0.5	6.5	
4514	K	22042	Châu Văn Đức	1997		Cà Mau	Cty TNHH Hàng kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc	5	4	6		7	5	4.5		
4515	II	22043	Cao Thị Thiên		1993	Nghe An	Cty TNHH Hàng kiểm toán và tư vấn AFD Việt Nam									
4516	K	22044	Nguyễn Dương Anh Thi		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PWC									
4517	II	22045	Phạm Thị Anh Thi		1983	Lạng Sơn	Công ty TNHH INI - SX Pháo Hàng		7		4.5					
4518	II	22046	Nguyễn Thị Cẩm Thu		1990	Bến Tre	Công ty TNHH Chế biến Dầu Lương Quon	7.5		4	1					
4519	K	22047	Hoàng Thị Diễm Thi		1995	Thừa Thiên Huế				6.5	3				3.5	
4520	II	22048	Phùng Đình Thi	1983		Phu Thọ	Công ty liên doanh giữa Koppel Land và Phú Long				6.5					
4521	K	22049	Cao Thị Hoàng Thi		1996	Quảng Trị	Công ty Cổ Phần bột桂 ITX		4	6.5	4					
4522	II	22050	Phạm Văn Thi	1995		Đồng Tháp		5.5	5	6.5	4					
4523	K	22051	Nguyễn Thi	1997		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hàng kiểm toán và tư vấn AFD Việt Nam		8		6.5					
4524	II	22052	Võ Cao Thiên	1993		Quảng Nam	Công ty TNHH Ajun Yuna		7.5		6.5					
4525	K	22053	Võ Hữu Thien	1994		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán KMH		1.5		3			2.5		
4526	K	22054	Phạm Khắc Thien	1999		Hà Nội	Công ty TNHH PWC			1.5					6.5	
4527	II	22055	Ngô Quang Mỹ Thien		1984	Lạng Sơn	Công ty TNHH Stella Global Việt Nam									
4528	K	22056	Lưu Bà Thien	1999		Quảng Ngãi	Cty TNHH Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC	7.5	6	6.5	3	5	5	6		
4529	K	22057	Nguyễn Đức Thien	1999		Bình Định	Công ty Cổ Phần Mason Retail Management International	5	5.5	6.5	4					
4530	K	22058	Phạm Đức Thien	1992		Nam Định	Công ty TNHH Lim Sen			6.5						
4531	K	22059	Nguyễn Lưu Khả Thien	1998		Ninh Thuận	Công ty TNHH Crowe Việt Nam - Chu nhân JPJ(CM)			6	5					
4532	K	22060	Đỗ Ngọc Thien	1997		Bắc Ninh	Công ty Cổ Phần Dầu lửa桂	4				8		7		
4533	II	22061	Nguyễn Thị Ngọc Thien		1996	Phu Yên	Công ty TNHH INVI Việt Nam	4	2.5	6.5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4514	H	22062	Nguyễn Thị Thu		1988	Thái Bình	Công ty CP XNK Tân Định			4	3					
4515	H	22063	Nguyễn Văn Thuận	1988		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Tư vấn Đại lý Thuế Global Tax	5.5		5.5						
4516	K	22064	Nguyễn Đức Thịnh	1995		Bạc Liêu	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm Toán và Tư vấn dịch vụ kế toán Bắc Đẩu	5	4	4	5	6.5	3.5	6.5		
4517	H	22065	Phan Hoai Thinh		1996	Bình Dương	Công ty Cổ phần Giải pháp hệ thống Long Vân	7	5.5	6	2.5					
4518	K	22066	Phạm Hoàng Thịnh	1996		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5.5	6.5		3.5		6.5			
4519	K	22067	Nguyễn Quốc Thịnh	1970		Đà Nẵng	Công ty TNHH Núi Thái Mỹ Kông		6.5	6						
4540	K	22068	Vũ Thị Thịnh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Bảo Hiểm Hanwha Life Việt Nam		8	6.5	5.5					
4541	K	22069	Đoàn Tiến Thịnh	1985		Hà Nam	Công ty TNHH IM Dantree									
4542	H	22070	Nguyễn Lê Trí Thịnh		1996	Đông Núi		5.5	0.5	5	2.5					
4543	K	22071	Nguyễn Văn Thịnh	1999		Bình Định	Công ty TNHH PWC							7		
4544	H	22072	Nguyễn Văn Thịnh	1994		Quảng Nam	Công ty TNHH CP Thương mại công nghệ Go Viet	7	7	7	5					
4545	H	22073	Nguyễn Xuân Thịnh	1983		Đà Nẵng	Vina Construction Co., Ltd	4	6	6.5	6.5					
4546	H	22074	Trần Duy Thọ	1997		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Yasee Việt Nam									
4547	K	22075	Nguyễn Hữu Thọ	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam									
4548	H	22076	Nguyễn Thị Ngọc Thọ		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH The Lux Agency VN	6.5	3.5		2.5					
4549	K	22077	Trần Văn Thọ	1985		Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Trí Tín									
4550	H	22078	Lê Thị Hồng Thoa		1986	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Điện Trần	5	5	7.5	3					
4551	K	22079	Nguyễn Thị Kim Thoa	1998		Long An	Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch vụ MHD	5.5	4	7	5	7	6	7		
4552	H	22080	Nguyễn Thị Kim Thoa		1996	Bình Định	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Jung Lam Holdings	6.5	7							
4553	H	22081	Nguyễn Thị Kim Thoa		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Trí Thục Việt		2.5		2					
4554	H	22082	Trần Thị Kim Thoa		1987	Long An	Công ty TNHH (Chè biên nước chàm Mekong	6		6						
4555	H	22083	Trần Thị Kim Thoa		1987	Bình Định	Công ty TNHH Kỹ thuật Báo chí Trần Công Nghiêm			5.5	2.5					
4556	K	22084	Trương Nguyễn Ngọc Thoa		1985	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán AID									
4557	H	22085	Nguyễn Thị Thoa		1980	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hòa Sen Vàng	5.5	5.5	7	3.5					
4558	H	22086	Nguyễn Thị Thoa		1993	Ngũyễn An	Công ty CP TN E&C	5.5								
4559	K	22087	Trần Thị Thoa		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH KPM Auditing & Advisory		6				5			
4560	H	22088	Đinh Thị Kim Thoa		1986	Bình Định	Công ty CP đầu tư và xây dựng số 4.5	6.5		7.5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HĐT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4561	K	22089	Võ Minh Thoa	1998		Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	6	7.5	7.5	5.5	5.5	7	5		
4562	H	22090	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1990	Đông Tháp			5	6.5						
4563	H	22091	Võ Thị Thuần		1987	Liên Giang	Cty TNHH Truc & Lan Bookkeeping	5	3.5		1.5					
4564	H	22092	Phan Thị Hòa		1989	Thừa Thiên Huế										
4565	K	22093	Lê Bá Thông	1988		Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán AVCS		5.5	6.5	5	8.5	5			
4566	K	22094	Nguyễn Minh Thông	1994		Lào Ninh	Công ty TNHH Trist & Young Việt Nam			6	3.5					
4567	H	22095	Nguyễn Minh Thông	1989		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần MS Lam	5	5	6.5	8					
4568	H	22096	Nguyễn Thị Minh Thông		1986	Khánh Hòa	Cty TNHH Trung Lam Thuốc Thú Y & Y học California - CN Nha Trang		5		6.5					
4569	K	22097	Võ Nguyễn Thông	1998		Ninh Thuận	Công ty TNHH Hồ Lợi Doanh Nghiệp NT									
4570	H	22098	Huỳnh Quốc Thông	1997		Hải Giang	Công ty TNHH New Hope Vinh Long		1	5	1.5					
4571	K	22099	Võ Thị Hoàng Thư		1999	Nghệ An	Công ty TNHH Trist & Young Việt Nam	5.5	1	3				4		
4572	H	22101	Ngô Đăng Huỳnh Thư		1987	Đông Tháp		7		5.5						
4573	K	22102	Bach Thi Kim Thư		1994	Quảng Ngãi	ABBOTT Laboratories GmbH	6					6.5			
4574	H	22103	Lương Thị Thư		1996	Phu Yên	Cty TNHH Liên Hoa Group	6.5	3.5	6.5	3.5					
4575	H	22104	Nguyễn Thị Thư		1980	Bình Định	Công ty TNHH Tư Law Việt Nam	5.5	3	3.5	1					
4576	K	22105	Lê Thị Ý Thư		1990	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán E-Jung	6	3	5.5	3.5	5.5	5.5	5.5	5	
4577	H	22106	Lưu Thị Thoa		1992	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Law chính JHJ		3.5		3.5					
4578	H	22107	Phan Thị Mỹ Thơm		1992	Phu Yên	Công ty TNHH Chảo nướng Harpok	5	4	3.5	1.5					
4579	K	22108	Đoàn Thùy Ngọc Thơm		1984	Lạng Sơn	Công ty TNHH Amphexol Technology Việt Nam					5	6.5	7		
4580	K	22109	Trinh Thị Thơm		1994	Nam Định	Công ty Cổ Phần Chung Khoan Thien Viet	6	7					8.5		
4581	H	22110	Ngô Thị Cẩm Thu		1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Việt Hưng Group	3	5	8	3					
4582	H	22111	Nguyễn Thị Cẩm Thu		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Vina Nam Phú	5.5			7.5					
4583	K	22112	Nguyễn Thị Diễm Thu		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSNI Việt Nam	5				5.5	2	6.5		
4584	H	22113	Ngô Thị Hoa Thu		1987	Bắc Giang	Công ty TNHH SX và TM Hưu Kim	3.5	2.5	6	2.5					
4585	K	22114	Phan Thị Hoa Thu		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH Dezan Shira & Công Sự Việt Nam	6.5		7.5			5			
4586	K	22115	Phan Thị Hoa Thu		1989	Quảng Bình	Công ty TNHH GIC Logistics Solutions			3						
4587	H	22116	Đinh Thị Hồng Thu		1982	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Anoch	7		2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4588	H	22117	Nguyễn Thị Nha Thu		1987	IP HCM	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nha Khoa Bảo Việt	4.5	0.5	5	1						
4589	K	22118	Đỗ Thị Thanh Thu		1994	Dòng Núi	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Đông Dương	6.5	3.5	5.5	2.5	6	3	5			
4590	H	22119	Nguyễn Thị Thanh Thu		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Lee Ton Logistics										
4591	H	22120	Đinh Thị Thu		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Đào tạo Thương mại và Dịch vụ xây dựng Thuận Hưng	5.5									
4592	H	22121	Hà Thị Thu		1995	Nghệ An	Công ty Cổ phần Lập đoàn Đào tạo và Quản lý Giáo dục Văn Lang			7.5	5						
4593	H	22122	Nguyễn Thị Thu		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH Nồi đất Mộc Kông		1.5	5							
4594	H	22123	Phạm Thị Thu		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Methods Logistics			5.5	3.5						
4595	K	22124	Nguyễn Ngọc Việt Thu		1999	An Giang	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC		1.5	3.5	3	6					
4596	H	22125	Le Xuân Thu		1981	Bắc Giang	Công ty CP Djarai										
4597	H	22126	Lương Thị Thuận		1982	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Thương mại Đào tạo Hưng Vinh										
4598	H	22127	Le Bích Thuận		1991	Khánh Hòa	Có TNHH Kiem Loan & Tư vấn RSM Việt Nam	5.5	5.5	9	5						
4599	H	22128	Le Thụy Bích Thuận		1990	Khánh Hòa	Công ty TNHH BDS Long Lân										
4600	H	22129	Nguyễn Công Thuận	1992		Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán & KI	4.5		5							
4601	H	22130	Nguyễn Phú Thuận	1993		Thái Bình	Công ty Cổ phần Lograns	3	1								
4602	H	22131	Cao Thị Thuận		1992	Nghệ An	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học KLP	8.5	6	5	5.5						
4603	H	22132	Nguyễn Thị Thu Thuận		1988	Bình Định	Công ty TNHH Suntek Việt Nam	6.5									
4604	H	22133	Bùi Thị Anh Thuận		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH INSN DY Thuận Lân	7.5		7.5							
4605	P	22134	Le Thị Diễm Thuận		1989		Công ty Cổ phần Y tế H15			7							
4606	K	22135	Nguyễn Thị Kim Thuận		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiem Loan và Dịch vụ Jim Hoe MOORE- AISC	4.5	3.5		4	5		6			
4607	H	22136	Hà Thị Minh Thuận		1993	Nghệ An	Công ty TNHH Bel Việt Nam	4.5	0.5	6	0.5						
4608	K	22137	Trần Thị Ngọc Thuận		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Lập Đoàn Trung Thủy						2	3.5			
4609	K	22138	Phạm Nguyễn Thu		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Duckson Yma				5						
4610	H	22139	Hoàng Lê Thu Phương Thu		1987	Lạc Ninh	Công ty Luật TNHH MIV Hoàng Bách			3.5	1.5						
4611	H	22140	Hoàng Thanh Thu		1981	Long An	Công ty TNHH Xây dựng Kinh doanh Nhà Phước Lộc										
4612	K	22141	Cao Thị Thu		1986	Hà Nam	Đầu tư kinh doanh số 5 - Công ty TNHH Kiem Loan Thu	6.5	3	7.5	2.5						
4613	H	22142	Ngô Thị Thu		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Crowe Việt Nam										
4614	H	22143	Phạm Thị Thu		1990	Bình Định	Công ty CP thương mại Dược Nam Hà	6.5		6.5	5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4615	K	22144	Trần Thị Thủy		1997	Nghệ An	Công ty Cổ phần Trang Trí Nội Thất Sơn		5	6.5	2.5	6	6.5					
4616	H	22145	Trần Thị Thủy		1993	Nam Định	Công ty TNHH VAC Sáo Sơn			6	4							
4617	H	22146	Vũ Thị Thủy		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phúc Lộc	5.5	6.5	7	2							
4618	H	22147	Phạm Thị Thu Thủy		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Thuận Lợi	5	1	5	3.5							
4619	H	22148	Phạm Thu Thủy		1990	Nghệ An	Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Lê Hoàng	4.5	2.5	5.5	1.5							
4620	H	22149	Lê Xuân Thủy		1984	Cà Mau	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải - CN Cần Thơ	6	2.5	5	5							
4621	H	22150	Lê Thị Bích Thủy		1986	Cần Thơ	Công ty TNHH Autocare Thuận Phát			3.5								
4622	H	22151	Nguyễn Thị Bích Thủy		1984	Thanh Hóa	Hồng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	6.5										
4623	H	22152	Trương Thị Huyền Thủy		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Tư vấn Koscell & Partner Việt Nam			6								
4624	H	22153	Bùi Thị Lê Thủy		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Nhà Phát			7	1.5							
4625	H	22154	Đỗ Thị Thanh Thủy		1993	Thanh Hóa	Hồng công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	8			4							
4626	C	22155	Hồ Thị Thanh Thủy		1988	Nghệ An	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam					5.5	6.5	6				
4627	H	22156	Lê Thị Thanh Thủy		1984	Nghệ An	Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Doanh nghiệp Flux	5	2.5	5	3							
4628	K	22157	Lê Thị Thanh Thủy		1984	Quảng Ngãi			6		5	4	4.5					
4629	H	22158	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1987	Quảng Trị	Công ty TNHH Công nghiệp Wacoy Việt Nam	6.5	1	5	2.5							
4630	H	22159	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1985	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Giao hàng An Toàn	4.5		6.5								
4631	H	22160	Hoàng Thị Thủy		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Leading Star Việt Nam	7.5	1.5	4	3							
4632	K	22161	Hồ Thị Thủy		1976	Ninh Thuận		5	7	6	4							
4633	H	22162	Hồ Thị Thủy		1999	Bình Định	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bàu Bùn Xanh	4	1	3	3							
4634	H	22163	Lê Thị Thủy		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH SICO Việt Nam	6	5	5.5	2.5							
4635	H	22164	Nguyễn Thị Thủy		1981	Nghệ An	Công ty CP Kien truc Han Ngoc Viên Đông	5	1	6.5	2.5							
4636	H	22165	Nguyễn Thị Thủy		1985	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn thi công xây dựng Núi thái Nam Cường			6.5								
4637	H	22166	Phạm Thị Thủy		1982	Hà Tĩnh	CN TNHH Tư vấn và Dịch vụ thuế ASA		3	7								
4638	K	22167	Cao Thị Thu Thủy		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiến Tạo SKS	8.5	6.5	5.5	3	7	6.5	5				
4639	K	22168	Cao Thu Thủy		1993	Tiền Giang	Công ty Cổ phần Năng lượng IRIX		7.5	5	1.5			6				
4640	H	22169	Bào Thị Thu Thủy		1997	Quảng Ninh	Công ty TNHH N.N.MTV TXI và NKK Vested - Trung tâm phân phối											
4641	H	22170	Đỗ Thị Thu Thủy		1988	Bình Định	Công ty TNHH Sinh Hương	5	2	6.5	3.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4642	II	22171	Trương Thu Thủy		1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Năng lực Người khuyết tật			5.5	2						
4643	K	22172	Nguyễn Thu Thủy		1998	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiến tạo 1-2-3	6.5	6	6	5		4		5		
4644	K	22173	Nguyễn Thu Thủy		1994	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vươn Nhà	4	4	5		6	2.5		6		
4645	II	22174	Nguyễn Thu Thủy		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH L. one Innovate Việt Nam	6.5	5	5							
4646	K	22175	Nguyễn Thu Thủy		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiến tạo - Thanh Đình Gia và Tư Vấn ECOVIS AF-A Việt Nam								7.5		
4647	K	22176	Nguyễn Thu Thủy		1992	Bình Định	Công ty CP DL & XD Phúc Khang			5.5	2.5						
4648	II	22177	Nguyễn Thu Thủy		1993	Bình Định				5							
4649	II	22178	Nguyễn Thu Thủy		1984	Cần Thơ	Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ	3		2.5	1.5						
4650	K	22179	Trần Thu Thủy		1997	Nam Định	Công ty TNHH PWC										
4651	K	22180	Trương Thu Thủy		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC			5		5.5	4		9		
4652	II	22181	Lê Trương Xuân Thủy		1984	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ Lê hành 1 om										
4653	K	22182	Ngô Thủy		1994	Già Lai											
4654	K	22183	Trần Hồng Thủy		1998	Long An	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn RSM Việt Nam		3	5	3.5		3.5				
4655	II	22184	Đào Thu Cẩm Thủy		1998	An Giang	Công ty TNHH Tư vấn Việt & Partners		5.5	6.5	5						
4656	II	22185	Nguyễn Hồng Cẩm Thủy		1985	Trần Giang	Công ty TNHH SX TM Dịch vụ HD - Mỹ Nam Nguyễn	5.5	1	6.5	2.5						
4657	C	22186	Phạm Thu Diễm Thủy		1992	Cà Mau						5	5.5		2.5		
4658	K	22187	Nguyễn Thu Diễm Thủy		1999	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn A&C tại Cần Thơ	4		5	2.5	6.5	6		3.5		
4659	II	22188	Nguyễn Thu Diễm Thủy		1988	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Lương thực Phương Nam		3	6							
4660	K	22189	Vũ Thu Diễm Thủy		1997	Hải Dương	Công ty TNHH PWC Việt Nam							0			Đánh chủ đầu tư cá các môn
4661	II	22190	Lê Thu Hồng Thủy		1994	Hưng Yên		6.5	6	5.5	2						
4662	C	22191	Ngô Đức Hồng Thủy		1977	Hưng Yên							5	5	6		
4663	II	22192	Phạm Nguyễn Minh Thủy		1998	Quảng Ngãi	Ngân hàng TNHH MTY Hong 1 công Việt Nam										
4664	II	22193	Ngô Thu Ngọc Thủy		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH dịch vụ doanh nghiệp Bảo Tín										
4665	II	22194	Nguyễn Thu Ngọc Thủy		1994	Quảng Nam	Công ty CP Công nghệ Hhouzz										
4666	II	22195	Nguyễn Thu Ngọc Thủy		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH ASI Vina	6	3	7	3						
4667	II	22196	Phạm Ngọc Thủy		1989	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng và Thương mại An Decor	6	2.5	2	3.5						
4668	K	22197	Phan Thu Ngọc Thủy		1994	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn Jung II	5.5	2	3	1		3.5		3.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4669	H	22198	Hoàng Ho Phương Thuy		1985	Thị trấn Huế	Công ty TNHH Khang Hi Engineering		3	5.5	6					
4670	H	22199	Phạm Ngọc Phương Thuy		1996	Nam Định	Công ty TNHH Y Assoc Việt Nam									
4671	H	22200	Phạm Phương Thuy		1996	Nghe An	Công ty TNHH Quan Ly Poine									
4672	C	22201	Lưu Thu Phương Thuy		1989	Hà Nam						6	8	2		
4673	H	22202	Bùi Thu Thanh Thuy		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hưng Phú Gia			2	1					
4674	H	22203	Đỗ Thu Thanh Thuy		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ngọc Việt Nam		4.5		4					
4675	H	22204	Nguyễn Thu Thanh Thuy		1986	Thái Bình	Công ty TNHH Thu Ý Đông Phương	6	6	5	4					
4676	K	22205	Nguyễn Thu Thanh Thuy		1992	Lâm Ninh			7		6					
4677	H	22206	Võ Thu Thanh Thuy		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ Lm				1					
4678	H	22207	Đỗ Thu Thuy		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Xây dựng Phong cảnh Hoàng Diệp		2.5							
4679	H	22208	Lê Thu Thuy		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Constant Việt Nam	8.5		6						
4680	H	22209	Phạm Thu Thuy		1985	Nam Định	Công ty Cổ phần Vạn Tài Tháo Luân	5.5		5.5	3.5					
4681	K	22210	Đặng Thu Thuy		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Crowe Việt Nam		2	6	3					
4682	H	22211	Trần Long Thuy	1990		Khánh Hòa	Công ty CP cơ khí và XD Bình Hòa			6.5	5					
4683	H	22212	Cao Thu Huyền		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH VTA Việt Nam		2	6						
4684	H	22213	Nguyễn Thu Huyền		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM & DV Lan Minh An									
4685	C	22214	Đường Thu Huyền		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH DH Accounting					6.5	7	5		
4686	C	22215	Đỗ Thu Anh Thuy		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư Vấn & Kiến Toán Gia Cai					3	3.5	4		
4687	K	22216	Hoàng Thu Anh Thuy		1994	Quảng Trị	Công ty Cổ Phần Công Miền Nam		6.5		5		6.5	5		
4688	H	22217	Huỳnh Anh Thuy		1994	An Giang	Công ty TNHH Samia Furniture			7.5						
4689	K	22218	Huỳnh Thu Anh Thuy		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiến Toán S&S	6.5	3.5	6.5	5.5	6	4.5	5		
4690	H	22219	Lê Anh Thuy		1998	Bình Định	Công ty TNHH Quan Ly Visa		2.5							
4691	K	22220	Lê Anh Thuy		1994	Cần Thơ	Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam			6.5	3					
4692	H	22221	Ngô Anh Thuy		1991	Bạc Liêu	Công ty TNHH Tư vấn Lai chính - Dịch vụ Kế toán Toán Cầu	6.5		7	5					
4693	H	22222	Nguyễn Anh Thuy		1998	Bình Dương	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam	4.5								
4694	H	22223	Nguyễn Anh Thuy		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Teaspo Việt Nam			5	3.5					
4695	K	22224	Nguyễn Hoàng Anh Thuy		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC		6.5	5	4.5		3.5	5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
4696	H	22225	Nguyễn Ngọc Anh Thư		1993	Kon Tum	CN công ty TNHH tư vấn và đại lý Thuế Công Minh	6.5	6	5.5	8					
4697	H	22226	Nguyễn Thu Anh Thư		1998	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam	2.5		3	3.5					
4698	K	22227	Nguyễn Thu Anh Thư		1993	Bình Thuận	Công ty Cổ Phần Đầu tư Danh Khoa Holdings			5.5	2.5		2			
4699	K	22228	Phạm Anh Thư	1993		Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4.5	3	5.5	4	5	5.5	6		
4700	K	22229	Trần Anh Thư		1998	Tra Vinh	Công ty TNHH Kiên Loan và tư Vấn A&C		4	4	2	5				
4701	H	22230	Trần Thu Anh Thư		1998	Bình Định	Công ty TNHH Âm thanh sở Thiên Vũ			6.5	5.5					
4702	H	22231	Võ Thu Anh Thư		1991	Dồng Tháp										
4703	H	22232	Nguyễn Thu Kiều Thư		1990	Dồng Tháp	Công ty Cổ phần Ánh văn Hóa Việt Mỹ			2						
4704	K	22233	Nguyễn Thu Kim Thư		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Lum Sen	4.5	5.5	6	3	6.5	7	6		
4705	H	22234	Nguyễn Hòa Liên Thư		1982	Tra Vinh	Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Goodway				6					
4706	H	22235	Lê Ngọc Minh Thư		1993	Bà Rịa Vũng Lau	Công ty TNHH Fortis Muzars Việt Nam	6.5	6	4	2.5					
4707	H	22236	Ngô Thu Minh Thư		1997	Dồng Nai		1	6.5	4	3					
4708	K	22237	Nguyễn Minh Thư		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiên Loan Thuế Tư Vấn Sài Gòn	5	6.5	6	5.5	4	0	6		
4709	H	22238	Nguyễn Minh Thư		1997	TP HCM	Cty TNHH Tư vấn A&C	3.5		2.5						
4710	K	22239	Nguyễn Ngọc Minh Thư		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiên Loan Đầu Á Việt Nam	4.5	2	4	2	5	4.5	4		
4711	K	22240	Nguyễn Thu Minh Thư		1991	Dồng Tháp	Công ty TNHH Kiên Loan Sao Việt									
4712	K	22241	Phạm Thu Minh Thư		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH PVC	5.5	5	5			4			
4713	K	22242	Trần Nguyễn Minh Thư		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Kiên Loan T&E	5.5			3			5.5		
4714	H	22243	Trần Thu Minh Thư		1987	Liên Giang	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khoa Nguyễn	5	2.5	6	2.5					
4715	P	22244	Võ Minh Thư		1998		Công ty TNHH KPMG									
4716	K	22245	Võ Thuý Minh Thư		1998	Liên Giang	Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động				3.5					
4717	K	22246	Võ Thị Ngọc Thư		1998	Dồng Tháp	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Loan Deloitte Việt Nam		5		3		4.5	6		
4718	H	22247	Phạm Ngọc Phương Thư		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thép Việt		3	5						
4719	H	22248	Đoàn Thị Quỳnh Thư		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH STS Sen			5	6.5					
4720	K	22249	Hoàng Thị Thanh Thư		1994	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Du lịch Ya Dịch Vụ Hàng Không Biên Đông	6	6	5.5						
4721	H	22250	Nguyễn Kim Thanh Thư		1993	Kiên Giang	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Đầu óc No va	4.5		5	5					
4722	H	22251	Trần Thị Thanh Thư		1997	Hà Giang	Cty TNHH CHTP XK Phương Đông									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4723	II	22252	Ngô Thu Thư		1991	Hà Phòng	Công ty TNHH Thương mại Oryx	6	8	7.5	7					
4724	II	22253	Trần Thu Thư		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH 3W Logistics	4		5						
4725	II	22254	Nguyễn Hà Thiên Thư		1990	Vĩnh Long	Công ty TNHH MTV Đình Lâm	5.5	3.5	2.5	3					
4726	K	22255	Võ Thiên Thư		1998	TP HCM	Công ty TNHH PMC				3.5					
4727	II	22256	Nguyễn Thu Thúc		1989	Bình Định	Công ty TNHH Thương Thiện nhiên			5.5	4					
4728	II	22257	Nguyễn Văn Thúc	1980		Quảng Bình	Công ty TNHH BCTC	6.5	6.5	6.5	5.5					
4729	II	22258	Đặng Hoài Thương		1993	Lâm Đồng	Công ty TNHH Ernst & Young VN			7						
4730	II	22259	Lê Thu Hoài Thương		1996	Hà Tĩnh				4						
4731	II	22260	Lê Thu Hoài Thương		1999	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần YouNet	5.5	8.5	6.5	6.5					
4732	II	22261	Lê Thu Hoài Thương		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Liên Kết Adam			6.5	5					
4733	K	22262	Nguyễn Hòa Thương		1994	Quảng Nam	Công ty CP Thép Trung Đông	5	4		3	7	5.5			
4734	K	22263	Nguyễn Thu Hoài Thương		1997	Nghe An	Công ty CP Dịch Vụ Tư Vấn và Đào Tạo L&H	5		6	5		5.5			
4735	II	22264	Ninh Thu Hoài Thương		1994	Nam Định	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			5						
4736	II	22265	Phạm Thu Hoài Thương		1995	Phu Yên	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam			5.5						
4737	K	22266	Trần Thu Hoài Thương		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	6		6	4	5.5				
4738	II	22267	Trần Thu Hoài Thương		1990	Quảng Trị		5.5		6.5						
4739	K	22268	Trần Thu Hoài Thương		1996	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Luật AICA		5.5		3	6.5				
4740	II	22269	Võ Thu Hoài Thương		1994	Quảng Nam		5.5		5						
4741	II	22270	Lâm Thu Ngọc Thương		1989	Bình Định	Công ty CP Bảo cao học Superdong - Kiên Giang		3.5	5.5						
4742	II	22271	Nguyễn Thanh Thương	1992		Bến Tre	Công ty TNHH SX TM DV hoa trái Hưng Thuận									
4743	K	22272	Quách Thu Thanh Thương		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		6.5	6	3					
4744	II	22273	Lê Thu Thương		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH E-Glocal - Chi nhánh TP HCM	5.5	3	5	3					
4745	II	22274	Lê Thu Thương Thương		1982	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	5	2	6	3					
4746	K	22275	Đinh Văn Thương	1995		Quảng Nam					1		2	6		
4747	K	22276	Hiền Thu Diễm Thy		1998	Liên Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4	3.5	2.5		2.5			
4748	II	22277	Phạm Loan Diệu Thy		1987	Bình Định	Công ty CP thiết bị y tế Nam Trung		4.5							
4749	K	22278	Lê Thu Loan Thy		1996	Đồng Nai	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4750	K	22279	Võ Lê Khánh Thy		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	5	4.5	3	6.5	6.5	8		
4751	K	22280	Nguyễn Kim Thy		1984	An Giang	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Reliv									
4752	K	22281	Đinh Thị Mai Thy		1991	Tây Ninh	Ngân Hàng TMCP A.C Chi nhánh	3.5	7	5			7.5			
4753	K	22282	Phạm Thị Mạnh Thy		1988	Lưu Vĩnh										
4754	C	22283	Trần Thị Ai Liên		1990	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Dầu Lũy Và Phát Triển Bất Động Sản An Châu						6	7.5		
4755	K	22284	Lâm Cẩm Liên		1999	TP HCM	Công ty TNHH Huệ Long Thành	5	2.5	3.5	5	5	6	7.5		
4756	K	22285	Ngô Thị Cẩm Liên		1998	Lũng An	Công ty TNHH Kiến Toàn Lũy Văn Mặc Liêu			5	0.5		5	1.5		
4757	H	22286	Phạm Thị Cẩm Liên		1994	An Giang	Công ty CP bảo vệ thực vật Phú Nông			6.5	6.5					
4758	K	22287	Mai Thị Quang Liên		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4.5		4			5.5		
4759	H	22288	Võ Thị Hồng Liên		1986	Bình Định	Công ty Giải Keady Vina	5.5	4	4.5	5					
4760	K	22289	Lê Thị Kiều Liên		1993	Bến Tre	Công ty TNHH Marudon Lifestyle Việt Nam		7.5	7.5				7		
4761	K	22290	Nguyễn Thị Kiều Liên		1992	TP HCM	Công ty Cổ Phần Du Lịch Thanh Bình									
4762	H	22291	Nguyễn Thị Mỹ Liên		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiến toàn Văn Tâm				2.5					
4763	H	22292	Nguyễn Thị Ngọc Liên		1991	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Sửa Quốc tế IOF	4	5	4	2					
4764	H	22293	Phạm Quỳnh Liên		1987	Bạc Bình	Công ty TNHH Accounting Office Chua Việt Nam	6	3	4	4					
4765	H	22294	Phạm Thị Thuý Liên		1996	Quảng Trị	Cty TNHH In Bao Bì Toàn Phát			5						
4766	H	22295	Đỗ Thị Thuý Liên		1996	Nam Định	Công ty TNHH Accilene Corporate Services	1.5		2.5	2					
4767	K	22296	Đỗ Thuý Liên		1991	Đông Nai	Công ty Cổ Phần Buzzmetrics	6.5		6				6		
4768	H	22297	Nguyễn Huỳnh Thuý Tiên		1999	Lũng An	Cty TNHH Kế toán Kim Thy			5	3					
4769	H	22298	Nguyễn Thị Thuý Liên		1992	Bến Tre	Công ty TNHH Miniso Việt Nam			7						
4770	H	22299	Nguyễn Thị Thuý Liên		1983	TP HCM	Công ty TNHH YSP Việt Nam				2.5					
4771	K	22300	Phạm Thuý Thuý Tiên		1998	Bình Định	Công ty TNHH PVC					5.5				
4772	K	22301	Trần Thị Thuý Liên		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiến Toàn và tư Vấn A&C	4.5	5	5.5	5	5.5	5.5			
4773	H	22302	Nguyễn Thuý Liễu Tiên		1986	Nam Định		5.5	5	3.5	4					
4774	H	22303	Huỳnh Thị Vân Liên		1974	Quảng Nam	Công ty TNHH XNK Hân Lan			6.5	2.5					
4775	H	22304	Đỗ Thị Dục Liên		1997	Hà Nội	CN tại TP HCM - Công ty TNHH Kiến toàn K.T.C	3	2	3						
4776	K	22305	Lâm Đình Tiên		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Kinh Doanh T.88	6		2.5	4	6				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngôn ngữ		Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
4777	H	22306	Lê Hoàng Tiến	1989		An Giang	Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình										
4778	K	22307	Chau Minh Tiến	1996		Đàng Thap	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang		3.5	5.5	1						
4779	H	22308	Phan Minh Tiến	1993		Tra Vinh	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn Thuế Chiến Thuật	3.5	4	5	5						
4780	H	22309	Phan Quốc Tiến	1995		Lũng An	Công ty TNHH Bưumed Việt Nam	5	5	5	1.5						
4781	H	22310	Trinh Quốc Tiến	1996		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital		4		5.5						
4782	H	22311	Đỗ Tân Tiến	1991		Bình Định	Công ty TNHH Phát triển Xanh Minh	4.5	1.5	4	2						
4783	H	22312	Nguyễn Văn Tiến	1990		Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Minh Thanh Phát										
4784	H	22313	Phạm Thị Tiến	1989		Phu Yên	Công ty TNHH XD Lê Thị			4	2.5						
4785	H	22314	Trần Hoàng Tiến	1991		Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn ACCA	6	4	6	2.5						
4786	K	22315	Trần Quốc Tiến	1999		Nam Định	Công ty TNHH PWC			2.5							
4787	K	22316	Nguyễn Thị Tiến	1997		Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC	4	2	3.5	3	6	2.5	2			
4788	K	22317	Bùi Trung Tiến	1992		Bình Định	Chi nhánh PNU Bùn Mạ Thuận										
4789	K	22318	Trần Trung Tiến	1999		Vĩnh Long	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm toán Phú Nam			5.5	4	5	5.5	8			
4790	K	22319	Phạm Thị Thanh Tiến	1997		Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Bột Giải Nét										
4791	H	22320	Trương Thị Thanh Tiến	1995		Quảng Nam	Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Trần Già										
4792	H	22321	Nguyễn Thị Tiến	1992		Hà Tĩnh	Công ty TNHH dịch vụ du lịch Văn Chuyền			6.5							
4793	H	22322	Vũ Thị Tiến	1988		Hà Nam	Công ty Cổ phần Cấp nước Cầu Ràng		5	3.5	3						
4794	K	22323	Nguyễn Văn Tiến	1985		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán và Nhân Định Giá Asia Dragon		6	7							
4795	H	22324	Nguyễn Thị Tiến	1982		Quảng Ngãi	Công ty TNHH AXI Accounting		2.5	4	2						
4796	H	22325	Võ Quốc Tiến	1993		Cà Mau	Công ty TNHH Tiếp vận Dầu khí Việt Nam			4							
4797	K	22326	Đặng Đức Toàn	1996		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập			4							
4798	H	22327	Nguyễn Minh Toàn	1984		Cần Thơ	Công ty TNHH Phân bón nhập khẩu Agricare	5		3	1						
4799	K	22328	Trần Nghĩa Toàn	1994		Đàng Thap	Công ty TNHH PWC						2.5				
4800	K	22329	Nguyễn Ngọc Toàn	1992		Liên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rong Việt	7.5	5.5	7.5		6		6.5			
4801	C	22330	Nguyễn Ngọc Toàn	1981		Tây Ninh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu lý Thuế ACKM										
4802	H	22331	Nguyễn Tiến Toàn	1992		Đàng Thap	Công ty TNHH Tiền tiền Việt Nam										
4803	K	22332	Đặng Tuấn Toàn	1994		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			4.5	2	5		6.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4804	H	22333	Hà Việt Loan	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH Liên doanh Cai Phú Ninh Hòa	6.5			5.5						
4805	H	22334	Hoàng Xuân Loan	1992		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Crowe Việt Nam	4		5.5							
4806	H	22335	Trần Thanh Hà	1981		Tiền Giang	Công ty Cổ phần Hóa Học Khoa nghiệp Thông Thái Lợi	7	3.5	6							
4807	K	22336	Hoàng Thị Cẩm Trạ	1987		Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Rùa Con	5	4	4.5	3						
4808	K	22337	Châu Thị Hương Trạ	1995		Nghe An	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam										
4809	H	22338	Nguyễn Thanh Trạ	1990		Bình Định	Cty TNHH BK&D Ingenieer Việt Nam										
4810	K	22339	Phạm Thị Trạ	1998		Quảng Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn Deloitte Việt Nam	8.5	7.5	7.5			8				
4811	K	22340	Nguyễn Trần Thuận Trạ	1998		Khánh Hòa				5.5	3.5		4.5				
4812	H	22341	Nguyễn Thị Thu Trạ	1991		Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đào tạo Thuê Anh Minh			7	5						
4813	K	22342	Lê Thị Diễm Trang	1998		An Giang	Công ty TNHH Kiem Loan và tư Vấn ACC	5	4	5	3.5			2			
4814	H	22343	Đặng Thị Đoàn Trang	1997		Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Núi Thái Moon Decor	3.5	1	5	4						
4815	H	22344	Lê Thị Đoàn Trang	1983		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Zeech										
4816	H	22345	Nguyễn Hà Trang	1997		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Cổ Áo Công	5.5		6	5						
4817	H	22346	Đặng Thị Huyền Trang	1989		Nam Định	Công ty CP tư vấn thuế Sarlux										
4818	H	22347	Hoàng Thị Huyền Trang	1991		Hưng Yên	Công ty TNHH Thiet bị Dạy Minh		3.5	5							
4819	K	22348	Lê Thị Huyền Trang	1988		Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiem Loan Vùng Tàu	4	6.5					4			
4820	H	22349	Nguyễn Thị Huyền Trang	1995		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Hixago			6.5							
4821	H	22350	Phạm Thị Huyền Trang	1995		Nam Định	Công ty TNHH Saigoncom	3	0	2	2						
4822	K	22351	Phạm Thị Huyền Trang	1997		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan AIC Việt Nam	6			3.5	5.5		4.5			
4823	K	22353	Hoàng Minh Hương Trang	1994		Thanh Hóa	Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam				5						
4824	H	22354	Lê Cao Khanh Trang	1987		Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Refresh			6	0.5						
4825	H	22355	Trần Thị Khanh Trang	1990		Quảng Trị	Công ty TNHH Great Việt Nam		6.5								
4826	H	22356	Đặng Kiều Trang	1991		Tiền Giang											
4827	H	22357	Nguyễn Lê Kim Trang	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam			5	4						
4828	K	22358	Đào Minh Trang	1997		Quảng Bình	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam		4	8			7.5				
4829	H	22359	Lương Thị Mây Trang	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Trú Ki	4.5		3							
4830	H	22360	Nguyễn Thị Mây Trang	1998		Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Dược Phẩm P.P.L. Lạng Châu	5	5	6	0.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật loại VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
4831	H	22361	Dương Thị Minh Trang		1996	Thị xã Thuận Hải	Công ty TNHH Kế toán 365	6	3.5	6	5							
4832	H	22362	Dương Minh Trang		1997	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			7.5	1							
4833	K	22363	Đinh Ngọc Minh Trang		1998	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	7	3.5	3	5	7	3					
4834	P	22364	Nguyễn Minh Trang		1987		Công ty TNHH Advance Intelligence Việt Nam			4.5								
4835	H	22365	Nguyễn Thị Minh Trang		1966	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Thao Nguyễn	5	1.5	2.5	2							
4836	H	22366	Nguyễn Thị Minh Trang		1992	Nam Định		6.5	7.5	6								
4837	K	22367	Phạm Thị Minh Trang		1997	An Giang	Công ty CP Hưng Không Vietjet				4	4			5.5			
4838	H	22368	Võ Minh Trang		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam			4	6							
4839	H	22369	Dương Mông Trang		1984	TP HCM	Công ty TNHH Viet Nam Sanho		1.5	6.5								
4840	H	22370	Đinh Thị Mỹ Trang		1998	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group	5										
4841	H	22371	Nguyễn Thị Mỹ Trang		1981	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dược phẩm An Khang		3.5		4							
4842	H	22372	Phạm Thị Nam Trang		1982	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Tập Đoàn DAT	5	3.5	2	2.5							
4843	K	22373	Bùi Thị Ngọc Trang		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	4.5	3.5			6.5	5					
4844	H	22374	Đoàn Thị Ngọc Trang		1989	Quảng Nam					5.5							
4845	K	22375	Nguyễn Thị Phương Trang		1989	Quảng Ninh	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam		5.5	6.5	2.5		6	9				
4846	H	22376	Dương Thị Quyên Trang		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kinh doanh Steel Viet Nam			4	4							
4847	H	22377	Cao Quỳnh Trang		1995	Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton		5.5		3							
4848	H	22378	Đầu Thị Quỳnh Trang		1985	Nghe An	Công ty TNHH Nồng Hậu		6.5	5.5								
4849	H	22379	Đoàn Nguyễn Quỳnh Trang		1997	Nam Định	Công ty TNHH Grant Thornton											
4850	H	22380	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		1987	Nghe An	Công ty Thương mại gia Đồng Núi											
4851	H	22381	Phạm Thị Thanh Trang		1991	Quảng Trị	Công ty TNHH Tesellaton Bình Dương	7	3.5	7	6							
4852	K	22382	Vũ Thị Thanh Trang		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	4.5	6	5.5	3.5	7	3.5	7				
4853	H	22383	Nguyễn Lê Thảo Trang		1995	Bạc Liêu	Công ty TNHH Svnagie	5.5	2.5	4	2							
4854	H	22384	Dương Thị Trang		1991	Phu Yên	Công ty Cổ phần Việt Linh Anh			7.5	5							
4855	H	22385	Dương Thị Trang		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Quý											
4856	H	22386	Hoàng Thị Trang		1999	Hải Dương	Công ty TNHH M.T Group	5.5	1.5	5.5	3.5							
4857	K	22387	Lê Thị Trang		1998	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5	3.5		5		5					

STT	Đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành nghề			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4858	H	22188	Lê Thị Trang		1985	Bình Định	Công ty TNHH TM sản xuất Thanh Tâm	5		3							
4859	H	22189	Nguyễn Thị Trang		1988	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Tax & V. Danh										
4860	H	22190	Nguyễn Thị Trang		1990	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo T & E										
4861	H	22191	Nguyễn Thị Trang		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vinh Sơn										
4862	H	22192	Nguyễn Thị Trang		1993	Nghe An	Công ty TNHH Nissaho Precision Việt Nam			8.5							
4863	H	22193	Nguyễn Thị Trang		1992	Nghe An	Công ty TNHH Hiteco Văn phòng				6						
4864	H	22194	Phạm Thị Trang		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH Seven Hills Trading	5.5	4.5								
4865	H	22195	Trần Thị Trang		1995	Bắc Ninh	C/CTP tư vấn & Dịch vụ thuế TPX										
4866	C	22196	Võ Thị Trang		1996	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Dược Phẩm và Công Khai Việt Nam					6.5	2.5	2.5	5		
4867	H	22197	Vũ Thị Trang		1979	Nam Định	Công ty TNHH Best Logistics Technology										
4868	H	22198	Đỗ Thị Thiên Trang		1994	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Rosell & Partner Việt Nam	6.5	2.5		5.5						
4869	H	22199	Đinh Thị Thu Trang		1991	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán Châu Á	5.5	0.5								
4870	K	22100	Lưu Thị Thu Trang		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Bình Minh	4	2	6.5	2.5	6.5	4		5		
4871	H	22101	Phạm Thị Thu Trang		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Kinh doanh Khách sạn Thu Hà										
4872	H	22102	Trần Thị Thu Trang		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Cam Ranh		5		3.5						
4873	H	22103	Trương Thị Thu Trang		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn ISN Việt Nam	6.5									
4874	H	22104	Bùi Thị Thu Trang		1992	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Ngọcdew Đà Nẵng	6		6	5						
4875	H	22105	Bùi Thị Thu Trang		1978	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Bảo Bì Thu Dương	7	1.5	3	1						
4876	H	22106	Bùi Thị Thu Trang		1992	Bến Tre	Công ty TNHH Grant Thornton	3.5		4	2.5						
4877	H	22107	Dương Ngọc Thu Trang		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Nam Phương Xanh	6		5.5	6.5						
4878	P	22108	Đặng Thị Thu Trang		1978	Tiền Giang	Công ty TNHH Soft Viet Nam			4							
4879	H	22109	Đinh Thị Thu Trang		1997	Đà Nẵng	Công ty TNHH Nam An Vinh										
4880	H	22110	Đỗ Thị Thu Trang		1979	Cần Thơ	Công ty Cổ phần Mây Tia Đỏ										
4881	H	22111	Hoàng Thị Thu Trang		1991	Nghe An	Cty TNHH ACE-VN										
4882	K	22112	Hồ Thị Thu Trang		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam				5.5	7	7				
4883	H	22113	Lê Thị Thu Trang		1991	Bình Định	Công ty TNHH Vinh Thiên Dương Cam Ranh			6							
4884	K	22114	Nguyễn Dung Thu Trang		1999	Bắc Liêu	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SKS	3				5			4.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4885	H	22415	Nguyễn Thị Thuý Trang		1988	Lũng An	Công ty TNHH Wama E-sphere Travel											
4886	H	22416	Nguyễn Thị Thuý Trang		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Doanh nghiệp Hoàn Cầu											
4887	H	22417	Nguyễn Thị Thuý Trang		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Hades					6						
4888	H	22418	Nguyễn Thuý Trang		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Lab Group International Việt Nam											
4889	H	22419	Nguyễn Thuý Trang		1993	Gia Lai	Cty TNHH Crimson Education			3.5								
4890	H	22420	Nguyễn Thuý Trang		1996	Tiền Giang	Công ty TNHH Điện tử DL G Aisen											
4891	H	22421	Nguyễn Thuý Trang		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Việt Nam Chemical Logistics	5.5		6.5	3.5							
4892	H	22422	Trần Thị Thuý Trang		1986	TP HCM	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hiệp Thuận Thành		0.5	6.5	2							
4893	H	22423	Trần Thị Thuý Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Accilme Corporate Services			5.5								
4894	K	22424	Trần Thị Thuý Trang		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Tư Vấn và Giao Dịch John & Partners			6.5	5			3	6.5			
4895	P	22425	Võ Thuý Trang		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam											
4896	H	22426	Nguyễn Thị Thuý Trang		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Hàn - CN HCM				6							
4897	H	22427	Trần Thị Thuý Trang		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Maitra xanh	5	3.5									
4898	H	22428	Đào Văn Trang		1992	Hà Nam	Công ty TNHH Grant Thornton			6.5	2							
4899	H	22429	Nguyễn Ngọc Xuân Trang		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hòa Dân	5			3							
4900	H	22430	Phạm Thị Xuân Trang		1988	Lâm Đồng	Chi nhánh Công ty Cổ phần YM Tribe											
4901	H	22432	Huỳnh Thị Ái Trâm		1991	Bình Định	Công ty TNHH đầu tư và phát triển bất động sản Cưng Long	4	3.5	6	1							
4902	P	22433	Nguyễn Bảo Trâm		2000	Phu Yên	Công ty TNHH P&C			6.5								
4903	H	22434	Nguyễn Đức Bảo Trâm		1995	Bà Rịa	Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATLAD	5	4	5	5							
4904	K	22435	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam	4		7				4.5				
4905	K	22436	Phạm Thị Bảo Trâm		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán AS	5	3	7	3	7		5	6			
4906	H	22437	Lý Băng Trâm		1991	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn và hỗ trợ Doanh nghiệp In Việt											
4907	H	22438	Đặng Thị Bích Trâm		1982	Đông Tháp	Công ty TNHH Esame Qua Đẹp Việt Nam											
4908	H	22439	Lê Thị Bích Trâm		1987	Lũng An	Cty Cổ phần JB Food	4.5	1	2.5	1.5							
4909	H	22440	Lê Thị Bích Trâm		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH MTV Zettler Việt Nam			7.5	6							
4910	H	22441	Ngô Thị Bích Trâm		1988	Phu Yên	Công ty CP Mối tương đối thị Phú Yên	8										
4911	H	22442	Nguyễn Bích Trâm		1993	Bình Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Giải pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	3.5										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4912	II	22443	Nguyễn Thị Bích Trâm		1989	Phu Yên	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam			5.5							
4913	C	22444	Trần Thị Bích Trâm		1978	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM và DV P/C.N Minh Đạt						6.5	6.5		6.5	
4914	K	22445	Nguyễn Thị Đan Trâm		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm Toán SG-VN	4	4	6.5	2.5						
4915	II	22446	Nguyễn Hoàn Trâm		1992	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm toán U&I			5							
4916	II	22447	Phạm Nguyễn Hồng Trâm		1990	Ninh Thuận	Công ty TNHH GNI			4	1						
4917	II	22448	Trần Huyền Trâm		1995	Bình Định	Công ty TNHH MTV Nguyễn Thụy		6	6.5							
4918	II	22449	Trần Thị Huyền Trâm		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Gia			5	3.5						
4919	K	22450	Trần Thị Huyền Trâm		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kế Toán Kim Thụy		2.5		3.5	5	2.5				
4920	II	22451	Bùi Ngọc Trâm		1997	An Giang	Công ty TNHH Tư vấn Pama	6			4						
4921	II	22452	Cao Ngọc Trâm		1995	Lạng An	Societe Pte Ltd	6	2.5	4	2						
4922	K	22453	Phạm Ngọc Trâm		1998	Bạc Liêu	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Lai Thành Loan Cầu	5		6.5	3.5	5.5	3.5		3		
4923	K	22454	Lê Thụy Phương Trâm		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán Việt Úc										
4924	II	22455	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Trường Gia			3	2						
4925	II	22456	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm		1982	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Minh Tư	5.5	2		3.5						
4926	II	22457	Phạm Thị Quỳnh Trâm		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Xây dựng Năng lượng Việt		5	5							
4927	K	22458	Phạm Thị Quỳnh Trâm		1997	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế Toán AAC				4						
4928	II	22460	Nguyễn Thị Thanh Trâm		1989	Phu Yên	Công ty TNHH Logistics Việt Nam	4		5							
4929	II	22461	Cao Thị Trâm		1994	Quảng Ngãi	Công ty CP TM Vạn Lương Minh	4		3.5							
4930	II	22462	Bào Hoàng Thụy Trâm		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Axosoft Pco - Solutions										
4931	K	22463	Nguyễn Trần Thụy Trâm		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt an Đà Nẵng	6	3	5	3.5	5.5	3.5		6		
4932	II	22464	Bùi Thị Thụy Trâm		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH AM Accounting										
4933	K	22466	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC										
4934	K	22468	Bùi Ngọc Bảo Trâm		1994	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn KMF	6	7.5		7		8.5		7		
4935	II	22469	Phạm Bảo Trâm		1995	Dòng Tháp	Công ty Cổ phần B&C and	5	2.5	5	3.5						
4936	K	22470	Trần Thị Bảo Trâm		1997	Quảng Ngãi									4		
4937	K	22471	Trần Thị Bích Trâm		1991	Tiểu Vĩnh	Công ty TNHH BHI Việt Nam		5			7	6.5		8		
4938	K	22472	Bào Hữu Trâm		1994	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm Toán T-Jung	6	5	5		5.5			5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4939	K	22473	Phạm Đình Loan	1976		Vĩnh Long	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt	5	2.5	5	2.5		3.5				
4940	K	22474	Trần Huệ Loan		1999	Bến Tre	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Viet Nam	2.5		1	3	6.5	5				
4941	C	22475	Trần Mai Huyền Loan		1992	TP HCM	Công ty TNHH Acclime Viet Nam										
4942	H	22476	Trương Thị Huyền Loan		1998	Phước Yên	Công ty TNHH Carback Viet Nam	5.5	3	4							
4943	H	22477	Nguyễn Thị Huyền Tiên		1993	Long An	Công ty TNHH PCA Tax Accountants		7	5							
4944	K	22478	Trương Huyền Loan		1999	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC										
4945	H	22479	Vũ Huyền Tiên		1987	Đà Nẵng	Công ty CP Viện Phát triển Luật Đạo	5	2.5	5							
4946	H	22480	Hà Ngọc Loan		1992	TP HCM	Công ty TNHH Kế toán AGS		5	3.5							
4947	H	22481	Trương Nguyễn Quỳnh Loan		1977	Nam Định	Công ty TNHH Dịch Thuế Sao Sáng	4	3	3.5							
4948	H	22482	Nguyễn Tô Thảo		1991	Quảng Ngãi	Liên hiệp Hợp tác và Thương mại TP HCM	6		3.5	3						
4949	C	22483	Vương Tú Loan		1992	Đông Nam	Công ty TNHH Kế Toán và Tư Vấn IPC					6	6		8.5		
4950	H	22484	Lê Duy Trí	1995		Trưng Quốc	Công ty Luật TNHH Immotax	3.5	4	6	0.5						
4951	K	22486	Lê Quang Minh Trí	1978		Hà Nội		5		5			2.5	0.5			
4952	H	22487	Trần Ngọc Minh Trí	1981		Ngũyễn An	Công ty TNHH MIV Loan Tin Dạng	4	1.5	3.5	2.5						
4953	P	22488	Lê Thị Trí		1996		Công ty TNHH SMT Viet Nam										
4954	H	22489	Trương Gia Trí	1996		TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Sando VN		7.5								
4955	K	22490	Trần Ngọc Trúc	1993		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán NVA	5.5	6.5		3.5						
4956	H	22491	Lê Phước Loan Nữ Nữ Anh		1985	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Sai Gòn Thương Tín	5	2.5	4.5	3						
4957	K	22492	Nguyễn Thị Bích Trinh		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn THH				2.5		8				
4958	H	22493	Lê Thị Diễm Trinh		1988	Lạc Ninh	Công ty TNHH Công nghiệp Nêu	7		1.5	2						
4959	H	22494	Nguyễn Ngọc Đoàn Trinh		1997	Long An	Công ty Cổ phần Đạo tạo Quốc tế Việt Mỹ T.C	5	4		4						
4960	K	22495	Võ Bạch Đoàn Trinh		1999	Quảng Ngãi	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP HCM	5.5	3.5	5	3			6.5			
4961	H	22496	Đào Nữ Thị Kiều Trinh		1985	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dầu từ Nhoon An Lập Phát	5.5	2	2.5	1						
4962	H	22497	Nguyễn Thị Kiều Trinh		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Fusion One			5							
4963	H	22498	Nguyễn Thị Kim Trinh		1995	Đông Tháp	Công ty CP tư vấn & Dịch thuế IPM										
4964	K	22499	Trần Thái Mai Trinh		1999	Ninh Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán CPA		7.5		2.5		7	7			
4965	H	22500	Bùi Thị Mỹ Trinh		1986	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Xây dựng Dục Nguyên										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4966	II	22501	Đào Thị Mỹ Trinh		1994	Bình Định	Công ty Cổ phần Metub Việt Nam	3.5		5.5								
4967	II	22502	Phạm Thị Mỹ Trinh		1991	Lạng Sơn	Công ty TNHH Dương Vũ		4	3.5	2.5							
4968	II	22503	Trương Mỹ Trinh		1998	Trang Quốc	Công ty Cổ phần Đa nhân Việt Princess	4	3	5	0.5							
4969	K	22504	Võ Thị Mỹ Trinh		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán Kầm Thuy	6				5.5	7.5	7.5				
4970	II	22505	Nguyễn Thị Ngọc Trinh		1995	Phu Thọ	Công ty CP giải pháp doanh giới Mega		6.5	5.5								
4971	K	22506	Nguyễn Thị Ngọc Trinh		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán & Tham Định Giá LNK		7.5									
4972	II	22507	Võ Thị Ngọc Trinh		1990	Khánh Hòa												
4973	K	22508	Nguyễn Thị Phương Trinh		1996	Ngũyễn An	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboco Capital	5.5	6	6	6			4				
4974	II	22509	Nguyễn Thị Phương Trinh		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán & tham định giá LNK	8.5			6							
4975	K	22510	Vân Thị Phương Trinh		1997	Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế toán và Tư vấn dịch vụ Kế toán Bậc Đâu			6	6							
4976	II	22511	Đinh Thị Trinh		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH INDY XNK Phúc An Nguyễn		2	6								
4977	II	22512	Nguyễn Thị Trinh		1986	Quảng Ngãi		7		2.5	3.5							
4978	II	22513	Nguyễn Thị Thu Trinh		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán Real Bruck		7	7								
4979	K	22514	Nguyễn Thị Thu Trinh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH PNC	5	6	5	4	5		8				
4980	II	22515	Trần Thị Thuý Trinh		1994	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Pegal Holdings	4.5			2.5							
4981	II	22516	Đang Thị Tô Trinh		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Truon thong và T ổng dung Công nghệ thông tin PHNC											
4982	K	22517	Đoan Thị Tu Trinh		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Zeta Process Việt Nam		1	5								
4983	II	22518	Ngô Tu Trinh		1991	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp IT Iax											
4984	II	22519	Trần Tu Trinh		1989	Trang Quốc				5	5							
4985	K	22520	Võ Ngọc Tu Trinh		1997	Lạng Sơn	Thị nhaphi Công ty TNHH Kế toán Deloitte Việt Nam	5		5.5	5	6	6.5					
4986	II	22521	Võ Thị Tu Trinh		1991	Quảng Ngãi	Cty TNHH Annaplan Việt											
4987	II	22522	Võ Thị Tu Trinh		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Đa Group Sagoela	4.5		5	3.5							
4988	K	22523	Lê Thị Tuyết Trinh		1996	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần VNG		5		4	6	4					
4989	C	22524	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Thoi Bi Diem Thien Thuec					5	7.5	5				
4990	II	22525	Phạm Thị Tuyết Trinh		1993	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Tax t y Danh				5							
4991	K	22526	Trần Thị Tuyết Trinh		1989	Bình Định	Công ty Cổ Phần Khir Trung Việt Nam Tai TP HCM	7.5	5.5	7	2.5	4	5	5.5				
4992	II	22527	Trinh Tuyết Trinh		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán Vạn Win	3.5			3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4993	H	22528	Trương Thị Tuyết Trinh		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5.5	6	6	4							
4994	H	22529	Võ Ngọc Tuyết Linh		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Việt Rạng Đông		0	3.5	2							
4995	H	22530	Lương Xảo Trinh		1981	Trung Quốc	Công ty TNHH đầu tư công nghệ nano Anan Việt Nam	4.5		5	4							
4996	K	22531	Nguyễn Đình Trọng	1998		Đông Nai	Công ty TNHH I-Glocal - Chi nhánh PHICM	5.5	5	3.5	3							
4997	K	22532	Trần Đức Trọng	1990		Hải Dương	Công ty Cổ Phần Siêu Quốc Tế LOF			5.5	4	6.5	2					
4998	K	22533	Phùng Gia Trọng	1998		Long An	Công ty TNHH PWC	4.5	5	4	3.5	6	6.5					
4999	H	22534	Nguyễn Thị Cẩm Trúc		1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Kế toán Sambo Việt Nam	3.5	2	5	2							
5000	H	22535	Đặng Thị Thanh Trúc		1996	Liên Giang	Công ty TNHH I-Glocal				5							
5001	H	22536	Lê Thanh Trúc		1984	Kiên Giang	Công ty TNHH Tư vấn Shumai											
5002	H	22537	Lưu Thị Thanh Trúc		1984	Long An	Công ty CP K.T.G Energy		3.5	5.5	3							
5003	H	22538	Nguyễn Thanh Trúc		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Thiên Bình Minh	2.5			1.5							
5004	H	22539	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Vantage Logistics	6.5		5.5								
5005	K	22540	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1998	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			7.5								
5006	H	22541	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1984	Bình Dương	Long công ty Công nghiệp Thúc phẩm Đông Nai		5.5		5.5							
5007	K	22542	Phạm Lê Thanh Trúc		1995	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5.5	5		5.5	5	4.5	6				
5008	H	22543	Phạm Vương Thanh Trúc		1987	TP HCM	Công ty TNHH INI thiết bị nhà bếp RKMS											
5009	K	22544	Phạm Thị Thanh Trúc		1989	Liên Giang	Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn và Giáo dục Lan Đức					1	0	5.5				
5010	H	22545	Phạm Thị Thanh Trúc		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH kế toán AGS	7.5	5	6	8							
5011	K	22546	Quang Thanh Trúc		1994	Bình Dương	Công ty TNHH SX INI Trung Chánh	5	0.5	4	4	6	1	3.5				
5012	H	22547	Trần Thị Thanh Trúc		1994	Hải Ninh	Công ty TNHH Bonfiglioli Việt Nam	7										
5013	H	22548	Võ Thị Thanh Trúc		1992	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Giáo pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	7.5										
5014	H	22549	Nguyễn Thị Trúc		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Crimson Education		0.5	5								
5015	H	22550	Trần Phan Thiên Trúc		1985	Quảng Ngãi	Công ty TNHH IM - DV Hồng Dương		6		3							
5016	H	22551	Nguyễn Châu Thủy Trúc		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Shira và Hoa chất IPC Vina		5.5	5.5								
5017	K	22552	Nguyễn Đan Vinh Trúc	1992		Bến Tre	Công ty Cổ Phần Liên Doanh Kangaroo Quốc Tế			5.5								
5018	H	22553	Lâm Tuấn Bảo Trúc	1985		An Giang	Công ty CP đầu tư và dịch vụ Đất Xanh Miền Nam		9	5	6							
5019	K	22554	Nguyễn Đức Trung	1994		Phước Thọ	Công ty TNHH PWC Việt Nam	6		5	4	5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
5020	K	22555	Hồ Minh Trung	1999		Kinh Hoa	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn AKC		1	3.5		6	3	6				
5021	K	22556	Hồ Sỹ Minh Trung	1996		Nghe An	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	7	8	6.5	5	6.5		8.5				
5022	K	22557	Hoàng Quốc Trung	1991		Hà Nam	Công ty Cổ Phần Lập Đoàn Bamboo Capital					7	6	3.5				
5023	K	22558	Nguyễn Thanh Trung	1992		Ninh Thuận	Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	8	5.5	6.5	3	6.5	7.5	4.5				
5024	K	22559	Vũ Im Trung	1998		Kien Giang	Chí Nhân PTICM - Công ty TNHH Kien Loan VACO	6	5	6	5	7	5	4				
5025	H	22560	Nguyễn Trung Đức	1999		Bình Dương	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN MR Phước											
5026	H	22561	Lưu Thị Hồng Trường		1989	Kinh Hoa	Công ty Cổ phần Mùa bán nước và Quản lý tài sản HD Bank											
5027	K	22562	Lê Quốc Trường	1992		Bình Định	Ngân Hàng TMCP Nam A		3	4								
5028	K	22563	Nguyễn Văn Trường	1992		Bạc Liêu	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam		3	6	4		3					
5029	K	22564	Phạm Văn Trường	1992		Hải Dương	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn Luật Thành Loan Cầu			4		5		3				
5030	K	22565	Trần Văn Trường	1993		Nghe An			3.5	7.5	7	7.5	6					
5031	K	22566	Phạm Xuân Trường	1986		Thái Bình	Công ty TNHH CAI Việt Nam	6.5	3.5	6.5	3.5	5.5	6.5	7.5				
5032	H	22567	Dương Thị Cẩm Tú	1991		Vĩnh Long	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Liên Trien			4	2							
5033	H	22568	Đoàn Thị Cẩm Tú		1975	Nam Định	Công ty TNHH Ke loan Plus Viet		0.5	5	0.5							
5034	K	22569	Lưu Thị Cẩm Tú	1997		Long An	Công ty TNHH PMC		2	3	3.5							
5035	K	22571	Lưu Thị Cẩm Tú	1992		Liên Giang	Công ty Cổ Phần Acecook Việt Nam		4	7.5	3							
5036	H	22572	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1984		An Giang	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư Loan Phát	4.5			4							
5037	H	22573	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1998		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Lectronic Foods Việt Nam		5									
5038	K	22574	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kien Loan CPA			6								
5039	H	22575	Trần Thị Cẩm Tú	1985		Kinh Hoa	CPV TNHH Dac Chung TILC	7.5	2	2.5	2							
5040	H	22576	Võ Thị Cẩm Tú	1988		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Legumark International	7.5			3							
5041	H	22577	Nguyễn Hoàng Tú	1997		TP HCM	Công ty TNHH Grant Thornton											
5042	H	22578	Võ Hoàng Tú	1988		Long An	Công ty TNHH Thương mại Văn tại Minh An											
5043	K	22579	Nguyễn Thị Kim Tú	1997		Phu Yên	Công ty TNHH Đinh Dương FA	7.5	3.5	5	4	7	3.5	7				
5044	K	22580	Trần Minh Tú	1998		TP HCM	Công ty TNHH Công Nghệ An Phú			4			5.5					
5045	K	22581	Nguyễn Thị Ngọc Tú	1996		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kien Loan Dac A Việt Nam	6.5	1.5	6.5	3.5	5.5	5	2.5				
5046	H	22582	Hồ Thanh Tú	1995		Thừa Thiên Huế		4.5		3.5	2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
9047	K	22383	Nguyễn Thanh Tú	1993		Thanh Hóa	Công ty TNHH Đại học RNHT Việt Nam					7.5	3.5			
9048	K	22384	Phạm Thu Thanh Tú		1996	Lũng An	Công ty TNHH Kiến Loan và tư Vấn AKC									
9049	K	22385	Phạm Thanh Tú		1983	TP HCM	Công ty TNHH INXDV Thiết Bị Hùng Thịnh Phát		6				5			
9050	II	22386	Lê Nguyễn Anh Tuấn	1992		Bến Tre	Công ty TNHH MTV Vạn An Quảng Danh	5		7						
9051	K	22387	Nguyễn Anh Tuấn	1984		Lũng An	Công ty TNHH Kiến Loan và Tư Vấn AKC	7	2.5	5.5	3	5	3	6		
9052	K	22388	Nguyễn Công Tuấn	1994		Nam Định	Công ty TNHH PMC	2.5	5		3		2			
9053	II	22389	Lê Nguyễn Hoàng Tuấn	1996		Đông Tháp	Công ty Cổ phần Max Education	7	7	6.5	3.5					
9054	K	22390	Tuân Hoàng Hoàng Tuấn	1993		Bạc Liêu		3.5	5.5	2	1.5	5.5	1	8		
9055	C	22391	Đoàn Minh Tuấn	1975		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH DVKT Đông Hưng Thuận Cầu Thô						3.5	5		
9056	II	22392	Đỗ Minh Tuấn	1981		Bình Dương	Công ty TNHH Thuận Phú Mới	7.5	6	6.5						
9057	II	22393	Lê Minh Tuấn	1990		Bình Thuận	Công ty TNHH Kiến toán Tư vấn Rồng Việt		5	5.5	4					
9058	II	22394	Tô Minh Tuấn	1993		Bến Tre	Công ty TNHH Đầu tư Sảng tạo Diêm	3	1.5	6	1					
9059	II	22395	Huỳnh Ngọc Tuấn	1991		Bình Thuận	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chua Khoa Thịnh Công									
9060	II	22396	Lê Tuấn Thanh Tuấn	1993		Lẫy Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn The Key									
9061	II	22397	Phạm Trí Tue	1996		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Sản xuất Nhựa Dux Tân									
9062	K	22398	Huỳnh Đức Tùng	1993		Quảng Ngãi					2.5					
9063	K	22399	Nguyễn Hoàng Tùng	1999		Bắc Ninh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Loan Deloitte Việt Nam	2	4	2.5	3	5.5	6	7.5		
9064	C	22600	Đàm Quốc Khánh Tùng	1990		Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dịch vụ Oriental Việt Nam						2.5			
9065	K	22601	Phạm Quang Tùng	1997		Đà Nẵng	Công ty TNHH Est Rouge Limited				5					
9066	K	22602	Trương Quang Tùng	1998		Hà Tĩnh	Công ty TNHH PMC					6	0.5	6.5		
9067	K	22603	Phạm Thanh Tùng	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Kiến Loan và Tư Vấn Thuận Việt		5		2.5	5.5	4.5	2.5		
9068	II	22604	Bùi Thu Bích Thuận		1982	Đông Nai	Công ty TNHH Kiến Loan và tư Vấn Thuận Việt			6	5.5					
9069	K	22605	Nguyễn Thu Bích Thuận		1997	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiến Loan Min Win			6.5	3					
9070	K	22606	Nguyễn Thu Bích Thuận		1991	An Giang	Công ty TNHH Chan Nuan Lala Viet									
9071	II	22607	Bùi Thu Diệu Thuận		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dakota Group			7						
9072	II	22608	Nguyễn Thị Kim Thuận		1998	Bến Tre	Công ty TNHH được phân GICD		5.5		4					
9073	II	22609	Phạm Minh Thuận		1998	Thái Bình	Chi nhánh Công ty IMF - Accounting Services Limited tại TP HCM	6.5			5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
5074	II	22010	Lương Thị Mộng Lyven		1997	Liên Giang	Cty TNHH Kiến tạo và Tư vấn V&C												
5075	C	22011	Hoàng Thị Ngọc Lyven		1975	Vĩnh Long	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn DDI					6							
5076	II	22012	Lý Ngọc Lyven		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Logistics Việt Nam Corporation												
5077	II	22013	Nguyễn Thị Ngọc Lyven		1986	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ kế toán Kien Vang												
5078	II	22014	Phùng Thị Ngọc Lyven		1993	An Giang	Công ty TNHH Danh Phương Nam					3.5							
5079	II	22015	Trần Thị Ngọc Lyven		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH Thuận Mậu Việt Nam		5		5.5	3							
5080	K	22016	Bùi Thị Thanh Lyven		1995	TP HCM	Công ty TNHH Kiến tạo và Kế					3.5	6.5						
5081	K	22017	Đặng Ngọc Thanh Lyven		1998	Bình Dương	Công ty TNHH PWC												
5082	K	22018	Phạm Thanh Lyven		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Điện Cơ Thuận Nhien Phong 1				6			6	4		5		
5083	II	22019	Trần Thị Thanh Lyven		1989	Đông Tháp	Công ty TNHH Philip Commodities Việt Nam		8		6.5								
5084	II	22020	Trương Thị Thanh Lyven		1977	Kiên Giang	Công ty TNHH CNS Đồng Tây		4	2	3								
5085	II	22021	Đỗ Hồng Lyven		1996	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Nutfood Bình Dương		6		5	2.5							
5086	II	22022	Đường Nguyễn Kim Lyven		1996	Quảng Trị	Công ty TNHH Spring Production		5	6									
5087	II	22023	Nguyễn Thị Kim Lyven		1988	Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Organall Việt Nam				5	2.5							
5088	II	22024	Ngô Thị Ánh Lyven		1998	Long An	Công ty TNHH Hoa (Hải A Đông)				5.5	2.5							
5089	II	22025	Nguyễn Bạch Mai Ánh Lyven		1988	Long An	Công ty TNHH kiến tạo và vận (PA HCM)		3		6	2.5							
5090	II	22026	Lê Hồng Phương Lyven		1990	Đông Tháp	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ (Cục sông Môn		0	0	0	0							Đánh giá thi các môn thực tại thành phố Huế Kế toán
5091	II	22027	Bùi Thị Thanh Lyven		1988	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH JN Vina												
5092	II	22028	Lương Thị Lyven		1994	Thái Bình			7	5.5	7	3.5							
5093	II	22029	Ngô Thị Lyven		1992	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động sản Thăng An Miền Nam		9		6.5								
5094	C	22030	Nguyễn Thị Lyven		1988	Quảng Ngãi							6	5					
5095	II	22031	Trần Thị Lyven		1992	Nghe An	Công ty TNHH Pepper - Fuchs			6		5							
5096	K	22032	Nguyễn Thị Tư		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn T O		7	4		5	6.5						
5097	II	22033	Hoàng Thanh Kim Tước		1984	TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ kế toán và tư vấn Dong Khon				2.5								
5098	K	22034	Nguyễn Thị Thuận		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Việt Nam Yoshida				5.5		3.5						
5099	II	22035	Nguyễn Thị Thuận		1995	Bình Định	Công ty TNHH IM Adink		6.5	3	5								
5100	K	22036	Nguyễn Hoàng Lương		1992	Nghe An	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn TTC		7		6.5	4				3.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
5101	II	22637	Lê Thị Đồng Hương		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Wahl Lee VN	4.5	1	5							
5102	II	22638	Hương Thị Anh Uyên		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH đại lý thuế Nguyễn Anh										
5103	II	22640	Trần Nguyễn Diễm Uyên		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam			6.5	4.5						
5104	K	22641	Nguyễn Trần Diệu Uyên		1998	Cần Thơ								5.5	7.5		
5105	P	22642	Hồ Lê Hà Uyên		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam			5.5							
5106	K	22643	Đỗ Hào Uyên		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm Định Giá và Tư Vấn COVIDS AP-A Việt Nam	5.5	3.5	7	3.5	4.5	4.5	4	8		
5107	II	22644	Nguyễn Hoàn Uyên		1993	Khánh Hòa	Công ty TNHH Quest Global Design Việt Nam										
5108	II	22645	Nguyễn Thị Hoàng Uyên		1996	Liền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dezam Shua& Associates Limited tại TP.HCM			6							
5109	II	22646	Trần Nguyễn Hoàng Uyên		1988	Phu Yên	Công ty Giải Kraft Vina	8.5	4	5.5	5.5						
5110	K	22647	Trần Thị Kim Uyên		1991	Đắk Lắk	Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Giáo Dục Trẻ em Kết nối Thuận	9		6.5				3.5			
5111	II	22649	Lê Thị Mỹ Uyên		1980	Lồng An	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán KIC	6	2	6.5	2						
5112	II	22650	Nguyễn Thị Mỹ Uyên		1997	Cần Thơ	Công ty TNHH Maw Maw Phuc Gia Khang		2	7.5							
5113	K	22651	Đông Thị Ngọc Uyên		1998	Hải Giang	Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam	7	1	6.5	1.5				5.5		
5114	K	22652	Đương Thị Phương Uyên		1998	Hà Nội	Công ty TNHH PWC										
5115	II	22653	Lê Thị Phương Uyên		1985	Nam Định	Công ty Cổ phần Thương mại Đức Phương	7.5	6.5	6	5.5						
5116	II	22654	Nguyễn Thị Phương Uyên		1989	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Nền Thuận Việt	5.5									
5117	K	22655	Phạm Hoài Phương Uyên		1994	Nam Định	Ngân Hàng TNHH MIVY COB			4	5			4			
5118	II	22656	Phạm Thị Phương Uyên		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dầu tư Giá		3.5	5	4.5						
5119	II	22657	Là Nguyễn Phương Uyên		1997	Lồng An	Công ty Cổ phần Trí tuệ										
5120	II	22658	Nguyễn Thị Uyên		1996	Thái Bình	Cty TNHH Kế toán Kim Thoa	5		6	3.5			5.5	3		
5121	K	22659	Danh Thu Uyên		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán Toàn E-Jung	7			3.5			5.5			
5122	II	22660	Nguyễn Thị Thu Uyên		1996	Thanh Hóa	Cty Cổ phần Giải Net		4	6	2.5						
5123	II	22661	Đông Lê Uyên		1997	Trang Quốc	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lamsa				2						
5124	II	22662	Nguyễn Hoàng Lê Uyên		1996	Thái Bình	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5.5									
5125	K	22663	Nguyễn Lê Trúc Uyên		1998	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	7.5	4	4.5	4	5.5	3.5	4			
5126	II	22664	Lê Thị Thu Uyên		1983	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Nguyễn Phương	5.5	2.5	6.5	3.5						
5127	K	22665	Ngô Thị Thu Uyên		1999	Hà Nội	Công ty TNHH BHH Việt Nam	4.5	3.5	4.5	2.5	4	2.5	5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
5128	H	22666	Nguyễn Thu Tú Uyên		1996	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Quản lý Doanh nghiệp LIA											
5129	H	22667	Phạm Tú Uyên		1987	Ninh Bình	Công ty TNHH Giải pháp Nhân sự nước ngoài và Dịch vụ Văn hành	7	4	6								
5130	H	22668	Trần Thu Vượng		1987	Ninh Bình	Cty Cổ Phần Văn Công Nghiệp Cao Broom		2.5		4							
5131	H	22669	Trần Anh Văn	1989		Nam Định	Công ty CP được phân 3.2											
5132	H	22671	Cao Thu Ái Vân		1997	Nghe An	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ thuế LPA	7	6.5									
5133	H	22672	Nguyễn Thu Anh Văn		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo An Sao Việt			4	2							
5134	H	22673	Nguyễn Thu Bích Vân		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Hữu Hồng					3						
5135	K	22674	Đào Thu Bích Vân		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiến tạo An và Tư vấn AKC	5.5		5		5.5			6			
5136	H	22675	Trần Thu Bích Vân		1989	Đắk Lắk	Công ty Cổ phần APTS	7	2.5	6	3.5							
5137	H	22676	Bùi Văn Văn		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Khai thác thu mua sản thương mại Bình Sương											
5138	H	22677	Đường Thu Cẩm Vân		1988	Đắk Lắk	Cty CP Super Cargo Service Đà Nẵng	4.5	5	6	3							
5139	H	22678	Đặng Thu Cẩm Vân		1987	Lào Ninh	Công ty TNHH ACTR											
5140	H	22679	Lê Thu Cẩm Vân		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH Việt Hòa Nghĩa											
5141	K	22680	Vũ Thu Cẩm Vân		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Tư vấn AKC				5							
5142	H	22681	Vũ Thu Cẩm Vân		1998	Hải Dương	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất Động Sản MIV Việt Nam	6	5	6	7							
5143	H	22682	Trần Hào Văn		1992	Trung Quốc	Công ty TNHH Quốc tế Proculture	5	1.5	5								
5144	K	22683	Lê Thu Hồng Vân		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kiến tạo An và Tư vấn RSM Việt Nam	5.5	5	6.5	6							
5145	H	22684	Phạm Thu Lê Vân		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam											
5146	H	22685	Trần Thu Mai Văn		1987	Bình Thuận	Công ty CP du lịch Đông Thuận											
5147	C	22686	Lê Mỹ Văn		1992	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Thuế IPM					7.5	6.5	6				
5148	H	22687	Nguyễn Thụy Ngọc Vân		1986	Lào Ninh	Chu nhân Công ty Cổ phần Bất Động Sản C S Q											
5149	H	22688	Phạm Ngọc Vân		1982	TP HCM	Công ty TNHH Xây dựng Mezie		2		2							
5150	H	22689	Trần Thu Ngọc Vân		1991	Nghe An	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Micon	5										
5151	K	22691	Đào Thu Thanh Vân		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn VNC		1.5	4					6			
5152	H	22692	Phạm Thu Thanh Vân		1991	Bình Bình	Công ty TNHH MTV Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín				5.5							
5153	H	22693	Trần Thanh Vân		1965	Bình Định	Công ty TNHH Misa theo đơn Đồng Tân				3.5							
5154	H	22694	Lương Thế Văn		1986	Quảng Ninh	Công ty TNHH Thanh Thái Việt Nam	5.5	3.5	5	2							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
5155	II	22695	Mai Thu Vân		1991	Thạch Hoa	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chu Khoa Thạch Công	4	2		3						
5156	II	22696	Nguyễn Thu Vân		1990	Nghe An	Công ty TNHH Edison HCM		0.5	4	2						
5157	K	22697	Phạm Thu Vân		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5.5		6.5			6				
5158	II	22698	Châu Thu Vân		1989	Long Quốc	Công ty CP được Liên Dục										
5159	II	22699	Phạm Thị Thu Vân		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH TM dịch vụ XNK Phúc Lương	5.5	4								
5160	II	22700	Lý Thuỵ Vân		1997	Long Quốc	Công ty TNHH Giant Thornton - CN tại TP HCM	5									
5161	II	22701	Lưu Thuỵ Vân		1995	Long Quốc	Công ty TNHH Công nghệ An Phú				7						
5162	II	22702	Mai Thị Thuỵ Vân		1989	Ninh Bình	Cty Cổ Phần Harsungboh Vina										
5163	II	22703	Phạm Thị Tuyết Vân		1998	Vĩnh Long	Công ty TNHH Bê Pro	5.5	4	7	3.5						
5164	K	22704	Đặng Vương Tường Vân		1997	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Kiểm toán PPF				3						
5165	II	22705	Vũ Thị Ye		1990	Nam Định	Công ty TNHH M.V Cây xanh Hà Đăng	4.5	1	5	3.5						
5166	II	22706	Nguyễn Thị Ai Vy		1995	Bình Định	Công ty TNHH Kiến toán II Sơn Việt Nam		4	7.5							
5167	II	22708	Phạm Thị Hoa Vy		1982	Bà Nằng	Công ty TNHH Đào Hòa Sơn	5		5	4						
5168	II	22709	Trần Huyền Vy		1997	Ninh Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Long hợp Hồng Phúc			6							
5169	II	22710	Nguyễn Trần Khánh Vy		1988	Lạc Ninh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật 311		3	5.5	4						
5170	II	22711	Nguyễn Thị Thu Vy		1983	Phu Yên	Công ty Cổ phần Phát triển Dược Nam Trung Bộ		7	8	5						
5171	C	22712	Trần Thị Thu Vy		1988	An Giang	Công ty TNHH Prominent						3	8.5			
5172	II	22713	Bùi Nguyễn Tường Vy		1997	Thái Bình	Chi nhánh Công ty IMF: Accounting Services Limited tại TP HCM	7		5	6						
5173	II	22714	Nguyễn Hồ Tường Vy		1998	Bình Định	Công ty TNHH Global - Chi nhánh TP HCM										
5174	II	22715	Nguyễn Thị Tường Vy		1983	Phu Yên	Cty TNHH Vinomach			5.5							
5175	K	22716	Nguyễn Thị Tường Vy		1997	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam	3.5	2	3.5	1.5		2.5				
5176	II	22717	Phạm Thị Tường Vy		1999	Phu Yên	Công ty Cổ phần Phú kien và Nhà thép Nhát	6.5									
5177	II	22718	Phạm Thị Tường Vy		1993	Quảng Ngãi	Công ty CP Phát triển CPGI N										
5178	K	22719	Trần Thị Tường Vy		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiến toán và Tư vấn RSM Việt Nam	5.5	1.5	6	5.5	6	6	5.5			
5179	II	22720	Võ Thuỵ Tường Vy		1984	Ninh Thuận	Công ty CP XNK Quốc tế Phạm Nguyên										
5180	II	22721	Bùi Quốc Vy	1994		Bình Định	Công ty TNHH Global Accounting										
5181	II	22722	Đặng Hoàng Hoà Viên		1985	Bà Nằng	Công ty Cổ phần Icco		0.5	5	2						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
5182	H	22723	Nguyễn Thị Viên		1988	Phu Yên	Công ty Cổ phần Tập Xc Việt				5								
5183	H	22724	Huỳnh Thị Tr Viên		1993	Bình Định	Công ty TNHH MTV handan	5	5	6	5								
5184	H	22725	Vũ Đức Việt		1985	Quảng Ninh	Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Chất lượng Dân tộc	5		5.5									
5185	K	22726	Trần Hoàng Việt		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem loan va Tư Van ACC	7.5	8	8	7	8	8.5	7.5					
5186	K	22727	Đặng Huy Việt		1987	Ninh Thuận	Công ty TNHH Tư Van Đan Tư - Tai chính Kế toán Thuế - Kiem loan Công P1	6.5	3.5	5	5	4	3.5	8					
5187	K	22728	Nguyễn Lê Việt		1990	Bình Định		9	1	6.5	3.5	4	1.5	6					
5188	K	22729	Ngô Quốc Việt		1997	Ngũc An		5		6.5			5.5						
5189	K	22730	Lê Huy Vinh		1996	IP HCM	Công ty Cổ Phần Sông Việt							1.5					
5190	K	22731	Nguyễn Hữu Vinh		1990	Hà Nội	Công ty Cổ Phần Gleadis	7.5	7.5	4	2	5	5.5	7.5					
5191	K	22732	Phan Hữu Vinh		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem loan (K&I)	5		4				2.5					
5192	H	22733	Nguyễn Hưng Minh Vinh		1993	Bến Tre	CN Tổng Công ty Ksh Việt Nam - CIGP - Công ty Quản lý Dự án Ksh												
5193	H	22734	Nguyễn Quang Vinh		1981	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Anh sang A Châu		4.5										
5194	K	22735	Nguyễn Thế Vinh		1998	Bà Nằng	Công ty TNHH Kiem loan va Tư Van RSM Việt Nam												
5195	P	22736	Lê Trung Vinh		1995	Bình Định	Công ty TNHH Maonlight Resources			7.5									
5196	H	22737	Nguyễn Long Vinh		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH xây dựng Đức Thọ	7.5	6.5	7.5									
5197	H	22738	Nguyễn Anh Vũ		1996	Khánh Hòa	Công ty TNHH Đông lai HD Hyundai Việt Nam	6.5	1.5	3.5	3.5		3.5						
5198	H	22739	Lê Bá Vũ		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA		6.5	5.5	4								
5199	H	22740	Trương Công Vũ		1986	Cà Mau	Công ty Cổ phần Dầu tư Khai Long	7.5	0.5	3.5	1								
5200	H	22741	Hoàng Đình Vũ		1996	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hang Khong	7.5	2	5	1								
5201	H	22742	Đường Hoàng Vũ		1995	Khánh Hòa	Công ty TNHH Khách sạn Paugon Sui Gon												
5202	K	22743	Cao Hùng Vũ		1996	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiem loan va Tư Van ACC	7	5	5.5	3	5	4	3					
5203	H	22744	Lê Duy Minh Vũ		1997	Bình Thuận	Công ty TNHH Kurosawa ACC		0.5										
5204	H	22745	Đặng Ngọc Vũ		1996	Đức Thuận	Công ty Cổ phần Datviet V AC Michia Entertainment Group												
5205	H	22746	Trương Văn Vũ		1995	Khánh Hòa	Cty TNHH ACC Group Việt Nam	6		4									
5206	K	22747	Phạm Minh Vương		1995	Lũng An			6			6.5	6						
5207	H	22748	Nguyễn Kha An Vũ		1998	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dầu tư QH	8			5.5								
5208	C	22749	Trần Đức Vy		1992	Sóc Trăng	Công ty TNHH Giáp Pháp F A T					6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
5209	K	22750	Nguyễn Thị Hà Vy		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn RS&M Việt Nam										
5210	C	22751	Nguyễn Thị Thảo Vy		1994	Bình Định	Công ty Cổ Phần Tư Vấn & Dịch vụ Thuế IPN1						5	6.5	6.5		
5211	K	22752	Nguyễn Huyền Vy		1994	Nam Định	Công ty TNHH Sciencebox Vina					3.5	6	5	8		
5212	K	22753	Trần Hoàng Khải Vy		1995	Trên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán AD	7				5	5.5				
5213	H	22754	Đường Khánh Vy		1998	Lông An	Công ty TNHH Tư vấn MCA			3							
5214	P	22755	Lê Khánh Vy		2000		Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán Deloitte Việt Nam			4							
5215	K	22756	Nguyễn Khánh Vy		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam		5			5		5		5	
5216	K	22757	Võ Hoàn Lê Vy		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Tư Vấn VNGO			5.5		4			5.5		
5217	H	22758	Châu Hoàng Mai Vy		1997	IP HCM	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Seou - Chi nhánh Sài Gòn		6	7							
5218	H	22759	Lê Ngọc Thanh Vy		1992	IP HCM	Công ty TNHH Schneider Việt Nam	7.5	5	6.5							
5219	H	22760	Trần Thanh Vy		1998	IP HCM	Cty TNHH Tư vấn AKC		5.5	6.5							
5220	H	22761	Nguyễn Thảo Vy		1987	Vĩnh Long	Công ty TNHH Luật Hưng Phát	7.5		3.5	2.5						
5221	H	22762	Phạm Nguyễn Thảo Vy		1993	Nam Định	Công ty TNHH Grant Thornton										
5222	H	22763	Trần Nguyễn Thảo Vy		1988	Lam Đồng	Công ty TNHH Finanz Capital			7.5							
5223	H	22765	Trần Thị Thảo Vy		1999	Lông An	Công ty TNHH Kiến toán và Dịch vụ Tin học MOOKI AISC	8	4	7.5	5						
5224	H	22766	Vũ Nguyễn Thảo Vy		1994	Nam Định	Công ty TNHH Nhà khoa quốc tế Kum1 us Sài Gòn										
5225	H	22767	Vũ Thị Vy		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán AGS			6.5	2.5						
5226	H	22768	Phạm Thùy Vy		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Linh Sơn	7		5.5							
5227	K	22769	Nguyễn Thị Thùy Vy		1996	Lông An	Công ty TNHH Kiến Toán CPA	6	2.5	5.5	4			5.5	3.5		
5228	H	22770	Nguyễn Thị Thùy Vy		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dầu từ B&E Việt Nam		3	6.5	5						
5229	H	22771	Trần Thị Trúc Vy		1984	Bình Dương	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đô thị Gia Phúc	7	0.5	5	5						
5230	H	22772	Vũ Nguyễn Trúc Vy		1995	Nam Định	Công ty TNHH Logistic - CN IP HCM										
5231	H	22773	Hiệu Thị Lương Vy		1992	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại Misu Left										
5232	H	22774	Lê Thị Lương Vy		1988	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dầu từ và Phân phối Dầu ô nhiễm Pow Property			6.5	4						
5233	K	22775	Nguyễn Ngọc Lương Vy		1998	IP HCM	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Lai Thành Toán Cầu			5	3		3				
5234	H	22776	Phạm Lương Vy		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Nova Residence	6.5		5							
5235	K	22777	Võ Lương Vy		1995	Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Sando Việt Nam				4	6.5		3			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
5236	II	22778	Dương Thị Cát Vy		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Y tế - Sức Khỏe - Công nghệ Stembs										
5237	K	22779	Hoàng Quốc Vy	1996		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC					5	0	3			
5238	II	22780	Tô Lêou Vy	1994		Sóc Trăng	Công ty TNHH Fortis Mazars Viet Nam										
5239	II	22781	Trần Thị Lương Vy		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Parker Russell Viet Nam										
5240	II	22782	Nguyễn Văn Xa	1995		Hải Phòng	Công ty TNHH Xa Dung Loc Phát Stone		4	6	2						
5241	II	22783	Phan Thị Anh Xuân		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Mitsubishi Corporation - Chi nhánh TP HCM	8		6	3.5						
5242	II	22784	Phan Nhật Xuân		1997	Bình Định	Công ty TNHH Preama INC Việt Nam			5	3.5						
5243	K	22785	Dang Phương Xuân		1998	Nghe An					5						
5244	II	22786	Dương Thị Thanh Xuân		1987	Bình Định	Công ty TNHH Palm Realty			5.5							
5245	K	22787	Nguyễn Thị Thanh Xuân		1995	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiem Loan và Kế Toán END		7				9				
5246	II	22788	Trần Thanh Xuân	1992		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Kinh doanh Kín miền Nam	6.5	8.5	5	1.5						
5247	II	22789	Hoàng Thị Xuân		1983	Nam Định	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Nam Trung										
5248	II	22790	Nguyễn Thị Xuân		1990	Ninh Bình	Công ty Cổ phần HC Gí Gata		5.5	5.5	5						
5249	K	22791	Lê Trương Xuân	1990		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem Loan MFC Việt Nam	3.5	2.5	5.5			4				
5250	K	22792	Nguyễn Thị Tuyết Xuân		1999	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn Đại Việt	5.5	6	5	6						
5251	K	22793	Nguyễn Thị Yên Xuân		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiem Loan - Tư Vấn Đại Việt		1	6	3			3.5			
5252	K	22794	Phùng Thị Hồng Xuân		1990	Long An	Công ty TNHH VI XD Loan Cầu		1.5		2		6				
5253	II	22795	Phạm Thị Huệ Y		1992	Phu Yên		3	1.5	2.5	2.5						
5254	K	22796	Nguyễn Thị Ngọc Y		1999	Long An	Công ty TNHH Trinst & Young Việt Nam			4		7.5		5.5			
5255	II	22797	Hoàng Thị Như Y		1999	Quảng Trị	Cty TNHH Trinst & Young Việt Nam		2	4	3.5						
5256	II	22798	Hoàng Ngọc Như Y		1993	Long An	Công ty CP Eupnet Systems	4	8.5	6.5	3						
5257	II	22799	Hoàng Thị Như Y		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Anh Minh			5.5							
5258	II	22800	Hoàng Thị Như Y		1994	An Giang		7	4.5	6.5	5						
5259	K	22801	Nguyễn Thị Như Y		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Grant Thornton		1.5								
5260	II	22802	Nguyễn Thuỵ Như Y		1989	Hưng Yên	Long công ty CP Bưu - Rưu - Nước Giải khát Sui Sơn		3.5		5						
5261	II	22803	Trần Thị Như Y		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH Hitech Asia		2.5	6.5							
5262	K	22804	Đặng Văn Y	1991		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan AS	5	4	5.5		6.5	3.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
5263	K	22805	Lê Thị Bảo Yến		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC		5.5		5.5		8			
5264	H	22806	Phạm Thị Minh Yến		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Kế toán Quốc tế	7	2.5	8.5	5.5					
5265	H	22807	Bùi Thị Yến		1983	Thái Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Nam Hà	6	5.5	8						
5266	H	22808	Nguyễn Thị Yến		1989	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư 31			8	6.5					
5267	H	22809	Nguyễn Thị Thu Yến		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Vua Việt Nam									
5268	H	22810	Lê Thị Bảo Yến		1988	Hải Vĩnh	Công ty TNHH NKK Bảo hi Hàng Hóa									
5269	K	22811	Nguyễn Hải Yến		1998	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	5	3	5	2.5					
5270	K	22812	Nguyễn Thị Hải Yến		1996	Bình Định	Công ty TNHH ICGOLD VIL TSAM		5.5				7			
5271	H	22813	Phạm Thị Hải Yến		1986	Bình Dương	Công ty TNHH Thương mại Zuhov	4	2.5	5	3					
5272	K	22814	Trần Thị Hải Yến		1986	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC Việt Nam	4	3.5	5	5	7		8		
5273	K	22815	Vũ Thị Hải Yến		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		5.5							
5274	H	22816	Đường Thị Hoàng Yến		1990	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mực nước Hòa Phát									
5275	K	22817	Hồ Thị Hoàng Yến		1996	Bình Định	Công ty TNHH ADBRO Việt Nam	5.5	4.5	6	5		6			
5276	K	22818	Lê Hoàng Yến		1996	Kien Giang	Công ty Cổ phần Aurat Wind Energy	4.5		7.5	2.5		5			
5277	H	22819	Nguyễn Thị Hoàng Yến		1985	Bình Thuận	Công ty TNHH Xuất khẩu Tm									
5278	H	22820	Lưu Hồng Yến		1995	Bạc Liêu	Công ty TNHH Quạt Dhanon	3		4						
5279	K	22821	Nguyễn Thị Hồng Yến		1995	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn Thuận Việt	6.5			5.5			5		
5280	K	22822	Lê Kim Yến		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý ST Engineering Việt Nam				5.5					
5281	K	22823	Nguyễn Thị Kim Yến		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tư vấn Hợp Phát		5		5					
5282	H	22824	Nguyễn Minh Yến		1996	IP HCM	Công ty TNHH Be Pro	3.5	2	4	0.5					
5283	K	22825	Lê Thị Mỹ Yến		1992	Đắk Lắk	Công ty TNHH TM Sanaia	3.5	5		5		5			
5284	H	22826	Lê Ngọc Yến		1996	Phu Yên	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Ban Dông Hải	3	0.5	4	2.5					
5285	H	22827	Lê Thị Ngọc Yến		1993	Bình Thuận	Công ty TNHH dịch vụ địa lý thực Thành Văn		3		2.5					
5286	H	22828	Lê Thị Ngọc Yến		1987	Bình Dương	Công ty TNHH Bảo Hiểm Yoma Hsmlung									
5287	H	22829	Lý Ngọc Yến		1997	Trưng Quốc	Công ty TNHH BSI Freight Việt Nam									
5288	H	22830	Ngô Thị Ngọc Yến		1990	Nam Định	Công ty TNHH Demos Việt Nam									
5289	H	22831	Phạm Thị Ngọc Yến		1981	Lạng Sơn	Công ty TNHH Tư vấn Hàng Sinh	5.5	2.5	6.5	5.5					

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
s290	K	22832	Trần Lưu Ngọc Yến		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam											
s291	II	22833	Trần Ngọc Yến		1992	Quảng Trị	Công ty TNHH Classroom Danang		5.5	7.5								
s292	II	22834	Nguyễn Thị Nhũ Yến		1992	Bình Định	Công ty TNHH đầu tư kinh doanh SX TM và DV Thương Nhật	7		5								
s293	K	22835	Châu Sao Yến		1994	Sóc Trăng	Công ty Cổ Phần Businesses				5							
s294	II	22836	Hồ Thị Thảo Yến		1998	Bình Định	Công ty TNHH JVA Thành phố Hồ Chí Minh	5	2	3	2.5		5.5	3.5	3.5			
s295	K	22837	Nguyễn Thị Yến		1990	Thái Bình	Công ty TNHH Trung Bắc Sang Lào Kung Wood						5.5					
s296	II	22838	Nguyễn Thị Yến		1990	Nam Định	Công ty TNHH Asia Networks Holdings											
s297	II	22839	Phạm Thị Yến		1997	Ngũyễn An	Công ty Cổ phần Cham Group			5								
s298	K	22840	Thần Thị Yến		1984	Bình Định	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Green Asia	3		3	1	3						
s299	II	22841	Trương Thị Yến		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Giao dục KDI											
s300	II	22842	Nguyễn Thuần Yến		1998	Khánh Hòa												
s301	K	22843	Phạm Tiểu Yến		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ô tô Ngọn Sáo Việt Nam	7		6	7	8.5						
s302	K	22844	Lê Thị Xuân Yến		1997	Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan	5.5	6	4	5.5	6.5	8.5	6.5				

Loại và hình thức đăng ký thi sinh đăng ký đợt thi (Thường chỉ kiểm toán viên, kế toán viên năm 2024).

Ghi chú

II Các thí sinh đăng ký đợt thi Chứng chỉ Kế toán viên

K Các thí sinh đăng ký đợt thi Chứng chỉ Kiểm toán viên

C Các thí sinh có chứng chỉ kế toán viên đăng ký đợt thi lần chứng chỉ kiểm toán viên

P Các thí sinh đăng ký đợt thi Phẫu hợp